

BẢNG SO SÁNH CÁC QUY ĐỊNH CỦA LUẬT BVMT 2014 VÀ DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Tài liệu kèm theo hồ sơ trình dự thảo Luật Bảo vệ môi trường 2014 sửa đổi)

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Luật này quy định về hoạt động bảo vệ môi trường; chính sách, biện pháp và nguồn lực để bảo vệ môi trường; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trong bảo vệ môi trường.	Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Luật này quy định về hoạt động bảo vệ môi trường; chính sách, biện pháp và nguồn lực để bảo vệ môi trường; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, và cá nhân trong hoạt động bảo vệ môi trường; quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.	Chỉnh sửa
	Điều 2. Đối tượng áp dụng Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bao gồm đất liền, hải đảo, vùng biển và vùng trời.		Điều 2. Đối tượng áp dụng Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bao gồm đất liền, hải đảo, vùng biển và vùng trời.	Giữ nguyên
	Điều 3. Giải thích từ ngữ		Điều 3. Giải thích từ ngữ	
	1. <i>Môi trường</i> là hệ thống các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo có tác động đối với sự tồn tại và phát triển của con người và sinh vật.		1. Môi trường bao gồm các yếu tố tự nhiên và yếu tố vật chất nhân tạo quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người, có ảnh hưởng tới đời sống, kinh tế, xã hội , sự tồn tại, phát triển của con người và thiên nhiên .	Chỉnh sửa
	2. <i>Thành phần môi trường</i> là yếu tố vật chất tạo thành môi trường gồm đất, nước, không khí, âm thanh, ánh sáng, sinh vật và các hình thái vật chất khác.		2. Thành phần môi trường là yếu tố vật chất tạo thành môi trường gồm đất, nước, không khí, âm thanh, ánh sáng, sinh vật và các hình thái vật chất khác.	Giữ nguyên
	3. <i>Hoạt động bảo vệ môi trường</i> là		3. Hoạt động bảo vệ môi trường là hoạt động giữ gìn , phòng ngừa, hạn chế	Chỉnh

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	hoạt động giữ gìn, phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đến môi trường; ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái, cải thiện, phục hồi môi trường; khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên nhằm giữ môi trường trong lành.		các tác động xấu đến môi trường; ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái, cải thiện chất lượng môi trường; sử dụng hợp lý, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học; ứng phó biến đổi khí hậu.	sửa
	4. <i>Phát triển bền vững</i> là phát triển đáp ứng được nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu đó của các thế hệ tương lai trên cơ sở kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, bảo đảm tiên bộ xã hội và bảo vệ môi trường.			Bãi bỏ
	5. <i>Quy chuẩn kỹ thuật môi trường</i> là mức giới hạn của các thông số về chất lượng môi trường xung quanh, hàm lượng của các chất gây ô nhiễm có trong chất thải, các yêu cầu kỹ thuật và quản lý được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành dưới dạng văn bản bắt buộc áp dụng để bảo vệ môi trường.		4. <i>Quy chuẩn kỹ thuật môi trường</i> là quy định về mức giới hạn của các thông số về chất lượng môi trường xung quanh , hàm lượng của các chất gây ô nhiễm có trong chất thải, các yêu cầu kỹ thuật và quản lý được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành dưới dạng văn bản bắt buộc áp dụng để bảo vệ môi trường.	Chỉnh sửa
	6. <i>Tiêu chuẩn môi trường</i> là mức giới hạn của các thông số về chất lượng môi trường xung quanh, hàm lượng của các chất gây ô nhiễm có trong chất thải, các yêu cầu kỹ thuật và quản lý được các cơ quan nhà nước và các tổ chức công bố dưới		5. <i>Tiêu chuẩn môi trường</i> là quy định về mức giới hạn của các thông số về chất lượng môi trường xung quanh , hàm lượng của các chất gây ô nhiễm có trong chất thải, các yêu cầu kỹ thuật và quản lý được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các tổ chức công bố dưới dạng văn bản tự nguyện áp dụng để bảo vệ môi trường.	Chỉnh sửa

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	dạng văn bản tự nguyện áp dụng để bảo vệ môi trường.			
	7. <i>Sức khỏe môi trường</i> là trạng thái của những yếu tố vật chất tạo thành môi trường có tác động đến sức khỏe và bệnh tật của con người.			Đưa xuống quy định
	8. <i>Ô nhiễm môi trường</i> là sự biến đổi của các thành phần môi trường không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật môi trường và tiêu chuẩn môi trường gây ảnh hưởng xấu đến con người và sinh vật.		6. <i>Ô nhiễm môi trường</i> là sự biến đổi của các thành phần môi trường không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật môi trường và tiêu chuẩn môi trường gây ảnh hưởng xấu đến con người và sinh vật	Giữ nguyên
	9. <i>Suy thoái môi trường</i> là sự suy giảm về chất lượng và số lượng của thành phần môi trường, gây ảnh hưởng xấu đến con người và sinh vật.		7. <i>Suy thoái môi trường</i> là sự suy giảm về chất lượng và số lượng của thành phần môi trường, gây ảnh hưởng xấu đến con người và sinh vật.	Giữ nguyên
	10. <i>Sự cố môi trường</i> là sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của con người hoặc biến đổi của tự nhiên, gây ô nhiễm, suy thoái hoặc biến đổi môi trường nghiêm trọng.		8. <i>Sự cố môi trường</i> là sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của con người hoặc biến đổi của tự nhiên, gây ô nhiễm, suy thoái hoặc biến đổi môi trường nghiêm trọng.	Giữ nguyên
	11. <i>Chất gây ô nhiễm</i> là các chất hóa học, các yếu tố vật lý và sinh học khi xuất hiện trong môi trường cao hơn ngưỡng cho phép làm cho môi trường bị ô nhiễm.		9. Chất gây ô nhiễm là các chất hóa học, các yếu tố vật lý và sinh học khi xuất hiện trong môi trường cao hơn ngưỡng cho phép làm cho môi trường bị ô nhiễm.	Chỉnh sửa
	12. <i>Chất thải</i> là vật chất được thải ra từ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc hoạt động khác.		10. <i>Chất thải</i> là vật chất ở thể rắn, lỏng, khí được thải ra từ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc hoạt động khác; được coi là tài nguyên khi có khả năng tái sử dụng, tái chế, thu hồi năng lượng theo quy định của pháp luật.	Chỉnh sửa

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	13. <i>Chất thải nguy hại</i> là chất thải chứa yếu tố độc hại, phóng xạ, lây nhiễm, dễ cháy, dễ nổ, gây ăn mòn, gây ngộ độc hoặc có đặc tính nguy hại khác.		11. <i>Chất thải nguy hại</i> là chất thải chứa yếu tố độc hại, lây nhiễm, dễ cháy, dễ nổ, gây ăn mòn, gây ngộ độc hoặc có đặc tính nguy hại khác.	Giữ nguyên
	14. <i>Công nghiệp môi trường</i> là một ngành kinh tế cung cấp các công nghệ, thiết bị, dịch vụ và sản phẩm phục vụ các yêu cầu về bảo vệ môi trường.		Quy định tại khoản 1 Điều 119	Đưa xuống quy định
	15. <i>Quản lý chất thải</i> là quá trình phòng ngừa, giảm thiểu, giám sát, phân loại, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải.		12. <i>Quản lý chất thải</i> là quá trình phòng ngừa , giảm thiểu, giám sát, phân loại, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải.	Chỉnh sửa
	16. <i>Phế liệu</i> là vật liệu được thu hồi, phân loại, lựa chọn từ những vật liệu, sản phẩm đã bị loại bỏ từ quá trình sản xuất hoặc tiêu dùng để sử dụng làm nguyên liệu cho một quá trình sản xuất khác.		13. <i>Phế liệu</i> là vật liệu được thu hồi, phân loại, lựa chọn từ những vật liệu, sản phẩm đã bị loại bỏ từ quá trình sản xuất hoặc tiêu dùng để sử dụng làm nguyên liệu cho một quá trình sản xuất khác.	Giữ nguyên
	17. <i>Sức chịu tải của môi trường</i> là giới hạn chịu đựng của môi trường đối với các nhân tố tác động để môi trường có thể tự phục hồi.		14. <i>Sức chịu tải của môi trường</i> là giới hạn chịu đựng của môi trường đối với các nhân tố tác động để môi trường có thể tự phục hồi.	Giữ nguyên
	18. <i>Kiểm soát ô nhiễm</i> là quá trình phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý ô nhiễm.		15. <i>Kiểm soát ô nhiễm</i> là quá trình phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý ô nhiễm.	Giữ nguyên
	19. <i>Hồ sơ môi trường</i> là tập hợp các tài liệu về môi trường, tổ chức và hoạt động bảo vệ môi trường của cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh			Bãi bỏ

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	doanh và dịch vụ theo quy định của pháp luật.			
	20. <i>Quan trắc môi trường</i> là quá trình theo dõi có hệ thống về thành phần môi trường, các yếu tố tác động lên môi trường nhằm cung cấp thông tin đánh giá hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường và các tác động xấu đối với môi trường.		16. <i>Quan trắc môi trường</i> là quá trình theo dõi có hệ thống về thành phần môi trường, các yếu tố tác động lên môi trường nhằm cung cấp thông tin đánh giá hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường và các tác động xấu đối với môi trường.	Giữ nguyên
	21. <i>Quy hoạch bảo vệ môi trường</i> là việc phân vùng môi trường để bảo tồn, phát triển và hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường gắn với hệ thống giải pháp bảo vệ môi trường trong sự liên quan chặt chẽ với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội nhằm bảo đảm phát triển bền vững.		17. <i>Quy hoạch bảo vệ môi trường</i> là việc sắp xếp, định hướng phân bố không gian phân vùng môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, quản lý chất thải, quan trắc và cảnh báo môi trường trên lãnh thổ xác định để bảo tồn, phát triển và thiết lập hệ thống hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường gắn với hệ thống giải pháp bảo vệ môi trường, phục vụ mục tiêu phát triển trong sự liên quan chặt chẽ với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội nhằm bảo đảm phát triển bền vững đất nước cho thời kỳ xác định.	Chỉnh sửa
	22. <i>Đánh giá môi trường chiến lược</i> là việc phân tích, dự báo tác động đến môi trường của chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển để đưa ra giải pháp giảm thiểu tác động bất lợi đến môi trường, làm nền tảng và được tích hợp trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển nhằm bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững.		18. <i>Đánh giá môi trường chiến lược</i> là việc phân tích, dự báo tác động đến môi trường của chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển để đưa ra giải pháp giảm thiểu tác động bất lợi đến môi trường và kinh tế, xã hội , làm nền tảng và được tích hợp trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển nhằm bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững.	Chỉnh sửa
	23. <i>Đánh giá tác động môi trường</i> là việc phân tích, dự báo tác động đến môi trường của dự án đầu tư cụ thể để đưa ra biện pháp bảo vệ môi trường khi triển khai dự án đó.		19. <i>Đánh giá tác động môi trường</i> là việc phân tích, dự báo tác động đến môi trường và xã hội của dự án đầu tư cụ thể để đưa ra biện pháp bảo vệ môi trường khi triển khai dự án đó.	Chỉnh sửa

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	24. <i>Hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường</i> bao gồm hệ thống thu gom, lưu giữ, vận chuyển, tái chế, tái sử dụng, xử lý chất thải và quan trắc môi trường.		20. <i>Hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường</i> bao gồm hệ thống thu gom, lưu giữ, vận chuyển, tái chế, tái sử dụng, xử lý chất thải, bảo tồn đa dạng sinh học và các công trình bảo vệ quan trắc môi trường khác .	Chỉnh sửa
	25. <i>Khí nhà kính</i> là các khí trong khí quyển gây ra sự nóng lên toàn cầu và biến đổi khí hậu.		Quy định tại khoản 1 Điều 36	Đưa xuống quy định
	26. <i>Ứng phó với biến đổi khí hậu</i> là các hoạt động của con người nhằm thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu.		21. <i>Ứng phó với biến đổi khí hậu</i> là các hoạt động của con người nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ thiểu biến đổi khí hậu .	Chỉnh sửa
	27. <i>Tín chỉ các-bon</i> là sự chứng nhận hoặc giấy phép có thể giao dịch thương mại liên quan đến giảm phát thải khí nhà kính.		Quy định tại khoản 1 Điều 37	Đưa xuống quy định
	28. <i>An ninh môi trường</i> là việc bảo đảm không có tác động lớn của môi trường đến sự ổn định chính trị, xã hội và phát triển kinh tế của quốc gia.			Bãi bỏ
	29. <i>Thông tin môi trường</i> là số liệu, dữ liệu về môi trường dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự.		22. <i>Thông tin môi trường</i> là số liệu, dữ liệu về môi trường dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh, dữ liệu số hoặc dạng tương tự.	Chỉnh sửa
			23. Công nghệ tốt nhất hiện có là các kỹ thuật và phương thức quản lý hiệu quả, tiên tiến, phù hợp với thực tế nhằm ngăn ngừa, kiểm soát ô nhiễm trong từng giai đoạn của quá trình sản xuất, giảm thiểu tác động đến môi trường. 24. Cộng đồng dân cư gồm cộng đồng người sinh sống trên cùng địa bàn thôn, làng, xóm, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc, tổ dân phố và điểm dân	Quy định mới

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>cur tương tự.</p> <p>25. Giấy phép môi trường là văn bản do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp cho phép chủ dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ xả thải, thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ môi trường với các điều kiện cụ thể.</p> <p>26. Vận hành thử nghiệm là việc vận hành nhằm kiểm tra hiệu quả các công trình bảo vệ môi trường của chủ dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh trong giai đoạn thực hiện sản xuất thử nghiệm.</p> <p>27. Vận hành thương mại là hoạt động đưa dự án đầu tư xây dựng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ vào vận hành và cho ra sản phẩm sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đó.</p> <p>28. Chất thải rắn sinh hoạt (còn gọi là rác sinh hoạt) là chất thải ở thể rắn phát sinh trong sinh hoạt thường ngày của con người.</p> <p>29. Chất thải thông thường là chất thải không thuộc danh mục chất thải nguy hại hoặc thuộc danh mục chất thải nguy hại nhưng có yếu tố nguy hại dưới ngưỡng chất thải nguy hại.</p> <p>30. Chất thải rắn là chất thải ở thể rắn hoặc sệt (còn gọi là bùn thải) được thải ra từ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc các hoạt động khác.</p> <p>31. Nước thải là nước đã bị thay đổi đặc điểm, tính chất được thải ra từ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc hoạt động khác.</p> <p>32. Khí thải là chất thải tồn tại ở trạng thái khí hoặc hơi phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và hoạt động khác.</p> <p>33. Xử lý chất thải là quá trình sử dụng các giải pháp công nghệ, kỹ thuật (chuyển hóa thành phần vật chất, thiêu đốt, tiêu hủy, chôn lấp chất thải khác với sơ chế) để làm giảm, loại bỏ, cô lập, cách ly các yếu tố có hại trong chất thải, thiêu đốt, tiêu hủy, chôn lấp chất thải và các yếu tố có hại trong chất thải.</p> <p>34. Chủ nguồn thải là các tổ chức, cá nhân có phát sinh chất thải.</p> <p>35. Cơ sở xử lý chất thải là cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải (kể cả hoạt động tái chế, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ chất thải).</p>	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>36. Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung là tên gọi chung của khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, cụm công nghiệp và các khu chức năng thuộc khu kinh tế.</p> <p>37. Sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường là sản phẩm, dịch vụ được tạo ra từ các nguyên, vật liệu, công nghệ sản xuất và quản lý thân thiện với môi trường, giảm tác động tiêu cực đến môi trường trong quá trình sử dụng, đảm bảo an toàn cho môi trường và sức khỏe, đồng thời phải đáp ứng tiêu chí nhãn sinh thái và được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng nhận.</p> <p>38. Nhãn sinh thái Việt Nam là nhãn được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng nhận cho sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường.</p> <p>39. Cảnh quan là một khu vực được tạo thành do tương tác của các yếu tố tự nhiên (địa chất, địa hình, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng, sinh vật), nhân văn (sử dụng đất, quần cư, các hoạt động kinh tế-xã hội...) theo thời gian.</p>	
	<p>Điều 4. Nguyên tắc bảo vệ môi trường</p> <p>1. Bảo vệ môi trường là trách nhiệm và nghĩa vụ của mọi cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân.</p> <p>2. Bảo vệ môi trường gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế, an sinh xã hội, bảo đảm quyền trẻ em, thúc đẩy giới và phát triển, bảo tồn đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu để bảo đảm quyền mọi người được sống trong môi trường trong lành.</p> <p>3. Bảo vệ môi trường phải dựa trên cơ sở sử dụng hợp lý tài nguyên, giảm thiểu chất thải.</p>		<p>Điều 4. Nguyên tắc bảo vệ môi trường</p> <p>1. Bảo vệ môi trường cùng với kinh tế, xã hội là trung tâm của phát triển bền vững, gắn kết hài hòa với ứng phó biến đổi khí hậu. Bảo vệ môi trường phải trên cơ sở vận dụng linh hoạt các nguyên tắc, quy luật của kinh tế thị trường và khắc phục được các mặt trái của nền kinh tế thị trường. Chuyển đổi từ mô hình kinh tế chủ yếu dựa vào khai thác tài nguyên sang mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, ít phát thải cacbon là nhiệm vụ then chốt của bảo vệ môi trường.</p> <p>2. Bảo vệ môi trường phải lấy phòng ngừa là chính; kết hợp kiểm soát, khắc phục ô nhiễm, cải thiện môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; lấy bảo vệ sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; có lộ trình loại bỏ những dự án sử dụng lãng phí tài nguyên thiên nhiên, gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng. Chất thải phải được coi là tài nguyên, được phân loại, thu gom, tăng cường tái sử dụng, tái chế và chuyển hóa thành năng lượng.</p> <p>3. Bảo vệ môi trường là quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ của mọi cơ</p>	Điều chỉnh

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>4. Bảo vệ môi trường quốc gia gắn liền với bảo vệ môi trường khu vực và toàn cầu; bảo vệ môi trường bảo đảm không phương hại chủ quyền, an ninh quốc gia.</p> <p>5. Bảo vệ môi trường phải phù hợp với quy luật, đặc điểm tự nhiên, văn hóa, lịch sử, trình độ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.</p> <p>6. Hoạt động bảo vệ môi trường phải được tiến hành thường xuyên và ưu tiên phòng ngừa ô nhiễm, sự cố, suy thoái môi trường.</p> <p>7. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng thành phần môi trường, được hưởng lợi từ môi trường có nghĩa vụ đóng góp tài chính cho bảo vệ môi trường.</p> <p>8. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân gây ô nhiễm, sự cố và suy thoái môi trường phải khắc phục, bồi thường thiệt hại và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.</p>		<p>quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân, trong đó doanh nghiệp, cộng đồng và người dân đóng vai trò hạt nhân, quyết định. Nhà nước có trách nhiệm tạo điều kiện để doanh nghiệp, cộng đồng và người dân tham gia bảo vệ môi trường. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường phải được coi là một tiêu chí đánh giá văn hóa, đạo đức đối với mọi tổ chức, cá nhân.</p> <p>4. Người hưởng lợi từ tài nguyên và các giá trị của môi trường phải trả tiền. Người gây ô nhiễm môi trường, suy thoái tài nguyên và đa dạng sinh học phải bị xử lý nghiêm và chi trả chi phí xử lý, khắc phục ô nhiễm, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu phải được xem xét ngay từ đầu của quá trình lập chiến lược, quy hoạch, xây dựng chính sách, pháp luật và dự án đầu tư phát triển kinh tế, xã hội.</p> <p>6. Bảo vệ môi trường phải gắn với kinh tế số, công nghệ thông tin, các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, cải cách hành chính.</p> <p>7. Bảo vệ môi trường quốc gia phải đảm bảo an ninh môi trường quốc gia, góp phần bảo vệ môi trường khu vực, toàn cầu; bảo đảm các tiêu chuẩn, quy định về bảo vệ môi trường ngang bằng với các nước tiên tiến trên thế giới góp phần hội nhập kinh tế quốc tế, ngăn ngừa sự chuyển dịch ô nhiễm từ nước ngoài vào Việt Nam.</p>	
	Điều 5. Chính sách của Nhà nước về bảo vệ môi trường			Lồng ghép vào các quy định
	Điều 6. Những hoạt động bảo vệ môi trường được khuyến khích			Lồng ghép vào các quy

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
				định
	Điều 7. Những hành vi bị nghiêm cấm		Điều 5. Những hành vi bị nghiêm cấm	
	1. Phá hoại, khai thác trái phép nguồn tài nguyên thiên nhiên.		1. Phá hoại, khai thác trái phép nguồn tài nguyên thiên nhiên.	Giữ nguyên
	2. Khai thác nguồn tài nguyên sinh vật bằng phương tiện, công cụ, phương pháp hủy diệt, không đúng thời vụ và sản lượng theo quy định của pháp luật.		2. Khai thác nguồn tài nguyên sinh vật bằng phương tiện, công cụ, phương pháp hủy diệt, không đúng thời vụ và sản lượng theo quy định của pháp luật.	Giữ nguyên
	3. Khai thác, kinh doanh, tiêu thụ các loài thực vật, động vật hoang dã thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.		3. Khai Săn bắn, khai thác, kinh doanh, tiêu thụ trái phép các loài thực vật, động vật hoang dã thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.	Điều chỉnh
	4. Vận chuyển, chôn lấp chất độc, chất phóng xạ, chất thải và chất nguy hại khác không đúng quy trình kỹ thuật về bảo vệ môi trường.		4. Vận chuyển, chôn Chôn lấp, thải bỏ chất độc, chất phóng xạ, chất thải và chất nguy hại khác vào môi trường đất, nước và không khí không đúng quy trình kỹ thuật định về bảo vệ môi trường, an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân .	Điều chỉnh
	5. Thải chất thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; các chất độc, chất phóng xạ và chất nguy hại khác vào đất, nguồn nước và không khí.		5. Thải chất thải rắn chưa được phân loại, xử lý theo quy định của pháp luật; thải chất ô nhiễm chưa được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường; thải bỏ các chất độc, chất phóng xạ và chất nguy hại khác vượt quá giá trị giới hạn cho phép vào môi trường đất, nguồn nước và không khí.	Điều chỉnh
	6. Đưa vào nguồn nước hóa chất độc hại, chất thải, vi sinh vật chưa được kiểm định và tác nhân độc hại khác đối với con người và sinh vật.		6. Đưa vào nguồn nước hóa chất độc hại, chất thải, vi sinh vật chưa được kiểm định và tác nhân độc hại khác đối với con người và sinh vật.	Giữ nguyên
	7. Thải khói, bụi, khí có chất hoặc mùi độc hại vào không khí; phát tán bức xạ, phóng xạ, các chất ion hóa		7. Thải khói, bụi, khí có chất hoặc mùi độc hại vào không khí; phát tán bức xạ, phóng xạ, các chất ion hóa vượt quá quy chuẩn kỹ thuật môi trường giá trị giới hạn cho phép .	Điều chỉnh

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	vượt quá quy chuẩn kỹ thuật môi trường.			
	8. Gây tiếng ồn, độ rung vượt quá quy chuẩn kỹ thuật môi trường.		8. Gây tiếng ồn, độ rung vượt quá quy chuẩn kỹ thuật môi trường giá trị giới hạn cho phép.	Điều chỉnh
	9. Nhập khẩu, quá cảnh chất thải từ nước ngoài dưới mọi hình thức.		9. Nhập khẩu, quá cảnh Đưa chất thải từ nước ngoài dưới mọi hình thức vào Việt Nam trái quy định của pháp luật.	Điều chỉnh
	10. Nhập khẩu, quá cảnh động vật, thực vật chưa qua kiểm dịch; vi sinh vật ngoài danh mục cho phép.		10. Nhập khẩu, quá cảnh động vật, thực vật chưa qua kiểm dịch; vi sinh vật ngoài danh mục cho phép.	Giữ nguyên
			11. Nhập khẩu phương tiện, máy móc, thiết bị, tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ.	Quy định mới
	11. Sản xuất, kinh doanh sản phẩm gây nguy hại cho con người, sinh vật và hệ sinh thái; sản xuất, sử dụng nguyên liệu, vật liệu xây dựng chứa yếu tố độc hại vượt quá quy chuẩn kỹ thuật môi trường.			Bãi bỏ
	12. Phá hoại, xâm chiếm trái phép di sản thiên nhiên, khu bảo tồn thiên nhiên.		12. Phá hoại, xâm chiếm trái phép di sản cảnh quan thiên nhiên, khu bảo tồn thiên nhiên quan trọng, hệ sinh thái tự nhiên quan trọng được bảo vệ theo quy định của pháp luật.	Điều chỉnh
	13. Xâm hại công trình, thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường.		13. Xâm hại công trình, thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường được bảo vệ theo quy định của pháp luật.	Điều chỉnh
	14. Hoạt động trái phép, sinh sống ở khu vực được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định là khu vực cấm do mức độ đặc biệt nguy hiểm về môi trường đối với con người.			Bãi bỏ
			14. Che giấu hành vi gây ô nhiễm môi trường, hủy hoại cảnh quan thiên nhiên, hệ sinh thái tự nhiên, các loài sinh vật được bảo vệ theo quy định của	Quy định

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			pháp luật, cản trở hoạt động bảo vệ môi trường, làm sai lệch thông tin dẫn đến gây hậu quả xấu đối với môi trường.	mới
Chương II. Quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường		Chương II. Chiến lược bảo vệ môi trường, quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược		Bổ sung nội dung về “chiến lược bảo vệ môi trường. Bổ nội dung về “kế hoạch bảo vệ môi trường”
		Mục 1. Chiến lược bảo vệ môi trường		
Mục 1. Quy hoạch bảo vệ môi trường	Điều 8. Nguyên tắc, cấp độ, kỳ quy hoạch bảo vệ môi trường 1. Quy hoạch bảo vệ môi trường phải bảo đảm các nguyên tắc sau: a) Phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội; chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia bảo đảm phát triển bền vững;	Mục 2. Quy hoạch bảo vệ môi trường	Điều 6. Cơ sở lập và thời kỳ quy hoạch bảo vệ môi trường 1. Cơ sở lập quy hoạch bảo vệ môi trường bao gồm: a) Các căn cứ theo quy định của pháp luật về quy hoạch; b) Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia; c) Chiến lược bảo vệ môi trường trong kỳ quy hoạch; d) Điều kiện tự nhiên, sức chịu tải của môi trường, mức độ đa dạng sinh học, rủi ro môi trường, thiên tai, biến đổi khí hậu, nước biển dâng trong kỳ quy hoạch; đ) Mức độ nhạy cảm về môi trường.	Thay thế, điều chỉnh

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>b) Bảo đảm thống nhất với quy hoạch sử dụng đất; thống nhất giữa các nội dung cơ bản của quy hoạch bảo vệ môi trường;</p> <p>c) Bảo đảm nguyên tắc bảo vệ môi trường quy định tại Điều 4 của Luật này.</p> <p>2. Quy hoạch bảo vệ môi trường gồm 02 cấp độ là quy hoạch bảo vệ môi trường cấp quốc gia và quy hoạch bảo vệ môi trường cấp tỉnh.</p> <p>3. Kỳ quy hoạch bảo vệ môi trường là 10 năm, tầm nhìn đến 20 năm.</p>		<p>2. Thời kỳ quy hoạch bảo vệ môi trường là 10 năm, tầm nhìn là từ 30 năm đến 50 năm.</p> <p>Điều 7. Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia và nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh</p> <p>1. Nội dung chính của quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia</p> <p>1. Nội dung chính của quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia</p> <p>a) Xác định quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ môi trường quốc gia;</p> <p>b) Đánh giá hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường, cảnh quan thiên nhiên và đa dạng sinh học; hiện trạng và dự báo phát sinh chất thải; tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng; tình hình quản lý và bảo vệ môi trường quốc gia;</p> <p>c) Định hướng bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên phạm vi cả nước;</p> <p>d) Phân vùng môi trường tổng quát trên phạm vi cả nước để làm cơ sở cho việc xây dựng quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia;</p> <p>đ) Định hướng về vị trí, quy mô, loại hình chất thải, công nghệ dự kiến, phạm vi tiếp nhận, xử lý của các khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh;</p> <p>e) Định hướng về mạng lưới quan trắc và cảnh báo môi trường đất, nước, không khí quốc gia, liên tỉnh và tỉnh;</p> <p>g) Danh mục dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên đầu tư bảo vệ môi trường và thứ tự ưu tiên thực hiện;</p> <p>h) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch.</p> <p>2. Sản phẩm của quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia:</p> <p>a) Báo cáo tổng hợp quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia;</p> <p>b) Bản đồ hiện trạng và định hướng phân vùng môi trường; bản đồ hiện trạng và định hướng bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; bản đồ hiện trạng và định hướng các khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh; bản đồ hiện trạng và định hướng mạng lưới quan trắc và cảnh báo môi trường cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh;</p> <p>c) Cơ sở dữ liệu quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia.</p>	
	<p>Điều 9. Nội dung cơ bản của quy hoạch bảo vệ môi trường</p> <p>1. Quy hoạch bảo vệ môi trường cấp quốc gia gồm các nội dung cơ bản sau:</p> <p>a) Đánh giá hiện trạng môi trường, quản lý môi trường, dự báo xu thế diễn biến môi trường và biến đổi khí hậu;</p> <p>b) Phân vùng môi trường;</p> <p>c) Bảo tồn đa dạng sinh học và môi trường rừng;</p> <p>d) Quản lý môi trường biển, hải đảo và lưu vực sông;</p> <p>đ) Quản lý chất thải;</p> <p>e) Hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường; hệ thống quan trắc môi trường;</p> <p>g) Các bản đồ quy hoạch thể hiện</p>		<p>Đ</p>	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản này;</p> <p>h) Nguồn lực thực hiện quy hoạch;</p> <p>i) Tổ chức thực hiện quy hoạch.</p> <p>2. Nội dung quy hoạch bảo vệ môi trường cấp tỉnh được thực hiện phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương bằng một quy hoạch riêng hoặc lồng ghép vào quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội.</p> <p>3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>		<p>3. Nội dung chính về bảo vệ môi trường trong quy hoạch vùng:</p> <p>a) Đánh giá hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường, cảnh quan thiên nhiên và đa dạng sinh học; hiện trạng và dự báo phát sinh chất thải; tác động của biến đổi khí hậu; tình hình quản lý và bảo vệ môi trường vùng; các vấn đề môi trường trọng tâm cần giải quyết trên lãnh thổ vùng;</p> <p>b) Quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ môi trường vùng;</p> <p>c) Phương hướng bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên lãnh thổ vùng;</p> <p>d) Danh mục dự án quan trọng về bảo vệ môi trường vùng và thứ tự ưu tiên thực hiện;</p> <p>đ) Giải pháp, nguồn lực thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch vùng;</p> <p>4. Sản phẩm của hợp phần bảo vệ môi trường trong quy hoạch vùng:</p> <p>a) Báo cáo về các nội dung quy định tại khoản 3 Điều này được tích hợp trong quy hoạch vùng;</p> <p>b) Bản đồ phương hướng bảo vệ môi trường, bản đồ phương hướng phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu theo điều kiện của vùng; danh mục các dự án ưu tiên về bảo vệ môi trường;</p> <p>c) Cơ sở dữ liệu của nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch vùng.</p> <p>5. Nội dung chính về bảo vệ môi trường trong quy hoạch tỉnh:</p> <p>a) Phân tích, đánh giá các đặc điểm điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường, cảnh quan thiên nhiên và đa dạng sinh học; tình hình và dự báo phát sinh chất thải; tác động của biến đổi khí hậu; tình hình quản lý và bảo vệ môi trường;</p> <p>b) Nguyên tắc và cơ chế phối hợp thực hiện biện pháp quản lý và bảo vệ môi trường;</p> <p>c) Phương án về phân vùng môi trường trên địa bàn tỉnh đã được định hướng trong quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia; quy hoạch vùng;</p> <p>d) Xác định mục tiêu, chỉ tiêu bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh; xác định tên gọi, vị trí địa lý, quy mô diện tích, mục tiêu, tổ chức và biện pháp quản lý đối với các khu vực đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước</p>	
	<p>Điều 10. Trách nhiệm lập quy hoạch bảo vệ môi trường</p> <p>1. Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức lập quy hoạch bảo vệ môi trường cấp quốc gia.</p> <p>2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) tổ chức xây dựng nội dung hoặc lập quy hoạch bảo vệ môi trường trên địa bàn.</p>		<p>a) Báo cáo về các nội dung quy định tại khoản 3 Điều này được tích hợp trong quy hoạch vùng;</p> <p>b) Bản đồ phương hướng bảo vệ môi trường, bản đồ phương hướng phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu theo điều kiện của vùng; danh mục các dự án ưu tiên về bảo vệ môi trường;</p> <p>c) Cơ sở dữ liệu của nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch vùng.</p>	
	<p>Điều 11. Tham vấn, thẩm định, phê duyệt quy hoạch bảo vệ môi trường</p> <p>1. Tham vấn trong quá trình lập quy hoạch bảo vệ môi trường được quy định như sau:</p> <p>a) Bộ Tài nguyên và Môi trường lấy ý kiến các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bằng văn bản và tổ</p>		<p>b) Nguyên tắc và cơ chế phối hợp thực hiện biện pháp quản lý và bảo vệ môi trường;</p> <p>c) Phương án về phân vùng môi trường trên địa bàn tỉnh đã được định hướng trong quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia; quy hoạch vùng;</p> <p>d) Xác định mục tiêu, chỉ tiêu bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh; xác định tên gọi, vị trí địa lý, quy mô diện tích, mục tiêu, tổ chức và biện pháp quản lý đối với các khu vực đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước</p>	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>chức tham vấn cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình lập quy hoạch bảo vệ môi trường cấp quốc gia;</p> <p>b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến các sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) bằng văn bản và tổ chức tham vấn cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình xây dựng quy hoạch bảo vệ môi trường cấp tỉnh.</p> <p>2. Thẩm định và phê duyệt quy hoạch bảo vệ môi trường được quy định như sau:</p> <p>a) Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức Hội đồng thẩm định liên ngành và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch bảo vệ môi trường cấp quốc gia;</p> <p>b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo quy hoạch bảo vệ môi trường cấp tỉnh sau khi lấy ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường bằng văn bản.</p> <p>3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>		<p>quan trọng, khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, hành lang đa dạng sinh học, khu bảo tồn thiên nhiên, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học; phương án phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp;</p> <p>đ) Phương án về vị trí, quy mô, loại hình chất thải, công nghệ dự kiến, phạm vi tiếp nhận chất thải để xử lý của các khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng đã được định hướng trong quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia; sắp xếp, phân bố không gian các khu nghĩa trang, khu xử lý chất thải liên huyện;</p> <p>e) Phương án về điểm, thông số, tần suất quan trắc chất lượng môi trường đất, nước, không khí đã được định hướng trong quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia;</p> <p>g) Danh mục dự án quan trọng về bảo vệ môi trường và thứ tự ưu tiên thực hiện;</p> <p>h) Giải pháp, nguồn lực thực hiện nội dung bảo vệ môi trường.</p> <p>6. Sản phẩm của hợp phần bảo vệ môi trường trong quy hoạch tỉnh:</p> <p>a) Báo cáo về các nội dung quy định tại khoản 5 Điều này được tích hợp trong quy hoạch tỉnh;</p> <p>b) Bản đồ hiện trạng và phân vùng môi trường; bản đồ hiện trạng và bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; bản đồ hiện trạng và các khu xử lý chất thải tập trung của tỉnh; bản đồ hiện trạng và mạng lưới quan trắc và cảnh báo môi trường của tỉnh; bản đồ phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu (tùy vào điều kiện khác biệt của từng tỉnh có thể lập các bản đồ riêng cho các đối tượng của ngành hoặc loại tài nguyên để đảm bảo thể hiện được nội dung quy hoạch trên bản đồ);</p> <p>c) Cơ sở dữ liệu quy hoạch bảo vệ môi trường.</p> <p>7. Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm xây dựng nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch tỉnh.</p> <p>8. Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia; quy định mẫu, nội dung chi tiết quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch</p>	
	<p>Điều 12. Rà soát, điều chỉnh quy hoạch bảo vệ môi trường</p> <p>1. Quy hoạch bảo vệ môi trường phải được định kỳ xem xét, rà soát,</p>		<p>8. Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia; quy định mẫu, nội dung chi tiết quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch</p>	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>đánh giá quá trình thực hiện để kịp thời điều chỉnh phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn. Thời hạn rà soát định kỳ đối với quy hoạch bảo vệ môi trường là 05 năm kể từ ngày quy hoạch bảo vệ môi trường được phê duyệt.</p> <p>2. Việc điều chỉnh quy hoạch bảo vệ môi trường được thực hiện khi có sự điều chỉnh chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của quốc gia, của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và được thực hiện theo quy định tại các điều 8, 9, 10 và 11 của Luật này và pháp luật có liên quan.</p>		<p>vùng; hướng dẫn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch tỉnh.</p> <p>9. Việc lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch bảo vệ môi trường, việc xây dựng nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch.</p> <p>10. Các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn trên cả nước phải phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia.</p> <p>Điều 8. Tiêu chí phân vùng môi trường và xác lập các vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải, vùng khác</p> <p>1. Phân vùng môi trường là một nội dung của quy hoạch bảo vệ môi trường và được thực hiện căn cứ vào các tiêu chí:</p> <p>a) Đặc điểm điều kiện tự nhiên và các chức năng môi trường tự nhiên;</p> <p>b) Mức độ nhạy cảm về môi trường, sức chịu tải của môi trường;</p> <p>c) Rủi ro môi trường, thiên tai và biến đổi khí hậu;</p> <p>d) Hiện trạng và kịch bản phát triển kinh tế - xã hội.</p> <p>2. Trên cơ sở tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều này, môi trường được phân chia thành các vùng:</p> <p>a) Vùng bảo vệ nghiêm ngặt: các khu vực đông dân cư tập trung, khu vực có địa hình cao, khu vực đầu nguồn nước cấp sinh hoạt, khu vực đầu nguồn quy mô lớn, có giá trị sinh thủy cao khu bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học cao, cảnh quan thiên nhiên quan trọng và các khu vực có các yếu tố, đối tượng nhạy cảm đặc biệt khác;</p> <p>b) Vùng hạn chế phát thải: vùng đệm của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, khu vực có độ cao địa hình trung bình và thấp, khu vực có đa dạng sinh học cao, khu di sản thiên nhiên, vùng đất ngập nước quan trọng, hệ sinh thái rừng tự nhiên đặc trưng, hệ thủy sinh quan trọng cần được bảo vệ;</p> <p>c) Vùng có ý nghĩa quan trọng về môi trường, đa dạng sinh học, cảnh quan bị suy thoái cần cải tạo, phục hồi; các khu vực đô thị, nông thôn nơi môi trường bị ô nhiễm nghiêm trọng, cần được cải tạo, khắc phục;</p>	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>d) Vùng khác còn lại trong phạm vi quy hoạch (vùng ưu tiên cho phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với điều kiện tự nhiên, sức chịu tải của môi trường, mức độ nhạy cảm về môi trường).</p> <p>3. Việc kiểm soát các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội theo phân vùng môi trường được thực hiện như sau:</p> <p>a) Vùng bảo vệ nghiêm ngặt: Không quy hoạch, phát triển dự án, cơ sở xử lý, bãi chôn lấp, thải bỏ chất thải rắn, cơ sở sản xuất, kinh doanh và các dự án khác phát sinh chất ô nhiễm độc hại, có hoạt động xâm hại đến các đối tượng, yếu tố cần bảo vệ nghiêm ngặt;</p> <p>b) Vùng hạn chế phát thải: Hạn chế quy hoạch, phát triển dự án đầu tư xâm hại lớn đến đối tượng cần bảo vệ, phát thải lượng lớn chất ô nhiễm độc hại;</p> <p>c) Vùng có ý nghĩa quan trọng về môi trường, đa dạng sinh học, cảnh quan bị suy thoái: Không quy hoạch, phát triển dự án, cơ sở xử lý, bãi chôn lấp, thải bỏ chất thải rắn, cơ sở sản xuất, kinh doanh và các dự án khác phát sinh chất ô nhiễm độc hại.</p> <p>4. Chính phủ quy định chi tiết việc kiểm soát quy hoạch phát triển, dự án đầu tư theo phân vùng môi trường; lộ trình dừng hoạt động hoặc di dời dự án đầu tư đang hoạt động trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải không phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều này.</p> <p>5. Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tiêu chí cụ thể và hướng dẫn việc xác định vùng quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều này.</p> <p>6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xác định cụ thể vị trí, diện tích, ranh giới các vùng quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều này.</p>	
Mục 2. Đánh giá môi trường chiến lược		Mục 2. Đánh giá môi trường chiến lược		
	Điều 13. Đối tượng phải thực hiện		Điều 9 Đối tượng phải thực hiện đánh giá môi trường chiến lược	Thay

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>đánh giá môi trường chiến lược</p> <p>1. Đối tượng phải thực hiện đánh giá môi trường chiến lược gồm:</p> <p>a) Chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của vùng kinh tế - xã hội, vùng kinh tế trọng điểm, hành lang kinh tế, vành đai kinh tế;</p> <p>b) Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt;</p> <p>c) Chiến lược, quy hoạch phát triển khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu công nghiệp;</p> <p>d) Chiến lược, quy hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên quy mô từ 02 tỉnh trở lên;</p> <p>đ) Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực quy mô quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh có tác động lớn đến môi trường;</p> <p>e) Điều chỉnh chiến lược, quy hoạch, kế hoạch của đối tượng thuộc các điểm a, b, c, d và đ khoản này.</p> <p>2. Chính phủ quy định danh mục đối tượng phải thực hiện đánh giá môi trường chiến lược.</p>		<p>Đối tượng phải thực hiện đánh giá môi trường chiến lược</p> <p>1. Đối tượng phải thực hiện đánh giá môi trường chiến lược:</p> <p>a) Quy hoạch tổng thể quốc gia; quy hoạch không gian biển quốc gia; quy hoạch sử dụng đất quốc gia; quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn và quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có tác động lớn đến môi trường; quy hoạch vùng; quy hoạch tỉnh; quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt;</p> <p>b) Điều chỉnh quy hoạch của đối tượng quy định tại điểm a khoản này mà thay đổi mục tiêu của quy hoạch.</p> <p>2. Danh mục đối tượng phải thực hiện đánh giá môi trường chiến lược được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Luật này.</p>	thế, điều chỉnh
	<p>Điều 14. Thực hiện đánh giá môi trường chiến lược</p> <p>1. Cơ quan được giao nhiệm vụ xây</p>		<p>Điều 10. Thực hiện đánh giá môi trường chiến lược</p> <p>1. Cơ quan được giao nhiệm vụ xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật này có trách nhiệm lập hoặc thuê tổ chức</p>	Điều chỉnh

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch quy định tại khoản 1 Điều 13 của Luật này có trách nhiệm lập hoặc thuê tổ chức tư vấn lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược.</p> <p>2. Đánh giá môi trường chiến lược phải được thực hiện đồng thời với quá trình xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.</p> <p>3. Kết quả thực hiện đánh giá môi trường chiến lược phải được xem xét, tích hợp vào nội dung chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.</p> <p>4. Trên cơ sở thực hiện đánh giá môi trường chiến lược, cơ quan được giao nhiệm vụ xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch có trách nhiệm lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược gửi cơ quan có thẩm quyền để thẩm định.</p>		<p>tư vấn lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược.</p> <p>2. Đánh giá môi trường chiến lược phải được thực hiện đồng thời với quá trình xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.</p> <p>3. Kết quả thực hiện đánh giá môi trường chiến lược phải được xem xét, tích hợp vào nội dung chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.</p> <p>4. Trên cơ sở thực hiện đánh giá môi trường chiến lược, cơ Cơ quan được giao nhiệm vụ xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch có trách nhiệm lập gửi báo cáo đánh giá môi trường chiến lược gửi đến cơ quan có thẩm quyền để thẩm định.</p> <p>5. Chi phí lập, thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược thuộc nguồn vốn lập quy hoạch do cơ quan được giao nhiệm vụ xây dựng quy hoạch chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.</p>	
	Điều 15. Nội dung chính của báo cáo đánh giá môi trường chiến lược		Điều 11. Nội dung chính của báo cáo đánh giá môi trường chiến lược	Sửa đổi, bổ sung
	1. Sự cần thiết, cơ sở pháp lý của nhiệm vụ xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.			Bãi bỏ
			1. Tổng quan về quy hoạch.	Quy định mới
	2. Phương pháp thực hiện đánh giá		2. Phương pháp thực hiện đánh giá môi trường chiến lược.	Giữ

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	môi trường chiến lược.			nguyên
	3. Tóm tắt nội dung chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.			Bãi bỏ
	4. Môi trường tự nhiên và kinh tế - xã hội của vùng chịu sự tác động bởi chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.		3. Các yếu tố Môi trường tự nhiên và kinh tế , xã hội của vùng và môi trường chịu sự tác động bởi chiến lược, của quy hoạch, kế hoạch.	Điều chỉnh
	5. Đánh giá sự phù hợp của chiến lược, quy hoạch, kế hoạch với quan điểm, mục tiêu về bảo vệ môi trường.		4. Phân tích, đánh giá sự phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch với quan điểm, mục tiêu về của Đảng, Nhà nước và chiến lược, quy hoạch bảo vệ môi trường.	Điều chỉnh
	6. Đánh giá, dự báo xu hướng tích cực và tiêu cực của các vấn đề môi trường trong trường hợp thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.		5. Phân tích , dự báo xu hướng tích cực và tiêu cực của các vấn đề môi trường trong trường hợp thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.	Điều chỉnh
	7. Đánh giá, dự báo xu hướng tác động của biến đổi khí hậu trong việc thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.		6. Phân tích , dự báo xu hướng tác động của biến đổi khí hậu, ảnh hưởng đến cảnh quan thiên nhiên, đa dạng sinh học trong trường hợp thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.	Điều chỉnh
	8. Tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá môi trường chiến lược.		7. Tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá môi trường chiến lược.	Giữ nguyên
	9. Giải pháp duy trì xu hướng tích cực, phòng ngừa, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường trong quá trình thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.		8. Giải pháp duy trì xu hướng tích cực, phòng ngừa hạn chế, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường, biến đổi khí hậu trong quá trình thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.	Điều chỉnh
	10. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong quá trình thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và kiến nghị hướng xử lý.		9. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong quá trình thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và kiến nghị hướng, biện pháp xử lý.	Điều chỉnh

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			10. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết nội dung và ban hành mẫu báo cáo đánh giá môi trường chiến lược.	Quy định mới
	Điều 16. Thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược 1. Trách nhiệm tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược được quy định như sau:		Điều 12. Thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược 1. Trách nhiệm tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược được quy định như sau:	Sửa đổi, bổ sung
	a) Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch do Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định;		a) Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với chiến lược, các quy hoạch, kế hoạch do trừ quy định tại điểm b khoản này;	Điều chỉnh
	b) Bộ, cơ quan ngang bộ tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của mình;		b) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với quy hoạch thuộc bí mật quốc phòng, an ninh.	Quy định mới
	c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của mình và của Hội đồng nhân dân cùng cấp.			Bãi bỏ
	2. Việc thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược được tiến hành thông qua hội đồng thẩm định do thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược thành lập.		2. Việc thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược được tiến hành thông qua hội đồng thẩm định do thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược thành lập theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	Điều chỉnh

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>3. Nội dung thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược:</p> <p>a) Cơ sở pháp lý được sử dụng để lập quy hoạch và thực hiện đánh giá môi trường chiến lược;</p> <p>b) Các phương pháp được sử dụng thực hiện đánh giá môi trường chiến lược (bao gồm phương pháp sử dụng, cách sử dụng phương pháp);</p> <p>c) Các quan điểm, mục tiêu, chủ trương, giải pháp về bảo vệ môi trường liên quan đến quy hoạch nêu trong báo cáo đánh giá môi trường chiến lược;</p> <p>d) Các vấn đề môi trường chính đã được dự báo, nhận dạng khi triển khai thực hiện quy hoạch;</p> <p>đ) Đánh giá, dự báo xu hướng tích cực và tiêu cực của các vấn đề môi trường chính;</p> <p>e) Đánh giá, dự báo xu hướng tác động của biến đổi khí hậu trong việc thực hiện quy hoạch;</p> <p>g) Giải pháp được đề xuất để duy trì xu hướng tích cực, phòng ngừa, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường chính;</p> <p>h) Các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của quy hoạch được đề xuất bổ sung, điều chỉnh; các vấn đề môi trường đã được nhận diện nhưng chưa được điều chỉnh trong quy hoạch;</p> <p>i) Những vấn đề cần phải tiếp tục nghiên cứu, phân tích trong quá trình thực hiện quy hoạch.</p> <p>4. Hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược:</p> <p>a) Văn bản đề nghị thẩm định;</p> <p>b) Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược;</p> <p>c) Bản dự thảo quy hoạch.</p>	Quy định mới
	3. Cơ quan thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược tổ chức điều tra, đánh giá thông tin trong báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; lấy ý kiến phản biện của cơ quan, tổ chức, chuyên gia có liên quan.		5. Cơ quan thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược tổ chức điều tra, đánh giá thông tin trong báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; lấy ý kiến phản biện của cơ quan, tổ chức, chuyên gia có liên quan; tổ chức thẩm định, đánh giá theo nội dung quy định tại khoản 3 Điều này.	Điều chỉnh

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>6. Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược là 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>7. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày họp hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, cơ quan thẩm định gửi văn bản thông báo kết quả thẩm định tới cơ quan lập quy hoạch và cơ quan thường trực hội đồng thẩm định quy hoạch.</p>	Quy định mới
	Điều 17. Tiếp thu ý kiến thẩm định và báo cáo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược			Sửa đổi, bổ sung, Lồng ghép nội dung vào Điều khác
	1. Cơ quan được giao nhiệm vụ xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch có trách nhiệm hoàn chỉnh báo cáo đánh giá môi trường chiến lược và dự thảo văn bản chiến lược, quy hoạch, kế hoạch trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của hội đồng thẩm định.		<p>8. Sau khi nghiên cứu, tiếp thu hoặc giải trình ý kiến của hội đồng thẩm định, cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm hoàn thiện báo cáo và gửi lại cơ quan thẩm hồ sơ báo cáo đánh giá môi trường chiến lược gồm:</p> <p>a) Văn bản giải trình về việc tiếp thu ý kiến của hội đồng thẩm định;</p> <p>b) Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đã được hoàn chỉnh;</p> <p>c) Dự thảo quy hoạch đã được hoàn chỉnh.</p>	Điều chỉnh
	2. Cơ quan thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược báo cáo bằng văn bản kết quả thẩm định cho cấp có thẩm quyền phê duyệt chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.		<p>9. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đã được hoàn chỉnh, cơ quan thẩm định có văn bản báo cáo kết quả thẩm định, gửi cơ quan lập quy hoạch và cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định quy hoạch để tổng hợp vào báo cáo thẩm định quy hoạch.</p>	Điều chỉnh
	3. Báo cáo kết quả thẩm định báo		10. Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược là	Giữ

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	cáo đánh giá môi trường chiến lược là căn cứ để cấp có thẩm quyền phê duyệt chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.		căn cứ để cấp có thẩm quyền phê duyệt chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.	nguyên
Mục 3. Đánh giá tác động môi trường		Chương III. Đánh giá tác động môi trường và Giấy phép môi trường		
		Mục 1. Đánh giá tác động môi trường	<p>Điều 13. Quy định chung về trình tự thực hiện đánh giá tác động môi trường và cấp giấy phép môi trường đối với dự án đầu tư</p> <p>1. Đánh giá tác động môi trường và giấy phép môi trường đối với dự án đầu tư, được triển khai thực hiện ở ba giai đoạn, bảo đảm phù hợp và thống nhất với quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, xây dựng và pháp luật liên quan:</p> <p>a) Giai đoạn chuẩn bị dự án gồm các công việc: tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có); lập, thẩm định hồ sơ đề xuất cấp giấy phép môi trường để xem xét, quyết định đầu tư dự án và thực hiện các công việc cần thiết khác;</p> <p>b) Giai đoạn thực hiện dự án gồm các công việc: lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng, trong đó có công trình bảo vệ môi trường của dự án; tổ chức xây lắp công trình bảo vệ môi trường (nếu có), kế hoạch quản lý, giám sát, quan trắc môi trường của dự án; nghiệm thu, bàn giao công trình bảo vệ môi trường đã hoàn thành đưa vào sử dụng; vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải (nếu có) và thực hiện các công việc cần thiết khác;</p> <p>c) Giai đoạn kết thúc xây dựng đưa công trình của dự án vào vận hành thương mại gồm các công việc: vận hành công trình xử lý chất thải (nếu có); quản lý chất thải, quan trắc môi trường và các công việc khác.</p>	Quy định mới

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>2. Tùy thuộc điều kiện cụ thể và yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án, người quyết định đầu tư quyết định trình tự thực hiện tuân tự hoặc kết hợp đồng thời các hạng mục công việc quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>Điều 14. Quy định về thực hiện đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với dự án đầu tư</p> <p>1. Theo quy mô, tính chất và mức độ tác động đến môi trường, dự án đầu tư thực hiện một trong bốn trường hợp sau:</p> <p>a) Thực hiện đánh giá tác động môi trường và không phải có giấy phép môi trường;</p> <p>b) Thực hiện đánh giá tác động môi trường và phải có giấy phép môi trường;</p> <p>c) Có giấy phép môi trường và không phải thực hiện đánh giá tác động môi trường;</p> <p>d) Không phải thực hiện quy định tại các điểm a, b và c khoản này.</p> <p>2. Tiêu chí xác định đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều này được quy định như sau:</p> <p>a) Dự án đầu tư phải thực hiện đánh giá tác động môi trường và không phải có giấy phép môi trường là dự án có tác động xấu đến môi trường, sử dụng diện tích đất, mặt nước lớn và có ảnh hưởng xấu đến cảnh quan thiên nhiên quan trọng, hệ sinh thái, đa dạng sinh học trong giai đoạn thực hiện dự án và không phát sinh chất thải hoặc chỉ phát sinh chất thải sinh hoạt được quản lý theo quy định trong giai đoạn kết thúc xây dựng dự án;</p> <p>b) Dự án đầu tư phải thực hiện đánh giá tác động môi trường và cấp giấy phép môi trường là các dự án đầu tư có quy mô lớn, thuộc loại hình công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường phải thực hiện đánh giá tác động môi trường trước khi cơ quan có thẩm quyền thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế cơ sở theo quy định của pháp luật về xây dựng và phải lập hồ sơ đề xuất cấp giấy phép môi trường trước khi vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;</p> <p>c) Dự án chỉ lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường là các dự án</p>	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>không thuộc đối tượng quy định tại các điểm a, b và d khoản này, có phát sinh chất thải khi đi vào vận hành thương mại phải xử lý để bảo đảm đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc quản lý chất thải theo quy định, phải có giấy phép môi trường trước khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, thẩm định thiết kế cơ sở (đối với dự án có nhiều bước thiết kế) hoặc thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công (đối với dự án chỉ yêu cầu thiết kế một bước). Trường hợp dự án không phải thẩm định thiết kế xây dựng, phải có giấy phép môi trường trước khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, điều chỉnh giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng;</p> <p>d) Dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không phải thực hiện đánh giá tác động môi trường và cấp giấy phép môi trường gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự án để ứng phó trong tình trạng khẩn cấp, thiên tai, dịch bệnh, thảm họa theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. - Dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô nhỏ, ít ảnh hưởng đến môi trường trong giai đoạn thực hiện dự án và không phát sinh chất thải hoặc chỉ phát sinh chất thải thông thường với khối lượng nhỏ được xử lý bằng các công trình, thiết bị xử lý tại chỗ đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc phát sinh chất thải sinh hoạt được quản lý theo quy định của địa phương; - Cơ quan, trụ sở làm việc, trường học và công trình công cộng khác; <p>Đối tượng quy định tại điểm này được miễn các thủ tục hành chính về môi trường. Việc quản lý môi trường được lồng ghép thực hiện với các thủ tục theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật liên quan.</p> <p>3. Chính phủ quy định danh mục các đối tượng tại khoản 2 Điều này.</p>	
	Điều 18. Đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường			Sửa đổi, bổ sung. Lồng ghép nội dung

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
				vào Điều mới
	Điều 19. Thực hiện đánh giá tác động môi trường		Điều 15. Thực hiện đánh giá tác động môi trường	Sửa đổi, bổ sung
	1. Chủ dự án thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật này tự mình hoặc thuê tổ chức tư vấn thực hiện đánh giá tác động môi trường và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thực hiện đánh giá tác động môi trường.		1. Chủ dự án thuộc đối tượng quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 16 Luật này tự mình hoặc thuê tổ chức tư vấn thực hiện đánh giá tác động môi trường và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thực hiện đánh giá tác động môi trường.	Giữ nguyên
	2. Việc đánh giá tác động môi trường phải thực hiện trong giai đoạn chuẩn bị dự án.		2. Việc đánh giá tác động môi trường phải thực hiện trong giai đoạn chuẩn bị dự án báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định của pháp luật về xây dựng hoặc trước khi quyết định đầu tư dự án. Một dự án đầu tư chỉ lập một báo cáo đánh giá tác động môi trường, trừ trường hợp dự án được phép tách thành nhiều dự án độc lập theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, xây dựng; việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án độc lập phải được đánh giá tổng hợp, làm rõ mối quan hệ đến các vấn đề môi trường của cả dự án.	Điều chỉnh
	3. Kết quả thực hiện đánh giá tác động môi trường thể hiện dưới hình thức báo cáo đánh giá tác động môi trường. 4. Chi phí lập, thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc nguồn vốn đầu tư dự án do chủ dự án chịu trách nhiệm.		3. Kết quả thực hiện đánh giá tác động môi trường thể hiện dưới hình thức báo cáo đánh giá tác động môi trường. 4. Chi phí lập, thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc nguồn vốn đầu tư dự án do chủ dự án chịu trách nhiệm.	Giữ nguyên
	Điều 20. Lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường			Bãi bỏ

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	Điều 21. Tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường		Điều 16. Tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường	Sửa đổi, bổ sung
	1. Tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường nhằm hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường, hạn chế thấp nhất các tác động xấu đến môi trường và con người, bảo đảm sự phát triển bền vững của dự án.		1. Chủ dự án có trách nhiệm tham vấn, lấy ý kiến về các vấn đề môi trường và xã hội của Ủy ban nhân dân các cấp, tổ chức, cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp của dự án nhằm hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường, hạn chế thấp nhất các tác động xấu đến môi trường và con người, bảo đảm sự phát triển bền vững của dự án xã hội.	Lồng ghép vào 1 khoản và bổ sung nội dung mới
	2. Chủ dự án phải tổ chức tham vấn cơ quan, tổ chức, cộng đồng chịu tác động trực tiếp bởi dự án			
			2. Việc tham vấn đối với các dự án liên tỉnh được thực hiện như sau: a) Chủ dự án gửi báo cáo đánh giá tác động môi trường đến Ủy ban nhân dân các tỉnh nơi thực hiện dự án kèm theo văn bản đề nghị cho ý kiến; b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của chủ dự án, Ủy ban nhân dân các tỉnh tổng hợp ý kiến của các tổ chức và cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp từ các vấn đề môi trường của dự án (nếu có) và có văn bản trả lời về các nội dung tham vấn. 3. Việc tham vấn đối với các dự án liên huyện, trừ dự án quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện như sau: a) Chủ dự án gửi báo cáo đánh giá tác động môi trường đến Ủy ban nhân dân các huyện nơi thực hiện dự án kèm theo văn bản đề nghị cho ý kiến; b) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của chủ dự án, Ủy ban nhân dân các huyện tổng hợp ý kiến của các tổ chức và cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp từ các vấn đề môi trường của dự án (nếu có) và có văn bản trả lời về các nội dung tham vấn. 4. Việc tham vấn đối với các dự án liên xã hoặc trên địa bàn một xã, trừ	Quy định mới

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>dự án quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này được thực hiện như sau:</p> <p>a) Chủ dự án gửi báo cáo đánh giá tác động môi trường đến Ủy ban nhân dân các xã nơi thực hiện dự án kèm theo văn bản đề nghị cho ý kiến;</p> <p>b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của chủ dự án, Ủy ban nhân dân các xã tổng hợp ý kiến của các tổ chức và cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp từ các vấn đề môi trường của dự án (nếu có) và có văn bản trả lời về các nội dung tham vấn;</p> <p>c) Việc tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp từ các vấn đề môi trường của dự án quy định tại điểm b khoản này được tiến hành dưới hình thức họp cộng đồng dân cư do chủ dự án và Ủy ban nhân dân các xã nơi thực hiện dự án đồng chủ trì với sự tham gia của những người đại diện các hộ bị ảnh hưởng do dự án, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ dân phố, thôn, bản. Ý kiến của các đại biểu tham dự cuộc họp phải được thể hiện đầy đủ, trung thực trong biên bản họp cộng đồng.</p> <p>5. Đối với các dự án nằm trên vùng biển, thêm lục địa không xác định được trách nhiệm quản lý hành chính của Ủy ban nhân dân các cấp, chủ dự án chỉ tham vấn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận chất thải vào bờ của dự án. Trình tự, thủ tục tham vấn được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>6. Đối với dự án nhận chìm chất thải, vật chất nạo vét ở biển; các dự án có tổng khối lượng nước thải từ 10.000 m³/ngày (24 giờ) trở lên xả trực tiếp vào sông, hồ liên tỉnh, sông, hồ giáp ranh giữa các tỉnh hoặc xả trực tiếp nước thải ra biển ven bờ, chủ dự án phải tham vấn ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liền kề có sông, hồ liên tỉnh, sông, hồ giáp ranh hoặc biển ven bờ các tỉnh liền kề. Trình tự, thủ tục tham vấn được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>7. Các dự án nằm trong vùng quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 9 Luật này phải lấy ý kiến cơ quan chuyên môn, tổ chức khoa học có liên quan do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định.</p>	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	3. Các dự án không phải thực hiện tham vấn gồm: a) Phù hợp với quy hoạch của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường cho giai đoạn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng; b) Thuộc danh mục bí mật nhà nước.		8. Các dự án không phải thực hiện tham vấn gồm: a) Dự án nằm trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung phù hợp với quyết định phê duyệt kết quả đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung. b) Dự án thuộc danh mục bí mật nhà nước.	Điều chỉnh
	Điều 22. Nội dung chính của báo cáo đánh giá tác động môi trường		Điều 17. Nội dung chính của báo cáo đánh giá tác động môi trường	Sửa đổi, bổ sung
	1. Xuất xứ của dự án, chủ dự án, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án; phương pháp đánh giá tác động môi trường.		1. Tóm tắt về dự án và đánh giá tác động môi trường: a) Xuất xứ của dự án, chủ dự án, cơ quan có thẩm quyền thẩm định thiết kế xây dựng , phê duyệt dự án; phương pháp đánh giá tác động môi trường; b) Tóm tắt báo cáo đánh giá tác động môi trường.	Điều chỉnh
	2. Đánh giá việc lựa chọn công nghệ, hạng mục công trình và các hoạt động của dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường.		2. Đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch bảo vệ môi trường, phân vùng môi trường hoặc các quy hoạch khác có liên quan; việc lựa chọn công nghệ, hạng mục công trình và các hoạt động của dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường.	Điều chỉnh
	3. Đánh giá hiện trạng môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội nơi thực hiện dự án, vùng lân cận và thuyết minh sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án.		3. Đánh giá hiện trạng môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội nơi thực hiện dự án, phạm vi của dự án , vùng lân cận không có thể bị tác động đến môi trường từ hoạt động của dự án và thuyết minh sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án.	Điều chỉnh
	4. Đánh giá, dự báo các nguồn thải và tác động của dự án đến môi trường và sức khỏe cộng đồng.		4. Đánh giá, dự báo tác động của các nguồn thải và tác động, tiếng ồn, độ rung của dự án đến môi trường và sức khỏe cộng đồng	Điều chỉnh
	5. Đánh giá, dự báo, xác định biện pháp quản lý rủi ro của dự án đến		5. Đánh giá, dự báo, xác định biện pháp quản lý rủi ro tác động của dự án đến môi trường và sức khỏe cộng đồng. tới đa dạng sinh học, dòng chảy,	Điều chỉnh

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	môi trường và sức khỏe cộng đồng.		sạt lở, bồi lắng, xâm nhập mặn và xã hội (nếu có).	
	6. Biện pháp xử lý chất thải.		6. Đánh giá và đề xuất các biện pháp xử lý chất thải bao gồm: đánh giá giải pháp và lựa chọn phương án công nghệ xử lý chất thải; thuyết minh và phương án thiết kế cơ sở của công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải theo quy định của pháp luật về xây dựng; phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố ô nhiễm môi trường của dự án.	Điều chỉnh
	7. Các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường và sức khỏe cộng đồng.		7. Các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường và sức khỏe cộng đồng-xấu đến đa dạng sinh học, dòng chảy, sạt lở, bồi lắng, xâm nhập mặn và xã hội (nếu có).	Điều chỉnh
	8. Kết quả tham vấn.		8. Kết quả tham vấn.	Giữ nguyên
	9. Chương trình quản lý và giám sát môi trường.		9. Chương trình quản lý và giám sát quan trắc môi trường của dự án	Điều chỉnh
	10. Dự toán kinh phí xây dựng công trình bảo vệ môi trường và thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường.		10. Dự toán kinh phí xây dựng công trình bảo vệ môi trường và thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.	Điều chỉnh
	11. Phương án tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường.		11. Phương án tổ chức thực hiện các công trình , biện pháp bảo vệ môi trường gồm: a) Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng dự án; phương án kiểm soát dòng chảy, sạt lở, bồi lắng, xâm nhập mặn, lan truyền phèn; kiểm soát ô nhiễm tiếng ồn, độ rung theo quy định về bảo vệ môi trường; b) Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường, thiết bị quan trắc nước thải và khí thải tự động, liên tục đối với trường hợp phải lắp đặt theo quy định; kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác phục vụ giai đoạn vận hành của dự án; c) Biện pháp bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và các hệ sinh thái tự nhiên (nếu có).	Điều chỉnh
			12. Đối với dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng,	Quy

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			bao gồm cả phần mua tài sản, mua trang thiết bị của dự án, trong báo cáo đánh giá tác động môi trường phải có đánh giá tình hình hoạt động và thực hiện công tác bảo vệ môi trường của dự án, cơ sở đã đầu tư xây dựng; đánh giá tổng hợp, tích hợp tác động môi trường của toàn bộ dự án cũ và mới.	định mới
			13. Đối với dự án khai thác khoáng sản, trong báo cáo đánh giá tác động môi trường phải có phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định; đối với dự án khai thác cát, sỏi và khoáng sản khác trên sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa và vùng cửa sông, ven biển phải có nội dung đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông, dòng chảy theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.	Quy định mới
			14. Đối với dự án có có liên quan đến biến đổi khí hậu, tác động đến tài nguyên thiên nhiên, cảnh quan thiên nhiên quan trọng, đa dạng sinh học, trong báo cáo đánh giá tác động môi trường phải có nội dung đánh giá tác động của biến đổi khí hậu, tác động đến tài nguyên thiên nhiên, cảnh quan thiên nhiên quan trọng, đa dạng sinh học và đề xuất biện pháp thích ứng, giảm thiểu, khắc phục.	Quy định mới
			15. Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định cấu trúc và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường; xây dựng, ban hành hướng dẫn kỹ thuật lập báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với một số ngành, lĩnh vực đặc thù.	Quy định mới
			<i>Phương án 1: Thẩm tra báo cáo đánh giá tác động môi trường</i> Điều 18. Thẩm tra báo cáo đánh giá tác động môi trường 1. Thẩm tra là việc kiểm tra, đánh giá về chuyên môn của tổ chức có đủ điều kiện thẩm tra báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với những nội dung quy định tại khoản 3 Điều 20 Luật này làm cơ sở để chủ dự án tự hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và tư vấn cho công tác thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. 2. Điều kiện của tổ chức thẩm tra báo cáo đánh giá tác động môi trường:	Quy định mới

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>a) Được thành lập theo quy định của pháp luật; có đăng ký kinh doanh ngành nghề phù hợp theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Có đủ cán bộ hoặc đội ngũ chuyên gia khoa học, kỹ thuật công tác được đào tạo chuyên ngành về môi trường và các chuyên môn phù hợp với công việc đảm nhiệm do các cơ sở đào tạo hợp pháp cấp;</p> <p>c) Có kinh nghiệm lập báo cáo đánh giá tác động môi trường được cơ quan có thẩm quyền thẩm định đối với dự án tương tự với dự án cần thẩm tra;</p> <p>d) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2024, tổ chức tham gia thẩm tra báo cáo đánh giá tác động môi trường quy định tại khoản này phải được cơ quan nhà nước về bảo vệ môi trường có thẩm quyền cấp. Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thẩm tra báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các tổ chức tham gia thẩm tra dự án thuộc thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các bộ và tổ chức tham gia thẩm tra các dự án của nhiều tỉnh. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thẩm tra báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn thuộc thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của mình.</p> <p>3. Chủ dự án thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường lựa chọn tổ chức có đủ điều kiện năng lực quy định tại khoản 2 Điều này để lấy ý kiến thẩm tra; tiếp thu, hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường trong trường hợp cần thiết.</p> <p>4. Tổ chức thẩm tra chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thẩm tra báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.</p> <p>5. Kết quả thẩm tra là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền xem xét, đánh giá khi thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và có giá trị như ý kiến độc lập của tổ chức chuyên môn được lấy ý kiến trong quá trình lập báo cáo đánh giá tác động môi trường. Chi phí thẩm tra báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc nguồn vốn đầu tư dự án do chủ dự án chịu trách nhiệm.</p> <p>6. Chính phủ quy định chi tiết về điều kiện năng lực của tổ chức thẩm tra báo cáo đánh giá tác động môi trường; trình tự, thủ tục cấp giấy</p>	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thẩm tra báo cáo đánh giá tác động môi trường. <i>Phương án 2: Không quy định Điều 18.</i>	
	Điều 23. Thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường 1. Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án sau:		Điều 19. Thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường 1. Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án sau:	Sửa đổi, bổ sung
	a) Dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;		a) Dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; b) Dự án liên ngành, liên tỉnh thuộc đối tượng quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 18 của Luật này, trừ dự án thuộc bí mật quốc phòng, an ninh;	Điều chỉnh
	b) Dự án liên ngành, liên tỉnh thuộc đối tượng quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 18 của Luật này, trừ dự án thuộc bí mật quốc phòng, an ninh;			
			c) Dự án thuộc thẩm quyền cấp giấy phép khoáng sản, nhận chìm chất thải, vật chất ở biển và tài nguyên nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; dự án xây dựng cơ sở tái chế, xử lý chất thải rắn tập trung cấp tỉnh trở lên; dự án tái chế, xử lý chất thải nguy hại; dự án đầu tư xây dựng cơ sở phá dỡ tàu cũ, cơ sở sản xuất có sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất	Quy định mới
			d) Dự án nhóm A thuộc danh mục dự án có tác động xấu đến môi trường, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Luật này;	Quy định mới
	c) Dự án do Chính phủ giao thẩm định.		đ) Các dự án khác do Chính phủ quy định.	Điều chỉnh

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	2. Bộ, cơ quan ngang bộ tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định, phê duyệt đầu tư của mình nhưng không thuộc đối tượng quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này.			Bãi bỏ
	3. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định, phê duyệt đầu tư của mình và các dự án thuộc bí mật quốc phòng, an ninh.		2. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định, phê duyệt đầu tư của mình và các dự án thuộc bí mật quốc phòng, an ninh.	Điều chỉnh
	4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án đầu tư trên địa bàn không thuộc đối tượng quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.		4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án đầu tư trên địa bàn không thuộc đối tượng quy định tại các khoản 1 và Khoản 2.	Giữ nguyên
	Điều 24. Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường		Điều 20. Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	Sửa đổi, bổ sung
	1. Thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan được giao thẩm định tổ chức việc thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thông qua hội đồng thẩm định hoặc thông qua việc lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thẩm định.		1. Thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan được giao thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (sau đây gọi tắt là cơ quan thẩm định) tổ chức việc thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thông qua hội đồng thẩm định hoặc thông qua việc lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thẩm định..	Điều chỉnh
	2. Thành viên hội đồng thẩm định			Bãi bỏ

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	và cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến chịu trách nhiệm trước pháp luật về ý kiến của mình.			
			<p>2. Hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường gồm:</p> <p>a) Văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;</p> <p>b) Báo cáo đánh giá tác động môi trường.</p> <p>c) Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc các tài liệu tương đương của dự án;</p> <p>d) Văn bản thẩm tra của tổ chức thẩm tra báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với trường hợp phải thực hiện thẩm tra theo quy định</p>	Quy định mới
			<p>3. Nội dung thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường</p> <p>a) Sự phù hợp của dự án đối với chiến lược, quy hoạch (nếu có), quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học;</p> <p>b) Sự phù hợp của các phương pháp đánh giá tác động môi trường được sử dụng;</p> <p>c) Sự phù hợp về việc đánh giá, lựa chọn công nghệ sản xuất, hạng mục công trình và các hoạt động của dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường;</p> <p>d) Kết quả phân tích, tổng hợp số liệu về hiện trạng môi trường, kinh tế - xã hội nơi thực hiện dự án và sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án;</p> <p>đ) Kết quả đánh giá và dự báo về nguồn thải, sự phát sinh, quy mô, tính chất nguy hại của nước thải, khí thải, tiếng ồn, rung, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại và các loại chất thải đặc thù khác; các tác động của chất thải và các tác động không do chất thải của dự án đến môi trường và sức khỏe cộng đồng; đánh giá, dự báo các rủi ro sự cố môi trường có thể xảy ra;</p> <p>e) Các yêu cầu, quy định, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn về môi trường áp dụng đối với dự án;</p> <p>g) Sự phù hợp của các giải pháp bảo vệ môi trường, bao gồm: biện pháp, công nghệ xử lý nước thải; biện pháp, công nghệ giảm thiểu, xử lý</p>	Quy định mới

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>bụi, khí thải, tiếng ồn, rung; phương án phân loại, thu gom, lưu giữ, tái sử dụng, tái chế, vận chuyển và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại và các chất thải đặc thù khác; phương án cải tạo, phục hồi môi trường, bảo vệ và phục hồi rừng, đa dạng sinh học, kiểm soát dòng chảy, sạt lở, bồi lắng, xâm nhập mặn, nhiễm phèn; các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác của dự án đến môi trường; các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường có thể xảy ra;</p> <p>h) Sự phù hợp của chương trình quản lý và giám sát môi trường;</p> <p>i) Các cam kết bảo vệ môi trường của chủ dự án</p>	
			<p>4. Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường quy định như sau:</p> <p>a) Thời hạn tổ chức thẩm định thông qua hội đồng thẩm định của Bộ Tài nguyên và Môi trường không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; riêng đối với các dự án quan trọng quốc gia và dự án thuộc danh mục dự án có tác động xấu đến môi trường, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Luật này, thời hạn thẩm định không quá 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;</p> <p>b) Thời hạn tổ chức thẩm định thông qua hội đồng thẩm định của các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không quá 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; riêng đối với các dự án thuộc danh mục dự án có tác động xấu đến môi trường, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Luật này, thời hạn thẩm định không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;</p> <p>c) Thời hạn thẩm định thông qua việc lấy ý kiến cơ quan, tổ chức có liên quan không quá 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	Quy định mới
	3. Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định tổ chức khảo sát thực tế, lấy ý kiến phản biện của cơ quan, tổ chức và chuyên gia để thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.			Bãi bỏ; Lồng ghép vào điểm b khoản 5

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	4. Trong thời gian thẩm định, trường hợp có yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung, cơ quan thẩm định có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho chủ dự án để thực hiện.			Bãi bỏ
			<p>5. Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan thường trực thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (sau đây gọi tắt là cơ quan thường trực thẩm định), có trách nhiệm:</p> <p>a) Xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của báo cáo đánh giá tác động môi trường;</p> <p>b) Trong trường hợp cần, cơ quan thường trực thẩm định tổ chức kiểm tra, khảo sát, lấy mẫu phân tích hiện trạng môi trường khu vực thực hiện dự án để đối chứng; lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, chuyên gia liên quan; tổ chức họp chuyên gia theo chuyên đề;</p> <p>c) Tổng hợp kết quả thẩm định của hội đồng, ý kiến của cơ quan, tổ chức, chuyên gia được lấy ý kiến và ý kiến của tổ chức thẩm tra báo cáo đánh giá tác động môi trường để đề xuất, trình thủ trưởng cơ quan thẩm định ban hành quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường</p>	Quy định mới
			<p>6. Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:</p> <p>a) Thủ trưởng cơ quan thẩm định thành lập hội đồng thẩm định với 07 thành viên tham gia. Đối với các dự án phức tạp, nhạy cảm về môi trường hoặc các dự án liên tỉnh, cơ quan thẩm định quyết định thêm số lượng thành viên;</p> <p>b) Cơ quan thường trực thẩm định gửi quyết định thành lập hội đồng kèm theo hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này tới từng thành viên hội đồng thẩm định;</p> <p>c) Thành viên hội đồng thẩm định có trách nhiệm xem xét, đánh giá để đưa ra ý kiến nhận xét đồng ý, đồng ý có chỉnh sửa bổ sung hoặc không đồng ý về các nội dung quy định tại khoản 3 Điều này và chịu trách</p>	Quy định mới

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>nhiệm về ý kiến đánh giá của mình;</p> <p>d) Cơ quan thường trực thẩm định xem xét, đánh giá và tổng hợp ý kiến của các thành viên hội đồng, ý kiến của tổ chức thẩm tra báo cáo đánh giá tác động môi trường và cơ quan, tổ chức liên quan (nếu có) để đề xuất cơ quan thẩm định xem xét, quyết định đồng ý, đồng ý có chỉnh sửa bổ sung hoặc không đồng ý với báo cáo đánh giá tác động môi trường và việc triển khai dự án.</p> <p>Trường hợp đồng ý có chỉnh sửa bổ sung, cơ quan thẩm định có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho chủ dự án về kết quả thẩm định để chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giải trình các ý kiến trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc việc thẩm định.</p> <p>Trường hợp không đồng ý với báo cáo đánh giá tác động môi trường và việc triển khai thực hiện dự án, cơ quan thẩm định có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho chủ dự án về kết quả thẩm định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc việc thẩm định và nêu rõ lý do không đồng ý;</p> <p>đ) Cơ quan thẩm định ban hành quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với trường hợp đồng ý hoặc đồng ý có chỉnh sửa, bổ sung đối với báo cáo đánh giá tác động môi trường.</p>	
			<p>7. Hồ sơ đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:</p> <p>a) Văn bản đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, trong đó giải trình rõ những nội dung đã được chỉnh sửa, bổ sung theo kết quả thẩm định, trừ trường hợp không phải chỉnh sửa, bổ sung;</p> <p>b) Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được thẩm tra và chủ dự án ký, đóng dấu, đóng dấu giáp lai báo cáo kể cả phụ lục.</p>	Quy định mới
	<p>Điều 25. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường</p> <p>1. Trong thời hạn 20 ngày kể từ</p>		<p>8. Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Thủ trưởng cơ quan thẩm định ban hành quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Trường hợp không phê</p>	Điều chỉnh

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	ngày nhận được báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được chỉnh sửa theo yêu cầu của cơ quan thẩm định, thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan thẩm định có trách nhiệm phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; trường hợp không phê duyệt phải trả lời cho chủ dự án bằng văn bản và nêu rõ lý do.		duyet, trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, cơ quan thẩm định phải có văn bản trả lời cho chủ dự án bằng văn bản và nêu rõ lý do không phê duyệt kết quả thẩm định gửi chủ dự án.	
	2. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường là căn cứ để cấp có thẩm quyền thực hiện các việc sau đây: a) Quyết định chủ trương đầu tư dự án đối với các đối tượng quy định tại Điều 18 của Luật này trong trường hợp pháp luật quy định dự án phải quyết định chủ trương đầu tư; b) Cấp, điều chỉnh giấy phép thăm dò, giấy phép khai thác khoáng sản đối với dự án thăm dò, khai thác khoáng sản; c) Phê duyệt kế hoạch thăm dò, kế hoạch phát triển mỏ đối với dự án thăm dò, khai thác dầu khí; d) Cấp, điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với dự án có hạng mục xây dựng công trình thuộc đối tượng phải có giấy phép xây dựng; đ) Cấp giấy chứng nhận đầu tư đối		9. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường là căn cứ để cấp cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các việc sau: a) Quyết định chủ trương đầu tư dự án đối với các đối tượng quy định tại Điều 18 của Luật này trong trường hợp pháp luật quy định dự án phải quyết định chủ trương đầu tư; a) Cấp, điều chỉnh giấy phép thăm dò, giấy phép khai thác khoáng sản đối với dự án thăm dò, khai thác khoáng sản; b) Phê duyệt kế hoạch thăm dò, kế hoạch phát triển mỏ đối với dự án thăm dò, khai thác dầu khí; c) Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế cơ sở của dự án; d) Quyết định đầu tư dự án đối với các dự án khác không thuộc đối tượng quy định tại các điểm a, b và c khoản này; đ) Cấp, điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với dự án có hạng mục xây dựng công trình thuộc đối tượng phải có giấy phép xây dựng; đ) Cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án không thuộc đối tượng quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này.	Điều chỉnh

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	với dự án không thuộc đối tượng quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này.			
			<p>10. Cơ quan thẩm định phải công khai quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trên cổng thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi quyết định đến chủ dự án và các cơ quan sau:</p> <p>a) Đối với dự án thuộc thẩm quyền thẩm định của Bộ Tài nguyên và Môi trường được gửi đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thực hiện dự án. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sao lục và gửi đến Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án và Ban quản lý các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung (sau đây gọi chung là Ban quản lý khu công nghiệp tỉnh) trong trường hợp dự án thực hiện trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung;</p> <p>b) Đối với dự án thuộc thẩm quyền thẩm định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được gửi đến Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án, Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh và Ban quản lý khu công nghiệp tỉnh trong trường hợp dự án thực hiện trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung.</p>	Quy định mới
			<p>11. Trường hợp có thay đổi chủ dự án, chủ dự án mới có trách nhiệm tiếp tục thực hiện quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và thông báo cho cơ quan thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh biết</p>	Quy định mới
			<p>12. Đối với dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (sau đây gọi chung là cơ sở) và khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường; xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc các văn bản tương đương (sau đây gọi chung là hồ sơ về môi trường tương đương), chủ dự án, cơ sở và khu sản xuất, kinh</p>	Quy định mới

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			doanh, dịch vụ tập trung tiếp tục thực hiện các văn bản thẩm định đó cho đến khi được cấp giấy phép môi trường theo quy định	
			13. Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết trình tự, thủ tục, ban hành các mẫu biểu để hướng dẫn thực hiện Điều này.	Quy định mới
	<p>Điều 26. Trách nhiệm của chủ đầu tư dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt</p> <p>1. Thực hiện các yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.</p> <p>2. Trường hợp thay đổi quy mô, công suất, công nghệ làm tăng tác động xấu đến môi trường so với phương án trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt nhưng chưa đến mức phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 20 của Luật này, chủ đầu tư dự án phải giải trình với cơ quan phê duyệt và chỉ được thực hiện sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.</p>		<p>Điều 21. Trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được thẩm định</p> <p>1. Tổ chức thực hiện các nội dung, yêu cầu của quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.</p> <p>2. Tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường vào dự án đầu tư, dự án đầu tư xây dựng, báo cáo đánh giá tác động môi trường để phê duyệt, tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Tổ chức niêm yết công khai quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và tóm tắt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại địa điểm thực hiện dự án, trừ dự án quy định tại khoản 8 Điều 18 Luật này.</p> <p>4. Trong giai đoạn thực hiện dự án, chủ dự án tăng quy mô, tăng công suất, thay đổi công nghệ sản xuất, công nghệ xử lý chất thải so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường phải báo cáo bằng văn bản cho cơ quan thẩm định và chỉ được thực hiện khi có quyết định điều chỉnh quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, trừ trường hợp tốt hơn, vẫn đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Việc điều chỉnh thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>5. Phải lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường trước khi đưa dự án vào vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải (nếu có), xả, thải chất thải ra ngoài môi trường theo quy định tại Điều 25 Luật này và thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định tại Điều 26 Luật này.</p>	Sửa đổi, bổ sung
	Điều 27. Trách nhiệm của chủ		Điều 24. Quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải sau	Sửa đổi,

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	đầu tư trước khi đưa dự án vào vận hành		khi được cấp giấy phép môi trường	bổ sung. Lồng ghép nội dung vào Điều khác
			<p>1. Công trình bảo vệ môi trường của dự án được phân thành ba loại:</p> <p>a) Công trình xử lý chất thải là công trình, thiết bị xử lý nước thải, bụi, khí thải, chất thải rắn và chất thải nguy hại, phải được vận hành thử nghiệm để đánh giá sự phù hợp và đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường;</p> <p>b) Công trình thu gom, lưu giữ chất thải rắn là công trình, thiết bị thu gom, lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải rắn y tế, chất thải rắn nguy hại để đáp ứng yêu cầu phân loại, thu gom, lưu giữ, tái sử dụng, tái chế, vận chuyển chất thải rắn đến địa điểm xử lý hoặc tái sử dụng, tái chế theo quy định;</p> <p>c) Công trình bảo vệ môi trường khác không liên quan đến chất thải.</p> <p>2. Chủ dự án có công trình xử lý chất thải quy định tại điểm a khoản 1 Điều này chỉ được đưa vào vận hành thử nghiệm đồng thời với quá trình vận hành thử nghiệm toàn bộ dự án hoặc cho từng phân kỳ đầu tư của dự án (nếu dự án có phân kỳ đầu tư theo từng giai đoạn) hoặc cho hạng mục công trình xử lý chất thải độc lập của dự án khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Đã hoàn thành các công trình xử lý chất thải theo quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, quyết định phê duyệt điều chỉnh kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có);</p> <p>b) Đã lắp đặt hoàn thành các thiết bị, hệ thống quan trắc chất thải tự động, liên tục để giám sát chất lượng nước thải, khí thải theo quy định</p>	Quy định mới

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>của pháp luật;</p> <p>c) Có quy trình vận hành các công trình xử lý chất thải của dự án, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường;</p> <p>d) Đã lập hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải trước khi trình cơ quan có thẩm quyền về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu và được bàn giao, nghiệm thu theo quy định của pháp luật về xây dựng. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải;</p> <p>đ) Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án cho cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh nơi thực hiện dự án và cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường trước ít nhất 20 ngày, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.</p> <p>3. Thời gian vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải từ 03 đến 06 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm (bao gồm cả thời gian lập báo cáo kết quả hoàn thành công trình bảo vệ môi trường).</p> <p>4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải, chủ dự án có trách nhiệm thực hiện một số nội dung sau:</p> <p>a) Phối hợp với cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh nơi triển khai dự án để được kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm; tổ chức theo dõi, giám sát kết quả quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục được kết nối với internet, truyền số liệu về cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh nơi triển khai dự án theo quy định;</p> <p>b) Phối hợp với tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường để quan trắc chất thải (lấy mẫu tổ hợp), đánh giá hiệu quả trong từng công đoạn xử lý và cả công trình xử lý chất thải. Việc quan trắc chất thải phải tuân thủ theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc quan trắc chất thải của các công trình xử lý chất thải thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>c) Tự đánh giá hoặc thuê tổ chức có đủ năng lực đánh giá hiệu quả xử lý</p>	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>của các công trình xử lý chất thải của dự án; tổng hợp, đánh giá các số liệu quan trắc chất thải và lập báo cáo kết quả hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (bao gồm cả công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) gửi cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định.</p> <p>5. Trong quá trình vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án, nếu chất thải xả ra môi trường không đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về môi trường, chủ dự án phải thực hiện các biện pháp sau:</p> <p>a) Dừng hoạt động hoặc giảm công suất của dự án để bảo đảm các công trình xử lý chất thải hiện hữu có thể xử lý các loại chất thải phát sinh đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường;</p> <p>b) Cải tạo, nâng cấp, xây dựng bổ sung các công trình xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định; điều chỉnh quy trình vận hành công trình xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường;</p> <p>c) Trường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường, chủ dự án phải dừng ngay hoạt động vận hành thử nghiệm và báo cáo kịp thời tới cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh nơi triển khai dự án để được hướng dẫn giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại và bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.</p> <p>d) Vận hành thử nghiệm lại công trình xử lý chất thải theo quy định tại khoản 3 Điều này.</p> <p>6. Trách nhiệm của cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh nơi triển khai dự án:</p> <p>a) Kiểm tra hồ sơ thiết kế xây dựng, bản vẽ hoàn công công trình xử lý chất thải, trường hợp cần thiết cử cán bộ kiểm tra thực tế các công trình xử lý chất thải của dự án trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm. Trường hợp các công trình xử lý chất thải của dự án đầy đủ về hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn 05 ngày phải có văn bản chấp thuận</p>	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>để chủ dự án vận hành thử nghiệm; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, yêu cầu chủ dự án bổ sung trước khi chấp thuận.</p> <p>b) Chủ trì, phối hợp với chủ dự án để kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải, tiến hành lấy mẫu đơn đột xuất để phân tích các thông số môi trường trong chất thải sau xử lý để đối chiếu với kết quả quan trắc chất thải do chủ dự án thực hiện trong trường hợp cần thiết;</p> <p>c) Tiếp nhận, xử lý các kiến nghị của chủ dự án liên quan đến việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải và hướng dẫn chủ dự án khắc phục ô nhiễm, sự cố môi trường (nếu có) trong quá trình vận hành thử nghiệm.</p>	
	<p>Điều 28. Trách nhiệm của cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường</p> <p>1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thẩm định và quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.</p>		<p>Điều 22. Trách nhiệm của cơ quan thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường</p> <p>1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thẩm định và quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.</p>	Điều chỉnh, bổ sung
			<p>2. Công khai thông tin quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại khoản 10 Điều 20 Luật này.</p>	Quy định mới
	<p>2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của chủ đầu tư dự án được quy định tại khoản 2 Điều 27 của Luật này, cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường phải tổ chức kiểm tra giám sát việc thực hiện các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai thực hiện dự án. Trường hợp phải phân tích</p>		<p>3. Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai thực hiện dự án.</p>	Điều chỉnh

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	các chỉ tiêu môi trường phức tạp thì thời gian cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày.			
			4. Cấp giấy phép môi trường theo quy định của Luật này.	Quy định mới
Mục 4. Kế hoạch bảo vệ môi trường	Điều 29. Đối tượng phải lập kế hoạch bảo vệ môi trường			Bãi bỏ
	Điều 30. Nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường			Bãi bỏ
	Điều 31. Thời điểm đăng ký, xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường			Bãi bỏ
	Điều 32. Trách nhiệm tổ chức thực hiện việc xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường			Bãi bỏ
	Điều 33. Trách nhiệm của chủ dự án, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ sau khi kế hoạch bảo vệ môi trường được xác nhận			Bãi bỏ
	Điều 34. Trách nhiệm của cơ quan xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường			Bãi bỏ
		Mục 5. Giấy phép môi trường	Điều 23. Giấy phép môi trường 1. Đối tượng phải có giấy phép môi trường a) Đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 14 Luật này; b) Đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14 Luật này; c) Dự án đầu tư đang triển khai xây dựng (bao gồm cả trường hợp đang	Quy định mới

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải), cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung đã đi vào vận hành thương mại có phát sinh chất thải phải xử lý để bảo đảm đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc phải quản lý chất thải theo quy định của pháp luật trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành.</p> <p>2. Giấy phép môi trường cấp theo quy mô xả thải, tính chất ô nhiễm của nguồn thải, thẩm quyền cấp giấy phép môi trường và được phân thành hai loại:</p> <p>a) Giấy phép môi trường chi tiết;</p> <p>b) Giấy phép môi trường đơn giản.</p> <p>3. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường:</p> <p>a) Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường;</p> <p>b) Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường;</p> <p>c) Tài liệu pháp lý và kỹ thuật khác của dự án, cơ sở.</p> <p>Việc tiếp nhận hồ sơ và cấp giấy phép môi trường được thực hiện bằng hình thức trực tuyến theo lộ trình do Chính phủ quy định.</p> <p>4. Căn cứ quy mô xả thải, tính chất ô nhiễm của nguồn thải và loại hình dự án đầu tư, báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này có thể bao gồm một số hoặc tất cả các nội dung chính sau:</p> <p>a) Tên dự án, chủ dự án; địa điểm thực hiện dự án;</p> <p>b) Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án hoặc các hồ sơ về môi trường tương đương;</p> <p>c) Thông tin chung về quá trình thực hiện dự án;</p> <p>d) Kết quả đánh giá tác động của chất thải phát sinh từ cơ sở xả thải đến môi trường xung quanh;</p> <p>đ) Kế hoạch giám sát, bảo trì, quản lý cơ sở xả thải và công trình xử lý chất thải;</p> <p>e) Kế hoạch và các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường;</p> <p>g) Kế hoạch xử lý chất thải rắn;</p> <p>h) Kết quả hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường;</p> <p>i) Kế hoạch, thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm;</p>	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>k) Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý chất thải;</p> <p>l) Các nội dung về bảo vệ môi trường khác.</p> <p>5. Căn cứ quy mô xả thải, tính chất ô nhiễm của nguồn thải và loại hình dự án đầu tư, báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này có thể bao gồm một số hoặc tất cả các nội dung chính sau:</p> <p>a) Thông tin chung về dự án, chủ dự án;</p> <p>b) Sự phù hợp của dự án với quy hoạch bảo vệ môi trường, phân vùng môi trường hoặc các quy hoạch khác có liên quan;</p> <p>c) Đánh giá việc lựa chọn công nghệ sản xuất, công nghệ xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác;</p> <p>d) Đánh giá hiện trạng môi trường nơi thực hiện dự án;</p> <p>đ) Đánh giá, dự báo tác động của các nguồn thải, tiếng ồn, độ rung;</p> <p>e) Đánh giá, dự báo tác động của dự án tới đa dạng sinh học, dòng chảy, sạt lở, bồi lắng, xâm nhập mặn và xã hội (nếu có);</p> <p>g) Đề xuất kế hoạch, các biện pháp xử lý chất thải kèm theo thuyết minh và phương án thiết kế xây dựng của công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường (nếu có);</p> <p>h) Kết quả tham vấn cộng đồng (nếu có);</p> <p>i) Kế hoạch xây dựng, lắp đặt, vận hành cơ sở xả thải và công trình xử lý chất thải; kế hoạch giám sát, bảo trì, quản lý cơ sở xả thải và công trình xử lý chất thải;</p> <p>k) Chương trình quản lý và quan trắc môi trường;</p> <p>l) Dự toán kinh phí xây dựng công trình bảo vệ môi trường và thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường;</p> <p>m) Các nội dung về bảo vệ môi trường khác;</p> <p>n) Các nội dung đặc thù khác:</p> <p>- Đối với dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng, trong báo cáo đề xuất phải có thêm một phần đánh giá về tình hình hoạt động và thực hiện công tác bảo vệ môi trường của dự án, cơ sở đã đầu tư xây dựng; đánh giá tổng hợp, tích hợp tác động môi trường của toàn</p>	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>bộ dự án cũ và mới;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với dự án khai thác khoáng sản, trong báo cáo đề xuất phải có phương án cải tạo, phục hồi môi trường; - Đối với dự án khai thác cát, sỏi và khoáng sản khác trên sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa và vùng cửa sông, ven biển phải có nội dung đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông, dòng chảy theo quy định. <p>6. Căn cứ quy mô xả thải, tính chất ô nhiễm của nguồn thải và loại hình dự án đầu tư, cơ sở đang hoạt động, báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này có thể bao gồm một số hoặc tất cả các nội dung chính sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Tên dự án, chủ dự án hoặc cơ sở đang hoạt động; địa điểm thực hiện; các hồ sơ về môi trường liên quan (nếu có); b) Thông tin chung về quá trình triển khai thực hiện dự án hoặc hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; c) Các nguồn chất thải phát sinh bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Quy mô, khối lượng phát sinh, chủng loại chất thải rắn; - Quy mô, khối lượng phát sinh khí thải, tiếng ồn, độ rung; - Quy mô, khối lượng phát sinh nước thải, nguồn tiếp nhận nước thải đã xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; - Quy mô, khối lượng, mã chất thải nguy hại, phạm vi thu gom, vận chuyển, xử lý, các loại sản phẩm tái chế (đối với dự án, cơ sở xử lý chất thải nguy hại); - Chủng loại và khối lượng phế liệu được phép nhập khẩu; điều kiện kho, bãi lưu giữ; hệ thống thiết bị tái chế; phương án xử lý tạp chất; phương án tái xuất (đối với dự án, cơ sở sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất). d) Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; đ) Kế hoạch hoặc kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải hoặc kết quả quan trắc môi trường trong hai năm gần nhất; e) Kết quả kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm (nếu có) về môi trường của cơ quan có thẩm quyền gần nhất; g) Các nội dung về bảo vệ môi trường khác. 	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>7. Thời hạn cấp, thẩm quyền cấp giấy phép môi trường</p> <p>a) Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép môi trường đối với đối tượng đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và các hồ sơ về môi trường tương đương và các dự án, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung đáp ứng một trong hai tiêu chí có tổng quy mô xả nước thải từ 3.000 m³/ngày (24 giờ) trở lên hoặc có tổng lưu lượng xả khí thải từ 100.000 m³ khí thải/giờ trở lên, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này và trường hợp đã được các bộ, cơ quan ngang bộ khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan liên quan thẩm định các hồ sơ về môi trường.</p> <p>Thời hạn kiểm tra, đánh giá, cấp giấy phép môi trường không quá 45 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, không tính thời gian chủ dự án, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định;</p> <p>b) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an cấp giấy phép môi trường đối với dự án, cơ sở thuộc lĩnh vực bí mật quốc phòng, an ninh.</p> <p>Thời hạn kiểm tra, đánh giá, cấp giấy phép môi trường không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, không tính thời gian chủ dự án, cơ sở bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định;</p> <p>c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép môi trường trên địa bàn, trừ trường hợp quy định tại các điểm a, b và d khoản này.</p> <p>Thời hạn kiểm tra, đánh giá, cấp giấy phép môi trường không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, không tính thời gian chủ dự án, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định;</p> <p>d) Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép môi trường trên địa bàn đối với dự án, cơ sở đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện xác nhận các hồ sơ về môi trường trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành và các dự án, cơ sở khác khi đáp ứng cả ba tiêu chí có tổng quy mô xả nước thải dưới 50m³/ngày (24 giờ) hoặc có tổng lưu lượng xả khí thải dưới 20.000 m³ khí thải/giờ hoặc có tổng khối lượng chất thải rắn (bao gồm chất thải nguy hại) dưới 05 tấn/ngày (24 giờ), trừ trường hợp đã được cơ quan</p>	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>nhà nước có thẩm quyền khác thẩm định các hồ sơ về môi trường. Thời hạn kiểm tra, đánh giá, cấp giấy phép môi trường không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, không tính thời gian chủ dự án, cơ sở bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.</p> <p>8. Thời điểm cấp giấy phép môi trường</p> <p>a) Đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này phải có giấy phép môi trường trước khi vận hành thử nghiệm công trình, thiết bị xử lý chất thải (sau đây gọi chung là công trình xử lý chất thải) của dự án;</p> <p>b) Đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này phải có giấy phép môi trường trước khi đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, thẩm định thiết kế cơ sở (đối với dự án có nhiều bước thiết kế) hoặc thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công (đối với dự án chỉ yêu cầu thiết kế một bước) theo quy định của pháp luật về xây dựng. Trường hợp dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện thẩm định thiết kế xây dựng, phải có giấy phép môi trường trước khi được cơ quan có thẩm quyền cấp, điều chỉnh giấy phép xây dựng hoặc trước khi xả, thải chất thải ra môi trường;</p> <p>c) Cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung quy định tại điểm a khoản 1 Điều này đã đi vào vận hành thương mại trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường, giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, giấy phép xử lý chất thải nguy hại, giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi hoặc các loại giấy phép, chứng nhận, xác nhận về môi trường tương đương (sau đây gọi chung là giấy phép môi trường đã cấp) được tiếp tục sử dụng như giấy phép môi trường đến hết thời hạn của giấy phép đã cấp hoặc được tiếp tục sử dụng trong thời hạn 05 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành nếu các giấy phép đã cấp không có thời hạn. Trường hợp cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh dịch vụ tập trung đã có giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi nhưng chưa có nội</p>	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>dung về xả khí thải và quản lý chất thải rắn, chủ cơ sở báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường bổ sung các nội dung chưa được cấp phép trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành;</p> <p>d) Cơ sở và khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung quy định tại điểm a khoản 1 Điều này đã đi vào vận hành thương mại trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, có phát sinh chất thải phải xử lý để bảo đảm đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc phải quản lý chất thải theo quy định của pháp luật phải lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành;</p> <p>đ) Đối với dự án quy định tại điểm a khoản 1 Điều này đang vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định của pháp luật trước thời điểm Luật này có hiệu lực thi hành, chủ dự án được lựa chọn tiếp tục vận hành thử nghiệm để được cấp giấy phép môi trường sau khi kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải hoặc lập hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này trước khi hết hạn vận hành thử nghiệm. Chủ dự án không phải vận hành thử nghiệm lại công trình xử lý chất thải quy định tại Điều 24 Luật này.</p> <p>9. Thời hạn của giấy phép môi trường:</p> <p>a) Là 05 năm kể từ ngày cấp đối với trường hợp phải thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và các hồ sơ môi trường tương đương;</p> <p>b) Là 10 năm kể từ ngày cấp đối với trường hợp thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này;</p> <p>c) Không có thời hạn đối với trường hợp còn lại.</p> <p>10. Giấy phép môi trường được cấp căn cứ vào hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường, phân vùng môi trường, quy hoạch bảo vệ môi trường, sức chịu tải của môi trường (nếu có), quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có liên quan. Việc cấp giấy phép môi trường được thực hiện thông qua hội đồng đánh giá và kiểm tra thực tế.</p> <p>11. Giấy phép môi trường cấp cho từng công trình, hạng mục công trình</p>	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>xả nước thải, xả khí thải, quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại, đủ điều kiện để nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, các hạng mục và yêu cầu bảo vệ môi trường hoặc cho toàn bộ hoạt động bảo vệ môi trường của toàn bộ dự án, cơ sở, khu sản xuất kinh doanh, dịch vụ tập trung.</p> <p>Giấy phép môi trường là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra các hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.</p> <p>12. Kể từ ngày giấy phép môi trường có hiệu lực, các văn bản: quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép, giấy chứng nhận, xác nhận, thẩm định về môi trường của dự án hết hiệu lực.</p> <p>Trường hợp có thay đổi tên chủ dự án, cơ sở, chủ dự án, cơ sở mới có trách nhiệm tiếp tục thực hiện giấy phép môi trường và thông báo cho cơ quan cấp giấy phép môi trường biết để được cấp đổi giấy phép với tên chủ dự án, cơ sở mới.</p> <p>13. Giấy phép môi trường được điều chỉnh, đình chỉ hiệu lực một phần, tước quyền sử dụng, thu hồi hoặc cấp lại trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Điều chỉnh trong thời hạn của giấy phép môi trường khi có nội dung thay đổi trong giấy phép không liên quan đến thay đổi công trình xử lý chất thải, trừ trường hợp thay đổi theo hướng tốt hơn hoặc xây lắp thêm các hạng mục công trình, thiết bị cải thiện, bổ sung nhằm đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường tốt hơn, thân thiện môi trường. Việc thay đổi này phải phù hợp với quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật liên quan;</p> <p>b) Đình chỉ hiệu lực một phần khi tổ chức, cá nhân có vi phạm liên quan đến một phần của giấy phép cần phải đình chỉ để bảo vệ môi trường. Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép môi trường phải khắc phục trong thời hạn đình chỉ;</p> <p>c) Tước quyền sử dụng giấy phép môi trường khi tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đến mức phải tước quyền sử dụng giấy phép. Tổ chức, cá nhân phải khắc phục vi phạm</p>	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>theo quy định;</p> <p>d) Thu hồi giấy phép môi trường trong trường hợp cấp không đúng thẩm quyền hoặc tổ chức, cá nhân vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng hoặc phạm tội về môi trường cần phải thu hồi giấy phép để xử lý theo quy định của pháp luật;</p> <p>đ) Cấp lại giấy phép môi trường trong trường hợp giấy phép hết hạn, cần phải rà soát, đánh giá lại các công trình bảo vệ môi trường bảo đảm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc do yêu cầu bảo vệ môi trường theo hướng nghiêm ngặt hơn theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ phát triển. Việc cấp lại giấy phép môi trường thực hiện theo quy định tại Điều này.</p> <p>14. Chính phủ chi tiết hồ sơ, trình tự, thủ tục, các mẫu văn bản, báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, mẫu giấy phép môi trường và các nội dung chi tiết khác phù hợp với quy mô, tính chất của nguồn thải.</p>	
			<p>Điều 24. Quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải sau khi được cấp giấy phép môi trường</p> <p>1. Công trình bảo vệ môi trường của dự án, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung được phân thành ba loại:</p> <p>a) Công trình xử lý chất thải là công trình, thiết bị xử lý nước thải, bụi, khí thải, chất thải rắn và chất thải nguy hại, phải được vận hành thử nghiệm để đánh giá sự phù hợp và đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường;</p> <p>b) Công trình thu gom, lưu giữ chất thải rắn là công trình, thiết bị thu gom, lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải rắn y tế, chất thải rắn nguy hại để đáp ứng yêu cầu phân loại, thu gom, lưu giữ, tái sử dụng, tái chế, vận chuyển chất thải rắn đến địa điểm xử lý hoặc tái sử dụng, tái chế theo quy định;</p> <p>c) Công trình bảo vệ môi trường khác không liên quan đến chất thải.</p> <p>2. Chủ dự án, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung có công trình xử lý chất thải quy định tại điểm a khoản 1 Điều này sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường phải</p>	Sửa đổi, bổ sung

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>thực hiện kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đồng thời với quá trình vận hành thử nghiệm toàn bộ dự án hoặc cho từng phân kỳ đầu tư của dự án (nếu dự án có phân kỳ đầu tư theo từng giai đoạn) hoặc cho hạng mục công trình xử lý chất thải độc lập của dự án, trừ trường hợp quy định tại các điểm c, d và đ khoản 8 Điều 23 Luật này khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Đã hoàn thành các công trình xử lý chất thải, công trình, thiết bị phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường theo nội dung giấy phép môi trường;</p> <p>b) Đã lắp đặt hoàn thành các thiết bị, hệ thống quan trắc chất thải tự động, liên tục để giám sát chất lượng nước thải, khí thải theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Có quy trình vận hành các công trình xử lý chất thải của dự án, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường;</p> <p>d) Đã lập hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải trước khi trình cơ quan có thẩm quyền về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu và được bàn giao, nghiệm thu theo quy định của pháp luật về xây dựng. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải;</p> <p>3. Thời gian vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải từ 03 đến 06 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.</p> <p>4. Chủ dự án, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung tổ chức vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải và có trách nhiệm sau:</p> <p>a) Phối hợp với cơ quan cấp phép để được kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm; tổ chức theo dõi, giám sát kết quả quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục được kết nối với internet, truyền số liệu về cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh nơi triển khai dự án theo quy định của pháp luật. Trường hợp giấy phép môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp phép phải thông báo và phối hợp với cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh nơi thực hiện dự án để kiểm tra, giám sát;</p>	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>b) Phối hợp với tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường để quan trắc chất thải (lấy mẫu tổ hợp), đánh giá hiệu quả trong từng công đoạn xử lý và cả công trình xử lý chất thải. Việc quan trắc chất thải phải tuân thủ theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc quan trắc chất thải của các công trình xử lý chất thải thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>c) Tự đánh giá hoặc thuê tổ chức có đủ năng lực đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý chất thải; tổng hợp, đánh giá các số liệu quan trắc chất thải gửi cơ quan đã cấp giấy phép môi trường để kiểm tra khi cần thiết.</p> <p>5. Trong quá trình vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải nếu chất thải không đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về môi trường, chủ dự án, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung phải thực hiện các biện pháp sau:</p> <p>a) Dừng hoạt động hoặc giảm công suất của dự án để bảo đảm các công trình xử lý chất thải hiện hữu có thể xử lý các loại chất thải phát sinh đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường;</p> <p>b) Cải tạo, nâng cấp, xây dựng bổ sung các công trình xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định; điều chỉnh quy trình vận hành công trình xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường;</p> <p>c) Trường hợp gây ra sự cố ô nhiễm môi trường, gây ô nhiễm môi trường, chủ dự án, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung phải dừng ngay hoạt động vận hành thử nghiệm và báo cáo kịp thời tới cơ quan cấp giấy phép môi trường và các cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường ở địa phương để được hướng dẫn giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố ô nhiễm môi trường, bồi thường thiệt hại và bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật;</p> <p>d) Đề nghị điều chỉnh giấy phép môi trường (nếu có) và vận hành thử nghiệm lại công trình xử lý chất thải theo quy định tại khoản 3 Điều này.</p>	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>Điều 25. Quyền, trách nhiệm của chủ dự án, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung được cấp giấy phép môi trường</p> <p>1. Chủ dự án, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung được cấp giấy phép môi trường có các quyền sau đây:</p> <p>a) Được thực hiện các nội dung quy định trong giấy phép môi trường;</p> <p>b) Đề nghị điều chỉnh giấy phép; đổi tên chủ giấy phép môi trường trong trường hợp thay đổi chủ dự án, chủ cơ sở; chuyển nhượng công trình; trả lại giấy phép môi trường trong trường hợp dừng hoạt động;</p> <p>c) Tố cáo các hành vi vi phạm đến quyền lợi của chủ giấy phép theo quy định của pháp luật;</p> <p>d) Quyền khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Chủ dự án, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung được cấp giấy phép môi trường có trách nhiệm:</p> <p>a) Thực hiện đúng quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định tại Điều 26 Luật này;</p> <p>b) Thực hiện đầy đủ các nội dung, quy định về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường;</p> <p>c) Thực hiện các nghĩa vụ về thuế, phí, tài chính khác theo quy định của pháp luật đối với các hoạt động đã được cấp giấy phép về môi trường;</p> <p>d) Hợp tác và cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra;</p> <p>đ) Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p>	Sửa đổi, bổ sung
			<p>Điều 26. Trách nhiệm của cơ quan cấp giấy phép môi trường</p> <p>1. Tiếp nhận, kiểm tra, cấp giấy phép môi trường; điều chỉnh, cấp lại giấy phép môi trường theo đề nghị của chủ dự án; cho phép chuyển nhượng, đình chỉ hiệu lực, tước quyền sử dụng, thu hồi giấy phép môi trường theo quy định.</p> <p>2. Chủ trì, phối hợp với chủ giấy phép để kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải, tiến hành lấy mẫu đơn đột xuất để phân tích các thông số môi trường trong chất thải sau xử lý để đối chiếu với kết quả quan trắc chất thải do chủ dự án thực hiện trong</p>	Quy định mới

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>trường hợp cần thiết;</p> <p>3. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện các nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Tiếp nhận và xử lý kiến nghị về bảo vệ môi trường đối với các nội dung quy định trong giấy phép môi trường; hướng dẫn chủ giấy phép vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải và khắc phục ô nhiễm, sự cố ô nhiễm môi trường (nếu có) trong quá trình vận hành thử nghiệm.</p> <p>5. Xây dựng, tích hợp cơ sở dữ liệu về giấy phép môi trường vào hệ thống cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia.</p>	
Chương III. Bảo vệ môi trường trong khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên		Chương III. Quản lý cảnh quan thiên nhiên và bảo vệ môi trường trong khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên		Bổ sung nội dung về “Quản lý cảnh quan thiên nhiên” (Mục 1); giữ nguyên nội dung về “Bảo vệ môi trường trong khai thác, sử dụng tài nguyên thiên

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
				nhiên”
		Mục 1. Quản lý cảnh quan thiên nhiên		Quy định mới
			<p>Điều 27. Cảnh quan thiên nhiên quan trọng</p> <p>1. Các cảnh quan thiên nhiên quan trọng là các cảnh quan được quy định tại khoản này. Căn cứ vào mức độ nhạy cảm, yêu cầu về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, các cảnh quan thiên nhiên quan trọng được phân chia thành các nhóm sau đây:</p> <p>a) Nhóm 1: các khu bảo tồn thiên nhiên; khu bảo tồn biển; khu rừng đặc dụng là Vườn quốc gia, Khu dự trữ thiên nhiên, Khu bảo tồn loài - sinh cảnh; cảnh quan thiên nhiên được công nhận là Di tích quốc gia đặc biệt, Di tích quốc gia theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, thủy sản, lâm nghiệp, di sản và các khu được thế giới công nhận là khu Ramsar, Khu di sản thiên nhiên thế giới, Vườn di sản ASEAN;</p> <p>b) Nhóm 2: các khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản; khu rừng đặc dụng là Khu bảo vệ cảnh quan, Khu rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học, vườn thực vật quốc gia, rừng giống quốc gia; khu rừng phòng hộ; di tích cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về thủy sản, lâm nghiệp, di sản; Công viên địa chất toàn cầu;</p> <p>c) Nhóm 3: các vùng đất ngập nước quan trọng; các khu vực có đa dạng sinh học cao, hành lang đa dạng sinh học (nằm ngoài phạm vi diện tích của các khu thuộc Nhóm 1 tại Điểm a Khoản này); vùng đệm khu bảo tồn thiên nhiên; vùng đệm các khu rừng phòng hộ; vùng đệm khu dự trữ sinh quyển thế giới theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, thủy sản, lâm nghiệp hoặc được thế giới công nhận; công viên, không gian xanh lớn, vành đai xanh, rừng, hang động, sông, suối, thác nước, dòng chảy quan trọng tại các khu vực đô thị và nông thôn.</p> <p>2. Các cảnh quan thiên nhiên quan trọng nêu tại khoản 1 Điều này được</p>	Quy định mới

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>xác lập theo các quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, thủy sản, lâm nghiệp, di sản, bảo vệ môi trường của Việt Nam và các quy định của các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p> <p>3. Chính phủ quy định tiêu chí xác lập các cảnh quan thiên nhiên quan trọng thuộc Nhóm 3 là công viên, không gian xanh lớn, vành đai xanh, rừng, hang động, sông, suối, thác nước, dòng chảy quan trọng tại các khu vực đô thị và nông thôn.</p>	
			<p>Điều 28. Nội dung bảo vệ cảnh quan thiên nhiên quan trọng</p> <p>1. Bảo vệ cảnh quan thiên nhiên là việc bảo tồn và duy trì các thành phần, cấu trúc, chức năng quan trọng của cảnh quan thiên nhiên.</p> <p>2. Cảnh quan thiên nhiên quan trọng phải được đánh giá, xếp hạng, xác định ranh giới trên thực địa; xác lập kế hoạch, phương án để duy trì và bảo vệ hình thái, thành phần, cấu trúc, chức năng và các giá trị khác theo các quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xác định các cảnh quan thiên nhiên quan trọng trên địa bàn được giao quản lý là công viên, không gian xanh lớn, vành đai xanh, rừng, sông, suối, thác nước, dòng chảy quan trọng tại các khu vực đô thị và nông thôn.</p> <p>4. Cảnh quan thiên nhiên quan trọng được bảo vệ và quản lý theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, thủy sản, lâm nghiệp, di sản, du lịch, bảo vệ môi trường của Việt Nam và các quy định của các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p> <p>5. Các cảnh quan thiên nhiên quan trọng là một nội dung của quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia có liên quan, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh;</p> <p>6. Việc khai thác, sử dụng các thành phần của cảnh quan thiên nhiên quan trọng phải đảm bảo duy trì được hình thái, cấu trúc và các chức năng của cảnh quan thiên nhiên.</p> <p>7. Chính phủ ban hành quy định cụ thể về bảo vệ cảnh quan thiên nhiên.</p>	Quy định mới
			Điều 29 . Nội dung đánh giá tác động đa dạng sinh học trong đánh giá tác	Quy

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>động môi trường đối với cảnh quan thiên nhiên quan trọng</p> <p>1. Đánh giá tác động đa dạng sinh học (BIA) trong đánh giá tác động môi trường là quá trình phân tích, dự báo tác động của dự án đầu tư đến đa dạng sinh học để đưa ra biện pháp nhằm đạt được các mục tiêu bảo toàn đa dạng sinh học, sử dụng lâu bền các bộ phận hợp thành của đa dạng sinh học và phân phối công bằng, hợp lý các lợi ích phát sinh từ các nguồn tài nguyên di truyền.</p> <p>2. Nội dung đánh giá tác động đa dạng sinh học trong đánh giá tác động môi trường đối với các cảnh quan thiên nhiên quan trọng phải:</p> <p>a) Đánh giá các tác động chi tiết tới hình thái, thành phần, cấu trúc, chức năng và đa dạng sinh học của cảnh quan;</p> <p>b) Đáp ứng các nguyên tắc cơ bản sau đây: bảo vệ tính toàn vẹn về hình thái, cấu trúc và chức năng của cảnh quan; bảo vệ môi trường sống; ưu tiên bảo vệ các loài quý, hiếm và nguy cấp; không làm mất giá trị thực; phòng ngừa rủi ro; huy động tri thức bản địa và sự tham gia của các bên có liên quan, cộng đồng dân cư.</p> <p>3. Các dự án đầu tư có tác động xấu đến các cảnh quan thiên nhiên quan trọng thuộc Nhóm 1 quy định tại điểm a khoản 1 Điều 29 phải thực hiện và lập báo cáo chuyên đề về đánh giá tác động chi tiết đến đa dạng sinh học đính kèm theo báo cáo đánh giá tác động môi trường.</p> <p>4. Các dự án đầu tư có tác động xấu đến các cảnh quan thiên nhiên quan trọng thuộc các nhóm 2 và 3 quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 29 phải thực hiện và có một nội dung về đánh giá tác động chi tiết đến đa dạng sinh học trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.</p> <p>5. Hồ sơ đánh giá tác động môi trường, trong đó có nội dung về đánh giá tác động đa dạng sinh học của các dự án đầu tư có tác động xấu đến các cảnh quan thiên nhiên quan trọng thuộc các Nhóm 1 và 2 quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 29 do Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định.</p> <p>6. Chính phủ quy định chi tiết về nội dung của đánh giá tác động đa dạng sinh học trong quá trình đánh giá môi trường chiến lược và đánh giá tác động môi trường.</p>	định mới

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>Điều 30. Bồi hoàn đa dạng sinh học</p> <p>1. Bồi hoàn đa dạng sinh học là việc bù đắp cho các giá trị đa dạng sinh học bị mất đi do tác động của dự án đầu tư gây ra sau khi đã áp dụng các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường và đa dạng sinh học.</p> <p>2. Chủ dự án có tác động làm suy giảm đa dạng sinh học của các đối tượng thuộc Nhóm 1 quy định tại điểm a khoản 1 Điều 29 có trách nhiệm:</p> <p>a) Đánh giá đa dạng sinh học của khu vực bị tác động bởi dự án;</p> <p>b) Dự báo mức độ suy giảm của đa dạng sinh học do việc triển khai dự án gây ra mà không thể giảm thiểu được (nếu có);</p> <p>c) Đề xuất phương án bồi hoàn đa dạng sinh học.</p> <p>3. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản sau đây:</p> <p>a) Đa dạng sinh học được bồi hoàn phải hơn hoặc tương đương với đa dạng sinh học bị suy giảm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Ưu tiên thực hiện phương án bồi hoàn đa dạng sinh học tại khu vực bị mất đa dạng sinh học do thực hiện dự án. Trường hợp không thể thực hiện được tại chỗ thì chủ dự án có trách nhiệm đề xuất một địa điểm khác phù hợp với các quy định hiện hành về đầu tư, phát triển và bảo tồn đa dạng sinh học.</p> <p>4. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có) là một nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường và phải được lấy ý kiến của cơ quan thẩm tra theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này và lộ trình áp dụng cụ thể phù hợp với điều kiện thực tiễn của đất nước.</p>	Quy định mới
			<p>Điều 31. Chi trả dịch vụ hệ sinh thái</p> <p>1. Dịch vụ hệ sinh thái là các lợi ích của hệ sinh thái cung cấp các dịch vụ tự nhiên cho nhu cầu của con người một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.</p> <p>2. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh được hưởng lợi từ các dịch vụ hệ sinh thái quan trọng dưới đây phải thực hiện chi trả các dịch vụ đó</p>	Quy định mới

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>nhằm bảo vệ, duy trì vẻ đẹp cảnh quan tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học hệ sinh thái:</p> <p>a) Hệ sinh thái rừng;</p> <p>b) Hệ sinh thái đất ngập nước;</p> <p>c) Hệ sinh thái san hô, cỏ biển;</p> <p>d) Hệ sinh thái núi đá vôi, công viên địa chất.</p> <p>3. Bên hưởng lợi từ các dịch vụ hệ sinh thái theo quy định tại khoản 2 điều này phải chi trả dịch vụ hệ sinh thái cho bên cung ứng dịch vụ hệ sinh thái. Việc chi trả dịch vụ hệ sinh thái được thực hiện bằng tiền thông qua việc chi trả trực tiếp hoặc chi trả gián tiếp; tiền chi trả dịch vụ hệ sinh thái là một yếu tố cấu thành giá thành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của bên hưởng lợi từ các dịch vụ hệ sinh thái.</p> <p>4. Đối tượng phải chi trả tiền dịch vụ hệ sinh thái:</p> <p>a) Đối với hệ sinh thái quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp;</p> <p>b) Đối với hệ sinh thái quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều này, gồm: tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và các đối tượng khác theo quy định của pháp luật mà được hưởng lợi từ hệ sinh thái.</p> <p>5. Chính phủ quy định chi tiết đối tượng, hình thức chi trả, mức chi trả, lộ trình áp dụng thu dịch vụ hệ sinh thái quy định tại Điều này.</p>	
		Mục 2. Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên		
			<p>Điều 32. Tài nguyên thiên nhiên</p> <p>1. Tài nguyên thiên nhiên là các dạng vật chất hữu cơ và vô cơ tồn tại trong thiên nhiên và được sử dụng hoặc có thể được sử dụng để đáp ứng nhu cầu của con người.</p>	Quy định mới

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>2. Tùy theo đặc điểm và khả năng tái tạo, tài nguyên thiên nhiên được phân chia thành các nhóm sau:</p> <p>a) Nhóm tài nguyên thiên nhiên có tính tương đối ổn định làm nền tảng cho sự tồn tại của sự sống trên trái đất, bao gồm đất, nước, không khí, khí hậu, năng lượng mặt trời và các tài nguyên khác;</p> <p>b) Nhóm tài nguyên thiên nhiên có khả năng tự tái tạo bao gồm đất, rừng, thảm thực vật, động vật và các loài sinh hoạt khác, có khả năng tự tái sinh hoặc tái sinh với sự giúp đỡ của con người;</p> <p>c) Nhóm tài nguyên thiên nhiên không có khả năng tái tạo bao gồm dầu, khí đốt, một số khoáng chất có số lượng hạn chế và rất khó tái tạo hoặc không thể tái tạo hoàn toàn.</p> <p>3. Khả năng tái tạo là một căn cứ quan trọng để xác định mức độ sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.</p>	
	<p>Điều 35. Bảo vệ môi trường trong điều tra, đánh giá, lập quy hoạch sử dụng tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học</p> <p>1. Các nguồn tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học phải được điều tra, đánh giá thực trạng, khả năng tái sinh, giá trị kinh tế để làm căn cứ lập quy hoạch sử dụng hợp lý; xác định giới hạn cho phép khai thác, mức thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường, ký quỹ phục hồi môi trường, bồi hoàn đa dạng sinh học, bồi thường thiệt hại về môi trường, các biện pháp khác để bảo vệ tài nguyên và môi trường.</p> <p>2. Việc điều tra, đánh giá và lập quy hoạch sử dụng tài nguyên thiên nhiên phải được thực hiện theo quy</p>		<p>Điều 33. Nội dung bảo vệ tài nguyên thiên nhiên</p> <p>1. Các nguồn tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học phải được điều tra, đánh giá thực trạng, khả năng tái sinh, tạo và giá trị kinh tế để làm căn cứ lập quy hoạch sử dụng hợp lý; xác định giới hạn cho phép khai thác, mức thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường, ký quỹ phục hồi môi trường, bồi hoàn đa dạng sinh học, bồi thường thiệt hại về môi trường, các biện pháp khác để bảo vệ tài nguyên và môi trường.</p> <p>2. Việc điều tra, đánh giá và lập quy hoạch sử dụng tài nguyên thiên nhiên phải được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Chính phủ ban hành quy định cụ thể về phí bảo vệ môi trường, ký quỹ phục hồi môi trường, bồi hoàn đa dạng sinh học, bồi thường thiệt hại về môi trường, các biện pháp khác để bảo vệ tài nguyên và môi trường.</p>	Điều chỉnh

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	định của pháp luật.			
			<p>Điều 34. Trách nhiệm, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sử dụng tài nguyên thiên nhiên</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Sử dụng tài nguyên thiên nhiên hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững. 2. Không được xâm phạm quyền, lợi ích của người khác trong việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên. 3. Thực hiện đánh giá các tác động của các dự án có sử dụng tài nguyên thiên nhiên đến môi trường và xã hội. 4. Khắc phục các tác động tiêu cực, duy trì và phục hồi các khu vực bị ảnh hưởng do việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên gây ra. 5. Đóng góp và tham gia tích cực vào việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. 6. Chi trả các dịch vụ hệ sinh thái và phí bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. 7. Bồi hoàn môi trường, bồi thường các thiệt hại môi trường tự nhiên và xã hội do việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên gây ra. 8. Thực hiện các nghĩa vụ khác để bảo vệ tài nguyên thiên nhiên theo quy định của pháp luật. 	Quy định mới
	Điều 36. Bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên rừng			Bãi bỏ
	Điều 37. Bảo vệ môi trường trong điều tra cơ bản, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên			Bãi bỏ
	Điều 38. Bảo vệ môi trường trong hoạt động thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản			Lồng ghép nội dung vào Điều 135

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
Chương IV. Ứng phó với biến đổi khí hậu		Chương V. Ứng phó với biến đổi khí hậu		
	Điều 39. Quy định chung về ứng phó với biến đổi khí hậu			Điều chỉnh, lồng ghép vào các Điều khác
			<p>Điều 35. Thích ứng với biến đổi khí hậu</p> <p>1. Nội dung thích ứng với biến đổi khí hậu</p> <p>a) Đánh giá tác động, tình trạng dễ bị tổn thương, rủi ro do biến đổi khí hậu, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu đối với các lĩnh vực, khu vực và đối tượng người dân dựa trên cơ sở kịch bản biến đổi khí hậu và dự báo phát triển kinh tế - xã hội;</p> <p>b) Triển khai các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ rủi ro thiên tai, bảo đảm an sinh xã hội, duy trì hệ sinh thái và đa dạng sinh học; ứng phó với nước biển dâng và ngập lụt đô thị;</p> <p>c) Đúc kết và nhân rộng các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng, tự nhiên và hệ sinh thái;</p> <p>d) Xây dựng và triển khai hệ thống giám sát và đánh giá các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia, cấp ngành và cấp dự án;</p> <p>đ) Xây dựng và định kỳ 05 năm một lần rà soát, cập nhật Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu và kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu cho các vùng nhạy cảm, dễ bị tổn thương và có rủi ro cao trước tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu.</p> <p>2. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành cơ chế, chính sách bảo đảm hài hòa lợi ích, tạo động lực khuyến khích các bên liên quan tích cực tham gia, thực hiện</p>	Quy định mới

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu; Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu; hệ thống quốc gia giám sát và đánh giá các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu.</p> <p>3. Các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tham gia triển khai thực hiện các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu thuộc phạm vi quản lý.</p> <p>4. Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành hướng dẫn đánh giá tác động, tình trạng dễ bị tổn thương và rủi ro do biến đổi khí hậu; ban hành tiêu chí đối với các hoạt động thích ứng biến đổi khí hậu, hướng dẫn giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu; tổ chức thực hiện việc giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia.</p> <p>5. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp ngành và cấp dự án.</p>	
	Điều 40. Lồng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội			Thay thế bằng Điều 39
	Điều 41. Quản lý phát thải khí nhà kính			Sửa đổi, lồng ghép vào Điều khác
			<p>Điều 36. Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính</p> <p>1. Khí nhà kính là các khí trong khí quyển, có nguồn gốc từ tự nhiên hoặc nhân tạo, gây ra sự nóng lên toàn cầu và biến đổi khí hậu, bao gồm: hơi nước (H₂O), điôxit cacbon (CO₂), ôxit nitơ (N₂O), mê tan (CH₄), ôzôn (O₃); halocarbons và các chất khác có các thành phần chứa clo và brom; sulphur hexafluoride (SF₆), hydrofluorocarbons (HFCs) và perfluorocarbons (PFCs) SF₆, HFCs và PFCs.</p>	Sửa đổi, bổ sung

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>2. Nội dung giảm nhẹ phát thải khí nhà kính gồm:</p> <p>a) Tổ chức thực hiện các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội; quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và nâng cao trữ lượng các-bon rừng, bảo vệ và phát triển các hệ sinh thái có khả năng hấp thụ khí nhà kính;</p> <p>b) Xây dựng và triển khai các cơ chế, phương thức hợp tác về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;</p> <p>c) Hình thành và phát triển thị trường tín chỉ các-bon trong nước và tham gia thị trường tín chỉ các-bon thế giới;</p> <p>d) Kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia, cấp địa phương, cấp ngành và lĩnh vực có liên quan;</p> <p>đ) Kiểm tra, thanh tra việc tuân thủ các quy định về kiểm kê khí nhà kính, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, việc thực hiện cơ chế, phương thức hợp tác về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.</p> <p>2. Chính phủ quy định lộ trình, phương thức tham gia hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính toàn cầu phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và cam kết tại điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.</p> <p>3. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan:</p> <p>a) Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục các bộ, ngành, địa phương, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính; ban hành hệ thống quốc gia kiểm kê khí nhà kính; hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định (MRV) giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp quốc gia;</p> <p>b) Xây dựng, ban hành danh mục và cập nhật các hệ số phát thải phục vụ kiểm kê quốc gia khí nhà kính; tổ chức thực hiện kiểm kê quốc gia khí nhà kính định kỳ hai năm một lần; xây dựng báo cáo quốc gia về phát thải khí nhà kính;</p> <p>c) Xây dựng quy định việc áp dụng cơ chế, phương thức hợp tác về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, đảm bảo hài hòa giữa trách nhiệm và quyền</p>	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>lợi trong giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, phù hợp với quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.</p> <p>4. Các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tham gia triển khai thực hiện các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.</p> <p>5. Các bộ, ngành được quy định trong danh mục phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính có trách nhiệm:</p> <p>a) Xây dựng hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định (MRV) giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp ngành;</p> <p>b) Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính hằng năm trong phạm vi quản lý gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>6. Các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ sở phát thải khí nhà kính được quy định trong danh mục phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính có trách nhiệm:</p> <p>a) Xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm kê khí nhà kính định kỳ hai năm một lần;</p> <p>b) Cung cấp thông tin, số liệu phục vụ kiểm kê quốc gia khí nhà kính; báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường kết quả kiểm kê khí nhà kính.</p>	
			<p>Điều 37. Định giá các-bon và thị trường tín chỉ các-bon</p> <p>1. Tín chỉ các-bon là sự chứng nhận hoặc giấy phép có thể giao dịch thương mại liên quan đến giảm phát thải khí nhà kính.</p> <p>2. Chính phủ quy định chi tiết nội dung và lộ trình phát triển thị trường tín chỉ các-bon trong nước và tham gia thị trường tín chỉ các-bon thế giới phù hợp với các cam kết quốc tế.</p> <p>3. Thủ tướng Chính phủ ban hành đề án phát triển thị trường tín chỉ các-bon ở Việt Nam theo lộ trình, phù hợp với điều kiện quốc gia và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.</p> <p>4. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng, ban hành quy định việc áp dụng cơ chế, phương thức hợp tác về tín chỉ các-bon, đảm bảo hài hòa giữa trách nhiệm và quyền lợi trong giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC).</p> <p>5. Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành cơ chế tài chính thúc đẩy định giá</p>	Bổ sung mới

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			các-bon và phát triển thị trường tín chỉ các-bon. 6. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích, huy động nguồn vốn đầu tư cho các cơ chế, phương thức hợp tác về tín chỉ các-bon.	
	Điều 42. Quản lý các chất làm suy giảm tầng ô - dôn		Điều 38. Bảo vệ tầng ô-dôn	Sửa đổi, bổ sung
	1. Ưu tiên xây dựng, thực hiện chính sách, kế hoạch quản lý, giảm thiểu, loại bỏ các chất làm suy giảm tầng ô - dôn.			Bãi bỏ
			1. Bảo vệ tầng ô-dôn là trách nhiệm mọi tổ chức, cá nhân.	Quy định mới
			2. Nội dung bảo vệ tầng ô-dôn bao gồm các hoạt động quản lý sản xuất, xuất nhập khẩu, sử dụng và loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính kiểm soát bởi Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn.	Quy định mới
			3. Các đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có các thiết bị, dây chuyền sản xuất, sản phẩm có chứa hoặc sử dụng chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính kiểm soát bởi Nghị định thư Montreal phải xây dựng lộ trình phù hợp để thay thế, loại bỏ.	Quy định mới
			4. Khuyến khích thực hiện việc thu gom, tái chế, tái sử dụng hoặc tiêu hủy các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính kiểm soát bởi Nghị định thư Montreal trong các thiết bị làm lạnh dân dụng và công nghiệp khi không còn sử dụng.	Quy định mới
	2. Cấm sản xuất, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất và tiêu thụ các chất làm suy giảm tầng ô - dôn theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.		5. Cấm sản xuất, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất và tiêu thụ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính theo lộ trình thực hiện Nghị định thư Montreal và các điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. .	Điều chỉnh nội dung

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			6. Chính phủ quy định chi tiết về quản lý, loại trừ các chất được kiểm soát bởi Nghị định thư Montreal và các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.	Quy định mới
			7. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan liên quan quản lý, kiểm soát, giảm thiểu sử dụng, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính kiểm soát bởi Nghị định thư Montreal.	
			<p>Điều 39. Lồng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu vào hệ thống quy hoạch</p> <p>1. Nội dung lồng ghép ứng phó với biến đổi khí hậu</p> <p>a) Biến đổi khí hậu và tác động của biến đổi khí hậu được sử dụng để xác định các mục tiêu dài hạn của hệ thống quy hoạch;</p> <p>b) Các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu được lồng ghép vào các nội dung của hệ thống quy hoạch;</p> <p>c) Kết quả phân tích, đánh giá các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu được sử dụng trong việc xác định các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của hệ thống quy hoạch.</p> <p>2. Hệ thống quy hoạch thuộc danh mục đối tượng phải lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược phải lồng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.</p> <p>3. Việc thẩm định lồng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu vào hệ thống quy hoạch được thực hiện đồng thời trong quá trình thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược.</p> <p>4. Báo cáo đánh giá tác động của biến đổi khí hậu là một nội dung được xem xét trong quá trình thẩm định các quy hoạch.</p> <p>5. Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn và thẩm định lồng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu vào hệ thống quy hoạch.</p>	Quy định mới
			<p>Điều 40. Cơ sở dữ liệu quốc gia về biến đổi khí hậu</p> <p>1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về biến đổi khí hậu bao gồm các thông tin, dữ liệu liên quan đến biến đổi khí hậu và các hoạt động ứng phó với biến</p>	Quy định mới

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn.</p> <p>2. Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức xây dựng, cập nhật và hướng dẫn khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về biến đổi khí hậu.</p> <p>3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin, dữ liệu được quy định tại khoản 1 Điều này thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>	
			<p>Điều 41. Báo cáo quốc gia về biến đổi khí hậu</p> <p>1. Nội dung báo cáo quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu</p> <p>a) Tổng quan diễn biến, tác động của biến đổi khí hậu;</p> <p>b) Kết quả kiểm kê quốc gia khí nhà kính;</p> <p>c) Các nỗ lực thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính;</p> <p>d) Tình hình thực hiện các cam kết quốc tế về biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn;</p> <p>đ) Dự báo tác động của biến đổi khí hậu đến kinh tế, xã hội, môi trường;</p> <p>e) Kiến nghị các giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu.</p> <p>2. Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn xây dựng báo cáo quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu của các bộ, ngành và địa phương; xây dựng báo cáo về biến đổi khí hậu và định kỳ hai năm một lần báo cáo Chính phủ, Quốc hội.</p> <p>3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lập báo cáo về biến đổi khí hậu thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>	Quy định mới
			<p>Điều 42. Thực hiện nghĩa vụ quốc gia về biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn</p> <p>1. Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường:</p> <p>a) Là đầu mối tổ chức thực hiện cam kết quốc tế về biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;</p>	Bổ sung mới

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>b) Tổ chức xây dựng, cập nhật, triển khai thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC), Báo cáo minh bạch (BTR) và các báo cáo quốc gia khác về biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;</p> <p>c) Xây dựng các cơ chế, chính sách huy động và quản lý nguồn lực để thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC), những cam kết của Việt Nam đối với quốc tế về biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.</p> <p>2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tham gia triển khai thực hiện cam kết quốc tế về biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; báo cáo kết quả thực hiện gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo theo quy định.</p>	
	Điều 43. Phát triển năng lượng tái tạo			Bỏ điều này, lồng ghép nội dung
	Điều 44. Sản xuất và tiêu thụ thân thiện môi trường			Bỏ điều này, lồng ghép nội dung
	Điều 45. Thu hồi năng lượng từ chất thải			Bỏ điều này, lồng ghép

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
				nội dung
	Điều 46. Quyền và trách nhiệm của cộng đồng trong ứng phó với biến đổi khí hậu			Bỏ điều này, lồng ghép nội dung
	Điều 47. Phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ ứng phó với biến đổi khí hậu			Bỏ điều này, lồng ghép nội dung
	Điều 48. Hợp tác quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu		Điều 43. Hoạt động hợp tác quốc tế về biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn	Sửa đổi, bổ sung
			1. Việt Nam nỗ lực cùng cộng đồng quốc tế ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu, bảo vệ tầng ô-dôn theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.	Quy định mới
	1. Nhà nước có chính sách hợp tác quốc tế thu hút đầu tư, hỗ trợ tài chính, phát triển và chuyển giao công nghệ, tăng cường năng lực nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu hướng tới nền kinh tế xanh.		2. Nhà nước có chính sách hợp tác quốc tế thu hút đầu tư, hỗ trợ tài chính, phát triển và chuyển giao công nghệ, tăng cường năng lực nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ tầng ô-dôn , hướng tới nền kinh tế xanh hít phát thải khí nhà kính .	Điều chỉnh
	2. Chính phủ quy định lộ trình, phương thức tham gia hoạt động giảm nhẹ khí nhà kính toàn cầu phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và			Bãi bỏ

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	cam kết tại điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.			
			3. Bộ Tài nguyên và Môi trường là đầu mối thực hiện: a) Tham gia Hội nghị các Bên, diễn đàn, hợp tác đa phương, song phương về biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn; b) Hợp tác quốc tế trong giám sát tác động xuyên biên giới của các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu; xác định các giải pháp giảm thiểu tác động và tận dụng cơ hội cho phát triển kinh tế - xã hội.	Quy định mới
Chương V. Bảo vệ môi trường biển và hải đảo		Chuyển Chương này vào mục 4 Chương VI		
	Điều 49. Quy định chung về bảo vệ môi trường biển và hải đảo 1. Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh liên quan đến biển và hải đảo phải có nội dung về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. 2. Nguồn phát thải từ đất liền, hải đảo và các hoạt động trên biển phải được kiểm soát, ngăn ngừa, giảm thiểu và xử lý theo quy định của pháp luật. 3. Việc phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trên biển và hải đảo phải có sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ		Điều 80. Quản lý môi trường biển và hải đảo 1. Quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh liên quan đến biển và hải đảo phải có nội dung về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, cảnh quan thiên nhiên, đa dạng sinh học. 2. Nguồn ô nhiễm và các hoạt động trên biển phát sinh chất ô nhiễm phải được kiểm soát, ngăn ngừa, giảm thiểu và xử lý theo quy định của pháp luật. 3. Việc phòng ngừa, ứng phó sự cố ô nhiễm môi trường trên biển và hải đảo phải có sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức cứu hộ, cứu nạn và tổ chức, cá nhân có liên quan khác. 4. Tổ chức, cá nhân hoạt động trên biển và hải đảo phải chủ động ứng phó sự cố ô nhiễm môi trường và có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức, cá nhân có liên quan khác trong ứng phó sự cố ô nhiễm môi trường trên biển và hải đảo. 5. Việc khai thác nguồn lợi từ biển, hải đảo, khu bảo tồn thiên nhiên, rừng ngập mặn, khu di sản tự nhiên và hải đảo phải phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.	Sửa đổi, bổ sung

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>chức cứu hộ, cứu nạn và tổ chức, cá nhân có liên quan khác.</p> <p>4. Tổ chức, cá nhân hoạt động trên biển và hải đảo phải chủ động ứng phó sự cố môi trường và có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức, cá nhân có liên quan khác trong ứng phó sự cố môi trường trên biển và hải đảo.</p> <p>5. Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch khai thác nguồn lợi từ biển, hải đảo, khu bảo tồn thiên nhiên, rừng ngập mặn, khu di sản tự nhiên và hải đảo phải phù hợp với chiến lược, quy hoạch bảo vệ môi trường.</p>		<p>6. Chất ô nhiễm từ đất liền ra biển, phát sinh trên biển và hải đảo phải được đánh giá và có giải pháp ngăn ngừa, giảm thiểu, xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.</p> <p>7. Dầu, mỡ, dung dịch khoan, nước dằn tàu, hóa chất và các chất độc hại khác được sử dụng trong các hoạt động trên biển và hải đảo sau khi sử dụng phải được thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý theo quy định về quản lý chất thải.</p> <p>8. Việc nhận chìm, đổ thải ở biển và hải đảo phải căn cứ vào đặc điểm, tính chất của loại chất thải và phải được phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>9. Kiểm soát, xử lý ô nhiễm môi trường biển và hải đảo phải tuân thủ các điều ước quốc tế về biển và hải đảo mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.</p>	
	<p>Điều 50. Kiểm soát, xử lý ô nhiễm môi trường biển và hải đảo</p> <p>1. Chất thải từ đất liền ra biển, phát sinh trên biển và hải đảo phải được thống kê, phân loại, đánh giá và có giải pháp ngăn ngừa, giảm thiểu, xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.</p> <p>2. Dầu, mỡ, dung dịch khoan, nước dằn tàu, hóa chất và các chất độc hại khác được sử dụng trong các hoạt động trên biển và hải đảo sau khi sử dụng phải được thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý theo quy định về quản lý chất thải.</p> <p>3. Việc nhận chìm, đổ thải ở biển và hải đảo phải căn cứ vào đặc điểm,</p>			Điều chỉnh, lồng ghép vào Điều 95

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	tính chất của loại chất thải và phải được phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. 4. Kiểm soát, xử lý ô nhiễm môi trường biển và hải đảo phải tuân thủ các điều ước quốc tế về biển và hải đảo mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.			
	Điều 51. Phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trên biển và hải đảo			Bãi bỏ
Chương VI. Bảo vệ môi trường nước, đất và không khí		Chương VII. Quản lý chất lượng môi trường		
Mục 1. Bảo vệ môi trường nước sông	Điều 52. Quy định chung về bảo vệ môi trường nước sông 1. Bảo vệ môi trường nước sông là một trong những nội dung cơ bản của quy hoạch, kế hoạch khai thác, sử dụng nước sông. 2. Nguồn thải vào lưu vực sông phải được quản lý phù hợp với sức chịu tải của sông. 3. Chất lượng nước sông, trầm tích phải được theo dõi, đánh giá. 4. Bảo vệ môi trường lưu vực sông phải gắn liền với bảo tồn đa dạng sinh học, khai thác và sử dụng	Mục 1. Bảo vệ môi trường nước sông mặt lục địa, nước dưới đất	Điều 62. Quy định chung về bảo vệ môi trường nước mặt lục địa 1. Bảo vệ môi trường nước mặt lục địa là một trong những nội dung cơ bản của quy hoạch bảo vệ môi trường. 2. Chất lượng nước và trầm tích của các nguồn nước mặt lục địa phải được theo dõi, đánh giá. Sức chịu tải của môi trường nước mặt lục địa phải được tính toán, xác định và công bố. 3. Nguồn thải vào môi trường nước mặt lục địa phải được quản lý phù hợp với sức chịu tải. Các dự án, cơ sở sẽ không được cấp giấy phép môi trường để xả nước thải vào các nguồn nước mặt lục địa đã không còn sức chịu tải. 4. Bảo vệ môi trường lưu vực nước mặt lục địa phải gắn liền với bảo tồn đa dạng sinh học, khai thác và sử dụng nguồn nước. 5. Tổ chức, cá nhân không được lấn chiếm, xây dựng trái phép công trình, nhà ở trên mặt nước hoặc trên bờ tiếp giáp mặt nước ao, kênh,	Điều chỉnh

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>nguồn nước sông.</p> <p>5. Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có trách nhiệm giảm thiểu và xử lý chất thải trước khi xả thải vào lưu vực sông theo quy định của pháp luật.</p>		<p>mương, rạch. Việc san lấp ao, kênh, mương, rạch trong đô thị, khu dân cư.</p> <p>6. Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn chi tiết khoản 2 Điều này.</p>	
	<p>Điều 53. Nội dung kiểm soát và xử lý ô nhiễm môi trường nước lưu vực sông</p> <p>1. Thống kê, đánh giá, giảm thiểu và xử lý chất thải đổ vào lưu vực sông.</p> <p>2. Định kỳ quan trắc và đánh giá chất lượng nước sông và trầm tích.</p> <p>3. Điều tra, đánh giá sức chịu tải của sông; công bố các đoạn sông, dòng sông không còn khả năng tiếp nhận chất thải; xác định hạn ngạch xả nước thải vào sông.</p> <p>4. Xử lý ô nhiễm và cải thiện môi trường dòng sông, đoạn sông bị ô nhiễm.</p> <p>5. Quan trắc và đánh giá chất lượng môi trường nước, trầm tích sông xuyên biên giới và chia sẻ thông tin trên cơ sở luật pháp và thông lệ quốc tế.</p> <p>6. Xây dựng và tổ chức thực hiện đề án bảo vệ môi trường lưu vực sông.</p> <p>7. Công khai thông tin về môi trường nước và trầm tích của lưu</p>		<p>Điều 63. Nội dung kiểm soát và xử lý ô nhiễm môi trường nước mặt lục địa</p> <p>1. Thống kê, đánh giá, giảm thiểu và xử lý chất thải đổ vào môi trường nước mặt lục địa.</p> <p>2. Định kỳ quan trắc và đánh giá chất lượng nước và trầm tích.</p> <p>3. Điều tra, đánh giá sức chịu tải của môi trường nước mặt lục địa; công bố các đoạn sông, dòng sông, hồ, ao, mương, kênh, rạch không còn khả năng tiếp nhận nước thải; xác định hạn ngạch xả nước thải vào môi trường nước mặt lục địa.</p> <p>4. Xử lý ô nhiễm và cải thiện môi trường nước mặt lục địa bị ô nhiễm.</p> <p>5. Quan trắc và đánh giá chất lượng môi trường nước, trầm tích sông xuyên biên giới và chia sẻ thông tin trên cơ sở luật pháp và thông lệ quốc tế.</p> <p>6. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước.</p> <p>7. Công khai thông tin về môi trường nước và trầm tích của các nguồn nước mặt lục địa cho các tổ chức quản lý, khai thác và sử dụng nước.</p> <p>8. Nguồn kinh phí thực hiện các hoạt động kiểm soát và xử lý ô nhiễm môi trường nước mặt lục địa được lấy từ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, kinh phí sự nghiệp môi trường và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.</p>	Điều chỉnh

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	vực sông cho các tổ chức quản lý, khai thác và sử dụng nước sông.			
	<p>Điều 54. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với bảo vệ môi trường nước lưu vực sông nội tỉnh</p> <p>1. Công khai thông tin các nguồn thải vào lưu vực sông.</p> <p>2. Chỉ đạo, tổ chức các hoạt động phòng ngừa và kiểm soát các nguồn thải vào lưu vực sông.</p> <p>3. Tổ chức đánh giá sức chịu tải của sông; ban hành hạn ngạch xả nước thải vào sông; công bố thông tin về những đoạn sông không còn khả năng tiếp nhận chất thải.</p> <p>4. Tổ chức đánh giá thiệt hại do ô nhiễm và xử lý ô nhiễm môi trường lưu vực sông.</p> <p>5. Chỉ đạo xây dựng và triển khai thực hiện đề án bảo vệ môi trường lưu vực sông.</p>		<p>Điều 64. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với bảo vệ môi trường nước mặt lục địa</p> <p>1. Công khai thông tin các nguồn thải vào môi trường nước mặt lục địa trên địa bàn quản lý.</p> <p>2. Chỉ đạo, tổ chức các hoạt động phòng ngừa và kiểm soát các nguồn thải vào nguồn nước mặt lục địa trên địa bàn quản lý.</p> <p>3. Tổ chức đánh giá sức chịu tải của nguồn nước mặt lục địa trên địa bàn quản lý; ban hành hạn ngạch xả nước thải vào sông, hồ nội tỉnh, ao, mương, kênh trạch; công bố thông tin về những đoạn sông, hồ, ao, mương, kênh, rạch trên địa bàn quản lý không còn sức chịu tải.</p> <p>4. Tổ chức đánh giá thiệt hại do ô nhiễm và xử lý ô nhiễm môi trường nước mặt lục địa trên địa bàn quản lý.</p> <p>5. Chỉ đạo xây dựng và triển khai thực hiện đề án bảo vệ môi trường lưu vực sông.</p> <p>5. Phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước đối với sông, hồ nội tỉnh, ao, mương, kênh, rạch thuộc địa bàn quản lý; tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng nước đối với sông, hồ liên tỉnh thuộc địa bàn quản lý.</p> <p>6. Thu thập dữ liệu, thông tin về hiện trạng môi trường nước, nguồn thải và tổng lượng thải vào môi trường nước vào lưu vực sông, hồ liên tỉnh trên địa bàn quản lý theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>7. Chủ trì thực hiện các giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước, cải thiện chất lượng nước tại các nguồn nước mặt lục địa trên địa bàn quản lý.</p>	Điều chỉnh
	<p>Điều 55. Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với bảo vệ môi trường nước lưu vực sông</p> <p>1. Đánh giá chất lượng môi trường nước, trầm tích các lưu vực sông</p>		<p>Điều 65. Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với bảo vệ môi trường nước mặt lục địa</p> <p>1. Đánh giá chất lượng môi trường nước, trầm tích các lưu vực sông, hồ liên tỉnh và xuyên biên giới.</p> <p>2. Điều tra, đánh giá sức chịu tải, xác định hạn ngạch xả nước thải phù hợp</p>	Điều chỉnh

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>liên tỉnh và xuyên biên giới.</p> <p>2. Điều tra, đánh giá sức chịu tải, xác định hạn ngạch xả nước thải phù hợp với mục tiêu sử dụng nước và công bố thông tin.</p> <p>3. Ban hành, hướng dẫn thực hiện quy chuẩn kỹ thuật môi trường nước và trầm tích lưu vực sông.</p> <p>4. Ban hành, hướng dẫn việc đánh giá sức chịu tải của lưu vực sông, hạn ngạch xả nước thải vào sông liên tỉnh, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường các dòng sông, đoạn sông bị ô nhiễm.</p> <p>5. Tổ chức và chỉ đạo hoạt động bảo vệ môi trường lưu vực sông liên tỉnh.</p> <p>6. Tổ chức đánh giá các nguồn thải gây ô nhiễm, mức độ thiệt hại và tổ chức xử lý ô nhiễm lưu vực sông liên tỉnh.</p> <p>7. Tổng hợp thông tin về chất lượng môi trường nước, trầm tích các lưu vực sông, hằng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>8. Xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án bảo vệ môi trường lưu vực sông liên tỉnh.</p>		<p>với mục tiêu sử dụng nước và công bố thông tin</p> <p>2. Ban hành, hướng dẫn thực hiện quy chuẩn kỹ thuật môi trường nước và trầm tích đối với các nguồn nước mặt lục địa.</p> <p>3. Ban hành, hướng dẫn việc đánh giá sức chịu tải của môi trường nước đối lưu vực sông, hồ liên tỉnh; xác định hạn ngạch xả nước thải vào sông, hồ liên tỉnh.</p> <p>5. Tổ chức và chỉ đạo hoạt động bảo vệ môi trường lưu vực sông liên tỉnh.</p> <p>6. Tổ chức đánh giá các nguồn thải gây ô nhiễm, mức độ thiệt hại và tổ chức xử lý ô nhiễm lưu vực sông liên tỉnh.</p> <p>7. Tổng hợp thông tin về chất lượng môi trường nước, trầm tích các lưu vực sông, hằng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>8. Xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án bảo vệ môi trường lưu vực sông liên tỉnh</p> <p>4. Tổ chức đánh giá các nguồn thải gây ô nhiễm, mức độ thiệt hại và tổ chức xử lý ô nhiễm lưu vực sông, hồ liên tỉnh.</p> <p>5. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước đối với từng lưu vực sông, hồ liên tỉnh.</p> <p>6. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước, cải thiện chất lượng nước tại lưu vực sông, hồ liên tỉnh; tổng hợp khó khăn, vướng mắc, đề xuất các giải pháp có tính liên tỉnh, liên vùng, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.</p>	
			<p>Điều 66. Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước đối với nguồn nước mặt lục địa</p> <p>1. Nội dung của kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước đối với nguồn nước mặt lục địa:</p>	Quy định mới

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>a) Xu hướng thay đổi chất lượng môi trường nước; các mục tiêu, chỉ tiêu của kế hoạch;</p> <p>b) Thực trạng phân bố các nguồn ô nhiễm điểm và diện phát sinh chất ô nhiễm môi trường nước trong vùng tác động;</p> <p>c) Loại và tổng lượng chất ô nhiễm thải vào môi trường nước;</p> <p>d) Đánh giá khả năng chịu tải, phân vùng xả thải, phân bổ hạn ngạch xả thải;</p> <p>đ) Các biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước;</p> <p>e) Các giải pháp bảo vệ, cải thiện chất lượng nước;</p> <p>g) Tổ chức thực hiện.</p> <p>2. Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xây dựng và phê duyệt kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước đối với nguồn nước mặt lục địa.</p>	
Mục 2. Bảo vệ môi trường các nguồn nước khác	Điều 56. Bảo vệ môi trường nguồn nước hồ, ao, kênh, mương, rạch			Bãi bỏ
	Điều 57. Bảo vệ môi trường hồ chứa nước phục vụ mục đích thủy lợi, thủy điện		.	Bãi bỏ
	<p>Điều 58. Bảo vệ môi trường nước dưới đất</p> <p>1. Chỉ được sử dụng các loại hóa chất trong danh mục cho phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thăm dò, khai thác nước dưới đất.</p> <p>2. Có biện pháp ngăn ngừa ô nhiễm nguồn nước dưới đất qua giếng khoan thăm dò, khai thác nước dưới đất. Cơ sở khai thác nước dưới đất.</p>		<p>Điều 67. Bảo vệ môi trường nước dưới đất</p> <p>1. Chỉ được sử dụng các loại hóa chất trong danh mục cho phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thăm dò, khai thác nước dưới đất.</p> <p>2. Có biện pháp ngăn ngừa ô nhiễm nguồn nước dưới đất qua giếng khoan thăm dò, khai thác nước dưới đất. Cơ sở khai thác nước dưới đất có trách nhiệm phục hồi môi trường khu vực thăm dò, khai thác. Các lỗ khoan thăm dò, lỗ khoan khai thác không còn sử dụng phải được trám lấp theo đúng quy trình kỹ thuật.</p> <p>3. Cơ sở có sử dụng hóa chất độc hại, chất phóng xạ phải có biện pháp bảo đảm không để rò rỉ, phát tán hóa chất độc hại và chất thải phóng xạ vào nguồn nước dưới đất.</p>	Điều chỉnh, bổ sung

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>có trách nhiệm phục hồi môi trường khu vực thăm dò, khai thác. Các lỗ khoan thăm dò, lỗ khoan khai thác không còn sử dụng phải được trám lấp theo đúng quy trình kỹ thuật.</p> <p>3. Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có sử dụng hóa chất độc hại, chất phóng xạ phải có biện pháp bảo đảm không để rò rỉ, phát tán hóa chất độc hại và chất thải phóng xạ vào nguồn nước dưới đất.</p> <p>4. Kho chứa hóa chất, cơ sở xử lý, khu chôn lấp chất thải nguy hại phải được xây dựng bảo đảm an toàn kỹ thuật, có biện pháp ngăn cách hóa chất độc hại ngấm vào nguồn nước dưới đất theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm nước dưới đất phải có trách nhiệm xử lý ô nhiễm nước dưới đất.</p>		<p>4. Kho chứa hóa chất, cơ sở xử lý, khu chôn lấp chất thải nguy hại phải được xây dựng bảo đảm an toàn kỹ thuật, có biện pháp ngăn cách hóa chất độc hại ngấm vào nguồn nước dưới đất theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm nước dưới đất phải có trách nhiệm xử lý ô nhiễm nước dưới đất.</p> <p>6. Việc bảo vệ môi trường nước dưới đất được thực hiện theo quy định của Luật này, pháp luật về tài nguyên nước và pháp luật có liên quan</p>	
Mục 3. Bảo vệ môi trường đất		Mục 4. Bảo vệ môi trường đất		
	<p>Điều 59. Quy định chung về bảo vệ môi trường đất</p> <p>1. Bảo vệ môi trường đất là một trong những nội dung cơ bản của quản lý tài nguyên đất.</p> <p>2. Quy hoạch, kế hoạch, dự án và</p>		<p>Điều 72. Quy định chung về bảo vệ môi trường đất</p> <p>1. Xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đất là hoạt động giảm thiểu tác động của ô nhiễm đến môi trường, con người và nâng cao chất lượng môi trường tại khu vực môi trường bị ô nhiễm.</p> <p>2. Tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường có trách nhiệm điều tra, đánh giá chi tiết phạm vi, mức độ ô nhiễm và thực hiện xử lý, cải tạo,</p>	Điều chỉnh, bổ sung

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>các hoạt động có sử dụng đất phải xem xét tác động đến môi trường đất và có giải pháp bảo vệ môi trường đất.</p> <p>3. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được giao quyền sử dụng đất có trách nhiệm bảo vệ môi trường đất.</p> <p>4. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân gây ô nhiễm môi trường đất có trách nhiệm xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đất.</p>		<p>phục hồi môi trường đất; chi phí cải tạo, phục hồi môi trường đất phải được khấu trừ trong giá chuyển nhượng.</p> <p>3. Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng khu vực đất bị ô nhiễm phải có trách nhiệm cải tạo, xử lý, phục hồi môi trường đất như đối với tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường đất.</p> <p>4. Tổ chức, cá nhân sở hữu đất bị ô nhiễm được phép chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng khu vực đất bị ô nhiễm.</p> <p>5. Nhà nước có trách nhiệm xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường các khu vực bị ô nhiễm do lịch sử để lại và không xác định được đối tượng gây ra ô nhiễm nhằm bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng.</p> <p>6. Nhà nước khuyến khích tổ chức cá nhân tham gia xử lý cải tạo phục hồi môi trường theo hình thức đối tác công tư và được được hưởng các ưu đãi theo quy định của pháp luật.</p> <p>7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>	
	<p>Điều 60. Quản lý chất lượng môi trường đất</p> <p>1. Chất lượng môi trường đất phải được điều tra, đánh giá, phân loại, quản lý và công khai thông tin đối với tổ chức, cá nhân có liên quan.</p> <p>2. Việc phát thải chất thải vào môi trường đất không được vượt quá khả năng tiếp nhận của môi trường đất.</p> <p>3. Vùng đất có nguy cơ suy thoái phải được khoanh vùng, theo dõi và giám sát.</p> <p>4. Vùng đất bị suy thoái phải được cải tạo, phục hồi.</p> <p>5. Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường có trách nhiệm tổ chức điều tra, đánh giá và công khai</p>		<p>Điều 73. Quản lý chất lượng môi trường đất</p> <p>1. Chất lượng môi trường đất phải được điều tra, đánh giá, phân loại, quản lý và công khai thông tin đối với tổ chức, cá nhân có liên quan.</p> <p>2. Việc phát thải chất thải vào môi trường đất không được vượt quá khả năng tiếp nhận của môi trường đất.</p> <p>3. Vùng đất có nguy cơ suy thoái phải được khoanh vùng, theo dõi và giám sát.</p> <p>2. Khu vực đất có nguy cơ ô nhiễm phải được khoanh vùng, theo dõi và giám sát.</p> <p>3. Khu vực đất bị ô nhiễm phải được cải tạo, phục hồi.</p> <p>4. Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường có trách nhiệm tổ chức điều tra, đánh giá và công khai thông tin về chất lượng môi trường đất.</p> <p>5. Các dự án, cơ sở có tiềm ẩn gây ô nhiễm môi trường đất phải thực hiện ký quỹ cải tạo và phục hồi môi trường, thực hiện trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường.</p> <p>6. Chính phủ quy định chi tiết việc ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đất đối với các dự án, cơ sở có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường đất.</p>	Điều chỉnh, bổ sung

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	thông tin về chất lượng môi trường đất.			
	Điều 61. Kiểm soát ô nhiễm môi trường đất			Bãi bỏ
			Điều 74. Xác định tiêu chí và phân loại khu vực ô nhiễm môi trường đất 1. Khu vực ô nhiễm môi trường đất là khu vực trong đó đất có hoá chất nguy hại khó phân hủy, các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POP) và kim loại nặng vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường gây ảnh hưởng nghiêm trọng, lâu dài đến môi trường và sức khỏe cộng đồng. 2. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tiêu chí xác định khu vực bị ô nhiễm môi trường đất; hướng dẫn chi tiết các nội dung trong quản lý, xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường; công bố và xây dựng cơ sở dữ liệu các khu vực ô nhiễm môi trường đất và kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường các khu vực ô nhiễm môi trường đất.	Bổ sung mới
			Điều 75. Quy định chung về xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường 1. Xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đất là hoạt động giảm thiểu tác động của ô nhiễm đến môi trường, con người và nâng cao chất lượng môi trường tại khu vực môi trường bị ô nhiễm. 2. Tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường có trách nhiệm điều tra, đánh giá chi tiết phạm vi, mức độ ô nhiễm và thực hiện xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường đất hoặc được phép chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng khu vực đất bị ô nhiễm; chi phí cải tạo, phục hồi môi trường đất phải được khấu trừ trong giá chuyển nhượng. Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng khu vực đất bị ô nhiễm phải có trách nhiệm cải tạo, xử lý, phục hồi môi trường đất như đối với tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường đất. 3. Nhà nước có trách nhiệm xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường các khu vực bị ô nhiễm do lịch sử để lại và không xác định được đối tượng gây ra ô nhiễm nhằm bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng. 4. Nhà nước khuyến khích tổ chức cá nhân tham gia xử lý cải tạo phục hồi môi trường theo hình thức đối tác công tư và được hưởng các ưu đãi theo quy định của pháp luật.	Bổ sung mới

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.	
			Điều 76. Nội dung xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đất 1. Điều tra, đánh giá ô nhiễm môi trường đất, xác định nguyên nhân, phạm vi và mức độ ô nhiễm, xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường. 2. Đánh giá và phân loại khu vực bị ô nhiễm môi trường đất thành 03 mức độ bao gồm mức độ ô nhiễm, ô nhiễm nghiêm trọng và ô nhiễm đặc biệt nghiêm trọng. 3. Thực hiện ngay các biện pháp kiểm soát khu vực ô nhiễm như cảnh báo, cách ly các hoạt động nhằm giảm thiểu tác động đến sức khỏe con người. 4. Lập phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đất. 5. Triển khai xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường. Ưu tiên xử lý các khu vực có mức độ ô nhiễm đặc biệt nghiêm trọng.	Bổ sung mới
			Điều 77. Thông tin dữ liệu về quản lý chất lượng, xử lý và cải tạo phục hồi môi trường đất 1. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp danh mục các khu vực bị ô nhiễm môi trường đất; xây dựng, cập nhật và vận hành hệ thống thông tin, dữ liệu các khu vực bị ô nhiễm môi trường đất trên phạm vi cả nước. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm: a) Thực hiện điều tra, đánh giá, xác định các khu vực ô nhiễm trên địa bàn tỉnh, xác định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường thông tin về các khu vực ô nhiễm môi trường đất. b) Cập nhật thông tin về các khu vực bị ô nhiễm môi trường đất vào cơ sở dữ liệu về môi trường quốc gia .	Bổ sung mới
Mục 4. Bảo vệ môi trường không khí		Mục 3 Bảo vệ môi trường không		

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
		khí		
	<p>Điều 62. Quy định chung về bảo vệ môi trường không khí</p> <p>1. Các nguồn phát thải khí vào môi trường phải được đánh giá và kiểm soát.</p> <p>2. Tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phát thải khí tác động xấu đến môi trường có trách nhiệm giảm thiểu và xử lý bảo đảm chất lượng môi trường không khí theo quy định của pháp luật.</p>		<p>Điều 68. Quy định chung về bảo vệ môi trường không khí</p> <p>1. Các nguồn phát thải khí vào môi trường phải được đánh giá và kiểm soát.</p> <p>2. Tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phát thải khí tác động xấu đến môi trường có trách nhiệm giảm thiểu và xử lý bảo đảm chất lượng môi trường không khí theo quy định của pháp luật.</p>	Giữ nguyên
	<p>Điều 63. Quản lý chất lượng môi trường không khí xung quanh</p> <p>Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường có trách nhiệm theo dõi, đánh giá chất lượng môi trường không khí xung quanh và công bố công khai thông tin; trường hợp môi trường không khí xung quanh bị ô nhiễm thì phải cảnh báo, xử lý kịp thời.</p>		<p>Điều 69. Quản lý chất lượng môi trường không khí xung quanh</p> <p>quan1. Kế hoạch quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường có trách nhiệm theo dõi, đánh giá chất lượng môi trường không khí xung quanh là cơ sở để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đánh giá công tác quản lý, chất lượng môi trường không khí và công bố công khai thông tin trên địa bàn; trường hợp môi trường không khí xung quanh bị ô nhiễm thì phải cảnh báo, xử lý kịp thời.</p> <p>2. Nội dung chính của kế hoạch quản lý chất lượng không khí:</p> <p>a) Đánh giá chất lượng không khí;</p> <p>b) Xác định quan điểm, mục tiêu quản lý chất lượng không khí;</p> <p>c) Đánh giá hiện trạng quản lý chất lượng không khí bao gồm quan trắc chất lượng không khí, xác định và đánh giá các nguồn phát thải khí thải chính, kiểm kê phát thải, mô hình hóa chất lượng không khí, tổ chức nhân sự, nguồn lực, thanh tra, kiểm tra;</p> <p>d) Đánh giá ảnh hưởng của ô nhiễm không khí đến sức khỏe cộng đồng;</p> <p>đ) Phân tích, nhận định các vấn đề còn tồn tại;</p> <p>e) Xem xét, đánh giá, phân tích chi phí lợi ích của các giải pháp quản lý chất lượng không khí, từ đó xác định giải pháp ưu tiên thực hiện.</p> <p>3. Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành tài liệu hướng dẫn kỹ thuật tính</p>	Điều chỉnh, thay thế

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>toán chỉ số chất lượng không khí để đánh giá chất lượng môi trường không khí; hướng dẫn việc lập kế hoạch quản lý chất lượng không khí của các địa phương.</p> <p>4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và tổ chức triển khai kế hoạch quản lý chất lượng không khí trên địa bàn; thường xuyên đánh giá, theo dõi chất lượng môi trường không khí và công khai thông tin; trường hợp chất lượng môi trường không khí bị ô nhiễm thì phải cảnh báo, xử lý kịp thời.</p> <p>6. Tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm, suy thoái chất lượng môi trường không khí phải có trách nhiệm xử lý, cải tạo và phục hồi chất lượng môi trường.</p>	
	<p>Điều 64. Kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí</p> <p>1. Nguồn phát thải khí phải được xác định về lưu lượng, tính chất và đặc điểm của khí thải.</p> <p>2. Việc xem xét, phê duyệt dự án và hoạt động có phát thải khí phải căn cứ vào sức chịu tải của môi trường không khí, bảo đảm không có tác động xấu đến con người và môi trường.</p> <p>3. Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguồn phát thải khí công nghiệp lớn phải đăng ký nguồn gây ô nhiễm, đo đạc, thống kê, kiểm kê và xây dựng cơ sở dữ liệu về lưu lượng, tính chất, đặc điểm khí thải.</p> <p>4. Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguồn phát thải khí công nghiệp lưu lượng lớn phải lắp đặt thiết bị quan trắc khí thải tự động,</p>		<p>Điều 70. Kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí</p> <p>1. Nguồn phát thải khí phải được xác định về lưu lượng, tính chất và đặc điểm của khí thải.</p> <p>2. Việc xem xét, phê duyệtquyết định đầu tư dự án và hoạt động có phát thải khí phải căn cứ vào sức chịu tải của môi trường không khí, bảo đảm không có tác động xấu đến con người và môi trường.</p> <p>3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p> <p>Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguồn phát thải khí công nghiệp lớn phải đăng ký nguồn gây ô nhiễm, đo đạc, thống kê, kiểm kê và xây dựng cơ sở dữ liệu về lưu lượng, tính chất, đặc điểm khí thải.</p> <p>4. Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguồn phát thải khí công nghiệp lưu lượng lớn phải lắp đặt thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục và được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép xả thải.</p>	Điều chỉnh

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	liên tục và được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép xả thải. 5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.			
			Điều 71. Trách nhiệm thực hiện quản lý chất lượng môi trường không khí 1. Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý chất lượng môi trường không khí và chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện. 2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức thực hiện các hoạt động phòng ngừa, kiểm tra, giám sát, xử lý các nguồn bụi, khí thải gây ô nhiễm không khí, quản lý chất lượng môi trường không khí trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý. 3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí của địa phương và tổ chức triển khai thực hiện.	Bổ sung mới
		Mục 5. Sức khỏe môi trường	Điều 79. Quản lý sức khỏe môi trường 1. Sức khỏe môi trường là các yếu tố vật lý, hóa học, sinh học và các yếu tố liên quan khác trong môi trường tác động trực tiếp đến sức khỏe con người; bao gồm việc đánh giá và kiểm soát các yếu tố môi trường có khả năng ảnh hưởng đến sức khỏe nhằm phòng ngừa bệnh tật và tăng cường sức khỏe con người. 2. Nội dung quản lý sức khỏe môi trường a) Nhận diện, xác định, đánh giá, phòng ngừa, cảnh báo các yếu tố môi trường có khả năng ảnh hưởng đến sức khỏe con người; b) Kiểm soát các nguy cơ môi trường có thể gây rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe con người.	Bổ sung mới
			Điều 80. Trách nhiệm thực hiện quản lý sức khỏe môi trường 1. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì và phối hợp với Bộ Y tế: a) Xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch hành động quốc gia về sức khỏe môi trường; b) Xác định, cảnh báo, đánh giá và kiểm soát nguồn phát thải các chất ô	Bổ sung mới

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>niêm và các yếu tố môi trường đảm bảo ngưỡng cho phép theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Bộ Y tế hướng dẫn, tổ chức triển khai các biện pháp đánh giá và kiểm soát các yếu tố môi trường trong quá trình chẩn đoán và điều trị bệnh tật nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của các yếu tố môi trường đến sức khỏe con người và phòng ngừa bệnh tật.</p> <p>3. Các Bộ, ngành hướng dẫn, tổ chức triển khai các hoạt động kiểm soát và phòng ngừa các tác hại của các yếu tố môi trường đến sức khỏe con người trong lĩnh vực quản lý của mình.</p>	
Chương VII. Bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ		Chương XII. Trách nhiệm bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khi đô thị, khu vực nông thôn. khu dân cư tập trung		
	Điều 65. Bảo vệ môi trường khu kinh tế			Sửa đổi, lồng ghép

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
				vào Điều khác
	Điều 66. Bảo vệ môi trường khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao			Sửa đổi, lồng ghép vào Điều khác
	Điều 67. Bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung			Sửa đổi, lồng ghép vào Điều khác
			Điều 125. Trách nhiệm bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung 1. Tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các yêu cầu sau: a) Khu kinh tế, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung phải có công trình hạ tầng bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; b) Ban quản lý khu kinh tế, Ban quản lý khu công nghiệp tỉnh phải có bộ phận chuyên trách về bảo vệ môi trường; có cán bộ chuyên môn về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc các chuyên môn phù hợp với công việc được đảm nhiệm do các cơ sở đào tạo hợp pháp cấp. 2. Trách nhiệm bảo vệ môi trường của Ban quản lý khu kinh tế, Ban quản lý khu công nghiệp tỉnh: a) Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tổ chức thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường; b) Tổ chức kiểm tra thường xuyên, đột xuất theo kế hoạch kiểm tra về bảo vệ môi trường đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt; c) Phát hiện kịp thời tổ chức, cá nhân vi phạm và kiến nghị xử lý vi phạm về bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;	Sửa đổi, bổ sung

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>d) Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường thực hiện thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; kiểm tra, cấp giấy phép môi trường; thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường theo quy định;</p> <p>đ) Báo cáo tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong khu kinh tế, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung theo quy định của pháp luật.</p>	
			<p>Điều 126. Trách nhiệm của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung</p> <p>1. Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các yêu cầu sau:</p> <p>a) Phân khu chức năng, các loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải phù hợp với các hoạt động bảo vệ môi trường;</p> <p>b) Đầu tư hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung. Hệ thống xử lý nước thải tập trung phải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường, có phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải, có hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định;</p> <p>c) Thu gom, đấu nối nước thải của các cơ sở trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung. Trường hợp nước thải của cơ sở đã được chấp thuận tự xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường phải đấu nối vào hệ thống thoát nước thải sau xử lý của trạm xử lý nước thải tập trung hoặc thải trực tiếp ra nguồn tiếp nhận; nước thải sau xử lý của cơ sở này được quản lý như một điểm xả nước thải của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung. Cơ sở đang xả nước thải sau xử lý vào hệ thống thoát nước mưa phải có kế hoạch khắc phục đáp ứng yêu cầu tại điểm này và phải hoàn thành trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực;</p> <p>d) Bố trí bộ phận chuyên môn phù hợp và có nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc các chuyên môn phù hợp với công việc được đảm nhiệm do các cơ sở đào tạo hợp pháp cấp.</p>	Sửa đổi, bổ sung

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>2. Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, Ban quản lý khu kinh tế, Ban quản lý khu công nghiệp tỉnh tổ chức thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường; phối hợp tổ chức kiểm tra, thanh tra công tác bảo vệ môi trường của các cơ sở hoạt động trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các cam kết về bảo vệ môi trường và tiêu chuẩn môi trường của chủ đầu tư đối với dự án, cơ sở khi đăng ký đầu tư vào khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung.</p> <p>4. Phát hiện kịp thời vi phạm của tổ chức, cá nhân; tiến hành lấy mẫu chất thải đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm về bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân; lập biên bản vụ việc và chuyển hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính và xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung gửi cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh, cơ quan cấp giấy phép môi trường và Ban quản lý khu kinh tế, Ban quản lý khu công nghiệp tỉnh theo quy định của pháp luật.</p>	
			<p>Điều 127. Trách nhiệm bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ</p> <p>1. Cơ sở phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các yêu cầu sau:</p> <p>a) Thu gom, xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; trường hợp hoạt động trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung hoặc trong khu đô thị, khu dân cư tập trung đã có hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường phải thực hiện theo quy định của đơn vị đầu tư xây dựng và quản lý hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung đó;</p> <p>b) Thu gom, phân loại, lưu giữ, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải theo quy định; thu hồi sản phẩm thải bỏ chất thải rắn theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Giảm thiểu, thu gom, xử lý bụi, khí thải theo quy định của pháp luật; bảo đảm không để rò rỉ, phát tán khí độc hại ra môi trường; hạn chế</p>	Sửa đổi, bổ sung

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>tiếng ồn, độ rung, phát sáng, phát nhiệt gây ảnh hưởng xấu đối với môi trường;</p> <p>d) Bảo đảm nguồn lực, trang thiết bị đáp ứng khả năng phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường;</p> <p>đ) Cơ sở có tác động xấu đến môi trường, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường phải bố trí cán bộ chuyên trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc các chuyên môn phù hợp với công việc được đảm nhiệm do các cơ sở đào tạo hợp pháp cấp.</p> <p>2. Cơ sở sản xuất hoặc kho tàng thuộc các trường hợp sau phải có khoảng cách an toàn về môi trường, bảo đảm không có tác động xấu đối với khu dân cư:</p> <p>a) Có chất dễ cháy, dễ nổ;</p> <p>b) Có chất phóng xạ hoặc bức xạ ion hóa;</p> <p>c) Có chất độc hại đối với người và sinh vật;</p> <p>d) Phát tán bụi, mùi, tiếng ồn ảnh hưởng xấu tới sức khỏe con người;</p> <p>đ) Gây ô nhiễm nguồn nước.</p> <p>3. Cơ sở có tác động xấu đến môi trường, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường phải có bộ phận chuyên môn hoặc nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường; phải có hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14.000 được cấp chứng nhận bởi tổ chức đánh giá sự phù hợp đã đăng ký lĩnh vực hoạt động theo quy định của pháp luật về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp.</p> <p>4. Cơ sở có phát sinh nước thải, khí thải với lưu lượng lớn hoặc có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục theo quy định.</p> <p>5. Cơ sở quy mô hộ gia đình có phát sinh nước thải, khí thải phải có công trình, thiết bị xử lý chất thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn kỹ thuật thiết kế xây dựng.</p> <p>6. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết khoản 2 Điều này.</p>	
	Điều 70. Bảo vệ môi trường làng nghề		<p>Điều 128. Trách nhiệm bảo vệ môi trường làng nghề</p> <p>1. Làng nghề truyền thống và các làng nghề khác phải đáp ứng yêu cầu về</p>	Sửa đổi, bổ sung

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>1. Làng nghề phải đáp ứng điều kiện về bảo vệ môi trường sau:</p> <p>a) Có phương án bảo vệ môi trường làng nghề;</p> <p>b) Có kết cấu hạ tầng bảo đảm thu gom, phân loại, lưu giữ, xử lý, thải bỏ chất thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường;</p> <p>c) Có tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường.</p> <p>2. Cơ sở sản xuất thuộc ngành nghề được khuyến khích phát triển tại làng nghề do Chính phủ quy định phải đáp ứng các yêu cầu sau:</p> <p>a) Xây dựng và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bụi, nhiệt, khí thải, nước thải và xử lý ô nhiễm tại chỗ; thu gom, phân loại, lưu giữ, xử lý chất thải rắn theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Cơ sở sản xuất không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này phải đáp ứng các yêu cầu sau:</p> <p>a) Tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 68 của Luật này;</p> <p>b) Tuân thủ kế hoạch di dời, chuyển đổi ngành nghề sản xuất theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p>		<p>bảo vệ môi trường sau:</p> <p>a) Có phương án bảo vệ môi trường làng nghề;</p> <p>a) Có kết cấu hạ tầng bảo đảm thu gom, phân loại, lưu giữ tạm thời, vận chuyển chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại đến nơi xử lý theo quy định; thu gom, xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường;</p> <p>b) Có tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường;</p> <p>c) Nhà nước có chính sách hỗ trợ thu gom, xử lý và vận hành hệ thống xử lý chất thải phát sinh từ làng nghề truyền thống theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Cơ sở sản xuất thuộc ngành nghề được khuyến khích phát triển tại làng nghề do Chính phủ quy định phải đáp ứng các yêu cầu sau:</p> <p>a) Xây dựng và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bụi, nhiệt, khí thải, nước thải và xử lý ô nhiễm tại chỗ; thu gom, phân loại, lưu giữ, xử lý chất thải rắn theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này phải đáp ứng các yêu cầu sau:</p> <p>a) Tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 127 của Luật này;</p> <p>b) Tuân thủ kế hoạch di dời, chuyển đổi ngành nghề sản xuất theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã có làng nghề:</p> <p>a) Tổ chức thực hiện bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn;</p> <p>b) Bố trí ngân sách cho các hoạt động bảo vệ môi trường làng nghề;</p> <p>c) Hướng dẫn hoạt động của tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường làng nghề;</p> <p>d) Tuyên truyền, phổ biến, vận động nhân dân tham gia thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường; phát động phong trào, tuyên dương, khen thưởng phù hợp và tạo điều kiện để các hội phụ nữ, nông dân, cựu chiến binh, đoàn thanh niên thực hiện các mô hình bảo vệ môi trường;</p> <p>đ) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của tổ chức,</p>	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã có làng nghề:</p> <p>a) Lập, triển khai thực hiện phương án bảo vệ môi trường cho làng nghề trên địa bàn;</p> <p>b) Hướng dẫn hoạt động của tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường làng nghề;</p> <p>c) Hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện về công tác bảo vệ môi trường làng nghề.</p> <p>5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện có làng nghề:</p> <p>a) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra công tác bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn;</p> <p>b) Hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về công tác bảo vệ môi trường làng nghề.</p> <p>6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có làng nghề:</p> <p>a) Quy hoạch, xây dựng, cải tạo và phát triển làng nghề gắn với bảo vệ môi trường;</p> <p>b) Bố trí ngân sách cho các hoạt động bảo vệ môi trường làng nghề;</p> <p>c) Chỉ đạo, tổ chức đánh giá mức độ ô nhiễm và xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề trên địa bàn;</p> <p>d) Chỉ đạo xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải; khu tập kết, xử lý chất thải rắn thông thường,</p>		<p>cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong làng nghề;</p> <p>e) Hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện về công tác bảo vệ môi trường làng nghề.</p> <p>5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện có làng nghề:</p> <p>a) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra công tác bảo vệ môi trường làng nghề, các cơ sở trong làng nghề trên địa bàn;</p> <p>b) Bố trí ngân sách cho các hoạt động bảo vệ môi trường làng nghề;</p> <p>c) Tuyên truyền, phổ biến, vận động nhân dân tham gia thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường; phát động phong trào, tuyên dương, khen thưởng phù hợp và tạo điều kiện để các hội phụ nữ, nông dân, cựu chiến binh, đoàn thanh niên thực hiện công tác bảo vệ môi trường làng nghề;</p> <p>d) Cấp giấy phép môi trường cho cơ sở thuộc thẩm quyền; công bố, công khai thông tin về chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của các cơ sở, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo thẩm quyền để Ủy ban nhân dân xã, cộng đồng dân cư biết để tham gia giám sát;</p> <p>đ) Chỉ đạo, triển khai thực hiện các mô hình bảo vệ môi trường làng nghề; đầu tư xây dựng và tổ chức vận hành các mô hình thu gom, xử lý chất thải rắn, hệ thống xử lý nước thải tại chỗ đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường do nhà nước đầu tư từ nguồn kinh phí đầu tư xây dựng, nguồn chi sự nghiệp môi trường và khoản đóng góp của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;</p> <p>e) Hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về công tác bảo vệ môi trường làng nghề.</p> <p>6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có làng nghề:</p> <p>a) Quy hoạch, xây dựng, cải tạo và phát triển làng nghề, đặc biệt là các làng nghề truyền thống phải gắn với bảo vệ môi trường;</p> <p>b) Bố trí ngân sách cho các hoạt động bảo vệ môi trường làng nghề;</p> <p>c) Chỉ đạo, tổ chức đánh giá mức độ ô nhiễm và xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề trên địa bàn;</p> <p>d) Chỉ đạo xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải; khu tập kết, xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho làng nghề;</p>	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	chất thải nguy hại cho làng nghề; đ) Quy hoạch khu công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề; có kế hoạch di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng ra khỏi khu dân cư. 7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.		đ) Quy hoạch khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp làng nghề; có kế hoạch di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng ra khỏi khu dân cư. 7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.	
	Điều 68. Bảo vệ môi trường cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ			Sửa đổi, lồng ghép vào Điều khác
	Điều 72. Bảo vệ môi trường đối với bệnh viện và cơ sở y tế 1. Bệnh viện và cơ sở y tế phải thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường sau: a) Thu gom, xử lý nước thải y tế đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; b) Phân loại chất thải rắn y tế tại nguồn; thực hiện thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải rắn y tế bảo đảm đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; c) Có kế hoạch, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do chất thải y tế gây ra; d) Chất thải y tế phải được xử lý sơ bộ loại bỏ mầm bệnh có nguy cơ lây nhiễm trước khi chuyển về nơi lưu giữ, xử lý, tiêu hủy tập trung;		Điều 131. Trách nhiệm bảo vệ môi trường đối với cơ sở y tế 1. Cơ sở y tế bao gồm: cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; đơn vị, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực y tế có phát sinh chất thải. 2. Cơ sở y tế phải thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường sau: a) Thu gom, xử lý nước thải y tế đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; b) Phân loại chất thải rắn y tế tại nguồn; thực hiện thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải rắn y tế bảo đảm đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; c) Có kế hoạch, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do chất thải y tế gây ra; d) Chất thải y tế phải được xử lý để loại bỏ mầm bệnh có nguy cơ lây nhiễm trước khi chuyển về nơi lưu giữ, xử lý, tiêu hủy tập trung; chất thải lây nhiễm sau khi khử khuẩn thì được xử lý như đối với chất thải rắn thông thường bằng phương pháp phù hợp; đ) Xử lý khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; e) Có giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật. 3. Cơ sở sử dụng thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ trong y tế phải đáp ứng yêu cầu của pháp luật về an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân. 4. Chủ đầu tư cơ sở y tế có trách nhiệm bố trí đủ kinh phí để xây dựng công	Điều chỉnh

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>đ) Xử lý khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.</p> <p>2. Cơ sở chiếu xạ, dụng cụ thiết bị y tế có sử dụng chất phóng xạ phải đáp ứng yêu cầu của pháp luật về an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân.</p> <p>3. Chủ đầu tư bệnh viện, cơ sở y tế có trách nhiệm bố trí đủ kinh phí để xây dựng công trình vệ sinh, hệ thống thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.</p> <p>4. Người đứng đầu bệnh viện, cơ sở y tế có trách nhiệm thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này và quy định pháp luật liên quan.</p>		<p>trình vệ sinh, hệ thống thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải theo quy định.</p> <p>5. Người đứng đầu cơ sở y tế có trách nhiệm thực hiện quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này và thực hiện quản lý chất thải y tế như sau:</p> <p>a) Nước thải phát sinh từ các cơ sở y tế phải được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường;</p> <p>b) Chất thải y tế nguy hại gồm: chất thải lây nhiễm; chất thải nguy hại không lây nhiễm; chất thải phóng xạ phải được thu gom, phân loại, xử lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại và quy định của pháp luật liên quan;</p> <p>c) Chất thải y tế thông thường gồm: chất thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường từ hoạt động y tế phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải rắn thông thường. Trường hợp để lẫn chất thải lây nhiễm vào chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường phải quản lý như chất thải nguy hại;</p> <p>d) Bùn thải từ hệ thống, thiết bị xử lý nước thải y tế đã được khử khuẩn theo hướng dẫn của Bộ Y tế được quản lý theo quy định về quản lý chất thải rắn thông thường;</p> <p>đ) Việc xử lý chất thải y tế nguy hại ưu tiên lựa chọn các công nghệ không đốt, thân thiện với môi trường và bảo đảm đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Ưu tiên việc xử lý chất thải rắn y tế tập trung trên địa bàn tỉnh hoặc theo mô hình cụm cơ sở y tế; hạn chế việc xử lý chất thải rắn y tế tại hệ thống, thiết bị, lò đốt chất thải rắn y tế trong khuôn viên cơ sở y tế, đặc biệt trong khu dân cư.</p> <p>6. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc vận chuyển, xử lý chất thải y tế.</p> <p>7. Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết việc phân loại, lưu giữ, quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên các cơ sở y tế và bảo vệ môi trường trong hoạt động mai táng, hỏa táng.</p> <p>8. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy định về thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn theo quy định của pháp luật và bảo đảm phù hợp với điều kiện của từng địa phương.</p>	
	Điều 79. Bảo vệ môi trường đối		Điều 137. Trách nhiệm bảo vệ môi trường đối với cơ sở nghiên cứu, đào	Giữ

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>với cơ sở nghiên cứu, phòng thử nghiệm</p> <p>1. Cơ sở nghiên cứu, phòng thử nghiệm phải thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường sau:</p> <p>a) Thu gom, xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường;</p> <p>b) Phân loại chất thải rắn tại nguồn; thu gom và xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải rắn;</p> <p>c) Xử lý, tiêu hủy mẫu, vật phẩm phân tích thí nghiệm, hóa chất bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường;</p> <p>d) Có kế hoạch, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.</p> <p>2. Cơ sở nghiên cứu, phòng thử nghiệm có sử dụng chất phóng xạ phải đáp ứng các yêu cầu về an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Thủ trưởng cơ sở nghiên cứu, phòng thử nghiệm có trách nhiệm thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này và quy định của pháp luật có liên quan.</p>		<p>tạo, phòng thử nghiệm</p> <p>1. Cơ sở nghiên cứu, đào tạo, phòng thử nghiệm phải có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường sau:</p> <p>a) Thu gom, xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường;</p> <p>b) Phân loại chất thải rắn tại nguồn; thu gom và xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải rắn;</p> <p>c) Xử lý, tiêu hủy mẫu, vật phẩm phân tích thí nghiệm, hóa chất bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường;</p> <p>d) Có kế hoạch, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố ô nhiễm môi trường.</p> <p>2. Cơ sở nghiên cứu, đào tạo, phòng thử nghiệm có sử dụng nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ phải đáp ứng các yêu cầu về an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Thủ trưởng cơ sở nghiên cứu, đào tạo, phòng thử nghiệm có trách nhiệm thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này và quy định của pháp luật có liên quan.</p>	nguyên

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>Điều 69. Bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp</p> <p>1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y phải thực hiện quy định về bảo vệ môi trường tại khoản 1 và khoản 2 Điều 78 của Luật này.</p> <p>2. Phân bón, sản phẩm xử lý môi trường chăn nuôi đã hết hạn sử dụng; dụng cụ, bao bì đựng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y sau khi sử dụng phải được xử lý theo quy định về quản lý chất thải.</p> <p>3. Khu chăn nuôi tập trung phải có phương án bảo vệ môi trường và đáp ứng yêu cầu sau:</p> <p>a) Bảo đảm vệ sinh môi trường đối với khu dân cư;</p> <p>b) Thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn theo quy định về quản lý chất thải;</p> <p>c) Chuồng, trại phải được vệ sinh định kỳ; bảo đảm phòng ngừa, ứng phó dịch bệnh;</p> <p>d) Xác vật nuôi bị chết do dịch bệnh phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại và vệ sinh phòng bệnh.</p>		<p>Điều 129. Trách nhiệm bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp</p> <p>1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh và sử dụng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y trong nông nghiệp phải thực hiện quy định về bảo vệ môi trường và quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>2. Hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y có độc tính cao, bền vững, lan truyền, tích tụ trong môi trường, tác động xấu tới môi trường và sức khỏe con người phải được đăng ký, kiểm kê, kiểm soát, quản lý thông tin, đánh giá, quản lý rủi ro và xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Phân bón, sản phẩm xử lý môi trường chăn nuôi đã hết hạn sử dụng; dụng cụ, bao bì đựng phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi sau khi sử dụng phải được thu gom, xử lý theo quy định về quản lý chất thải.</p> <p>4. Cơ sở chăn nuôi trang trại phải phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, phải có giấy phép môi trường và đáp ứng yêu cầu sau:</p> <p>a) Bảo đảm vệ sinh môi trường đối với khu dân cư;</p> <p>b) Thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn theo quy định về quản lý chất thải.</p> <p>c) Chuồng, trại phải được vệ sinh định kỳ; có biện pháp phòng ngừa, ứng phó, kiểm soát dịch bệnh;</p> <p>c) Xác vật nuôi bị chết do dịch bệnh phải được thu gom, xử lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại và vệ sinh phòng bệnh.</p> <p>5. Phụ phẩm nông nghiệp được thu gom để sản xuất ra sản phẩm hàng hóa, sử dụng làm nguyên nhiên liệu hoặc được xử lý theo quy định; nghiêm cấm việc đốt các phụ phẩm nông nghiệp gây ô nhiễm môi trường.</p> <p>6. Việc sử dụng chất thải từ hoạt động chăn nuôi để làm phân hữu cơ sinh học, nước tưới cây hoặc các hoạt động khác phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>	Sửa đổi, bổ sung
	<p>Điều 71. Bảo vệ môi trường trong nuôi trồng thủy sản</p>		<p>Điều 130. Trách nhiệm bảo vệ môi trường trong nuôi trồng thủy sản</p> <p>1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh thuốc thú y thủy sản,</p>	Giữ nguyên

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh thuốc thú y thủy sản, hóa chất trong nuôi trồng thủy sản phải thực hiện quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>2. Không được sử dụng thuốc thú y thủy sản, hóa chất đã hết hạn sử dụng hoặc ngoài danh mục cho phép trong nuôi trồng thủy sản.</p> <p>3. Thuốc thú y thủy sản, hóa chất dùng trong nuôi trồng thủy sản đã hết hạn sử dụng; bao bì đựng thuốc thú y thủy sản, hóa chất dùng trong nuôi trồng thủy sản sau khi sử dụng; bùn đất và thức ăn lắng đọng khi làm vệ sinh trong ao nuôi thủy sản phải được thu gom, xử lý theo quy định về quản lý chất thải.</p> <p>4. Khu nuôi trồng thủy sản tập trung phải phù hợp với quy hoạch và đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường sau:</p> <p>a) Chất thải phải được thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Phục hồi môi trường sau khi ngừng hoạt động nuôi trồng thủy sản;</p> <p>c) Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh thủy sản; không được sử dụng hóa chất độc hại hoặc tích tụ độc hại.</p> <p>5. Không xây dựng khu nuôi trồng</p>		<p>hóa chất trong nuôi trồng thủy sản phải thực hiện quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>2. Không sử dụng thuốc thú y thủy sản, hóa chất đã hết hạn sử dụng hoặc ngoài danh mục cho phép trong nuôi trồng thủy sản.</p> <p>3. Thuốc thú y thủy sản, hóa chất dùng trong nuôi trồng thủy sản đã hết hạn sử dụng; bao bì đựng thuốc thú y thủy sản, hóa chất dùng trong nuôi trồng thủy sản sau khi sử dụng; bùn đất và thức ăn lắng đọng khi làm vệ sinh trong ao nuôi thủy sản phải được thu gom, xử lý theo quy định về quản lý chất thải.</p> <p>4. Khu nuôi trồng thủy sản tập trung phải phù hợp với quy hoạch, có giấy phép môi trường theo quy định và đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường sau:</p> <p>a) Chất thải phải được thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Phục hồi môi trường sau khi ngừng hoạt động nuôi trồng thủy sản;</p> <p>c) Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh thủy sản; không được sử dụng hóa chất độc hại hoặc tích tụ độc hại.</p> <p>5. Không xây dựng khu nuôi trồng thủy sản tập trung trên bãi bồi đang hình thành vùng cửa sông ven biển.</p> <p>6. Không phá rừng ngập mặn để nuôi trồng thủy sản.</p>	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	thủy sản tập trung trên bãi bồi đang hình thành vùng cửa sông ven biển. 6. Không phá rừng ngập mặn để nuôi trồng thủy sản.			
	<p>Điều 73. Bảo vệ môi trường trong hoạt động xây dựng</p> <p>1. Quy hoạch xây dựng phải tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường.</p> <p>2. Trong thiết kế xây dựng và dự toán của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát sinh chất thải tác động xấu đến môi trường phải có hạng mục công trình xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Việc thi công công trình xây dựng phải bảo đảm các yêu cầu bảo vệ môi trường sau:</p> <p>a) Công trình xây dựng trong khu dân cư phải có biện pháp bảo đảm không phát tán bụi, nhiệt, tiếng ồn, độ rung, ánh sáng vượt quá quy chuẩn kỹ thuật môi trường;</p> <p>b) Việc vận chuyển vật liệu xây dựng phải được thực hiện bằng phương tiện bảo đảm yêu cầu kỹ thuật, không làm rò rỉ, rơi vãi, gây ô nhiễm môi trường;</p> <p>c) Nước thải, chất thải rắn và các loại chất thải khác phải được thu gom, xử lý bảo đảm quy chuẩn kỹ</p>		<p>Điều 132. Trách nhiệm bảo vệ môi trường trong hoạt động xây dựng</p> <p>1. Quy hoạch xây dựng phải tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường.</p> <p>2. Trong thiết kế xây dựng và dự toán của các dự án, cơ sở có phát sinh chất thải rắn, nước thải, khí thải phải có hạng mục công trình, thiết bị xử lý chất thải, công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố ô nhiễm môi trường bảo đảm đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Việc thi công xây dựng, cải tạo, sửa chữa, phá dỡ công trình xây dựng phải bảo đảm các yêu cầu bảo vệ môi trường sau:</p> <p>a) Công trình xây dựng phải có biện pháp bảo đảm không phát tán bụi, nhiệt, tiếng ồn, độ rung, ánh sáng vượt quá quy chuẩn kỹ thuật môi trường;</p> <p>b) Việc vận chuyển vật liệu xây dựng phải được thực hiện bằng phương tiện phù hợp bảo đảm không làm rò rỉ, rơi vãi, gây ô nhiễm môi trường;</p> <p>c) Nước thải phải được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường;</p> <p>d) Chất thải rắn, phế liệu có khả năng tái chế như thủy tinh, sắt thép, gỗ, giấy, chất dẻo,... được tái chế, tái sử dụng.</p> <p>đ) Đất, bùn thải từ hoạt động đào đất, nạo vét lớp đất mặt, đào cọc móng được sử dụng để bồi đắp cho đất trồng cây hoặc các khu vực đất phù hợp;</p> <p>e) Đất, đá, chất thải rắn từ vật liệu xây dựng được tái sử dụng làm vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng, các mục đích khác theo quy định của địa phương;</p> <p>g) Chất thải rắn và các loại chất thải khác phải được thu gom, lưu giữ, vận chuyển đến nơi xử lý theo quy định về quản lý chất thải.</p> <p>4. Hộ gia đình tại đô thị khi tiến hành các hoạt động cải tạo hoặc phá dỡ công trình xây dựng phải chuyển giao chất thải xây dựng cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định của địa phương; trường hợp phát sinh dưới 300 kg/ngày được quản lý như chất thải rắn</p>	Sửa đổi, bổ sung

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	thuật môi trường.		<p>sinh hoạt của hộ gia đình.</p> <p>5. Hộ gia đình tại vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa chưa có hệ thống thu gom, xử lý chất thải khi tiến hành các hoạt động cải tạo hoặc phá dỡ công trình xây dựng phải tái sử dụng hoặc đổ thải chất thải xây dựng theo quy định của địa phương; không được đổ chất thải ra đường, sông ngòi, suối, kênh rạch và các nguồn nước mặt khác làm ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường.</p> <p>6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng và quy hoạch địa điểm đổ thải chất thải xây dựng; bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước đô thị.</p> <p>7. Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật thiết kế xây dựng đối với công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ làm căn cứ thẩm định thiết kế xây dựng, cấp giấy phép xây dựng cho các dự án, cơ sở, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô nhỏ và nhà ở riêng lẻ của hộ gia đình, cá nhân đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định.</p>	
	<p>Điều 74. Bảo vệ môi trường trong hoạt động giao thông vận tải</p> <p>1. Quy hoạch giao thông phải tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường.</p> <p>2. Phương tiện giao thông cơ giới phải được cơ quan đăng kiểm xác nhận đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường mới được đưa vào sử dụng.</p> <p>3. Phương tiện vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, chất thải phải được che chắn, không để rơi vãi gây ô nhiễm môi trường trong khi tham gia giao thông.</p> <p>4. Tổ chức, cá nhân hoạt động giao thông vận tải hàng nguy hiểm phải</p>		<p>Điều 133. Trách nhiệm bảo vệ môi trường trong hoạt động giao thông vận tải</p> <p>1. Quy hoạch Tổ chức, cá nhân hoạt động giao thông vận tải phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.</p> <p>2. Phương tiện, thiết bị giao thông cơ giới vận tải phải được cơ quan đăng kiểm kiểm định, xác nhận đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường mới được đưa vào sử dụng theo quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.</p> <p>3. Phương tiện vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, chất thải phải được che chắn, không để rơi vãi gây ô nhiễm môi trường khi tham gia giao thông.</p> <p>4. Tổ chức, cá nhân hoạt động giao thông vận tải hàng nguy hiểm phải bảo đảm đáp ứng đủ điều kiện, năng lực về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Việc vận chuyển hàng hóa, vật liệu có nguy cơ gây sự cố ô nhiễm môi trường phải được thực hiện bằng thiết bị, phương tiện chuyên dụng, bảo</p>	Sửa đổi, bổ sung

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>bảo đảm đáp ứng đủ điều kiện, năng lực về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Việc vận chuyển hàng hóa, vật liệu có nguy cơ gây sự cố môi trường phải bảo đảm các yêu cầu sau:</p> <p>a) Sử dụng thiết bị, phương tiện chuyên dụng, bảo đảm không rò rỉ, phát tán ra môi trường;</p> <p>b) Có giấy phép vận chuyển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;</p> <p>c) Khi vận chuyển phải theo đúng tuyến đường và thời gian quy định trong giấy phép.</p>		<p>đảm không rò rỉ, phát tán ra môi trường;</p> <p>6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có các đô thị đặc biệt, đô thị loại một phải có giải pháp phân luồng giao thông trên cơ sở phân loại các phương tiện giao thông theo loại nhiên liệu sử dụng, mức tiêu chuẩn khí thải, năm sử dụng nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường không khí; bố trí các trạm rửa xe trước khi vào nội thành, nội thị đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.</p> <p>7. Thủ tướng Chính phủ quy định lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; lộ trình loại bỏ các phương tiện, thiết bị giao thông vận tải cũ gây ô nhiễm môi trường.</p>	
	<p>Điều 77. Bảo vệ môi trường trong hoạt động lễ hội, du lịch</p> <p>1. Tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác khu di tích, điểm di tích, khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở lưu trú phải thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường sau:</p> <p>a) Niêm yết quy định về bảo vệ môi trường tại khu di tích, điểm di tích, khu du lịch, điểm du lịch và hướng dẫn thực hiện;</p> <p>b) Lắp đặt, bố trí đủ và hợp lý công trình vệ sinh, thiết bị thu gom chất thải;</p> <p>c) Bố trí nhân lực làm vệ sinh môi trường.</p>		<p>Điều 134. Trách nhiệm bảo vệ môi trường trong hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch</p> <p>1. Tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác khu di tích, điểm di tích, khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở lưu trú, địa điểm tập luyện và thi đấu thể dục thể thao, đơn vị tổ chức lễ hội phải thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường sau:</p> <p>a) Niêm yết quy định về bảo vệ môi trường và hướng dẫn thực hiện;</p> <p>b) Lắp đặt, bố trí đủ và hợp lý công trình vệ sinh, thiết bị thu gom chất thải đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường trong mọi thời điểm;</p> <p>c) Bố trí nhân lực làm vệ sinh môi trường;</p> <p>d) Nộp phí bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;</p> <p>d) Thực hiện công tác bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Cá nhân đến khu di tích, điểm di tích, khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở lưu trú, địa điểm tập luyện và thi đấu thể dục thể thao, địa điểm diễn ra lễ hội thực hiện các quy định sau:</p> <p>a) Tuân thủ nội quy, hướng dẫn về bảo vệ môi trường của cơ quan quản lý;</p> <p>b) Hạn chế phát sinh chất thải, đặc biệt là chất thải nhựa; Bỏ chất thải</p>	Sửa đổi, bổ sung

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>2. Cá nhân đến khu di tích, điểm di tích, khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở lưu trú và lễ hội thực hiện các quy định sau:</p> <p>a) Tuân thủ nội quy, hướng dẫn về bảo vệ môi trường của khu di tích, điểm di tích, khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở lưu trú;</p> <p>b) Bỏ chất thải đúng nơi quy định;</p> <p>c) Giữ gìn vệ sinh công cộng;</p> <p>d) Không xâm hại cảnh quan di tích, các loài sinh vật tại khu di tích, điểm di tích, khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở lưu trú.</p>		<p>đúng nơi quy định;</p> <p>c) Giữ gìn và nhắc nhở người khác giữ gìn vệ sinh công cộng;</p> <p>d) Không xâm hại cảnh quan môi trường các loài sinh vật tại khu di tích, điểm di tích, khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở lưu trú, địa điểm tập luyện và thi đấu thể dục thể thao, địa điểm diễn ra lễ hội;</p> <p>đ) Trả chi phí cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải, phí hưởng lợi cảnh quan, môi trường thông qua giá vé, dịch vụ du lịch.</p> <p>3. Cơ sở kinh doanh, dịch vụ khai thác cảnh quan thiên nhiên quan trọng quy định tại Điều 29 Luật này vào mục đích thương mại, du lịch phải nộp “phí hưởng lợi môi trường” vào ngân sách địa phương theo quy định như sau:</p> <p>a) Nộp 10 % doanh thu sau khi đã trừ đi các khoản thuế, phí theo quy định của pháp luật đối với trường hợp sử dụng cảnh quan thiên nhiên quan trọng Nhóm 1 quy định tại điểm a khoản 1 Điều 29 Luật này;</p> <p>b) Nộp 08 % doanh thu sau khi đã trừ đi các khoản thuế, phí theo quy định của pháp luật đối với trường hợp sử dụng cảnh quan thiên nhiên quan trọng Nhóm 2 quy định tại điểm b khoản 1 Điều 29 Luật này;</p> <p>c) Nộp 05 % doanh thu sau khi đã trừ đi các khoản thuế, phí theo quy định của pháp luật đối với trường hợp sử dụng cảnh quan thiên nhiên quan trọng Nhóm 3 quy định tại điểm c khoản 1 Điều 29 Luật này.</p> <p>4. Khoản kinh phí thu được quy định tại khoản 3 Điều này được hạch toán nộp vào ngân sách địa phương theo quy định và được sử dụng để thực hiện công tác bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn.</p> <p>5. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết khoản 3 và khoản 4 Điều này.</p>	
			<p>Điều 135. Trách nhiệm bảo vệ môi trường trong hoạt động thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản</p> <p>1. Tổ chức, cá nhân khi tiến hành thăm dò, khai thác, đóng cửa mỏ, chế biến khoáng sản phải có phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ, cải tạo và phục hồi môi trường như sau:</p>	Sửa đổi, bổ sung

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>a) Thu gom và xử lý nước thải theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Thu gom, xử lý chất thải rắn theo quy định về quản lý chất thải rắn;</p> <p>c) Có biện pháp ngăn ngừa, hạn chế việc phát tán bụi, khí thải độc hại và tác động xấu khác đến môi trường xung quanh;</p> <p>d) Có phương án cải tạo, phục hồi môi trường cho toàn bộ quá trình thăm dò, khai thác, đóng cửa mỏ, chế biến khoáng sản và tiến hành cải tạo, phục hồi môi trường trong quá trình thăm dò, khai thác, đóng cửa mỏ và chế biến khoáng sản theo quy định của Luật này và quy định của pháp luật về khoáng sản;</p> <p>đ) Ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản và đề án đóng cửa mỏ khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Đối tượng phải lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường</p> <p>a) Các dự án khai thác khoáng sản phải có phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường;</p> <p>b) Cơ sở khai thác khoáng sản đã đi vào vận hành thương mại nhưng chưa có phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc có thay đổi nội dung cải tạo, phục hồi môi trường so với phương án đã được phê duyệt hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt không đủ để thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường;</p> <p>c) Đối tượng quy định tại điểm b khoản này phải lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường trình cơ quan cấp giấy phép khai thác khoáng sản để được điều chỉnh trong giấy phép khai thác khoáng sản và giấy phép môi trường.</p> <p>3. Nội dung của phương án cải tạo, phục hồi môi trường:</p> <p>a) Các giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường; phân tích, đánh giá, lựa chọn giải pháp tốt nhất để cải tạo, phục hồi môi trường;</p> <p>b) Danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường đối với giải pháp lựa chọn;</p> <p>c) Kế hoạch thực hiện phân chia theo từng năm, từng giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường; chương trình quan trắc môi trường trong thời gian cải tạo, phục hồi môi trường; kế hoạch kiểm tra, xác nhận hoàn</p>	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>thành phương án;</p> <p>d) Bảng dự toán kinh phí để tiến hành cải tạo, phục hồi môi trường cho từng hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường; các khoản tiền ký quỹ theo lộ trình.</p> <p>4. Ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản và đề án đóng cửa mỏ khai thác khoáng sản phải đáp ứng yêu cầu sau:</p> <p>a) Số tiền ký quỹ phải được tính toán bảo đảm đủ kinh phí để cải tạo, phục hồi môi trường căn cứ vào các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, cấp giấy phép, có tính tới yếu tố trượt giá;</p> <p>b) Việc tính toán số tiền ký quỹ phải áp dụng định mức, đơn giá của địa phương tại thời điểm lập phương án. Trường hợp địa phương không có định mức, đơn giá thì áp dụng theo định mức, đơn giá của bộ, ngành tương ứng. Trong trường hợp bộ, ngành không có đơn giá thì áp dụng theo giá thị trường;</p> <p>c) Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải thực hiện ký quỹ hàng năm hoặc theo giai đoạn có tính tới yếu tố trượt giá;</p> <p>d) Tổ chức, cá nhân khai thác, đóng cửa mỏ khai thác khoáng sản, phải thực hiện ký quỹ tại quỹ bảo vệ môi trường địa phương hoặc Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam. Tiền ký quỹ được nộp, hoàn trả bằng tiền đồng Việt Nam;</p> <p>đ) Tiền ký quỹ được hưởng lãi suất bằng lãi suất cho vay của quỹ bảo vệ môi trường nơi ký quỹ và được tính từ thời điểm ký quỹ. Tổ chức, cá nhân chỉ được rút tiền lãi một lần sau khi có quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản;</p> <p>e) Việc hoàn trả khoản tiền ký quỹ trên cơ sở tổ chức, cá nhân đã hoàn thành từng phần hoặc toàn bộ nội dung cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án được phê duyệt hoặc được quy định trong giấy phép;</p> <p>g) Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác, đóng cửa mỏ khoáng sản đã ký quỹ nhưng giải thể hoặc phá sản và chưa thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường theo đúng phương án được phê duyệt thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án đóng cửa mỏ của dự án khai thác khoáng sản có</p>	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>trách nhiệm sử dụng số tiền đã ký quỹ bao gồm cả tiền lãi để thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.</p> <p>5. Khoáng sản có tính chất độc hại phải được lưu giữ, vận chuyển bằng thiết bị chuyên dụng, được che chắn tránh phát tán ra môi trường.</p> <p>6. Việc sử dụng máy móc, thiết bị có tác động xấu đến môi trường, hóa chất độc hại trong thăm dò, khai thác, đóng cửa mỏ, chế biến khoáng sản phải chịu sự kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.</p> <p>7. Việc thăm dò, khai thác, vận chuyển, chế biến khoáng sản khác có chứa nguyên tố phóng xạ, chất độc hại, chất nổ phải thực hiện quy định của Luật này và pháp luật về an toàn hóa chất, an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân.</p> <p>8. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành các mẫu, biểu, hướng dẫn kỹ thuật để tổ chức thực hiện Điều này.</p>	
			<p>Điều 136. Trách nhiệm bảo vệ môi trường trong hoạt động thăm dò, khai thác, vận chuyển dầu khí và các dịch vụ liên quan trên biển</p> <p>1. Tổ chức, cá nhân khi tiến hành hoạt động thăm dò, khai thác, vận chuyển dầu khí và các dịch vụ liên quan trên biển phải thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.</p> <p>2. Chính phủ quy định chi tiết yêu cầu đặc thù về bảo vệ môi trường trong vận hành thử nghiệm, quản lý chất thải, quan trắc môi trường đối với hoạt động thăm dò, khai thác, vận chuyển dầu khí và các dịch vụ liên quan trên biển.</p>	Quy định bổ sung mới
			<p>Điều 138. Trách nhiệm bảo vệ môi trường trong sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, sử dụng, xử lý các chất POP, PTS và nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa POP và PTS</p> <p>1. Chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (tên tiếng Anh là Persistent Organic Pollutant - gọi tắt là chất POP) là chất hữu cơ có độc tính cao, khó phân hủy trong môi trường tự nhiên, có khả năng tích lũy sinh học trong con người và động vật và lan truyền trong môi trường được quy định trong Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân</p>	Quy định bổ sung mới

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>hủy.</p> <p>2. Chất nguy hại khó phân hủy (tên tiếng Anh là Persistent Toxic Substance - gọi tắt là PTS) là chất có độc tính cao, khó phân hủy, lan truyền, tích tụ trong môi trường, tác động xấu tới môi trường và sức khỏe con người cần được kiểm soát chặt chẽ để bảo vệ môi trường</p> <p>3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường trong sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, sử dụng, xử lý các chất POP, PTS và nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa POP và PTS</p> <p>a) Không được sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu và sử dụng các chất POP, PTS và nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa POP và PTS thuộc Phụ lục A của Công ước Stockholm mà có hàm lượng vượt ngưỡng nguy hại theo quy định pháp luật.</p> <p>b) Phải tuân thủ các quy định để kiểm soát nguồn nguy hại và công bố thông tin hàm lượng của các chất độc hại có trong các chất POP, PTS và nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa POP và PTS.</p> <p>c) Các chất POP, PTS và nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa POP và PTS vượt ngưỡng nguy hại theo quy định được phép tái chế, tiêu hủy, với điều kiện việc tái chế và tiêu hủy không dẫn đến thu hồi các chất này để tái sử dụng và phải đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường.</p> <p>d) Xử lý các chất POP, PTS và nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa POP và PTS phải đáp ứng các yêu cầu về quản lý chất thải nguy hại theo quy định.</p> <p>đ) Các chất POP, PTS và nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa POP và PTS phải được các cơ sở báo cáo về chủng loại và kết quả tính toán khối lượng chất ô nhiễm phát thải vào các thành phần môi trường không khí, nước, đất và chuyển ra ngoài cơ sở để quản lý thông tin, đánh giá, quản lý rủi ro môi trường.</p> <p>4. Trách nhiệm bảo vệ môi trường trong sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, sử dụng, xử lý các chất POP, PTS và nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa POP và PTS</p>	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>a) Tổ chức, cá nhân sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, sử dụng, xử lý các chất POP, PTS và nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa và thiết bị có chứa POP và PTS phải có trách nhiệm thực hiện Công ước Stockholm và các Công ước có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và thực hiện các quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>b) Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan quy định việc công bố thông tin, giám định hàm lượng các chất độc hại có trong nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị chứa POP và PTS; đánh giá, xác định các khu vực tồn lưu, ô nhiễm các chất POP và PTS; cảnh báo rủi ro và đề xuất các biện pháp quản lý an toàn, quản lý tài nguyên phù hợp với chất lượng môi trường và mục đích sử dụng; quy định nội dung và danh mục các chất ô nhiễm, ngành nghề phải báo cáo về chủng loại và kết quả tính toán khối lượng chất ô nhiễm phát thải vào các thành phần môi trường không khí, nước, đất; tích hợp thông tin quan trắc các chất POP trong báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia theo quy định của Công ước Stockholm và các Công ước có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và theo quy định của pháp luật.</p> <p>c) Các Bộ, ngành có liên quan quản lý hoạt động sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, sử dụng, xử lý các chất POP, PTS và nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa POP và PTS thuộc lĩnh vực ngành mình phụ trách theo quy định của Công ước Stockholm và các Công ước có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và theo quy định của pháp luật.</p> <p>d) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan kiểm soát chặt chẽ việc sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, sử dụng, xử lý các chất POP, PTS và nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa POP và PTS theo quy định của Công ước Stockholm và các Công ước có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và theo quy định của pháp luật.</p> <p>đ) Chính phủ quy định chi tiết về bảo vệ môi trường đối với hoạt động</p>	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, sử dụng, xử lý các chất POP và PTS, nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa POP và PTS theo quy định của Công ước Stockholm và các Công ước có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.	
	<p>Điều 75. Bảo vệ môi trường trong nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa</p> <p>1. Máy móc, thiết bị, phương tiện, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất, hàng hóa nhập khẩu, quá cảnh phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.</p> <p>2. Cấm nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất, hàng hóa sau:</p> <p>a) Máy móc, thiết bị, phương tiện không đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường;</p> <p>b) Máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải đã qua sử dụng để phá dỡ, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;</p> <p>c) Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất, hàng hóa thuộc danh mục cấm nhập khẩu;</p> <p>d) Máy móc, thiết bị, phương tiện bị nhiễm chất phóng xạ, vi trùng gây bệnh, chất độc khác chưa được tẩy rửa hoặc không có khả năng làm sạch;</p> <p>đ) Thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến, dụng cụ, vật liệu bao</p>		<p>Điều 139. Trách nhiệm bảo vệ môi trường trong nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, quá cảnh hàng hóa</p> <p>1. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu, quá cảnh máy móc, thiết bị, phương tiện, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất, hàng hóa phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.</p> <p>2. Tổ chức, cá nhân không được nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất, hàng hóa sau:</p> <p>a) Máy móc, thiết bị, phương tiện không đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường;</p> <p>a) Máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải đã qua sử dụng để phá dỡ trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;</p> <p>b) Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất, hàng hóa thuộc danh mục cấm nhập khẩu;</p> <p>c) Máy móc, thiết bị, phương tiện, hàng hoá, nguyên liệu, phế liệu bị nhiễm chất phóng xạ, vi trùng gây bệnh, chất độc khác chưa được tẩy rửa hoặc không có khả năng làm sạch;</p> <p>d) Thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến, dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng thực phẩm đã hết hạn sử dụng hoặc không bảo đảm quy định về an toàn thực phẩm;</p> <p>đ) Thuốc, nguyên liệu làm thuốc sử dụng cho người, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng.</p> <p>3. Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành danh mục cấm tạm nhập tái xuất, quá cảnh hàng hóa có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.</p> <p>3. Việc nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Chính phủ quy định cụ thể đối tượng, điều kiện được phép nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng.</p>	Sửa đổi, bổ sung

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>gói chứa đựng thực phẩm đã hết hạn sử dụng hoặc không bảo đảm quy định về an toàn thực phẩm;</p> <p>e) Thuốc, nguyên liệu làm thuốc sử dụng cho người, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng.</p> <p>3. Việc nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Chính phủ quy định cụ thể đối tượng, điều kiện được phép nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng.</p>			
	<p>Điều 76. Bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu</p> <p>1. Phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài vào Việt Nam phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường và thuộc danh mục phế liệu được phép nhập khẩu do Thủ tướng Chính phủ quy định.</p> <p>2. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu phải đáp ứng các yêu cầu sau:</p> <p>a) Có kho, bãi dành riêng cho việc tập kết phế liệu bảo đảm điều kiện về bảo vệ môi trường;</p> <p>b) Có công nghệ, thiết bị tái chế, tái sử dụng phế liệu, xử lý tạp chất đi kèm phế liệu đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.</p> <p>3. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân</p>		<p>Điều 140. Trách nhiệm và yêu cầu bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu</p> <p>1. Phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài vào Việt Nam phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và thuộc danh mục phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.</p> <p>2. Tổ chức, cá nhân chỉ được nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho cơ sở sản xuất của mình và phải đáp ứng các yêu cầu sau:</p> <p>a) Có cơ sở sản xuất với công nghệ, thiết bị tái chế, tái sử dụng, kho, bãi dành riêng cho việc tập kết phế liệu đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; có phương án xử lý tạp chất đi kèm phế liệu phù hợp với phế liệu nhập khẩu;</p> <p>b) Có báo cáo đánh giá tác động môi trường được Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định;</p> <p>c) Có giấy phép môi trường cho giai đoạn vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải hoặc khi dự án đi vào vận hành thương mại.</p> <p>d) Thực hiện ký quỹ bảo đảm phế liệu nhập khẩu trước thời điểm phế liệu dỡ xuống cảng đối với trường hợp nhập khẩu qua cửa khẩu đường biển hoặc nhập khẩu vào lãnh thổ Việt Nam đối với các trường hợp</p>	Sửa đổi, bổ sung

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>nhập khẩu phế liệu:</p> <p>a) Chỉ được nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất;</p> <p>b) Phải xử lý tạp chất đi kèm phế liệu đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; không được cho, bán tạp chất đi kèm phế liệu;</p> <p>c) Phải tái xuất phế liệu không đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường; trường hợp không tái xuất được thì phải xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải;</p> <p>d) Thực hiện ký quỹ bảo đảm phế liệu nhập khẩu theo quy định của Chính phủ.</p> <p>4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:</p> <p>a) Kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến phế liệu nhập khẩu;</p> <p>b) Hằng năm, báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường tình hình nhập khẩu, sử dụng phế liệu và các vấn đề môi trường liên quan đến phế liệu nhập khẩu tại địa bàn.</p>		<p>khác;</p> <p>c) Có văn bản cam kết về việc tái xuất hoặc xử lý phế liệu trong trường hợp phế liệu nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.</p> <p>a) Có kho, bãi dành riêng cho việc tập kết phế liệu bảo đảm điều kiện về bảo vệ môi trường;</p> <p>b) Có công nghệ, thiết bị tái chế, tái sử dụng phế liệu, xử lý tạp chất đi kèm phế liệu đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.</p> <p>3. Ký quỹ bảo đảm phế liệu nhập khẩu là việc tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu gửi một khoản tiền hoặc kim khí quý, đá quý hoặc giấy tờ có giá vào tổ chức tài chính, tín dụng được quy định để đảm bảo cho việc giảm thiểu, khắc phục các rủi ro môi trường do hoạt động nhập khẩu phế liệu gây ra.</p> <p>4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p> <p>3. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu:</p> <p>a) Chỉ được nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất;</p> <p>b) Phải xử lý tạp chất đi kèm phế liệu đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; không được cho, bán tạp chất đi kèm phế liệu;</p> <p>e) Phải tái xuất phế liệu không đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường; trường hợp không tái xuất được thì phải xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải;</p> <p>d) Thực hiện ký quỹ bảo đảm phế liệu nhập khẩu theo quy định của Chính phủ.</p> <p>4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:</p> <p>a) Kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến phế liệu nhập khẩu;</p> <p>b) Hằng năm, báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường tình hình nhập khẩu, sử dụng phế liệu và các vấn đề môi trường liên quan đến phế liệu nhập khẩu tại địa bàn.</p>	
	Điều 78. Bảo vệ môi trường đối với hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y			Lồng ghép quy định

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
				vào Điều 129
Chương VIII. Bảo vệ môi trường đô thị, khu dân cư	<p>Điều 80. Yêu cầu bảo vệ môi trường đô thị, khu dân cư</p> <p>1. Bảo vệ môi trường đô thị thực hiện theo nguyên tắc phát triển bền vững gắn với việc duy trì các yếu tố tự nhiên, văn hóa, lịch sử và bảo đảm tỷ lệ không gian xanh theo quy hoạch.</p> <p>2. Có kết cấu hạ tầng về bảo vệ môi trường đồng bộ, phù hợp với quy hoạch đô thị, khu dân cư tập trung đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>3. Có thiết bị, phương tiện, địa điểm để phân loại tại nguồn, thu gom, tập trung chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với khối lượng, chủng loại chất thải và đủ khả năng tiếp nhận chất thải đã được phân loại tại nguồn từ các hộ gia đình trong khu dân cư.</p> <p>4. Bảo đảm yêu cầu về cảnh quan đô thị, vệ sinh môi trường; lắp đặt và bố trí công trình vệ sinh nơi công cộng.</p> <p>5. Chủ đầu tư dự án khu dân cư tập trung, chung cư phải thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.</p>		<p>Điều 141. Trách nhiệm bảo vệ môi trường khu đô thị, khu dân cư tập trung</p> <p>1. Bảo vệ môi trường khu đô thị, khu dân cư tập trung phải thực hiện theo nguyên tắc phát triển bền vững gắn với việc duy trì các yếu tố tự nhiên, văn hóa, lịch sử và bảo đảm tỷ lệ không gian xanh theo quy hoạch; bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội hài hòa với cảnh quan thiên nhiên, đáp ứng yêu cầu về cảnh quan khu đô thị, vệ sinh môi trường.</p> <p>2. Khu đô thị, khu dân cư tập trung phải có kết cấu hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường đồng bộ, phù hợp với quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt, bao gồm:</p> <p>a) Thiết bị, phương tiện, địa điểm, bao bì, thiết bị lưu chứa chất thải phải được đầu tư để phân loại tại nguồn, thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh từ các hộ gia đình, cá nhân trong khu đô thị, khu dân cư tập trung;</p> <p>b) Mạng lưới cấp, thoát nước, hệ thống xử lý nước cấp, hệ thống xử lý nước thải đô thị tập trung, công trình vệ sinh nơi công cộng đáp ứng yêu cầu của người dân, du khách;</p> <p>c) Đối với khu, cụm dân cư phân tán, các đô thị nhỏ và dân cư nông thôn phải có địa điểm lưu giữ tạm thời rác thải bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường trước khi vận chuyển đến địa điểm xử lý theo quy định;</p> <p>d) Tỷ lệ cây xanh trong khu đô thị, khu dân cư tập trung phải bảo đảm theo quy định.</p> <p>3. Chủ đầu tư dự án khu dân cư tập trung, chung cư phải thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường, thu gom và xử lý chất thải, bảo đảm tỷ lệ cây xanh tối thiểu trong dự án theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành tiêu chí, chứng nhận khu đô thị sinh thái đối với các khu đô thị, khu dân cư tập trung.</p> <p>5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi</p>	Sửa đổi, bổ sung

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	6. Đối với khu dân cư phân tán phải có địa điểm, hệ thống thu gom, xử lý rác thải; có hệ thống cung cấp nước sạch và các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp và an toàn.		trường khu đô thị, khu dân cư theo quy định của pháp luật.	
			<p>Điều 142. Trách nhiệm bảo vệ môi trường nông thôn</p> <p>1. Yêu cầu về bảo vệ môi trường nông thôn:</p> <p>a) Có quy hoạch chung huyện, xã được phê duyệt bảo đảm đầy đủ các nội dung về bảo vệ môi trường theo quy định;</p> <p>b) Có quy hoạch phát triển khu, cụm, điểm công nghiệp, làng nghề, cơ sở, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản đảm bảo khoa học và phù hợp xu thế phát triển;</p> <p>c) Toàn bộ các loại chất thải phát sinh trên địa bàn được thống kê, quản lý, xử lý đảm bảo các quy định về bảo vệ môi trường;</p> <p>d) Tuân thủ quy định về tỷ lệ cảnh quan, cây xanh, đường hoa, nhà vệ sinh, rãnh thoát nước và công trình xử lý nước thải bảo đảm môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn;</p> <p>đ) Chất lượng môi trường nông thôn phải được theo dõi, đánh giá hiện trạng, diễn biến; các điểm, khu vực ô nhiễm phải được xử lý, cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường;</p> <p>2. Trách nhiệm bảo vệ môi trường nông thôn:</p> <p>a) Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã lập quy hoạch chung xây dựng huyện, xã bảo đảm đầy đủ các nội dung về bảo vệ môi trường theo quy định;</p> <p>b) Ủy ban nhân dân cấp huyện lập, trình phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý các loại chất thải phát sinh trên địa bàn; xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn; theo dõi, đánh giá hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường nông thôn; xử lý và cải thiện chất lượng môi trường các điểm, khu vực ô nhiễm tại nông thôn;</p> <p>c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo lập quy hoạch phát triển các khu, cụm, điểm công nghiệp, làng nghề, cơ sở, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản</p>	Quy định bổ sung mới

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>cho từng đơn vị hành chính cấp huyện, xã đảm bảo tính khoa học và phù hợp với xu thế phát triển;</p> <p>d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xác định lộ trình, xây dựng xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; áp dụng cơ chế chính sách ưu đãi, hỗ trợ để triển khai thực hiện;</p> <p>đ) Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng và hướng dẫn triển khai nội dung về bảo vệ môi trường nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới;</p> <p>e) Chính phủ ban hành quy định về điều kiện, tiêu chí về bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và quy trình thủ tục công nhận xã, huyện, thành phố, thị xã, tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới hoặc hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.</p>	
	<p>Điều 81. Bảo vệ môi trường nơi công cộng</p> <p>1. Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường và giữ gìn vệ sinh nơi công cộng; phân loại, chuyển rác thải vào thùng chứa rác công cộng hoặc đúng nơi quy định tập trung rác thải; không để vật nuôi gây mất vệ sinh nơi công cộng.</p> <p>2. Tổ chức, cá nhân quản lý công viên, khu vui chơi, giải trí, khu du lịch, chợ, nhà ga, bến xe, bến tàu, bến cảng, bến phà và khu vực công cộng khác có trách nhiệm sau:</p> <p>a) Bố trí nhân lực thu gom chất thải, làm vệ sinh môi trường trong phạm</p>		<p>Điều 143. Trách nhiệm bảo vệ môi trường nơi công cộng</p> <p>1. Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường và giữ gìn vệ sinh nơi công cộng; phân loại, chuyển rác thải vào từng loại thùng chứa rác công cộng hoặc đúng nơi quy định tập trung rác thải; không để vật nuôi gây mất vệ sinh nơi công cộng.</p> <p>2. Tổ chức, cá nhân quản lý công viên, khu vui chơi, giải trí, khu du lịch, chợ, nhà ga, bến xe, bến tàu, bến cảng, bến phà và khu vực công cộng khác có trách nhiệm sau:</p> <p>a) Bố trí nhân lực thu gom chất thải, làm vệ sinh môi trường trong phạm vi quản lý;</p> <p>b) Bố trí công trình vệ sinh công cộng; phương tiện, thiết bị thu gom, quản lý, xử lý chất thải đáp ứng nhu cầu giữ gìn vệ sinh môi trường;</p> <p>c) Niêm yết quy định về giữ gìn vệ sinh nơi công cộng.</p> <p>3. Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp giấy phép xây dựng đối với đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm thẩm định, cấp giấy phép xây dựng trong đó có công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ theo quy chuẩn kỹ thuật thiết kế xây dựng, đáp ứng yêu cầu bảo vệ</p>	Sửa đổi, bổ sung

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	vi quản lý; b) Bố trí công trình vệ sinh công cộng; phương tiện, thiết bị thu gom chất thải đáp ứng nhu cầu giữ gìn vệ sinh môi trường; c) Niêm yết quy định về giữ gìn vệ sinh nơi công cộng.		môi trường theo quy định.	
	Điều 82. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với hộ gia đình 1. Giảm thiểu, phân loại tại nguồn, thu gom và chuyển rác thải sinh hoạt đến đúng nơi quy định. 2. Giảm thiểu, xử lý và xả nước thải sinh hoạt đúng nơi quy định. 3. Không được phát tán khí thải, gây tiếng ồn, độ rung và tác động khác vượt quá quy chuẩn kỹ thuật môi trường, gây ảnh hưởng xấu đến cộng đồng dân cư xung quanh. 4. Nộp đủ và đúng thời hạn phí bảo vệ môi trường; chi trả cho dịch vụ thu gom, xử lý chất thải theo quy định của pháp luật;. 5. Tham gia hoạt động bảo vệ môi trường công cộng và tại khu dân cư. 6. Có công trình vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm bảo đảm vệ sinh, an toàn.		Điều 144. Trách nhiệm bảo vệ môi trường đối với hộ gia đình 1. Giảm thiểu, phân loại chất thải sinh hoạt tại nguồn, thu gom và chuyển rác thải sinh hoạt đã được phân loại đến đúng nơi quy định. 2. Giảm thiểu, xử lý và xả nước thải sinh hoạt đúng nơi quy định. 3. Không được phát tán khí thải, gây tiếng ồn, độ rung và tác động khác gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng xấu đến cộng đồng dân cư xung quanh. 4. Nộp đủ và đúng thời hạn phí bảo vệ môi trường theo quy định; chi trả kinh phí dịch vụ thu gom, xử lý chất thải theo quy định của pháp luật; 5. Tham gia hoạt động bảo vệ môi trường công cộng và tại khu dân cư. 6. Có công trình vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm bảo đảm vệ sinh, an toàn. 6. Chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm phải bảo đảm vệ sinh, chất thải từ hoạt động chăn nuôi phải được thu gom, sử dụng làm phân bón hữu cơ tại khu vực nông thôn hoặc phải được quản lý theo quy định về bảo vệ môi trường. 7. Có công trình vệ sinh theo quy định; khi xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa nhà ở riêng lẻ tại đô thị, khu dân cư tập trung phải xây lắp công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ theo quy chuẩn kỹ thuật thiết kế xây dựng. 8. Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp giấy phép xây dựng đối với công trình xây dựng, nhà ở của hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm thẩm định, cấp giấy phép xây dựng trong đó có công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ theo quy chuẩn kỹ thuật thiết kế xây dựng, đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.	Sửa đổi, bổ sung
	Điều 83. Tổ chức tự quản về bảo			Bãi bỏ

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	vệ môi trường			
	<p>Điều 84. Bảo vệ môi trường trong mai táng, hỏa táng</p> <p>1. Khu mai táng, hỏa táng phải bảo đảm các yêu cầu sau:</p> <p>a) Phù hợp với quy hoạch;</p> <p>b) Có vị trí, khoảng cách đáp ứng yêu cầu về vệ sinh môi trường, cảnh quan khu dân cư;</p> <p>c) Không gây ô nhiễm nguồn nước và môi trường xung quanh.</p> <p>2. Việc quản, ướp, di chuyển, chôn cất thi thể, hài cốt phải bảo đảm yêu cầu về vệ sinh môi trường.</p> <p>3. Việc mai táng người chết do dịch bệnh nguy hiểm thực hiện theo quy định của Bộ Y tế.</p> <p>4. Tổ chức, cá nhân hoạt động dịch vụ mai táng phải chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, về vệ sinh phòng dịch.</p> <p>5. Nhà nước khuyến khích việc hỏa táng, chôn cất trong khu nghĩa trang theo quy hoạch, xóa bỏ hủ tục gây ô nhiễm môi trường.</p>		<p>Điều 145. Trách nhiệm bảo vệ môi trường trong mai táng, hỏa táng</p> <p>1. Khu mai táng, hỏa táng phải bảo đảm các yêu cầu sau:</p> <p>a) Phù hợp với quy hoạch;</p> <p>b) Có vị trí, khoảng cách đáp ứng yêu cầu về vệ sinh môi trường, cảnh quan khu dân cư;</p> <p>c) Không gây ô nhiễm nguồn nước và môi trường xung quanh.</p> <p>2. Việc quản, ướp, di chuyển, chôn cất thi thể, hài cốt phải bảo đảm yêu cầu về vệ sinh môi trường.</p> <p>3. Việc mai táng người chết do dịch bệnh nguy hiểm thực hiện theo quy định của Bộ Y tế.</p> <p>4. Tổ chức, cá nhân hoạt động dịch vụ mai táng phải chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, về vệ sinh phòng dịch.</p> <p>5. Nhà nước khuyến khích việc hỏa táng, chôn cất trong khu nghĩa trang theo quy hoạch, xóa bỏ hủ tục gây ô nhiễm môi trường.</p>	Giữ nguyên
			<p>Điều 146. Áp dụng công nghệ tốt nhất hiện có</p> <p>1. Tổ chức, cá nhân có cơ sở thuộc loại hình sản xuất công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nghiên cứu, áp dụng công nghệ tốt nhất hiện có để ngăn ngừa, kiểm soát ô nhiễm và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.</p> <p>2. Quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo công nghệ tốt nhất hiện có là giá trị tối đa của các chất gây ô nhiễm có trong dòng khí thải, nước thải của</p>	Quy định mới

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>một cơ sở sản xuất được phép thải vào môi trường khi áp dụng công nghệ tốt nhất hiện có.</p> <p>3. Các tiêu chí xác định công nghệ tốt nhất hiện có bao gồm các vấn đề sau:</p> <p>a) Khả năng thực hiện tại cơ sở sản xuất;</p> <p>b) Hiệu quả của việc giảm lượng chất gây ô nhiễm;</p> <p>c) Khả năng tăng lượng chất thải có thể tái chế;</p> <p>d) Chi phí cho việc áp dụng và vận hành các công nghệ tốt nhất hiện có;</p> <p>đ) Hiệu quả sử dụng năng lượng;</p> <p>e) Chủ động phòng ngừa kiểm soát ô nhiễm;</p> <p>g) Các nội dung khác theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>4. Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường</p> <p>a) Lựa chọn đối tượng áp dụng, giới thiệu các công nghệ tốt nhất hiện có và xem xét công nhận các công nghệ tốt nhất hiện có được áp dụng tại các nước phát triển nhằm kiểm soát nguồn ô nhiễm của các dự án, cơ sở sản xuất công nghiệp;</p> <p>b) Xây dựng, ban hành và định kỳ xem xét sửa đổi, bổ sung các quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo công nghệ tốt nhất hiện có đảm bảo sự phù hợp với thực tế và mức độ phát triển của khoa học công nghệ;</p> <p>c) Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật áp dụng công nghệ tốt nhất hiện có, gồm các nội dung: hiện trạng chung của lĩnh vực sản xuất; hiện trạng sản xuất và phát thải các chất gây ô nhiễm chính; các công nghệ tốt nhất hiện có được lựa chọn, công nhận theo quy định tại điểm a khoản này; các vấn đề liên quan đến kỹ thuật kiểm soát môi trường tiên tiến; hàm lượng chất gây ô nhiễm được thải ra môi trường khi áp dụng các công nghệ tốt nhất hiện có; các nội dung cần thiết khác;</p> <p>d) Xây dựng lộ trình áp dụng công nghệ tốt nhất hiện có cho các lĩnh vực sản xuất công nghiệp được lựa chọn áp dụng.</p> <p>5. Chủ cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng công nghệ tốt nhất hiện có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong việc cung cấp thông tin, xây dựng các quy chuẩn kỹ thuật</p>	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>môi trường, hướng dẫn kỹ thuật áp dụng công nghệ tốt nhất hiện có.</p> <p>6. Cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng công nghệ tốt nhất hiện có được miễn thực hiện đánh giá tác động môi trường theo quy định, được hưởng ưu đãi đầu tư và các ưu đãi khác theo quy định của Luật này.</p>	
			<p>Điều 147. Kiểm toán môi trường</p> <p>1. Kiểm toán môi trường là công cụ kiểm tra các hoạt động bảo vệ môi trường nhằm đánh giá mức độ tuân thủ chính sách, quy định pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường để nâng cao hiệu quả quản lý chất thải, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, ngăn ngừa, giảm thiểu ô nhiễm và bảo vệ môi trường của các tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.</p> <p>a) Kiểm toán tuân thủ chính sách, quy định pháp luật, mục tiêu về bảo vệ môi trường của các tổ chức, cơ sở bao gồm: đánh giá việc chấp hành chính sách, quy định pháp luật, tiêu chuẩn về môi trường của tổ chức, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ; đánh giá việc thực hiện các mục tiêu về bảo vệ môi trường của các tổ chức, cơ sở;</p> <p>b) Kiểm toán đánh giá hiệu quả của hoạt động quản lý chất thải, năng lượng của tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ bao gồm: thu thập thông tin, số liệu về nguyên liệu, vật liệu, nước, năng lượng được sử dụng tại từng công đoạn; đánh giá, xác định loại hình, nguồn phát sinh, thành phần chất thải và khối lượng chất thải phát sinh tại từng công đoạn; tính toán cân bằng vật chất, nguyên nhân phát sinh chất thải; đề xuất các giải pháp giảm thiểu phát sinh chất thải.</p> <p>3. Kết quả thực hiện kiểm toán môi trường được thể hiện dưới hình thức báo cáo kiểm toán môi trường. Báo cáo kiểm toán môi trường được cơ quan quản lý nhà nước về môi trường sử dụng làm tài liệu để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát hoạt động bảo vệ môi trường tại cơ sở.</p> <p>4. Chính phủ ban hành cơ chế khuyến khích cơ sở tự thực hiện kiểm toán môi trường của đơn vị mình hoặc thuê đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện.</p> <p>5. Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật về trình tự, thủ tục và phương pháp thực hiện kiểm toán môi trường tại cơ sở sản xuất,</p>	Quy định mới

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			kinh doanh, dịch vụ.	
Chương IX. Quản lý chất thải		Chương VI. Quản lý chất thải		
Mục 1. Quy định chung về quản lý chất thải	<p>Điều 85. Yêu cầu về quản lý chất thải</p> <p>1. Chất thải phải được quản lý trong toàn bộ quá trình phát sinh, giảm thiểu, phân loại, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và tiêu hủy.</p> <p>2. Chất thải thông thường có lẫn chất thải nguy hại vượt ngưỡng quy định mà không thể phân loại được thì phải quản lý theo quy định của pháp luật về chất thải nguy hại.</p> <p>3. Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chất thải.</p>		<p>Điều 44. Yêu cầu về quản lý chất thải</p> <p>1. Chất thải từ đất liền ra biển, phát sinh trên biển và hải đảo phải được thống kê, phân loại, đánh giá và có giải pháp ngăn ngừa phải được quản lý trong toàn bộ quá trình phát sinh, giảm thiểu, phân loại, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý, tiêu hủy. Trong đó:</p> <p>a) Vận chuyển chất thải là quá trình chuyên chở chất thải từ nơi phát sinh đến nơi xử lý, có thể kèm theo hoạt động thu gom, lưu giữ (hay tập kết) tạm thời, trung chuyển chất thải và sơ chế chất thải tại điểm tập kết hoặc trạm trung chuyển;</p> <p>b) Tái sử dụng chất thải là việc sử dụng lại chất thải một cách trực tiếp hoặc sau khi sơ chế mà không làm thay đổi tính chất của chất thải;</p> <p>c) Tái chế chất thải là quá trình sử dụng các giải pháp công nghệ, kỹ thuật để thu lại các thành phần có giá trị từ chất thải;</p> <p>d) Sơ chế chất thải là việc sử dụng các biện pháp kỹ thuật cơ - lý đơn thuần nhằm thay đổi tính chất vật lý như kích thước, độ ẩm, nhiệt độ để tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân loại, lưu giữ, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý, xử lý nhằm phối trộn hoặc tách riêng các thành phần của chất thải cho phù hợp với các quy trình quản lý khác nhau;</p> <p>đ) Đồng xử lý chất thải là việc kết hợp một quá trình sản xuất sẵn có để tái chế, xử lý, thu hồi năng lượng từ chất thải trong đó chất thải được sử dụng làm nguyên vật liệu, nhiên liệu thay thế hoặc được xử lý.</p> <p>2. Quản lý chất thải thực hiện theo nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền”, bảo đảm hài hòa giữa thiên nhiên, môi trường và sức khỏe cộng đồng.</p> <p>3. Tổ chức, cá nhân có phát sinh chất thải phải có trách nhiệm xử lý hoặc chi trả cho việc xử lý chất thải; áp dụng các biện pháp về tiết kiệm</p>	Sửa đổi, bổ sung

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>tài nguyên và năng lượng; sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu thân thiện với môi trường; sử dụng năng lượng tái tạo; áp dụng các giải pháp công nghệ sản xuất sạch hơn; thực hiện kiểm toán môi trường và các biện pháp khác để phòng ngừa, giảm thiểu phát sinh chất thải.</p> <p>4. Nước thải, khí thải phải được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.</p> <p>5. Chất thải rắn thông thường phải được thu gom, phân định, phân loại riêng biệt với chất thải nguy hại và phải được vận chuyển đến địa điểm xử lý phù hợp với quy hoạch và quy định của địa phương. Phân định chất thải là quá trình phân biệt một vật chất là chất thải hay không phải là chất thải, chất thải nguy hại hay chất thải thông thường và xác định chất thải đó thuộc một loại hoặc một nhóm chất thải nhất định với mục đích để phân loại và quản lý trên thực tế. Phân loại chất thải là hoạt động phân tách chất thải (đã được phân định) trên thực tế nhằm chia thành các loại hoặc nhóm chất thải để có các quy trình quản lý khác nhau.</p> <p>6. Chất thải phát sinh sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu cho hoạt động sản xuất được quản lý theo quy định của pháp luật về sản phẩm hàng hóa để hướng tới nền kinh tế tuần hoàn.</p> <p>7. Chất thải rắn thông thường có lẫn chất thải nguy hại mà không thể phân loại được thì phải quản lý theo quy định của pháp luật về chất thải nguy hại.</p> <p>8. Cơ sở xử lý chất thải nguy hại phải được quy hoạch, xây dựng cho phạm vi liên tỉnh, liên vùng; cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung phải được quy hoạch, xây dựng cho phạm vi liên huyện, liên tỉnh; không đầu tư cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt có quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu trên địa bàn một xã/phường trừ trường hợp đặc biệt theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; thực hiện lộ trình chấm dứt xử lý chất thải rắn bằng hình thức chôn lấp trực tiếp.</p> <p>9. Chất thải rắn sinh hoạt phải được xử lý bằng công nghệ thích hợp quy định trong dự án đầu tư, đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường và phù hợp với quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ,</p>	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>chuyên giao công nghệ.</p> <p>10. Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chất thải công nghiệp và chất thải rắn sinh hoạt.</p>	
	<p>Điều 86. Giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải</p> <p>1. Chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế và thu hồi năng lượng phải được phân loại.</p> <p>2. Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ làm phát sinh chất thải có trách nhiệm giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế và thu hồi năng lượng từ chất thải hoặc chuyển giao cho cơ sở có chức năng phù hợp để tái sử dụng, tái chế và thu hồi năng lượng.</p>		<p>Điều 45. Giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải</p> <p>1. Chất thải rắn phải được phân loại để tái sử dụng, tái chế và thu hồi năng lượng. Thu hồi năng lượng từ chất thải là quá trình thu lại năng lượng từ việc chuyển hóa chất thải.</p> <p>2. Cơ sở có phát sinh chất thải phải giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế và thu hồi năng lượng từ chất thải hoặc chuyển giao cho cơ sở có chức năng phù hợp để tái sử dụng, tái chế và thu hồi năng lượng.</p> <p>3. Cơ sở có chức năng phù hợp để tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý, thu hồi năng lượng và xử lý chất thải là cơ sở hoạt động phù hợp với chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký kinh doanh hoặc chứng nhận đầu tư, văn bản đăng ký đầu tư và các giấy tờ khác tương đương; có nhà xưởng, dây chuyền công nghệ, trang thiết bị và các hạng mục công trình phụ trợ được sử dụng cho hoạt động tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý, thu hồi năng lượng và xử lý chất thải (bao gồm các loại chất thải: sinh hoạt, công nghiệp thông thường, y tế thông thường) đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.</p>	Sửa đổi, bổ sung
	<p>Điều 87. Thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ</p>		<p>Điều 46. Trách nhiệm thu gom, tái chế của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu</p> <p>1. Nhà sản xuất, nhà nhập khẩu các sản phẩm thuộc Danh mục các sản phẩm phải được thu gom, tái chế quy định Phụ lục III Luật này có trách nhiệm đóng góp tài chính cho hoạt động thu gom, tái chế sản phẩm đó, không bao gồm các sản phẩm đã được xuất khẩu hoặc sản phẩm tạm nhập tái xuất. Đóng góp tài chính của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu được sử dụng để hỗ trợ trực tiếp cho các hoạt động thu gom, tái chế các sản phẩm do mình sản xuất, nhập khẩu.</p> <p>2. Mức đóng góp tài chính của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu và mức hỗ trợ thu gom, tái chế được tính theo khối lượng sản phẩm hoặc sản phẩm. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường thành lập Hội đồng liên ngành để xác định mức đóng góp tài chính của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu và mức hỗ trợ</p>	Sửa đổi, bổ sung

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>tài chính cho thu gom, tái chế. Hội đồng liên ngành gồm đại diện các cơ quan quản lý nhà nước, hiệp hội doanh nghiệp và đại diện các doanh nghiệp tái chế có liên quan.</p> <p>3. Hàng năm, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố mức đóng góp tài chính của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu đối với khối lượng sản phẩm hoặc sản phẩm và công bố mức hỗ trợ tài chính cho thu gom, tái chế đối với từng sản phẩm hoặc khối lượng sản phẩm trên cơ sở đề xuất của Hội đồng liên ngành. Mức đóng góp tài chính của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu phải được tính toán đủ để bù cho chi phí thu gom và chi phí tái chế khối lượng hoặc sản phẩm đó.</p> <p>4. Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam tiếp nhận đóng góp tài chính của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu quy định tại khoản 1 Điều này và thực hiện hỗ trợ các doanh nghiệp thu gom, tái chế sản phẩm phải được thu hồi, tái chế. Việc tiếp nhận, sử dụng kinh phí đóng góp của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu phải công khai, minh bạch, đúng mục đích và theo quy định pháp luật. Hàng năm, Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam có trách nhiệm công khai việc tiếp nhận và sử dụng đóng góp tài chính của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>5. Tổ chức, cá nhân thu gom, tái chế sản phẩm thải bỏ thuộc Danh mục sản phẩm phải được thu gom, tái chế do Chính phủ ban hành được nhận hỗ trợ kinh phí từ Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.</p> <p>6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p> <p>Điều 47. Trách nhiệm thu gom, xử lý chất thải của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu</p> <p>1. Nhà sản xuất, nhà nhập khẩu các sản phẩm chứa chất độc hại hoặc khó tái chế hoặc ảnh hưởng quá trình thu gom, xử lý chất thải phải có trách nhiệm đóng góp tài chính cho việc thu gom, xử lý chất thải; không bao gồm các sản phẩm đã được xuất khẩu hoặc sản phẩm tạm nhập tái xuất. Danh mục các sản phẩm phải đóng góp kinh phí cho xử lý chất thải quy định tại Phụ lục IV Luật này.</p> <p>2. Mức đóng góp tài chính của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu được tính theo khối lượng sản phẩm hoặc sản phẩm. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và</p>	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>Môi trường thành lập Hội đồng liên ngành để xác định mức đóng góp tài chính của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu. Hội đồng liên ngành gồm đại diện các cơ quan quản lý nhà nước trung ương và địa phương, hiệp hội doanh nghiệp và đại diện các doanh nghiệp xử lý chất thải có liên quan.</p> <p>3. Hàng năm, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố mức đóng góp tài chính của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu đối với sản phẩm hoặc khối lượng sản phẩm trên cơ sở đề xuất của Hội đồng liên ngành. Mức đóng góp tài chính của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu phải bảo đảm được tính toán đủ để bù cho chi phí thu gom, xử lý sản phẩm đó.</p> <p>4. Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam tiếp nhận đóng góp tài chính của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu quy định tại khoản 1 Điều này. Việc tiếp nhận, sử dụng kinh phí đóng góp của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu phải công khai, minh bạch, đúng mục đích và theo quy định pháp luật.</p> <p>5. Kinh phí đóng góp của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu được sử dụng để hỗ trợ trực tiếp các dự án xử lý chất thải, nghiên cứu, phát triển công nghệ xử lý chất thải và hỗ trợ chính quyền địa phương thực hiện thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt.</p> <p>6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>	
			<p>Điều 48. Sử dụng chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải</p> <p>1. Chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải là sản phẩm có nguồn gốc sinh học được sử dụng để xử lý chất thải (bao gồm: vi sinh vật, enzym và các chất chiết suất từ động vật, thực vật và vi sinh vật), không bao gồm các sinh vật biến đổi gen.</p> <p>2. Tổ chức, cá nhân có chế phẩm sinh học phải đăng ký với Bộ Tài nguyên và Môi trường để xem xét, cấp giấy chứng nhận lưu hành chế phẩm sinh học trước khi đưa vào lưu hành, sử dụng trong xử lý chất thải.</p> <p>3. Bộ trưởng Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về trình tự, thủ tục, hồ sơ đăng ký lưu hành chế phẩm sinh học và ban hành danh mục các chế phẩm sinh học sử dụng trong xử lý chất thải.</p>	Quy định bổ sung mới
	Điều 88. Trách nhiệm của Ủy ban		Điều 50. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trong quản lý chất thải	Điều

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>nhân dân các cấp trong quản lý chất thải</p> <p>Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm sau:</p> <p>1. Lập, phê duyệt, tổ chức thực hiện quy hoạch hạ tầng kỹ thuật xử lý chất thải trên địa bàn.</p> <p>2. Đầu tư xây dựng, tổ chức vận hành công trình công cộng phục vụ quản lý chất thải trên địa bàn.</p> <p>3. Ban hành, thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động quản lý chất thải theo quy định của pháp luật.</p>		<p>1. Bộ, cơ quan ngang Bộ ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định đối với chất thải rắn làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, theo ngành, lĩnh vực phục vụ cho mục đích sản xuất.</p> <p>2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:</p> <p>a) Lập, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch tỉnh, trong đó có công trình hạ tầng kỹ thuật xử lý chất thải trên địa bàn theo quy định của pháp luật về quy hoạch, pháp luật về môi trường và tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Đầu tư xây dựng và tổ chức vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải tại các đô thị, khu dân cư tập trung chưa có hạ tầng thu gom và xử lý nước thải trước ngày Luật này có hiệu lực. Trường hợp không bố trí được quỹ đất, thực hiện cơ chế, chính sách, ưu đãi theo quy định của pháp luật để khuyến khích hộ gia đình tự xử lý đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật trước khi thải ra môi trường;</p> <p>c) Đầu tư xây dựng và tổ chức vận hành hệ thống thu gom, lưu giữ, trung chuyển, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt; hệ thống các công trình, biện pháp, thiết bị công cộng phục vụ quản lý chất thải trên địa bàn;</p> <p>d) Tổ chức thực hiện xã hội hóa công tác thu gom, trung chuyển, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; hệ thống thu gom và xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung trên địa bàn theo quy định của pháp luật;</p> <p>đ) Tổ chức thu phí bảo vệ môi trường và thanh toán kinh phí cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định của pháp luật;</p> <p>e) Ban hành quy định về quản lý chất thải, thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động quản lý chất thải theo quy định của pháp luật;</p> <p>g) Chỉ đạo Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã, các tổ chức, cá nhân thực hiện quản lý chất thải.</p>	chính
	Điều 89. Trách nhiệm của chủ đầu tư khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao trong			Lồng ghép nội

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	quản lý chất thải			dung trong Điều 126
Mục 2. Quản lý chất thải nguy hại		Mục 2. Quản lý chất thải nguy hại		
	Điều 90. Lập hồ sơ, đăng ký, cấp phép xử lý chất thải nguy hại 1. Chủ nguồn thải chất thải nguy hại phải lập hồ sơ về chất thải nguy hại và đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường cấp tỉnh. 2. Tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện và có giấy phép mới được xử lý chất thải nguy hại. 3. Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định danh mục chất thải nguy hại và cấp phép xử lý chất thải nguy hại.		Điều 51. Danh mục chất thải nguy hại; khai báo, phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý, tiêu hủy chất thải nguy hại 1. Chất thải rắn nguy hại phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân (pin, bóng đèn huỳnh quang thải, ắc quy chì thải,...) được quản lý như đối với chất thải rắn có khả năng tái chế theo quy định tại Điều 54 Luật này. 2. Chủ nguồn thải chất thải nguy hại phải có trách nhiệm sau: a) Khai báo khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở có phát sinh chất thải nguy hại; b) Thực hiện phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ riêng biệt với chất thải không nguy hại, bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường và phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; trường hợp không có khả năng xử lý phải chuyển giao chất thải nguy hại cho cơ sở có giấy phép môi trường phù hợp để xử lý; 3. Chất thải nguy hại khi vận chuyển phải được lưu chứa trong phương tiện, thiết bị chuyên dụng và được vận chuyển bằng phương tiện phù hợp đến cơ sở xử lý , bảo đảm không gây ô nhiễm và tác động xấu đến môi trường; 4. Đơn vị được vận chuyển chất thải nguy hại đến cơ sở xử lý gồm: a) Chủ nguồn thải chất thải nguy hại có phương tiện, thiết bị phù hợp bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường. Phương tiện, thiết bị vận chuyển chất thải nguy hại phải được khai báo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; b) Tổ chức có giấy phép môi trường phù hợp với loại chất thải cần xử lý.	Lồng ghép, sửa đổi bổ sung
	Điều 91. Phân loại, thu gom, lưu giữ trước khi xử lý chất thải nguy hại 1. Chủ nguồn thải chất thải nguy hại phải tổ chức phân loại, thu gom, lưu giữ và xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; trường hợp chủ nguồn thải chất thải nguy hại không có khả năng xử lý chất thải nguy hại đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường phải chuyển giao cho cơ sở có giấy phép			Lồng ghép, sửa đổi bổ sung

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	xử lý chất thải nguy hại. 2. Chất thải nguy hại phải được lưu giữ trong phương tiện, thiết bị chuyên dụng bảo đảm không tác động xấu đến con người và môi trường.		5. Chất thải nguy hại được vận chuyển sang nước khác phải tuân thủ các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. 6. Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành danh mục chất thải nguy hại; hướng dẫn kỹ thuật và ban hành các mẫu biểu khai báo, phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại; quy định cụ thể phương tiện, thiết bị lưu chứa, vận chuyển chất thải nguy hại, thiết bị xử lý, tiêu hủy chất thải nguy hại.	
	Điều 92. Vận chuyển chất thải nguy hại 1. Chất thải nguy hại phải được vận chuyển bằng phương tiện, thiết bị chuyên dụng phù hợp và được ghi trong giấy phép xử lý chất thải nguy hại. 2. Chất thải nguy hại được vận chuyển sang nước khác phải tuân thủ các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.			Lồng ghép, sửa đổi bổ sung
	Điều 93. Điều kiện của cơ sở xử lý chất thải nguy hại 1. Địa điểm thuộc quy hoạch do cấp có thẩm quyền phê duyệt. 2. Có khoảng cách bảo đảm để không ảnh hưởng xấu đối với môi trường và con người. 3. Có công nghệ, phương tiện, thiết bị chuyên dụng cho việc lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường. 4. Có công trình, biện pháp bảo vệ môi trường. 5. Có nhân sự quản lý được cấp		Điều 52. Điều kiện của cơ sở xử lý chất thải nguy hại 1. Địa điểm thuộc quy hoạch do cấp có thẩm quyền phê duyệt. 2. Có khoảng cách bảo đảm an toàn để không ảnh hưởng xấu đối với môi trường và con người theo quy định của pháp luật. 3. Có báo cáo đánh giá tác động môi trường được Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định, trong đó phải có: công nghệ, phương tiện, thiết bị chuyên dụng, khu lưu giữ, công trình, thiết bị xử lý chất thải; có quy trình và sổ ghi nhật ký vận hành; có phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố ô nhiễm môi trường, bảo đảm thu gom, vận chuyển, lưu giữ, tái chế, tái sử dụng, xử lý, tiêu hủy theo quy định. 4. Có nhân sự quản lý và kỹ thuật có trình độ chuyên môn phù hợp theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. 2. Có khoảng cách bảo đảm để không ảnh hưởng xấu đối với môi trường và con người.	Sửa đổi bổ sung

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>chứng chỉ và nhân sự kỹ thuật có trình độ chuyên môn phù hợp.</p> <p>6. Có quy trình vận hành an toàn công nghệ, phương tiện, thiết bị chuyên dụng.</p> <p>7. Có phương án bảo vệ môi trường.</p> <p>8. Có kế hoạch phục hồi môi trường sau khi chấm dứt hoạt động.</p> <p>9. Có báo cáo đánh giá tác động môi trường được Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định và phê duyệt.</p>		<p>3. Có công nghệ, phương tiện, thiết bị chuyên dụng cho việc lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.</p> <p>4. Có công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.</p> <p>6. Có quy trình vận hành an toàn công nghệ, phương tiện, thiết bị chuyên dụng.</p> <p>7. Có phương án bảo vệ môi trường.</p> <p>8. Có kế hoạch phục hồi môi trường sau khi chấm dứt hoạt động.</p>	
	Điều 94. Nội dung quản lý chất thải nguy hại trong quy hoạch bảo vệ môi trường			Lồng ghép
Mục 3. Quản lý chất thải rắn thông thường	Điều 95. Trách nhiệm phân loại chất thải rắn thông thường Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân phát sinh chất thải rắn thông thường có trách nhiệm phân loại chất thải rắn thông thường tại nguồn để thuận lợi cho việc tái sử dụng, tái chế, thu hồi năng lượng và xử lý.	Mục 3. Quản lý chất thải rắn thông thường	Điều 53. Phân loại chất thải rắn thông thường 1. Chất thải rắn thông thường phân loại theo nguồn gốc phát sinh gồm: a) Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của hộ gia đình (sau đây gọi chung là chất thải sinh hoạt của hộ gia đình); b) Phát sinh từ hoạt động của cơ quan, tổ chức, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung (sau đây gọi chung là chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ). 2. Chất thải sinh hoạt của hộ gia đình gồm: a) Chất thải rắn có khả năng tái chế (như giấy, nhựa, kim loại, cao su, ni lông, thủy tinh,...); b) Chất thải thực phẩm (thức ăn thừa, rau, củ, quả, thực phẩm thừa khác); c) Chất thải cống kênh; d) Chất thải rắn sinh hoạt thông thường khác. 3. Chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gồm: a) Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt, văn phòng; b) Phát sinh từ hoạt động sản xuất công nghiệp;	Sửa đổi bổ sung

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>c) Phát sinh từ hoạt động sản xuất nông nghiệp; d) Phát sinh từ hoạt động y tế; đ) Phát sinh từ hoạt động xây dựng; e) Phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khác. 4. Chủ cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cơ quan, tổ chức, hộ gia đình phát sinh chất thải rắn thông thường có trách nhiệm phân loại chất thải rắn thông thường tại nguồn để thuận lợi cho việc tái sử dụng, tái chế, thu hồi năng lượng và xử lý.</p>	
	<p>Điều 96. Thu gom, vận chuyển chất thải rắn thông thường</p> <p>1. Chất thải rắn thông thường phải được thu gom, lưu giữ và vận chuyển đến nơi quy định bằng phương tiện, thiết bị chuyên dụng.</p> <p>2. Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường có trách nhiệm tổ chức thu gom, lưu giữ và vận chuyển chất thải rắn thông thường trên địa bàn quản lý.</p>		<p>Điều 55. Quản lý chất thải rắn thông thường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ</p> <p>1. Chủ cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cơ quan, tổ chức có phát sinh chất thải rắn thông thường quy định tại khoản 3 Điều 53 Luật này có trách nhiệm sau:</p> <p>a) Thu gom, phân loại và lưu giữ tạm thời chất thải rắn thông thường trong phạm vi quản lý, bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường; b) Tái sử dụng, tái chế, thu hồi năng lượng và xử lý chất thải rắn thông thường. Trường hợp không có khả năng tái sử dụng, tái chế, thu hồi năng lượng và xử lý chất thải rắn thông thường phải chuyển giao cho cơ sở có chức năng phù hợp để tái sử dụng, tái chế, thu hồi năng lượng và xử lý; c) Thanh toán chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn thông thường theo giá dịch vụ, bảo đảm không thấp hơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn thông thường theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>2. Cơ quan, tổ chức hoặc cơ sở có phát sinh chất thải rắn thông thường với tổng khối lượng từ 300 kg/ngày trở xuống được lựa chọn hình thức quản lý chất thải rắn thông thường như hộ gia đình, cá nhân quy định tại Điều 53 Luật này hoặc quản lý như quy định tại khoản 3 Điều này.</p> <p>3. Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung hoặc cơ sở có phát sinh chất thải rắn thông thường với tổng khối lượng từ 300 kg/ngày trở lên phải chuyển giao chất thải rắn thông thường cho cơ sở tái chế, tái sử dụng, xử lý chất thải có chức năng phù hợp hoặc chuyển giao cho đơn</p>	Sửa đổi, bổ sung

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			vi, tổ chức thu gom, vận chuyển theo quy định của địa phương để thu gom, vận chuyển chất thải rắn thông thường bằng phương tiện, thiết bị phù hợp đến cơ sở tái chế, tái sử dụng, xử lý chất thải rắn thông thường theo quy định của pháp luật.	
	Điều 97. Tái sử dụng, tái chế, thu hồi năng lượng và xử lý chất thải rắn thông thường			Lồng ghép, sửa đổi bổ sung
	Điều 98. Nội dung quản lý chất thải rắn thông thường trong quy hoạch bảo vệ môi trường			Lồng ghép, sửa đổi bổ sung
			<p>Điều 54. Quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân</p> <p>1. Hộ gia đình ở các đô thị có phát sinh chất thải sinh hoạt phải tự phân loại, lưu giữ trong các bao bì, thiết bị chứa với màu sắc khác nhau tương ứng với ba nhóm quy định tại điểm a, b và điểm d khoản 2 Điều 53 Luật này, bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường. Chất thải công kênh thực hiện thải bỏ theo quy định về thời gian và địa điểm của tổ chức, cá nhân thu gom, vận chuyển, xử lý.</p> <p>2. Cơ sở sản xuất bao bì, thiết bị chứa tại khu vực đô thị có trách nhiệm hạch toán vào giá thành sản phẩm, gồm:</p> <p>a) Giá thành sản xuất, kinh doanh bao bì, thiết bị chứa chất thải;</p> <p>b) Giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt;</p> <p>c) Kinh phí quy định tại điểm b khoản này được nộp vào ngân sách địa phương để chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.</p> <p>3. Kinh phí thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình tại khu vực đô thị được quy định như sau:</p> <p>a) Khoản kinh phí thu được quy định tại điểm c khoản 2 Điều này bảo đảm thanh toán được từ 10% đến 50% chi phí cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt của hộ gia đình;</p> <p>b) Khoản kinh phí còn lại sẽ do ngân sách địa phương thanh toán.</p>	Sửa đổi, bổ sung

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>4. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về mẫu, nhãn, chữ viết, chủng loại bao bì, thiết bị chứa với màu sắc khác nhau tương ứng với ba nhóm quy định tại điểm a, b và điểm d khoản 2 Điều 53 Luật này.</p> <p>5. Hộ gia đình khu vực nông thôn không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm tự phân loại chất thải sinh hoạt và thực hiện việc quản lý, xử lý như sau:</p> <p>a) Chất thải rắn có khả năng tái chế được phân loại và chuyển giao cho các tổ chức, cá nhân tái chế, tái sử dụng theo quy định;</p> <p>b) Chất thải thực phẩm được phân loại, ưu tiên tái sử dụng làm phân hữu cơ bón cây trồng, làm thức ăn chăn nuôi hoặc chuyển giao cho tổ chức, cá nhân thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định của địa phương;</p> <p>c) Chất thải rắn sinh hoạt thông thường khác được thu gom, lưu chứa trong các bao bì bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường và chuyển giao cho tổ chức, cá nhân thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định của địa phương.</p> <p>d) Chi trả một phần chi phí cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>đ) Khuyến khích thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.</p> <p>6. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức thu phí, giá, thời điểm thu quy định tại điểm a khoản 3 Điều này; quyết định đầu tư trang thiết bị cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt ở địa phương, quy định thời gian, lộ trình thực hiện đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này; trường hợp cần thiết có thể áp dụng thí điểm tại một số địa bàn cụ thể, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương.</p> <p>7. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy định về quản lý chất thải sinh hoạt của hộ gia đình (phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt) phù hợp với đặc điểm tình hình của địa phương.</p> <p>8. Chất thải rắn xây dựng phát sinh từ hoạt động xây dựng của hộ gia</p>	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>đình được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 136 Luật này; trường hợp phát sinh dưới 300 kg/ngày được quản lý được thực hiện theo quy định tại Điều này.</p> <p>9. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn mô hình xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị và nông thôn phù hợp với điều kiện của địa phương.</p> <p>10. Chất thải nhựa phát sinh phải được quản lý như sau:</p> <p>a) Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm giảm thiểu, phân loại, thải bỏ chất thải nhựa sử dụng một lần và túi ni lông khó phân theo quy định; hạn chế sử dụng các sản phẩm nhựa dùng 1 lần và túi ni lông khó phân hủy;</p> <p>b) Cơ sở sản xuất, nhập khẩu các sản phẩm chứa vi nhựa, các sản phẩm nhựa hoặc sản phẩm có bao bì nhựa thực hiện trách nhiệm thu hồi sản phẩm nhựa thải bỏ theo quy định; nộp thuế bảo vệ môi trường, phí bảo vệ môi trường theo quy định;</p> <p>c) Cơ sở nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường, sản phẩm thay thế sản phẩm nhựa dùng một lần, sản phẩm vi nhựa và túi ni lông khó phân hủy trong sinh hoạt được hưởng ưu đãi, hỗ trợ;</p> <p>d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bố trí kinh phí sự nghiệp môi trường hàng năm của địa phương để tổ chức thu gom, xử lý chất thải nhựa trên địa bàn; tuyên truyền, vận động các cơ sở sản xuất, các tổ chức phân phối sản phẩm, trung tâm thương mại, cửa hàng, nhà hàng, chợ, siêu thị không sử dụng túi nilong khó phân hủy và đồ nhựa sử dụng một lần; huy động và hỗ trợ thành lập các tổ chức, liên minh tái chế và chống chất thải nhựa trên địa bàn; bố trí các điểm cung cấp nước uống công cộng để hạn chế việc sử dụng nước uống đóng chai nhựa sử dụng một lần.</p> <p>11. Chính phủ quy định chi tiết việc quản lý chất thải nhựa, vi nhựa.</p>	
			<p>Điều 56. Cải tạo, phục hồi môi trường đối với bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt</p> <p>1. Đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường:</p> <p>a. Các bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt sau khi đóng bãi chôn lấp;</p> <p>b. Các bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt không hợp vệ sinh gây ô</p>	Quy định mới

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>nhiễm môi trường.</p> <p>2. Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ xử lý chất thải rắn sinh hoạt:</p> <p>a) Lập dự án cải tạo, phục hồi môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;</p> <p>b) Tiến hành cải tạo, phục hồi môi trường theo dự án được phê duyệt;</p> <p>c) Tổ chức giám sát môi trường định kỳ, theo dõi diễn biến môi trường tại bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt kể từ ngày hoàn thiện việc cải tạo, phục hồi môi trường. Kết quả giám sát môi trường định kỳ phải được báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước về môi trường của địa phương;</p> <p>d) Lập hồ sơ bàn giao mặt bằng cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý;</p> <p>đ) Đề xuất các biện pháp kiểm soát ô nhiễm trong những năm tiếp theo.</p> <p>3. Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn quy trình cải tạo, phục hồi môi trường bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt.</p> <p>4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập kế hoạch, bố trí nguồn lực, kinh phí cho việc cải tạo phục hồi môi trường các bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt do nhà nước quản lý; phê duyệt kế hoạch cải tạo, phục hồi môi trường đối với việc cải tạo, phục hồi môi trường quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>5. Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia việc cải tạo, phục hồi môi trường bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại khoản 4 Điều này.</p> <p>6. Chính phủ quy định việc ưu đãi việc cải tạo, phục hồi môi trường bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt.</p>	
Mục 4. Quản lý nước thải	<p>Điều 99. Quy định chung về quản lý nước thải</p> <p>1. Nước thải phải được thu gom, xử lý bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường.</p> <p>2. Nước thải có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng quy định phải được</p>	Mục 4. Quản lý nước thải	<p>Điều 57. Quy định chung về quản lý nước thải</p> <p>1. Hệ thống thu gom và xử lý nước thải bao gồm mạng lưới thu gom nước thải, hệ thống xử lý nước thải tập trung và các công trình phụ trợ.</p> <p>2. Nước thải phải được thu gom và được xử lý đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.</p> <p>3. Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường được khuyến khích sử dụng lại, tái sử dụng cho mục đích nông nghiệp, thủy sản, sản</p>	Điều chỉnh

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	quản lý theo quy định về chất thải nguy hại.		<p>xuất công nghiệp, dịch vụ, giải trí và các mục đích khác, nhằm tiết kiệm tài nguyên nước.</p> <p>4. Việc xả nước thải vào nguồn tiếp nhận, hệ thống thủy lợi phải căn cứ vào quy chuẩn kỹ thuật môi trường, giấy phép môi trường và được quản lý thống nhất theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.</p> <p>5. Nước thải có chứa các thông số môi trường nguy hại vượt ngưỡng quy định phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại.</p>	
	<p>Điều 100. Thu gom, xử lý nước thải</p> <p>1. Đô thị, khu dân cư tập trung phải có hệ thống thu gom riêng nước mưa và nước thải.</p> <p>2. Nước thải của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.</p> <p>3. Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải rắn; bùn thải có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng quy định phải được quản lý theo quy định của pháp luật về chất thải nguy hại.</p>		<p>Điều 58. Thu gom, xử lý nước thải</p> <p>1. Đối tượng phải có hệ thống thu gom, xử lý nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa.</p> <p>a) Đô thị, khu dân cư tập trung mới;</p> <p>b) Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung;</p> <p>c) Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.</p> <p>2. Quản lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung được thực hiện như sau:</p> <p>a) Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ gia đình phải được thu gom, đấu nối với hệ thống thu gom và xử lý nước thải đô thị;</p> <p>b) Nước thải phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong đô thị phải được thu gom, xử lý sơ bộ trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải đô thị; nước thải sau khi xử lý sơ bộ đáp ứng quy định của khu đô thị, khu dân cư tập trung hoặc quy định của địa phương;</p> <p>c) Nước thải phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong đô thị chưa có hệ thống xử lý nước thải phải được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi thải vào nguồn tiếp nhận;</p> <p>d) Đối với khu đô thị, khu dân cư tập trung chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có lộ trình bố trí quỹ đất, kinh phí để xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị; trường hợp chưa thể bố trí được quỹ đất, kinh phí thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có chính sách hỗ trợ để các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình xây dựng công trình, lắp đặt thiết bị xử lý nước thải tại chỗ đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi</p>	Điều chỉnh

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>trường trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.</p> <p>3. Quản lý nước thải khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung:</p> <p>a) Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung phải có hệ thống thoát nước riêng; nước thải sau khi xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung phải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường;</p> <p>b) Cơ sở hoạt động trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung phải xử lý sơ bộ và dẫn nối vào hệ thống thu gom nước thải theo yêu cầu của chủ đầu tư xây dựng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, bảo đảm nước thải phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.</p> <p>4. Nước thải của cơ sở nằm ngoài khu đô thị, khu dân cư tập trung, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung phải được thu gom riêng và phải xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.</p> <p>5. Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân tại các khu dân cư không tập trung phải được thu gom, xử lý tại chỗ đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi thải ra nguồn tiếp nhận theo chính sách hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>6. Tổ chức, cá nhân xả nước thải ra môi trường phải nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; xả nước thải vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải phải nộp phí thu gom, xử lý nước thải theo quy định.</p> <p>7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>	
	<p>Điều 101. Hệ thống xử lý nước thải</p> <p>1. Đối tượng sau phải có hệ thống xử lý nước thải:</p> <p>a) Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung;</p> <p>b) Khu, cụm công nghiệp làng nghề;</p> <p>c) Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không liên thông với hệ thống xử lý nước thải tập trung.</p>		<p>Điều 59. Hệ thống xử lý nước thải</p> <p>1. Hệ thống xử lý nước thải phải bảo đảm các yêu cầu sau:</p> <p>a) Công nghệ phù hợp với loại hình, đặc tính nước thải cần xử lý;</p> <p>b) Công suất hệ thống xử lý nước phải phù hợp với lượng nước thải phát sinh tối đa;</p> <p>c) Xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường;</p> <p>d) Vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật;</p> <p>đ) Có phương án dự phòng trong quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải; phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố ô nhiễm môi trường đối với nước thải; điểm xả thải phải có tọa độ, biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải;</p>	Điều chỉnh

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>2. Hệ thống xử lý nước thải phải bảo đảm các yêu cầu sau:</p> <p>a) Có quy trình công nghệ phù hợp với loại hình nước thải cần xử lý;</p> <p>b) Đủ công suất xử lý nước thải phù hợp với khối lượng nước thải phát sinh;</p> <p>c) Xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường;</p> <p>d) Cửa xả nước thải vào hệ thống tiêu thoát phải đặt ở vị trí thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát;</p> <p>đ) Phải được vận hành thường xuyên.</p> <p>3. Chủ quản lý hệ thống xử lý nước thải phải thực hiện quan trắc định kỳ nước thải trước và sau khi xử lý. Số liệu quan trắc được lưu giữ làm căn cứ để kiểm tra hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.</p> <p>4. Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có quy mô xả thải lớn và có nguy cơ tác hại đến môi trường phải tổ chức quan trắc môi trường nước thải tự động và chuyển số liệu cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>		<p>2. Chủ quản lý hệ thống xử lý nước thải phải thực hiện quan trắc định kỳ nước thải trước và sau khi xử lý. Số liệu quan trắc được lưu giữ làm căn cứ để kiểm tra hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.</p> <p>3. Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải rắn; bùn thải có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng quy định phải được quản lý theo quy định của pháp luật về chất thải nguy hại.</p>	
Mục 5. Quản lý và kiểm soát bụi, khí	Điều 102. Quản lý và kiểm soát bụi, khí thải 1. Tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát	Mục 5. Quản lý và kiểm soát bụi,	Điều 60. Quản lý và kiểm soát bụi, khí thải 1. Tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát tán bụi, khí thải phải kiểm soát và xử lý bụi, khí thải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường.	Giữ nguyên

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
thải, tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ	<p>tán bụi, khí thải phải kiểm soát và xử lý bụi, khí thải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường.</p> <p>2. Phương tiện giao thông, máy móc, thiết bị, công trình xây dựng phát tán bụi, khí thải phải có bộ phận lọc, giảm thiểu khí thải, thiết bị che chắn hoặc biện pháp khác để giảm thiểu bụi bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường.</p> <p>3. Bụi, khí thải có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng quy định phải được quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại.</p>	khí thải, tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ	<p>2. Phương tiện giao thông, máy móc, thiết bị, công trình xây dựng phát tán bụi, khí thải phải có bộ phận lọc, giảm thiểu khí thải, thiết bị che chắn hoặc biện pháp khác để giảm thiểu bụi bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường.</p> <p>3. Bụi, khí thải có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng quy định phải được quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại.</p>	
	<p>Điều 103. Quản lý và kiểm soát tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ</p> <p>1. Tổ chức, cá nhân gây tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ phải kiểm soát, xử lý bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường.</p> <p>2. Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong khu dân cư gây tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ phải thực hiện biện pháp giảm thiểu, không làm ảnh hưởng đến cộng đồng dân cư.</p> <p>3. Tổ chức, cá nhân quản lý tuyến đường có mật độ phương tiện tham gia giao thông cao gây tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ phải có biện pháp giảm thiểu, đáp ứng quy</p>		<p>Điều 61. Quản lý và kiểm soát tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ</p> <p>1. Tổ chức, cá nhân gây tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ phải kiểm soát, xử lý bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường.</p> <p>2. Cơ sở trong khu dân cư gây tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ phải thực hiện biện pháp giảm thiểu, không làm ảnh hưởng đến cộng đồng dân cư.</p> <p>3. Tổ chức, cá nhân quản lý tuyến đường có mật độ phương tiện tham gia giao thông cao gây tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ phải có biện pháp giảm thiểu, đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường.</p> <p>4. Cấm sản xuất, nhập khẩu, vận chuyển, kinh doanh và sử dụng pháo nổ. Việc sản xuất, nhập khẩu, vận chuyển, kinh doanh và sử dụng pháo hoa theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.</p>	Giữ nguyên

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	chuẩn kỹ thuật môi trường. 4. Cấm sản xuất, nhập khẩu, vận chuyển, kinh doanh và sử dụng pháo nổ. Việc sản xuất, nhập khẩu, vận chuyển, kinh doanh và sử dụng pháo hoa theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.			
Chương X. Xử lý ô nhiễm, phục hồi và cải thiện môi trường		Chương VIII. Xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, ứng phó sự cố môi trường		Điều chỉnh tên
Mục 1. Xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng	Điều 104. Xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng		Điều 81. Xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng	Sửa đổi, bổ sung
	1. Cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng là cơ sở có hành vi thải nước thải, khí thải, bụi, chất thải rắn, tiếng ồn, độ rung và các chất gây ô nhiễm khác vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường ở mức		1. Cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng là cơ sở có hành vi thải nước thải, khí thải, bụi, chất thải rắn, tiếng ồn, độ rung và các chất gây ô nhiễm khác vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường ở mức độ nghiêm trọng.	Điều chỉnh

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	độ nghiêm trọng.			
	2. Cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng phải bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật và đưa vào danh sách cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng kèm theo biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường.		2. Cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ngoài việc bị xử phạt vi phạm hành chính còn bị áp dụng một trong các hình thức xử lý sau đây: a) Buộc di dời cơ sở đến vị trí phù hợp với quy hoạch và sức chịu tải của môi trường; b) Cấm hoạt động.	Sửa đổi, bổ sung
	3. Việc rà soát, phát hiện cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được tiến hành hằng năm và theo trình tự sau: a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ lập danh sách cơ sở gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này và biện pháp xử lý gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định; b) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập danh sách cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh và biện pháp xử lý gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định; c) Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan			Bãi bỏ

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ quyết định danh sách và biện pháp xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; d) Quyết định xử lý đối với cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng phải được thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã nơi cơ sở có hoạt động gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và công khai cho cộng đồng dân cư biết để kiểm tra, giám sát.			
			3. Cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, gây ô nhiễm môi trường kéo dài không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, ngoài bị áp dụng biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng một trong các biện pháp cưỡng chế đặc thù sau đây: a) Ngừng cung cấp điện, nước và các dịch vụ có liên quan; b) Cưỡng chế tháo dỡ công trình, máy móc, thiết bị; c) Phong tỏa tài khoản tiền gửi; d) Thu hồi mã số thuế, đình chỉ việc sử dụng hóa đơn; đ) Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy phép môi trường.	Quy định mới
	4. Trách nhiệm tổ chức xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng quy định như sau: a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn;		4. Trách nhiệm tổ chức xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng: a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn; b) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh; c) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm phối hợp	Giữ nguyên

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>b) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh;</p> <p>c) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc thẩm quyền quản lý;</p> <p>d) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hằng năm đánh giá kết quả triển khai thực hiện xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.</p>		<p>với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc thẩm quyền quản lý;</p> <p>d) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hằng năm đánh giá kết quả triển khai thực hiện xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.</p>	
	5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.		5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.	Giữ nguyên
Mục 2. Xử lý, phục hồi môi trường khu vực bị ô nhiễm				Bãi bỏ
	Điều 105. Quy định chung về khắc phục ô nhiễm môi trường và phân loại khu vực ô nhiễm			Bãi bỏ, lồng ghép
	Điều 106. Khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường			Bãi bỏ lồng

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
				ghép
	Điều 107. Trách nhiệm trong khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường			Bãi bỏ lồng ghép
Mục 3. Phòng ngừa, ứng phó, khắc phục và xử lý sự cố môi trường	Điều 108. Phòng ngừa sự cố môi trường 1. Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, phương tiện vận tải có nguy cơ gây ra sự cố môi trường phải thực hiện các biện pháp phòng ngừa sau: a) Lập kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; b) Lắp đặt thiết bị, dụng cụ, phương tiện ứng phó sự cố môi trường; c) Đào tạo, huấn luyện, xây dựng lực lượng tại chỗ ứng phó sự cố môi trường; d) Thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng biện pháp an toàn theo quy định của pháp luật; đ) Có biện pháp loại trừ nguyên nhân gây ra sự cố môi trường khi phát hiện có dấu hiệu sự cố môi trường. 2. Bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện các nội dung sau: a) Điều tra, thống kê, đánh giá nguy cơ các loại sự cố môi trường có thể xảy ra trong phạm vi cả nước, từng		Điều 82. Phòng ngừa sự cố môi trường 1. Nguy cơ sự cố môi trường và kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường là một nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường của dự án, cơ sở. 2. Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện các nội dung: a) Điều tra, thống kê, đánh giá nguy cơ các loại sự cố môi trường có thể xảy ra trong phạm vi cả nước, địa phương; b) Xây dựng cơ sở dữ liệu và bản đồ các nguồn nguy cơ các loại sự cố môi trường trong phạm vi cả nước, địa phương; c) Xây dựng năng lực phòng ngừa, cảnh báo nguy cơ sự cố môi trường trong phạm vi cả nước, địa phương. 3. Chủ cơ sở, phương tiện vận tải có nguy cơ gây ra sự cố môi trường phải thực hiện các biện pháp phòng ngừa sau: a) Lập kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường với các nội dung chính gồm: rà soát, đánh giá, kiểm tra các vị trí, khu vực, hoạt động có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường đơn lẻ hoặc dây chuyền do phát tán, rò rỉ, tràn đổ, cháy nổ, phản ứng giữa các nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất, sản phẩm, chất thải trong quá trình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc do tác động từ bên ngoài, tác động từ tự nhiên; xác định các tình huống, kịch bản xảy ra sự cố môi trường; xác định các phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố môi trường; xây dựng các phương án ứng phó với các kịch bản xảy ra sự cố môi trường; b) Thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng biện pháp an toàn theo quy định của pháp luật; c) Có biện pháp loại trừ nguyên nhân gây ra sự cố môi trường khi phát hiện có dấu hiệu sự cố môi trường.	Điều chỉnh

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	khu vực, địa phương; b) Xây dựng năng lực phòng ngừa, cảnh báo nguy cơ và ứng phó sự cố môi trường; c) Xây dựng kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường hằng năm và định kỳ 05 năm.			
	Điều 109. Ứng phó sự cố môi trường			Bãi bỏ, lồng ghép
	Điều 110. Xây dựng lực lượng ứng phó sự cố môi trường			Bãi bỏ, lồng ghép
	Điều 111. Xác định thiệt hại do sự cố môi trường			Bãi bỏ, lồng ghép
	Điều 112. Trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường			Bãi bỏ, lồng ghép
			Điều 83. Phân loại sự cố môi trường và các giai đoạn ứng phó sự cố môi trường 1. Sự cố môi trường gồm 04 loại sau đây: a) Sự cố môi trường mức độ thấp là sự cố trong phạm vi của cơ sở và trong khả năng tự ứng phó của cơ sở hoặc sự cố môi trường vượt quá khả năng ứng phó của cơ sở và có phạm vi ảnh hưởng trong địa giới hành chính của một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; b) Sự cố mức độ trung bình là sự cố không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này, có phạm vi ảnh hưởng trong địa giới hành chính của một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; c) Sự cố mức độ cao là sự cố không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản này, có phạm vi ảnh hưởng trên địa giới hành chính của	Quy định mới

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>hai tỉnh trở lên;</p> <p>d) Sự cố mức độ thảm họa là sự cố đặc biệt nghiêm trọng, có ảnh hưởng lớn đến quốc phòng, an ninh, ngoại giao. Việc ứng phó sự cố mức độ thảm họa được thực hiện theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp;</p> <p>2. Ứng phó sự cố môi trường gồm 03 giai đoạn: chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường; tổ chức ứng phó sự cố môi trường và cải tạo, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường. Việc bắt đầu và kết thúc giai đoạn tổ chức ứng phó sự cố môi trường, giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường phải được cơ quan có thẩm quyền công bố trên các phương tiện truyền thông.</p>	
			<p>Điều 84. Chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường</p> <p>1. Người có thẩm quyền chỉ đạo ứng phó sự cố môi trường quy định tại khoản 3 Điều 85 Luật này có trách nhiệm chỉ đạo xây dựng, phê duyệt kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của mình; chỉ đạo tổ chức diễn tập ứng phó sự cố môi trường theo kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do mình phê duyệt.</p> <p>2. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn xây dựng lực lượng và bố trí nguồn lực, trang thiết bị ứng phó sự cố cho Ủy ban quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn; Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh, cấp huyện.</p> <p>3. Việc thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường được quy định như sau:</p> <p>a) Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn thực hiện Kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường do Thủ tướng Chính phủ ban hành và mình ban hành; kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường do Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh ban hành.</p> <p>b) Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn cấp tỉnh thực hiện Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường cấp trung bình; kiểm tra</p>	Quy định mới

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>việc thực hiện Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường cấp huyện.</p> <p>c) Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn cấp huyện chỉ đạo thực hiện Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do mình ban hành; kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở trên địa bàn.</p> <p>d) Cơ sở tổ chức thực hiện Kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường của cơ sở mình.</p>	
			<p>Điều 85. Tổ chức ứng phó sự cố môi trường</p> <p>1. Thông tin về sự cố môi trường phải được thông báo kịp thời đến đầu số 112 và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã nơi xảy ra sự cố.</p> <p>2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này có trách nhiệm thông tin kịp thời về cơ quan thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn cùng cấp hoặc cấp trên trực tiếp để kiểm tra và xử lý.</p> <p>3. Thẩm quyền, trách nhiệm ứng phó sự cố môi trường:</p> <p>a) Chủ cơ sở hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng ban Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn cấp huyện là người chỉ đạo ứng phó sự cố, chỉ định người chỉ huy và người phát ngôn ứng phó sự cố mức độ thấp;</p> <p>b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng ban Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn cấp tỉnh là người chỉ đạo ứng phó sự cố, chỉ định người chỉ huy và người phát ngôn ứng phó sự cố mức độ trung bình;</p> <p>c) Chủ tịch Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn là người chỉ đạo ứng phó sự cố, chỉ định người chỉ huy và người phát ngôn ứng phó sự cố mức độ cao;</p> <p>d) Thủ tướng Chính phủ là người chỉ đạo ứng phó sự cố, chỉ định người chỉ huy và người phát ngôn ứng phó sự cố mức độ thảm họa.</p> <p>4. Người có trách nhiệm chỉ đạo ứng phó sự cố môi trường quy định tại khoản 3 Điều này quyết định thành lập sở chỉ huy ứng phó sự cố môi trường và tổ công tác xác định nguyên nhân gây ra sự cố môi trường trong trường hợp cần thiết.</p>	Quy định mới

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>Điều 86. Cải tạo, phục hồi môi trường sau sự cố</p> <p>1. Việc cải tạo, phục hồi môi trường sau sự cố phải bảo đảm đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng môi trường xung quanh; phục hồi mặt bằng cư trú, sản xuất kinh doanh, môi trường tự nhiên đối với khu vực không có hệ sinh thái được bảo tồn; khôi phục một số đặc điểm chính của hệ sinh thái đối với khu vực có hệ sinh thái được bảo tồn.</p> <p>2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày công bố kết thúc giai đoạn tổ chức ứng phó sự cố môi trường, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch cải tạo, phục hồi môi trường:</p> <p>a) Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt, thực hiện kế hoạch cải tạo, phục hồi môi trường đối với sự cố môi trường mức độ thấp;</p> <p>b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch cải tạo, phục hồi môi trường đối với sự cố môi trường mức độ trung bình;</p> <p>c) Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt, thực hiện kế hoạch cải tạo, phục hồi môi trường đối với sự cố môi trường mức độ thảm họa, mức độ cao.</p> <p>3. Kế hoạch cải tạo, phục hồi môi trường gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Mô tả hiện trạng môi trường sau sự cố gồm: mức độ, phạm vi, tính chất ô nhiễm môi trường của từng khu vực; hiện trạng môi trường, mặt bằng, hệ sinh thái trước khi có sự cố chất thải (nếu có); yêu cầu xử lý môi trường theo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng môi trường xung quanh, khôi phục mặt bằng, phục hồi một số đặc điểm chính hệ sinh thái;</p> <p>b) Các giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường; phân tích, đánh giá, lựa chọn giải pháp tốt nhất để cải tạo, phục hồi môi trường;</p> <p>c) Danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường đối với giải pháp lựa chọn;</p> <p>d) Kế hoạch thực hiện; phân chia kế hoạch thực hiện theo từng giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường; chương trình quản lý, quan trắc, giám sát trong thời gian cải tạo, phục hồi môi trường; kế hoạch nghiệm thu kết quả cải tạo, phục hồi môi trường;</p>	Quy định mới

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>đ) Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường cho từng hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường.</p> <p>4. Việc cải tạo, phục hồi môi trường được thực hiện thông qua hình thức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Tổ chức trúng thầu thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường theo đúng Kế hoạch cải tạo, phục hồi môi trường và bảo đảm các yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật này và các quy định pháp luật khác có liên quan.</p> <p>5. Cơ quan trình phê duyệt kế hoạch cải tạo, phục hồi môi trường có trách nhiệm thẩm định, giám sát, kiểm tra, nghiệm thu hoàn thành việc cải tạo, phục hồi môi trường theo kế hoạch đã được phê duyệt. Tổ chức, cá nhân gây ra sự cố có quyền tham gia giám sát, thẩm định, kiểm tra, nghiệm thu hoàn thành việc cải tạo, phục hồi môi trường.</p>	
			<p>Điều 87. Trách nhiệm quản lý nhà nước về ứng phó sự cố môi trường</p> <p>1. Bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế ứng phó từng loại sự cố môi trường thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình; hướng dẫn thực hiện ứng phó sự cố môi trường thuộc phạm vi quản lý.</p> <p>2. Bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xây dựng, ban hành kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và chuẩn bị, tổ chức ứng phó sự cố môi trường mức độ thảm họa và sự cố môi trường mức độ cao.</p> <p>3. Các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp và Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cùng cấp xây dựng, ban hành kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và chuẩn bị, tổ chức ứng phó sự cố môi trường mức độ trung bình và sự cố môi trường mức độ thấp.</p> <p>4. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tham mưu Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn việc thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường sau các sự cố môi trường mức độ thảm họa và mức độ cao. Cơ quan chuyên môn về bảo</p>	Quy định mới

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			vệ môi trường cấp tỉnh, cấp huyện có trách nhiệm tham mưu cho Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường mức độ trung bình và mức độ thấp.	
			<p>Điều 88. Tài chính cho tổ chức ứng phó sự cố môi trường và cải tạo, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường</p> <p>1. Tổ chức, cá nhân gây ra sự cố có trách nhiệm chi trả kịp thời và đầy đủ toàn bộ các chi phí liên quan đến tổ chức ứng phó sự cố môi trường và cải tạo, phục hồi môi trường. Trường hợp không xác định được tổ chức, cá nhân nào gây ra sự cố thì kinh phí ứng phó, cải tạo, phục hồi môi trường do Nhà nước chi trả.</p> <p>2. Việc tổ chức ứng phó sự cố môi trường và cải tạo, phục hồi môi trường do nhà nước bố trí từ nguồn kinh phí dự phòng, nguồn sự nghiệp môi trường và các nguồn khác theo quy định pháp luật. Tổ chức, cá nhân gây ra sự cố có trách nhiệm bồi hoàn các chi phí liên quan đến tổ chức ứng phó sự cố môi trường và cải tạo, phục hồi môi trường sau sự cố cho nhà nước.</p> <p>3. Cơ quan tham mưu ứng phó sự cố môi trường theo thẩm quyền phối hợp cơ quan tư pháp thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết để yêu cầu tổ chức, cá nhân gây ra sự cố môi trường thực hiện bồi hoàn cho ngân sách nhà nước các chi phí đã ứng ra để tổ chức ứng phó sự cố môi trường, cải tạo phục hồi môi trường.</p> <p>4. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng định mức, trình tự thủ tục chi trả cho các hoạt động ứng phó sự cố môi trường và cải tạo, phục hồi môi trường sau sự cố.</p> <p>5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư bị ảnh hưởng, thiệt hại do sự cố có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân gây ra sự cố môi trường phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.</p>	Quy định mới
Chương XI. Quy chuẩn kỹ thuật môi trường,		Chương IX. Quy chuẩn kỹ thuật môi		

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
tiêu chuẩn môi trường		trường, tiêu chuẩn môi trường		
	<p>Điều 113. Hệ thống quy chuẩn kỹ thuật môi trường</p> <p>1. Quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng môi trường xung quanh gồm:</p> <p>a) Nhóm quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với đất;</p> <p>b) Nhóm quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước mặt và nước dưới đất;</p> <p>c) Nhóm quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước biển;</p> <p>d) Nhóm quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với không khí;</p> <p>đ) Nhóm quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với âm thanh, ánh sáng, bức xạ;</p> <p>e) Nhóm quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung.</p> <p>2. Quy chuẩn kỹ thuật về chất thải gồm:</p> <p>a) Nhóm quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp, dịch vụ, nước thải từ chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, nước thải sinh hoạt, phương tiện giao thông và hoạt động khác;</p> <p>b) Nhóm quy chuẩn kỹ thuật về khí</p>		<p>Điều 89. Hệ thống quy chuẩn kỹ thuật môi trường</p> <p>1. Quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng môi trường gồm:</p> <p>a) Nhóm quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với đất;</p> <p>b) Nhóm quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước mặt và nước dưới đất; nước biển;</p> <p>c) Nhóm quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với không khí trong nhà và ngoài trời;</p> <p>d) Nhóm quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với âm thanh, ánh sáng, bức xạ;</p> <p>đ) Nhóm quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung.</p> <p>2. Quy chuẩn kỹ thuật về môi trường đối với quản lý chất thải gồm:</p> <p>a) Nhóm quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp, dịch vụ, nước thải từ chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, nước thải sinh hoạt, phương tiện giao thông và hoạt động khác;</p> <p>b) Nhóm quy chuẩn kỹ thuật về khí thải của các nguồn di động và cố định;</p> <p>a) Nhóm quy chuẩn kỹ thuật về môi trường đối với nước thải, khí thải;</p> <p>b) Nhóm quy chuẩn kỹ thuật về môi trường đối với chất thải nguy hại;</p> <p>c) Nhóm quy chuẩn kỹ thuật về môi trường đối với chất thải đặc thù khác.</p> <p>3. Nhóm quy chuẩn kỹ thuật về khoảng cách an toàn môi trường.</p> <p>4. Nhóm quy chuẩn kỹ thuật về giới hạn các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POP) và chất nguy hại khó phân hủy (PTS) trong nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa và thiết bị.</p> <p>5. Nhóm quy chuẩn kỹ thuật môi trường về phương tiện, thiết bị quan trắc môi trường.</p> <p>6. Nhóm quy chuẩn kỹ thuật môi trường khác do Chính phủ quy định.</p>	Điều chỉnh

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>thải của các nguồn di động và cố định;</p> <p>c) Nhóm quy chuẩn kỹ thuật về chất thải nguy hại.</p> <p>3. Nhóm quy chuẩn kỹ thuật môi trường khác.</p>			
	<p>Điều 114. Nguyên tắc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật môi trường</p> <p>1. Đáp ứng mục tiêu bảo vệ môi trường; phòng ngừa, khắc phục ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường.</p> <p>2. Có tính khả thi, phù hợp với mức độ phát triển kinh tế - xã hội, trình độ công nghệ của đất nước và đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.</p> <p>3. Phù hợp với đặc điểm của khu vực, vùng, ngành sản xuất.</p> <p>4. Quy chuẩn kỹ thuật môi trường địa phương phải nghiêm ngặt hơn so với quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia hoặc đáp ứng yêu cầu quản lý môi trường có tính đặc thù.</p>		<p>Điều 90. Nguyên tắc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật môi trường</p> <p>1. Đáp ứng mục tiêu bảo vệ môi trường; duy trì, cải thiện chất lượng môi trường sống nhằm bảo đảm sức khỏe của con người, phát triển của các loài sinh vật và phát triển bền vững các hệ sinh thái; phòng ngừa, khắc phục ô nhiễm, suy thoái và sự cố ô nhiễm môi trường.</p> <p>2. Có tính khả thi, phù hợp với mức độ phát triển kinh tế - xã hội, trình độ công nghệ của đất nước và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, áp dụng kinh nghiệm của các quốc gia tiên tiến.</p> <p>3. Phù hợp với đặc điểm của khu vực, vùng, ngành sản xuất, điều kiện của địa phương, theo phân vùng môi trường và khả năng chịu tải của môi trường.</p> <p>4. Quy chuẩn kỹ thuật môi trường địa phương phải nghiêm ngặt hơn so với quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia để đáp ứng yêu cầu quản lý môi trường có tính đặc thù.</p>	Điều chỉnh
	<p>Điều 115. Ký hiệu quy chuẩn kỹ thuật môi trường</p> <p>1. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường, ký hiệu là QCVN số thứ tự MT: năm ban hành/BTNMT.</p> <p>2. Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về môi trường, ký hiệu là QCĐP số</p>			Bãi bỏ

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	thứ tự MT: năm ban hành/tên viết tắt tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.			
	<p>Điều 116. Yêu cầu đối với quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng môi trường xung quanh</p> <p>1. Quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng môi trường xung quanh quy định giá trị giới hạn cho phép của các thông số môi trường phù hợp với mục đích sử dụng thành phần môi trường gồm:</p> <p>a) Giá trị tối thiểu của các thông số môi trường bảo đảm sự sống và phát triển bình thường của con người, sinh vật;</p> <p>b) Giá trị tối đa cho phép của các thông số môi trường để không gây ảnh hưởng xấu đến sự sống và phát triển bình thường của con người, sinh vật.</p> <p>2. Quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng môi trường xung quanh phải chỉ dẫn phương pháp chuẩn về đo đạc, lấy mẫu, phân tích để xác định thông số môi trường.</p>		<p>Điều 91. Yêu cầu đối với quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng môi trường xung quanh</p> <p>1. Quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng môi trường quy định giá trị giới hạn cho phép của các thông số môi trường phù hợp với mục đích sử dụng của thành phần môi trường tương ứng, bao gồm:</p> <p>a) Giá trị tối thiểu của các thông số môi trường bảo đảm sự sống và phát triển bình thường của con người, sinh vật;</p> <p>b) Giá trị tối đa cho phép của các thông số môi trường trong thành phần môi trường đảm bảo không gây ảnh hưởng xấu đến sự sống và phát triển bình thường của con người, sinh vật.</p> <p>2. Quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng môi trường phải chỉ dẫn phương pháp chuẩn về đo đạc, lấy mẫu, phân tích để xác định thông số môi trường.</p>	Điều chỉnh
	<p>Điều 117. Yêu cầu đối với quy chuẩn kỹ thuật về chất thải</p> <p>1. Quy chuẩn kỹ thuật về chất thải phải quy định cụ thể hàm lượng tối đa của các chất gây ô nhiễm có trong chất thải bảo đảm không gây</p>		<p>Điều 92. Yêu cầu đối với quy chuẩn kỹ thuật về môi trường đối với quản lý chất thải</p> <p>1. Quy chuẩn kỹ thuật về môi trường đối với nước thải, khí thải phải quy định cụ thể hàm lượng tối đa cho phép của các chất gây ô nhiễm có trong nước thải, khí thải. Hàm lượng tối đa cho phép của các chất gây ô nhiễm có trong nước thải, khí thải phải được xác định căn cứ vào tính chất độc hại; tổng</p>	Điều chỉnh

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>ô nhiễm môi trường.</p> <p>2. Hàm lượng chất gây ô nhiễm có trong chất thải được xác định căn cứ vào tính chất độc hại, khối lượng chất thải phát sinh và sức chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải.</p> <p>3. Quy chuẩn kỹ thuật về chất thải phải có chỉ dẫn phương pháp chuẩn về lấy mẫu, đo đạc và phân tích để xác định hàm lượng các chất gây ô nhiễm.</p>		<p>lượng nước thải, khí thải phát sinh và yêu cầu về chất lượng môi trường vùng, khu vực tiếp nhận.</p> <p>2. Quy chuẩn kỹ thuật về môi trường đối với chất thải nguy hại và chất thải đặc thù khác phải quy định cụ thể giá trị giới hạn các chất gây ô nhiễm, thông số kỹ thuật bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường.</p> <p>3. Quy chuẩn kỹ thuật về môi trường đối với quản lý chất thải phải có chỉ dẫn phương pháp chuẩn về lấy mẫu, đo đạc và phân tích để xác định các chỉ tiêu, thông số kỹ thuật.</p>	
	<p>Điều 118. Xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật môi trường</p> <p>1. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành và chứng nhận hợp quy quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia, địa phương phải thực hiện theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.</p> <p>2. Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.</p> <p>3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy chuẩn kỹ thuật môi trường địa phương.</p>		<p>Điều 93. Thẩm quyền xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật môi trường</p> <p>1. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia, địa phương phải thực hiện theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.</p> <p>2. Bộ Tài nguyên và Môi trường:</p> <p>a) Xây dựng và ban hành quy chuẩn chất lượng môi trường xung quanh, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với quản lý chất thải; quy chuẩn kỹ thuật về giới hạn các chất POP và PTS trong nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa và thiết bị; quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với phương tiện, thiết bị quan trắc môi trường; phương tiện, thiết bị, hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải; quy chuẩn kỹ thuật về khoảng cách an toàn môi trường;</p> <p>b) Thẩm định về nội dung chuyên ngành đối với quy chuẩn kỹ thuật môi trường do Bộ, ngành, địa phương xây dựng, ban hành.</p> <p>3. Bộ, cơ quan ngang bộ xây dựng và ban hành quy chuẩn kỹ thuật môi trường khác thuộc phạm vi quản lý của ngành.</p> <p>4. Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định các quy chuẩn kỹ thuật môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng và ban hành.</p> <p>5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy chuẩn kỹ thuật môi trường địa phương để phù hợp với yêu cầu quản lý môi trường có tính đặc thù của</p>	Điều chỉnh

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			địa phương. Trường hợp chất lượng môi trường xung quanh không được duy trì và bảo đảm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có trách nhiệm ban hành quy chuẩn kỹ thuật về môi trường đối với quản lý chất thải của địa phương.	
	<p>Điều 119. Tiêu chuẩn môi trường</p> <p>1. Tiêu chuẩn môi trường gồm tiêu chuẩn chất lượng môi trường xung quanh, tiêu chuẩn về chất thải và các tiêu chuẩn môi trường khác.</p> <p>2. Toàn bộ hoặc một phần tiêu chuẩn môi trường trở thành bắt buộc áp dụng khi được viện dẫn trong văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường.</p> <p>3. Tiêu chuẩn cơ sở áp dụng trong phạm vi quản lý của tổ chức công bố tiêu chuẩn.</p>		<p>Điều 94. Tiêu chuẩn môi trường</p> <p>1. Tiêu chuẩn môi trường gồm tiêu chuẩn chất lượng môi trường xung quanh, tiêu chuẩn về môi trường đối với quản lý chất thải và các tiêu chuẩn môi trường khác.</p> <p>2. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường:</p> <p>a) Ban hành Danh mục quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;</p> <p>b) Xây dựng và ban hành quy chuẩn chất lượng môi trường xung quanh, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với quản lý chất thải; quy chuẩn kỹ thuật về giới hạn các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy và chất nguy hại khó phân hủy trong nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa và thiết bị; quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với phương tiện, thiết bị quan trắc môi trường; phương tiện, thiết bị, hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải;</p> <p>c) Thẩm định về nội dung chuyên ngành đối với quy chuẩn kỹ thuật môi trường do Bộ, ngành, địa phương xây dựng, ban hành.</p> <p>3. Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định các quy chuẩn kỹ thuật môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng và ban hành.</p> <p>4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy chuẩn kỹ thuật môi trường địa phương đối với chất thải để phù hợp với yêu cầu quản lý môi trường có tính đặc thù của địa phương.</p> <p>2. Toàn bộ hoặc một phần tiêu chuẩn môi trường trở thành bắt buộc áp dụng khi được viện dẫn trong văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường.</p> <p>3. Tiêu chuẩn cơ sở áp dụng trong phạm vi quản lý của tổ chức công bố tiêu chuẩn.</p>	Điều chỉnh
	<p>Điều 120. Xây dựng, thẩm định và công bố tiêu chuẩn môi trường</p> <p>1. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục xây</p>		<p>Điều 95. Xây dựng, thẩm định và công bố tiêu chuẩn môi trường</p> <p>1. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định tiêu chuẩn môi trường phải thực hiện theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ</p>	Giữ nguyên

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>dựng, thẩm định tiêu chuẩn môi trường phải thực hiện theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.</p> <p>2. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức xây dựng dự thảo, đề nghị thẩm định tiêu chuẩn quốc gia về môi trường.</p> <p>3. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định dự thảo và công bố tiêu chuẩn quốc gia về môi trường.</p> <p>4. Cơ quan, tổ chức xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở về môi trường theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.</p>		<p>thuật.</p> <p>2. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức xây dựng dự thảo, đề nghị thẩm định tiêu chuẩn quốc gia về môi trường.</p> <p>3. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định dự thảo và công bố tiêu chuẩn quốc gia về môi trường.</p> <p>4. Cơ quan, tổ chức xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở về môi trường theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.</p>	
Chương XII. Quan trắc môi trường		Chương X. Quan trắc môi trường, thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường và báo cáo môi trường		
		Mục 1. Quan trắc môi trường		

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
		trường		
	<p>Điều 121. Hoạt động quan trắc môi trường</p> <p>1. Cơ quan, tổ chức về bảo vệ môi trường tổ chức thực hiện quan trắc môi trường xung quanh.</p> <p>2. Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành danh mục và hướng dẫn thực hiện quan trắc chất phát thải đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ảnh hưởng đến môi trường.</p> <p>3. Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không thuộc danh mục chịu trách nhiệm quan trắc chất phát thải phải bảo đảm tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật môi trường và quy định của pháp luật có liên quan.</p>			Bãi bỏ
			<p>Điều 96. Quy định chung về quan trắc môi trường</p> <p>1. Quan trắc chất thải (nước thải, bụi, khí thải, bùn thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung và các chất gây ô nhiễm khác), bao gồm: quan trắc chất thải định kỳ và quan trắc chất thải tự động, liên tục.</p> <p>2. Quan trắc chất lượng môi trường (đất, nước, không khí và các thành phần môi trường khác), bao gồm: chương trình quan trắc môi trường định kỳ và quan trắc môi trường tự động, liên tục.</p> <p>3. Cơ sở và khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung có phát sinh chất thải ra môi trường phải thực hiện quan trắc chất thải và thành phần môi trường đã gây ra ô nhiễm theo quy định tại các Điều 99, 100 và 101 Luật này, bảo đảm tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.</p> <p>4. Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan</p>	Quy định mới

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường cấp tỉnh tổ chức thực hiện quan trắc chất lượng môi trường xung quanh theo quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia và quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia.	
	<p>Điều 122. Thành phần môi trường và chất phát thải cần được quan trắc</p> <p>1. Môi trường nước gồm nước mặt lục địa, nước dưới đất, nước biển.</p> <p>2. Môi trường không khí gồm không khí trong nhà, không khí ngoài trời.</p> <p>3. Tiếng ồn, độ rung, bức xạ, ánh sáng.</p> <p>4. Môi trường đất, trầm tích.</p> <p>5. Phóng xạ.</p> <p>6. Nước thải, khí thải, chất thải rắn.</p> <p>7. Hóa chất nguy hại phát thải và tích tụ trong môi trường.</p> <p>8. Đa dạng sinh học.</p>		<p>Điều 98. Thành phần môi trường cần được quan trắc</p> <p>1. Môi trường nước gồm nước mặt lục địa, nước dưới đất, nước biển.</p> <p>2. Môi trường không khí gồm không khí trong nhà, không khí ngoài trời.</p> <p>3. Tiếng ồn, độ rung, bức xạ, ánh sáng.</p> <p>4. Môi trường đất, trầm tích.</p> <p>5. Phóng xạ.</p> <p>6. Nước thải, khí thải, chất thải rắn.</p> <p>7. Hóa chất nguy hại phát thải và tích tụ trong môi trường.</p> <p>8. Đa dạng sinh học.</p>	Giữ nguyên
			<p>Điều 99. Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia</p> <p>1. Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia là một nội dung của quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Phân tích, đánh giá hiện trạng mạng lưới quan trắc môi trường quốc gia; hệ thống phòng thí nghiệm, phân tích môi trường và hệ thống quản lý số liệu, dữ liệu quan trắc môi trường;</p> <p>b) Quan điểm, mục tiêu, lựa chọn phương án quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia phù hợp với phân vùng môi trường, định hướng quan trắc và cảnh báo môi trường trong quy hoạch bảo vệ môi trường;</p> <p>c) Bố trí mạng lưới quan trắc môi trường quốc gia, bao gồm định hướng các điểm, thông số, tần suất quan trắc môi trường đất, nước, không khí</p>	Quy định mới

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>trên phạm vi cả nước và các trạm quan trắc tự động; định hướng phát triển hệ thống phòng thí nghiệm, phân tích môi trường và hệ thống quản lý số liệu, dữ liệu quan trắc môi trường;</p> <p>d) Danh mục dự án quan trắc môi trường quốc gia;</p> <p>đ) Định hướng liên kết mạng lưới, cơ sở dữ liệu, số liệu quan trắc môi trường quốc gia với mạng lưới, cơ sở dữ liệu, số liệu quan trắc môi trường cấp tỉnh và kết nối mạng lưới quan trắc môi trường;</p> <p>e) Lộ trình và nguồn lực thực hiện quy hoạch.</p> <p>2. Bộ Tài nguyên và Môi trường lập, thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia. Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh xây dựng mạng lưới, chương trình quan trắc môi trường trên địa bàn bảo đảm phù hợp với quy hoạch tỉnh, bảo đảm tính liên kết với quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>	
	<p>Điều 123. Chương trình quan trắc môi trường</p> <p>1. Chương trình quan trắc môi trường quốc gia gồm chương trình quan trắc môi trường lưu vực sông và hồ liên tỉnh, vùng kinh tế trọng điểm, môi trường xuyên biên giới và môi trường tại các vùng có tính đặc thù.</p> <p>2. Chương trình quan trắc môi trường cấp tỉnh gồm các chương trình quan trắc thành phần môi trường trên địa bàn.</p> <p>3. Chương trình quan trắc môi trường của khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, làng nghề và cơ sở sản</p>		<p>Điều 100. Chương trình quan trắc chất lượng môi trường</p> <p>1. Chương trình quan trắc chất lượng môi trường quốc gia gồm chương trình quan trắc môi trường lưu vực sông và hồ liên tỉnh, vùng kinh tế trọng điểm, môi trường xuyên biên giới và môi trường tại các vùng có tính đặc thù.</p> <p>2. Chương trình quan trắc chất lượng môi trường cấp tỉnh gồm các chương trình quan trắc thành phần môi trường trên địa bàn.</p> <p>3. Chương trình quan trắc môi trường của khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gồm quan trắc chất phát thải và quan trắc các thành phần môi trường theo quy định của pháp luật.</p>	Điều chỉnh

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	xuất, kinh doanh, dịch vụ gồm quan trắc chất phát thải và quan trắc các thành phần môi trường theo quy định của pháp luật.			
	<p>Điều 124. Hệ thống quan trắc môi trường</p> <p>1. Hệ thống quan trắc môi trường gồm:</p> <p>a) Quan trắc môi trường quốc gia;</p> <p>b) Quan trắc môi trường cấp tỉnh;</p> <p>c) Quan trắc môi trường tại cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.</p> <p>2. Các tổ chức tham gia hệ thống quan trắc môi trường gồm:</p> <p>a) Tổ chức lấy mẫu, đo đạc mẫu môi trường tại hiện trường;</p> <p>b) Phòng thí nghiệm, phân tích mẫu môi trường;</p> <p>c) Tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị quan trắc môi trường;</p> <p>d) Tổ chức quản lý, xử lý số liệu và lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường.</p> <p>3. Hệ thống quan trắc môi trường phải được quy hoạch đồng bộ, có tính liên kết, tạo thành mạng lưới thống nhất và toàn diện.</p>		<p>Điều 97. Hệ thống quan trắc môi trường</p> <p>1. Hệ thống quan trắc môi trường gồm:</p> <p>a) Quan trắc môi trường quốc gia;</p> <p>b) Quan trắc môi trường cấp tỉnh;</p> <p>c) Quan trắc môi trường tại cơ sở khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung.</p> <p>2. Các tổ chức tham gia hệ thống quan trắc môi trường gồm:</p> <p>a) Tổ chức lấy mẫu, đo đạc mẫu môi trường tại hiện trường;</p> <p>b) Phòng thí nghiệm, phân tích mẫu môi trường;</p> <p>c) Tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị quan trắc môi trường;</p> <p>d) Tổ chức quản lý, xử lý số liệu và lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường.</p> <p>3. Hệ thống quan trắc môi trường phải được quy hoạch đồng bộ, có tính liên kết, tạo thành mạng lưới thống nhất và toàn diện.</p>	Giữ nguyên
	<p>Điều 125. Trách nhiệm quan trắc môi trường</p> <p>1. Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra hoạt động quan trắc môi trường trên</p>		<p>Điều 101. Trách nhiệm quan trắc môi trường</p> <p>1. Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra hoạt động quan trắc môi trường trên phạm vi cả nước; tổ chức thực hiện chương trình quan trắc môi trường quốc gia.</p> <p>2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức chương trình quan trắc môi trường trên</p>	Điều chỉnh

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>phạm vi cả nước; tổ chức thực hiện chương trình quan trắc môi trường quốc gia.</p> <p>2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức chương trình quan trắc môi trường trên địa bàn, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp và Bộ Tài nguyên và Môi trường về kết quả quan trắc môi trường.</p> <p>3. Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, làng nghề, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải thực hiện chương trình quan trắc phát thải và các thành phần môi trường; báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.</p>		<p>địa bàn, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp và Bộ Tài nguyên và Môi trường về kết quả quan trắc môi trường.</p> <p>3. Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, làng nghề, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải thực hiện chương trình quan trắc phát thải và các thành phần môi trường; báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.</p>	
	<p>Điều 126. Điều kiện hoạt động quan trắc môi trường</p> <p>1. Tổ chức có đủ kỹ thuật viên về chuyên ngành quan trắc môi trường và trang bị kỹ thuật cần thiết được tham gia hoạt động quan trắc môi trường.</p> <p>2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>		<p>Điều 102. Điều kiện kinh doanh dịch vụ quan trắc môi trường</p> <p>1. Tổ chức có đủ nhân lực, kỹ thuật viên về chuyên ngành quan trắc môi trường, phương tiện, thiết bị và trang bị kỹ thuật và năng lực quan trắc môi trường cần thiết được tham gia hoạt động kinh doanh dịch vụ quan trắc môi trường.</p> <p>2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>	Điều chỉnh
			<p>Điều 103. Quản lý các phương tiện, thiết bị quan trắc môi trường</p> <p>1. Các phương tiện, thiết bị quan trắc môi trường tham gia vào hoạt động quan trắc môi trường quốc gia hoặc công bố thông tin môi trường phải được chứng nhận hợp quy trước khi đưa vào sử dụng. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành danh mục các phương tiện,</p>	Quy định mới

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>thiết bị quan trắc môi trường phải thực hiện chứng nhận hợp quy.</p> <p>2. Các phương tiện, thiết bị quan trắc môi trường được các tổ chức chứng nhận quốc tế về đánh giá sự phù hợp công nhận được phép lưu hành và sử dụng tại Việt Nam. Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành danh mục các tổ chức chứng nhận quốc tế về đánh giá sự phù hợp được công nhận tại Việt Nam.</p> <p>3. Việc chứng nhận hợp quy đối với các phương tiện, thiết bị quan trắc môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật về đo lường.</p> <p>4. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục về chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy đối với các phương tiện, thiết bị quan trắc môi trường.</p>	
			<p>Điều 104. Quan trắc việc xả nước thải</p> <p>1. Đối tượng, tần suất và thông số quan trắc nước thải định kỳ:</p> <p>a) Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung và cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường xả nước thải từ 20 m³/ngày (24 giờ) trở lên ra môi trường (theo tổng công suất thiết kế của các hệ thống xử lý nước thải hoặc theo khối lượng nước thải đã được xác định trong giấy phép môi trường) phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ với tần suất là 03 tháng/lần, trừ quy định tại điểm c khoản này. Thông số quan trắc thực hiện theo quy chuẩn kỹ thuật về nước thải, trừ trường hợp đã được quy định trong giấy phép môi trường thì thực hiện theo giấy phép đó; trường hợp phát hiện các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật về nước thải không có trong giấy phép môi trường thì phải thực hiện quan trắc bổ sung thông số đó;</p> <p>b) Đối tượng không thuộc quy định tại điểm a khoản này, xả nước thải từ 20 m³/ngày (24 giờ) trở lên ra môi trường (theo tổng công suất thiết kế của các hệ thống xử lý nước thải hoặc theo khối lượng nước thải đã được xác định trong giấy phép môi trường) phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ với tần suất là 06 tháng/lần, trừ quy định tại điểm c khoản này. Thông số quan trắc thực hiện theo quy chuẩn kỹ thuật về nước thải, trừ trường hợp đã được quy định trong giấy phép môi trường thì thực hiện theo giấy phép đó; trường hợp phát hiện các thông</p>	Quy định mới

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật về nước thải không có trong giấy phép môi trường thì phải thực hiện quan trắc bổ sung thông số đó.</p> <p>c) Các cơ sở quy định tại điểm a và điểm b khoản này đều nối nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung thì thực hiện quan trắc nước thải định kỳ theo quy định của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng của khu đó. Tần suất quan trắc tối đa không quá tần suất quy định tại điểm a và điểm b khoản này;</p> <p>d) Khuyến khích các cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại các điểm a, b và điểm c khoản này thực hiện quan trắc nước thải định kỳ, làm cơ sở để đánh giá sự phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật về nước thải; trường hợp nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về nước thải, phải rà soát lại hệ thống xử lý nước thải hoặc cải tạo, nâng cấp công trình xử lý nước thải bảo đảm đạt quy chuẩn kỹ thuật về nước thải trước khi xả thải ra môi trường;</p> <p>đ) Việc quan trắc lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải đối với các đối tượng quy định tại điểm a và điểm b khoản này và quan trắc lưu lượng nước thải đầu ra của các đối tượng quy định tại điểm c khoản này thực hiện qua đồng hồ, thiết bị đo lưu lượng được kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm theo quy định pháp luật về đo lường.</p> <p>2. Đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục (trừ các trường hợp: cơ sở đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở có hệ thống xử lý nước thải vệ sinh bồn bể định kỳ tách riêng với hệ thống xử lý nước thải, cơ sở có nước làm mát không sử dụng chlorine hoặc hóa chất khử trùng để diệt vi sinh vật và cơ sở có nước tháo khô mỏ khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, đá vôi), bao gồm:</p> <p>a) Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cơ sở nằm trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung nhưng được miễn trừ đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung;</p> <p>b) Cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường có quy mô xả thải từ 500</p>	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>m³/ngày (24 giờ) trở lên tính theo công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải;</p> <p>c) Cơ sở xử lý chất thải nguy hại, cơ sở xử lý chất thải rắn tập trung của vùng, tỉnh hoặc liên huyện và cơ sở sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất có phát sinh nước thải công nghiệp hoặc nước rỉ rác ra môi trường, thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường;</p> <p>d) Cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại các điểm a, b và điểm c khoản này, có quy mô xả thải từ 1.000 m³/ngày (24 giờ) trở lên tính theo công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải;</p> <p>đ) Cơ sở bị xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường mà tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần;</p> <p>e) Các đối tượng khác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.</p> <p>3. Đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (bao gồm thiết bị quan trắc tự động, liên tục và thiết bị lấy mẫu tự động), có camera theo dõi, truyền số liệu trực tiếp cho Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh theo quy định của pháp luật. Thông số quan trắc nước thải tự động, liên tục gồm: lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, amonia và một số thông số môi trường đặc thù theo ngành, trừ trường hợp nước làm mát có sử dụng chlorine hoặc hóa chất khử trùng gốc chlorine chỉ lắp đặt các thông số: lưu lượng, nhiệt độ và chlorine.</p> <p>Các dự án quy định tại khoản 2 Điều này đang triển khai xây dựng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định trước khi đưa dự án vào vận hành thương mại. Đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục theo thời hạn ghi trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính.</p> <p>4. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục, có camera theo dõi phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng.</p>	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>5. Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh có trách nhiệm:</p> <p>a) Giám sát dữ liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục; đánh giá kết quả quan trắc nước thải tự động, liên tục theo giá trị trung bình ngày (24 giờ) của các kết quả đo và so sánh với giá trị tối đa cho phép các thông số ô nhiễm theo quy chuẩn kỹ thuật về chất thải; theo dõi, kiểm tra việc khắc phục trong các trường hợp: dữ liệu quan trắc bị gián đoạn; phát hiện thông số giám sát vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định và đề xuất biện pháp xử lý theo quy định;</p> <p>b) Tổng hợp, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục trên địa bàn tỉnh về Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định và khi được yêu cầu.</p> <p>6. Khuyến khích các cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục để theo dõi, giám sát và đề xuất các giải pháp cải thiện môi trường đối với hệ thống xử lý nước thải của mình. Các cơ sở này được miễn thực hiện chương trình quan trắc nước thải định kỳ theo quy định của pháp luật.</p> <p>7. Đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này được miễn thực hiện quan trắc nước thải định kỳ; trường hợp phát hiện thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật về nước thải ngoài các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục thì phải thực hiện quan trắc bổ sung thông số đó.</p> <p>8. Kết quả quan trắc nước thải định kỳ, quan trắc nước thải tự động, liên tục được sử dụng để kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.</p> <p>9. Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật về quan trắc nước thải định kỳ, quan trắc nước thải tự động, liên tục; tần suất và thông số quan trắc đặc thù; sử dụng số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục; quy định cụ thể về thực hiện quan trắc nước thải định kỳ.</p>	
			<p>Điều 105. Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp</p> <p>1. Đối tượng, tần suất và thông số quan trắc bụi, khí thải định kỳ</p> <p>a) Dự án, cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường có tổng lưu lượng khí thải thải ra môi trường từ 5.000 m³ khí thải/giờ trở lên (theo tổng công suất thiết kế của các hệ thống, thiết bị xử lý bụi, khí thải hoặc theo</p>	Quy định mới

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>lưu lượng khí thải đã được xác định trong giấy phép môi trường), phải thực hiện quan trắc bụi, khí thải định kỳ với tần suất là 03 tháng/01 lần. Thông số quan trắc thực hiện theo quy chuẩn kỹ thuật về khí thải, trừ trường hợp đã được quy định trong giấy phép môi trường thì thực hiện theo giấy phép đó; trường hợp phát hiện các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật về khí thải không có trong giấy phép môi trường thì phải thực hiện quan trắc bổ sung thông số đó;</p> <p>b) Đối tượng không thuộc quy định tại điểm a khoản này có tổng lưu lượng khí thải thải ra môi trường từ 5.000 m³ khí thải/giờ trở lên (theo tổng công suất thiết kế của các hệ thống, thiết bị xử lý bụi, khí thải hoặc theo lưu lượng khí thải đã được xác định trong giấy phép môi trường), phải thực hiện quan trắc bụi, khí thải định kỳ với tần suất là 06 tháng/01 lần. Thông số quan trắc thực hiện theo quy chuẩn kỹ thuật về khí thải, trừ trường hợp đã được quy định trong giấy phép môi trường thì thực hiện theo giấy phép đó; trường hợp phát hiện các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật về khí thải không có trong giấy phép môi trường thì phải thực hiện quan trắc bổ sung thông số đó;</p> <p>c) Khuyến khích các cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại điểm a và điểm b khoản này thực hiện quan trắc bụi, khí thải định kỳ, làm cơ sở để đánh giá sự phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật về khí thải; trường hợp bụi, khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường, phải rà soát lại hệ thống, thiết bị xử lý bụi, khí thải hoặc cải tạo, nâng cấp hệ thống, thiết bị xử lý bụi, khí thải bảo đảm đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi xả thải ra môi trường;</p> <p>d) Việc quan trắc lưu lượng khí thải của hệ thống, thiết bị xử lý bụi, khí thải thực hiện thông qua thiết bị đo lưu lượng dòng khí thải; lưu lượng khí thải của các hệ thống, thiết bị xử lý bụi, khí thải khác được xác định thông qua thiết bị quan trắc khí thải theo quy định.</p> <p>2. Đối tượng phải thực hiện quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục gồm:</p> <p>a) Dự án, cơ sở thuộc danh mục các nguồn thải khí thải lưu lượng lớn quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Luật này;</p>	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>b) Các lò đốt chất thải nguy hại; các lò đốt chất thải của cơ sở xử lý chất thải rắn tập trung của khu vực, tỉnh hoặc liên huyện;</p> <p>c) Khí thải của các cơ sở sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường;</p> <p>d) Cơ sở bị xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi xả khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường mà tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần;</p> <p>đ) Các đối tượng khác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.</p> <p>3. Đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục, có camera theo dõi, truyền số liệu trực tiếp cho Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh theo quy định.</p> <p>Các dự án quy định tại khoản 2 Điều này đang triển khai xây dựng, phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục trước khi đưa dự án vào vận hành. Đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều này phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục theo thời hạn ghi trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Thông số quan trắc khí thải tự động, liên tục gồm:</p> <p>a) Các thông số môi trường cố định gồm: lưu lượng, nhiệt độ, áp suất, O₂ dư, bụi tổng, SO₂, NO_x và CO (trừ trường hợp quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với một số lĩnh vực đặc thù không yêu cầu kiểm soát);</p> <p>b) Các thông số môi trường đặc thù theo ngành nghề được xác định trong giấy phép môi trường.</p> <p>4. Hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục, có camera theo dõi phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng.</p> <p>5. Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh có trách nhiệm:</p> <p>a) Giám sát dữ liệu quan trắc khí thải tự động, liên tục; đánh giá kết quả quan trắc khí thải tự động, liên tục theo giá trị trung bình ngày (24 giờ) của các kết quả đo và so sánh với giá trị tối đa cho phép các thông số ô nhiễm theo quy chuẩn kỹ thuật về chất thải; theo dõi, kiểm tra việc khắc phục trong các trường hợp: dữ liệu quan trắc bị gián đoạn; phát</p>	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>hiện thông số giám sát vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định và đề xuất biện pháp xử lý theo quy định;</p> <p>b) Tổng hợp, truyền số liệu quan trắc khí thải tự động, liên tục trên địa bàn tỉnh về Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định và khi được yêu cầu.</p> <p>6. Khuyến khích các cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục để theo dõi, giám sát và đề xuất các giải pháp cải thiện môi trường đối với hệ thống, thiết bị xử lý bụi, khí thải của mình. Các cơ sở này được miễn thực hiện chương trình quan trắc bụi, khí thải định kỳ theo quy định của pháp luật.</p> <p>7. Đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này được miễn thực hiện quan trắc bụi, khí thải định kỳ; trường hợp phát hiện thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật về khí thải ngoài các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục thì phải thực hiện quan trắc bổ sung thông số đó.</p> <p>8. Kết quả quan trắc khí thải định kỳ, quan trắc khí thải tự động, liên tục được sử dụng để cấp giấy phép môi trường, tính phí bảo vệ môi trường.</p> <p>9. Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật về quan trắc khí thải định kỳ, quan trắc khí thải tự động, liên tục; sử dụng số liệu quan trắc khí thải tự động, liên tục; quy định cụ thể về thực hiện quan trắc bụi, khí thải định kỳ.</p>	
			<p><i>Phương án 1 (PA1): Đối tượng phải quan trắc thuê đơn vị đủ năng lực tiến hành quan trắc chất thải trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ</i></p> <p>Điều 106. Quy định về thực hiện quan trắc chất thải trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ</p> <p>1. Đối tượng phải thực hiện quan trắc chất thải gồm:</p> <p>a) Đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 và quan trắc tự động, liên tục tại khoản 2 Điều 99 Luật này;</p> <p>b) Đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ quy định tại điểm a và</p>	Quy định mới

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>điểm b khoản 1 và quan trắc tự động, liên tục tại khoản 2 Điều 100 Luật này;</p> <p>c) Đối tượng phải phân định bùn thải, chất thải rắn có chứa thành phần nguy hại để quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại;</p> <p>d) Cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng hoặc ô nhiễm kéo dài thuộc đối tượng quy định tại các điểm a, b và c khoản này phải thực hiện quan trắc thêm thành phần môi trường đã gây ra ô nhiễm. Thành phần môi trường, tần suất và thông số quan trắc môi trường được xác định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường.</p> <p>2. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này phải xây dựng kế hoạch thực hiện quan trắc chất thải (sau đây gọi chung là Kế hoạch), gửi Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh trước ngày 31 tháng 12 của năm trước để theo dõi, giám sát; trường hợp thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của bộ, cơ quan ngang bộ thì đồng thời gửi kế hoạch cho Bộ Tài nguyên và Môi trường. Việc lập kế hoạch căn cứ vào các nội dung sau:</p> <p>a) Chương trình quan trắc chất thải trong giấy phép môi trường hoặc các văn bản thẩm định về môi trường đối với trường hợp chưa được cấp giấy phép môi trường;</p> <p>b) Các loại chất thải phát sinh theo từng nguồn, điểm xả thải; thành phần môi trường phải quan trắc; tần suất và thông số quan trắc môi trường định kỳ.</p> <p>3. Tổ chức thực hiện dịch vụ quan trắc chất thải phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của kết quả quan trắc môi trường.</p> <p>4. Trách nhiệm của Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh</p> <p>a) Theo dõi, giám sát việc quan trắc chất thải của các đối tượng trên địa bàn; tổ chức kiểm tra đột xuất trong trường hợp cần thiết;</p> <p>b) Khi cần thiết, trưng cầu đơn vị giám định độc lập có đủ năng lực theo quy định của pháp luật để kiểm tra chéo mẫu chất thải do tổ chức dịch vụ quan trắc môi trường thực hiện. Kết quả quan trắc môi trường của</p>	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>tổ chức giám định độc lập có giá trị pháp lý để thực hiện; kinh phí trưng cầu giám định quan trắc môi trường sẽ do nhà nước chi trả từ nguồn chi sự nghiệp môi trường hàng năm; trường hợp thông số môi trường trong mẫu chất thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải sẽ được sử dụng để xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Đánh giá kết quả quan trắc môi trường. Trường hợp kết quả quan trắc chất thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường, có văn bản nhắc nhở (lần đầu) và yêu cầu đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này rà soát lại quy trình vận hành, công trình bảo vệ môi trường để có kế hoạch điều chỉnh, cải tạo, nâng cấp (nếu cần thiết), bảo đảm chất thải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải trước khi xả, thải ra môi trường; trường hợp kết quả tự quan trắc tiếp tục vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Trách nhiệm của chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chủ đầu tư khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung thực hiện quan trắc chất thải</p> <p>a) Lập kế hoạch theo quy định tại khoản 2 Điều này và chịu trách nhiệm toàn bộ về tính chính xác nêu trong kế hoạch của mình;</p> <p>b) Đề xuất đơn vị có đủ năng lực theo quy định của pháp luật thực hiện quan trắc môi trường định kỳ cho hoạt động của mình;</p> <p>c) Sử dụng kết quả quan trắc nước thải, khí thải công nghiệp để kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường theo quy định;</p> <p>d) Sử dụng kết quả quan trắc môi trường để lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm và các mục đích khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>đ) Báo cáo Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh và cơ quan cấp giấy phép môi trường kết quả quan trắc môi trường của năm trước trong tháng 01 của năm tiếp theo. Kết quả quan trắc môi trường được lồng ghép trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm; trường hợp phát hiện chất thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải trong kỳ quan trắc phải báo ngay Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh để phối hợp, giải quyết.</p>	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>6. Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật về thực hiện quan trắc chất thải, môi trường bị ô nhiễm do chất thải quy định tại Điều này. <u>Phương án 2: Đối tượng phải quan trắc chất thải nộp trước kinh phí vào quỹ bảo vệ môi trường địa phương hoặc Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam để tổ chức thực hiện quan trắc chất thải:</u> Điều 106. Quy định về thực hiện quan trắc chất thải trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ 1. Đối tượng phải thực hiện quan trắc chất thải gồm: a) Đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 và quan trắc tự động, liên tục tại khoản 2 Điều 104 Luật này; b) Đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 và quan trắc tự động, liên tục tại khoản 2 Điều 105 Luật này; c) Đối tượng phải phân định bùn thải, chất thải rắn có chứa thành phần nguy hại để quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại; d) Cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng hoặc ô nhiễm kéo dài thuộc đối tượng quy định tại các điểm a, b và c khoản này phải thực hiện quan trắc thêm thành phần môi trường đã gây ra ô nhiễm. Thành phần môi trường, tần suất và thông số quan trắc chất thải được xác định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường. 2. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này phải xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện quan trắc chất thải (sau đây gọi chung là Kế hoạch) theo định mức, đơn giá do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành, gửi Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh, đồng thời gửi Kế hoạch và nộp trước kinh phí thực hiện quan trắc chất thải vào quỹ bảo vệ môi trường địa phương hoặc Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam trước ngày 31 tháng 12 của năm trước, để tổ chức thực hiện quan trắc chất thải quy định tại Điều này. Việc lập Kế hoạch căn cứ vào các nội dung sau:</p>	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>a) Chương trình quan trắc chất thải trong giấy phép môi trường hoặc các văn bản thẩm định về môi trường đối với trường hợp chưa được cấp giấy phép môi trường;</p> <p>b) Các loại chất thải phát sinh theo từng nguồn, điểm xả thải; thành phần môi trường phải quan trắc; tần suất và thông số quan trắc chất thải.</p> <p>3. Đơn vị có giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường gửi hồ sơ năng lực thực hiện quan trắc chất thải trên địa bàn về Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh trước ngày 31 tháng 12 của năm trước để tổng hợp.</p> <p>4. Trước ngày 15 tháng 02 hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành danh sách các đơn vị có đủ năng lực thực hiện quan trắc chất thải trên địa bàn theo kế hoạch giám sát của Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh.</p> <p>Định kỳ hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh rà soát, bổ sung các đơn vị có đủ năng lực thực hiện quan trắc chất thải quy định tại khoản 3 Điều này, đồng thời loại bỏ các đơn vị vi phạm hoặc không thực hiện đúng quy định về bảo đảm chất lượng và kiểm soát chất lượng trong quan trắc môi trường (QA/QC) hoặc số liệu quan trắc không đúng tình hình ô nhiễm của tổ chức, cá nhân; bảo đảm hoạt động quan trắc chất thải thực hiện đúng quy định của pháp luật, số liệu quan trắc bảo đảm tính khách quan, khoa học, thực tiễn và chính xác.</p> <p>5. Đơn vị được thực hiện quan trắc chất thải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và trước tổ chức, cá nhân được quan trắc về tính chính xác của kết quả quan trắc chất thải; phối hợp với Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với các cơ sở do Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép môi trường) và tổ chức, cá nhân để thực hiện quan trắc theo quy định của pháp luật; gửi báo cáo kết quả quan trắc chất thải cho Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và tổ chức, cá nhân được quan trắc.</p> <p>6. Trách nhiệm của Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh</p>	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>a) Tổng hợp danh sách các đơn vị có giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định;</p> <p>b) Xây dựng kế hoạch giám sát hoạt động quan trắc chất thải đối với các đơn vị thực hiện quan trắc và tổ chức, cá nhân được quan trắc;</p> <p>c) Trưng cầu đơn vị giám định độc lập có đủ năng lực theo quy định của pháp luật để kiểm tra chéo mẫu chất thải do đơn vị quan trắc thực hiện theo chế độ đột xuất hoặc khi cần thiết để so sánh đối chiếu kết quả quan trắc. Kết quả quan trắc của đơn vị giám định độc lập nếu đạt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải sẽ do nhà nước chi trả; trường hợp mẫu chất thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải sẽ được sử dụng để xử phạt vi phạm hành chính và tổ chức, cá nhân vi phạm sẽ phải thanh toán kinh phí giám định theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;</p> <p>d) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả quan trắc chất thải do đơn vị quan trắc gửi đến Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh đối chiếu kế hoạch giám sát của mình với Kế hoạch của tổ chức, cá nhân và có văn bản xác nhận việc thực hiện theo kế hoạch (về số lượng mẫu môi trường, tần suất và thông số quan trắc; theo 06 tháng và cả năm) gửi quỹ bảo vệ môi trường địa phương hoặc Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam; trường hợp thực hiện không đúng Kế hoạch sẽ yêu cầu đơn vị quan trắc thực hiện bổ sung;</p> <p>đ) Đánh giá kết quả quan trắc chất thải trên cơ sở so sánh với các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường quy định; trường hợp kết quả quan trắc chất thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường, có văn bản nhắc nhở và yêu cầu tổ chức, cá nhân rà soát lại quy trình vận hành, sự đáp ứng của công trình bảo vệ môi trường hiện có để có kế hoạch điều chỉnh, cải tạo hoặc nâng cấp (nếu có), bảo đảm chất thải phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi xả, thải; trường hợp tái phạm sẽ xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.</p> <p>7. Trách nhiệm của quỹ bảo vệ môi trường địa phương và Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam nơi tổ chức, cá nhân nộp tiền quan trắc chất thải</p>	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>a) Tổng hợp danh sách tổ chức, cá nhân đã nộp tiền (nộp một lần kinh phí quan trắc của cả năm) gửi Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh;</p> <p>b) Tiếp nhận và quản lý kinh phí thực hiện quan trắc chất thải của tổ chức, cá nhân chuyển đến theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản xác nhận do Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh gửi đến, quỹ bảo vệ môi trường địa phương hoặc Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam chuyển kinh phí thực hiện quan trắc chất thải của tổ chức, cá nhân đã nộp (theo 06 tháng, cả năm) cho đơn vị thực hiện quan trắc chất thải trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.</p> <p>8. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân được quan trắc chất thải</p> <p>a) Lập Kế hoạch theo quy định tại khoản 2 Điều này và chịu trách nhiệm toàn bộ về tính chính xác nêu trong Kế hoạch của mình;</p> <p>b) Sử dụng kết quả quan trắc chất thải để kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường theo quy định;</p> <p>c) Sử dụng kết quả quan trắc chất thải để lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm và các mục đích khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>9. Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật về thực hiện quan trắc chất thải, môi trường bị ô nhiễm do chất thải quy định tại Điều này.</p>	
	<p>Điều 127. Quản lý số liệu quan trắc môi trường</p> <p>1. Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý số liệu quan trắc môi trường; xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về quan trắc môi trường; công bố kết quả quan trắc môi trường quốc gia; hướng dẫn nghiệp vụ và hỗ trợ kỹ thuật quản lý số liệu quan trắc môi trường.</p>		<p>Điều 107. Quản lý số liệu quan trắc môi trường</p> <p>1. Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý số liệu quan trắc môi trường quốc gia; xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về quan trắc môi trường; công bố kết quả quan trắc môi trường quốc gia; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ và hỗ trợ kỹ thuật quản lý số liệu quan trắc môi trường của địa phương.</p> <p>2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý số liệu quan trắc môi trường; xây dựng cơ sở dữ liệu quan trắc môi trường trên địa bàn bảo đảm thống nhất, đồng bộ và liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia về quan trắc môi trường và công bố kết quả quan trắc môi trường của địa phương.</p> <p>3. Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cơ sở quản lý số liệu quan</p>	Điều chỉnh

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý số liệu quan trắc môi trường và công bố kết quả quan trắc môi trường của địa phương.</p> <p>3. Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quản lý số liệu quan trắc môi trường và công bố kết quả quan trắc môi trường theo quy định của pháp luật.</p>		trắc chất thải và công bố, công khai kết quả quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật.	
Chương XIII. Thông tin môi trường, chỉ thị môi trường, thống kê môi trường và báo cáo môi trường				Lồng ghép vào Chương IX
Mục 1. Thông tin môi trường		Mục 2. Thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường		
	Điều 128. Thông tin môi trường 1. Thông tin môi trường gồm số liệu, dữ liệu về thành phần môi trường, các tác động đối với môi trường, chính sách, pháp luật về bảo		Điều 108. Thông tin về môi trường 1. Thông tin về môi trường bao gồm: a) Thông tin về chất ô nhiễm, dòng thải các chất ô nhiễm ra môi trường, nguồn ô nhiễm; b) Thông tin về chất thải rắn;	Điều chỉnh

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>vệ môi trường, hoạt động bảo vệ môi trường.</p> <p>2. Cơ sở dữ liệu môi trường là tập hợp thông tin về môi trường được xây dựng, cập nhật và duy trì đáp ứng yêu cầu truy nhập, sử dụng thông tin cho công tác bảo vệ môi trường và phục vụ lợi ích công cộng.</p>		<p>c) Thông tin về chất lượng môi trường, ô nhiễm môi trường;</p> <p>d) Thông tin về cảnh quan thiên nhiên, hệ sinh thái tự nhiên, các loài sinh vật và các nguồn gen;</p> <p>đ) Thông tin về các tác động đến môi trường; biện pháp giảm thiểu các tác động đến môi trường;</p> <p>e) Thông tin về chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường, hoạt động bảo vệ môi trường.</p> <p>2. Thông tin về môi trường được định dạng dưới các hình thức chỉ tiêu, chỉ số, chỉ thị, thông số, báo cáo và các hình thức khác theo quy định của Chính phủ.</p> <p>3. Trách nhiệm thu thập, lưu giữ, quản lý thông tin về môi trường:</p> <p>a) Chủ dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh, khu sản xuất, kinh doanh tập trung thu thập, lưu giữ và quản lý thông tin môi trường quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp thu thập, lưu giữ và quản lý thông tin môi trường quy định tại khoản 1 Điều này theo thẩm quyền, lĩnh vực và địa bàn quản lý;</p> <p>c) Bộ Tài nguyên và Môi trường thu thập, tổng hợp thông tin môi trường quốc gia.</p> <p>4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>	
			<p>Điều 109. Cơ sở dữ liệu về môi trường</p> <p>1. Cơ sở dữ liệu về môi trường là tập hợp thông tin môi trường được xây dựng, cập nhật và duy trì đáp ứng yêu cầu truy nhập, sử dụng thông tin cho công tác bảo vệ môi trường, giải quyết thủ tục hành chính về môi trường và phục vụ lợi ích công cộng.</p> <p>2. Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia; quy định khung cấu trúc cơ sở dữ liệu về môi trường để áp dụng thống nhất cho các Bộ, ngành, địa phương.</p> <p>3. Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm phối hợp xây dựng, tham gia cung cấp, cập nhật cơ sở dữ liệu về môi trường quy định tại khoản 2 Điều này để tích hợp vào hệ thống cơ sở dữ liệu về môi trường quốc gia.</p>	Quy định mới

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			4. Việc quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu về môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.	
	Điều 129. Thu thập và quản lý thông tin môi trường.			Bãi bỏ
	<p>Điều 130. Công bố, cung cấp thông tin môi trường</p> <p>1. Tổ chức, cá nhân quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường có trách nhiệm báo cáo thông tin môi trường trong phạm vi quản lý của mình với cơ quan quản lý về môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>2. Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm cung cấp thông tin môi trường liên quan đến hoạt động của mình cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.</p> <p>3. Bộ, ngành hằng năm có trách nhiệm cung cấp thông tin môi trường liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý cho Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>4. Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Điều này.</p> <p>.</p>		<p>Điều 110. Công khai, cung cấp thông tin về môi trường</p> <p>1. Thông tin về môi trường theo quy định tại điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e khoản 1 Điều 108 Luật này phải được công khai.</p> <p>2. Thông tin về môi trường theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 108 Luật này được cung cấp cho các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Chính phủ quy định nội dung, hình thức, chủ thể công khai, cung cấp thông tin về môi trường quy định tại Điều này.</p> <p>.</p>	Điều chỉnh
	Điều 131. Công khai thông tin			

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>môi trường</p> <p>1. Thông tin môi trường phải được công khai gồm:</p> <p>a) Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;</p> <p>b) Thông tin về nguồn thải, chất thải, xử lý chất thải;</p> <p>c) Khu vực môi trường bị ô nhiễm, suy thoái ở mức nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng, khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường;</p> <p>d) Các báo cáo về môi trường;</p> <p>đ) Kết quả thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường.</p> <p>Các thông tin quy định tại khoản này mà thuộc danh mục bí mật nhà nước thì không được công khai.</p> <p>2. Hình thức công khai phải bảo đảm thuận tiện cho những đối tượng có liên quan tiếp nhận thông tin.</p> <p>3. Cơ quan công khai thông tin môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin</p>			
Mục 2. Chỉ thị môi trường và thống kê môi trường				Bãi bỏ
	Điều 132. Chỉ thị môi trường			Bãi bỏ
	Điều 133. Thống kê môi trường			Bãi bỏ

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
Mục 3. Báo cáo môi trường		Mục 3. Báo cáo môi trường		
	Điều 134. Trách nhiệm báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm			Lồng ghép quy định vào Điều khác
	Điều 135. Nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường 1. Hiện trạng, diễn biến các thành phần môi trường. 2. Quy mô, tính chất và tác động của các nguồn phát thải. 3. Tình hình thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường; kết quả thanh tra, kiểm tra. 4. Danh mục cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và tình hình xử lý. 5. Nguồn lực về bảo vệ môi trường. 6. Đánh giá công tác quản lý và hoạt động bảo vệ môi trường. 7. Phương hướng và giải pháp bảo vệ môi trường.		Điều 111. Báo cáo định kỳ về công tác bảo vệ môi trường 1. Báo cáo định kỳ về công tác bảo vệ môi trường bao gồm: a) Báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm của chủ dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh, khu sản xuất, kinh doanh tập trung; b) Báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan quản lý môi trường các cấp. 2. Nội dung báo cáo định kỳ về công tác bảo vệ môi trường của chủ dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh, khu sản xuất, kinh doanh tập trung: a) Thông tin chung về tình hình hoạt động của dự án, cơ sở; b) Các chất ô nhiễm, dòng thải các chất ô nhiễm ra môi trường, nguồn ô nhiễm và các tác động đến môi trường và tình hình thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường; c) Tình hình phát sinh chất thải rắn và biện pháp quản lý; d) Kết quả quan trắc chất thải; đ) Các nội dung khác theo yêu cầu của giấy phép môi trường (nếu có). 3. Chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ của chủ dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh, khu sản xuất, kinh doanh tập trung: a) Chủ dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp phép môi trường có trách nhiệm báo cáo Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh và cơ quan phê duyệt kết	Sửa đổi, bổ sung

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cơ quan cấp phép môi trường thông tin về môi trường liên quan đến hoạt động của dự án, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung;</p> <p>b) Chủ dự án, cơ sở không thuộc điểm a khoản này xây dựng và gửi báo cáo tới Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã;</p> <p>c) Kỳ báo cáo tính từ ngày ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 của năm. Thời hạn gửi báo cáo trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo.</p> <p>4. Nội dung báo cáo định kỳ về công tác bảo vệ môi trường của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp:</p> <p>a) Hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường đất, nước, không khí; cảnh quan thiên nhiên, các hệ sinh thái tự nhiên và các loài sinh vật;</p> <p>b) Quy mô, tính chất và tác động của các chất ô nhiễm, dòng thải các chất ô nhiễm, các nguồn ô nhiễm; chất thải rắn phát sinh; tình trạng chiếm dụng, xâm hại cảnh quan thiên nhiên, các hệ sinh thái tự nhiên và các loài sinh vật;</p> <p>c) Công tác kiểm soát chất ô nhiễm, dòng thải các chất ô nhiễm, nguồn ô nhiễm; quản lý chất thải rắn phát sinh; xử lý ô nhiễm, cải tạo phục hồi môi trường; phục hồi cảnh quan thiên nhiên, các hệ sinh thái tự nhiên; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học;</p> <p>d) Kết quả thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, giải quyết khiếu nại, tố cáo về môi trường;</p> <p>đ) Điều kiện, nguồn lực về bảo vệ môi trường;</p> <p>e) Đánh giá chung về công tác bảo vệ môi trường;</p> <p>g) Phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp bảo vệ môi trường trong thời gian tới.</p> <p>5. Chế độ báo cáo của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp:</p> <p>a) Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp và Ủy ban nhân dân cấp huyện về công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn;</p> <p>b) Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn;</p> <p>c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp và Bộ</p>	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			Tài nguyên và Môi trường về công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn; d) Ban quản lý khu kinh tế, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về công tác bảo vệ môi trường; đ) Bộ, ngành báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường về công tác bảo vệ môi trường trong lĩnh vực quản lý; e) Bộ Tài nguyên và Môi trường báo cáo Chính phủ, Quốc hội về công tác bảo vệ môi trường trên phạm vi cả nước.	
	Điều 136. Nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo kinh tế - xã hội hằng năm Báo cáo kinh tế - xã hội hằng năm của Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp phải đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu về bảo vệ môi trường và công tác bảo vệ môi trường.		6. Báo cáo kinh tế - xã hội hàng năm của Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp phải có đánh giá về việc thực hiện các chỉ tiêu cơ bản về bảo vệ môi trường.	
			7. Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc xây dựng báo cáo công tác bảo vệ môi trường.	Quy định mới
	Điều 137. Trách nhiệm lập báo cáo hiện trạng môi trường 1. Bộ Tài nguyên và Môi trường lập báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia 05 năm một lần; hằng năm lập báo cáo chuyên đề về môi trường quốc gia. 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập báo cáo hiện trạng môi trường của địa phương 05 năm một lần; căn cứ những vấn đề bức xúc về môi trường của địa phương, quyết định lập báo cáo chuyên đề về môi trường		Điều 112. Báo cáo hiện trạng môi trường và báo cáo chuyên đề về môi trường 1. Nội dung báo cáo hiện trạng môi trường: a) Tổng quan về tự nhiên, kinh tế, xã hội; b) Các tác động môi trường; c) Hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường đất, nước, không khí; d) Những vấn đề bức xúc về môi trường và nguyên nhân; đ) Tác động của môi trường đối với kinh tế, xã hội; e) Tình hình thực hiện chính sách, pháp luật và các hoạt động bảo vệ môi trường; g) Dự báo thách thức về môi trường; h) Phương hướng và giải pháp bảo vệ môi trường. 2. Bộ Tài nguyên và Môi trường lập báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia 05 năm một lần; hằng năm lập báo cáo chuyên đề về môi trường quốc gia.	Sửa đổi, bổ sung

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	trường. 3. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn công tác lập báo cáo hiện trạng môi trường.		3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập báo cáo hiện trạng môi trường của địa phương 05 năm một lần; căn cứ những vấn đề bức xúc về môi trường của địa phương, quyết định lập báo cáo chuyên đề về môi trường. 4. Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn công tác lập báo cáo hiện trạng môi trường.	
	Điều 138. Nội dung báo cáo hiện trạng môi trường 1. Tổng quan về tự nhiên, kinh tế, xã hội. 2. Các tác động môi trường. 3. Hiện trạng và diễn biến các thành phần môi trường. 4. Những vấn đề bức xúc về môi trường và nguyên nhân. 5. Tác động của môi trường đối với kinh tế, xã hội. 6. Tình hình thực hiện chính sách, pháp luật và các hoạt động bảo vệ môi trường. 7. Dự báo thách thức về môi trường. 8. Phương hướng và giải pháp bảo vệ môi trường.			
Chương XIV. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường		Chương XI. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi		

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
		trường		
	<p>Điều 139. Nội dung quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường</p> <p>1. Xây dựng, ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, ban hành hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường.</p> <p>2. Xây dựng, chỉ đạo thực hiện chiến lược, chính sách, chương trình, đề án, quy hoạch, kế hoạch về bảo vệ môi trường.</p> <p>3. Tổ chức, xây dựng, quản lý hệ thống quan trắc; định kỳ đánh giá hiện trạng môi trường, dự báo diễn biến môi trường.</p> <p>4. Xây dựng, thẩm định và phê duyệt quy hoạch bảo vệ môi trường; thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và kiểm tra, xác nhận các công trình bảo vệ môi trường; tổ chức xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường.</p> <p>5. Chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học; quản lý chất thải; kiểm soát ô nhiễm; cải thiện và phục hồi môi trường.</p> <p>6. Cấp, gia hạn, thu hồi giấy phép,</p>		<p>Điều 148. Trách nhiệm thống nhất quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường của Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường</p> <p>1. Nội dung quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường:</p> <p>a) Xây dựng, ban hành chủ trương, chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường; quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật môi trường; chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về bảo vệ môi trường.</p> <p>b) Tổ chức triển khai và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường; quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật môi trường; chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về bảo vệ môi trường;</p> <p>c) Thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường; phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép môi trường, giấy chứng nhận về môi trường;</p> <p>d) Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật, trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về môi trường; đánh giá, yêu cầu bồi thường thiệt hại về môi trường; xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường;</p> <p>đ) Kiểm soát nguồn ô nhiễm; quản lý chất thải, chất lượng môi trường; cải tạo và phục hồi môi trường; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường;</p> <p>e) Xây dựng, quản lý các trạm quan trắc chất lượng môi trường; triển khai chương trình quan trắc chất lượng môi trường; thực hiện thông tin, cảnh báo về ô nhiễm môi trường;</p> <p>g) Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu, thông tin, báo cáo về môi trường;</p> <p>h) Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, ý thức về bảo vệ môi trường; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ quản lý về bảo vệ môi trường;</p> <p>i) Tổ chức nghiên cứu, áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;</p> <p>k) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện ngân sách nhà nước cho các hoạt</p>	Điều chỉnh

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	giấy chứng nhận về môi trường. 7. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường; thanh tra trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; giải quyết khiếu nại, tố cáo về bảo vệ môi trường; xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. 8. Đào tạo nhân lực khoa học và quản lý môi trường; giáo dục, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về bảo vệ môi trường. 9. Tổ chức nghiên cứu, áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. 10. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện ngân sách nhà nước cho các hoạt động bảo vệ môi trường. 11. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.		động bảo vệ môi trường; l) Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.	
	Điều 140. Trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường của Chính phủ Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong phạm vi cả nước.		2. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong phạm vi cả nước.	Giữ nguyên nội dung, lồng ghép vào Điều khác
	Điều 141. Trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường		3. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc thống nhất quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, quản lý	Điều chỉnh

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường</p> <p>Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc thống nhất quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và có trách nhiệm sau đây:</p> <p>1. Chủ trì xây dựng, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án quốc gia về bảo vệ môi trường.</p> <p>2. Chủ trì xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường; ban hành văn bản hướng dẫn kỹ thuật theo thẩm quyền.</p> <p>3. Chủ trì giải quyết hoặc đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giải quyết các vấn đề môi trường liên ngành, liên tỉnh.</p> <p>4. Chỉ đạo, hướng dẫn và xây dựng hệ thống quan trắc môi trường quốc gia, thông tin môi trường và báo cáo môi trường; chỉ đạo, tổ chức đánh giá hiện trạng môi trường quốc gia và địa phương.</p> <p>5. Chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện theo thẩm quyền hoạt động xây dựng, thẩm định, phê</p>		<p>chất thải rắn và có trách nhiệm sau:</p> <p>a) Chủ trì tham mưu, xây dựng chủ trương, đường lối, chính sách quốc gia về bảo vệ môi trường; xây dựng, ban hành hoặc trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về bảo vệ môi trường;</p> <p>b) Chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức triển khai và kiểm tra việc thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường; quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường; chiến lược, quy hoạch, kế hoạch bảo vệ môi trường quốc gia; chương trình, đề án, dự án về bảo vệ môi trường;</p> <p>c) Tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường; phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép môi trường; kiểm tra, cấp giấy chứng nhận về môi trường theo thẩm quyền;</p> <p>d) Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật, trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về môi trường; đánh giá, yêu cầu bồi thường thiệt hại về môi trường; xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;</p> <p>đ) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện kiểm soát nguồn ô nhiễm; quản lý chất thải, chất lượng môi trường; cải tạo và phục hồi môi trường; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật;</p> <p>e) Đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành mạng lưới quan trắc môi trường theo quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia; xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện các chương trình quan trắc môi trường; thông tin, cảnh báo về ô nhiễm môi trường theo quy định pháp luật;</p> <p>g) Xây dựng nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch vùng; hướng dẫn việc xây dựng nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch tỉnh, quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt;</p> <p>h) Tổ chức thống kê, xây dựng cơ sở dữ liệu, thông tin, báo cáo về môi trường theo quy định của pháp luật;</p>	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>duyet quy hoạch bảo vệ môi trường; thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường; kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường.</p> <p>6. Chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện theo thẩm quyền việc cấp, gia hạn, thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về bảo vệ môi trường.</p> <p>7. Chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học, an toàn sinh học; quản lý chất thải; kiểm soát ô nhiễm; cải thiện và phục hồi môi trường.</p> <p>8. Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện chính sách, chương trình, mô hình thử nghiệm về sản xuất và tiêu thụ bền vững, thân thiện với môi trường; hướng dẫn, chứng nhận sản phẩm, cơ sở thân thiện với môi trường; chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động cải thiện sức khỏe môi trường.</p> <p>9. Kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị liên quan đến bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.</p> <p>10. Chỉ đạo và hướng dẫn việc lồng</p>		<p>i) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức, ý thức về bảo vệ môi trường; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ quản lý về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;</p> <p>k) Tổ chức nghiên cứu, áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;</p> <p>l) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chi ngân sách nhà nước cho các hoạt động bảo vệ môi trường của các Bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>m) Trình Chính phủ việc tham gia tổ chức quốc tế, ký kết hoặc gia nhập điều ước quốc tế về môi trường; đầu mối thực hiện các điều ước quốc tế về môi trường; chủ trì hoạt động hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường;</p> <p>n) Thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường khác do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.</p>	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>ghép nội dung về bảo vệ môi trường trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia, chiến lược quốc gia về tài nguyên nước và quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh; chiến lược tổng thể quốc gia về điều tra cơ bản, thăm dò, khai thác, chế biến tài nguyên khoáng sản.</p> <p>11. Xây dựng và tổ chức thực hiện hệ thống chỉ tiêu đánh giá, theo dõi tình hình thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường trên phạm vi toàn quốc; truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường.</p> <p>12. Trình Chính phủ việc tham gia tổ chức quốc tế, ký kết hoặc gia nhập điều ước quốc tế về môi trường; chủ trì hoạt động hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường.</p>			
	<p>Điều 142. Trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ</p> <p>1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng, ban hành thông tư, thông tư liên tịch về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực bộ, ngành quản lý.</p> <p>2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thực hiện các nhiệm vụ</p>		<p>Điều 149. Trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ</p> <p>1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thực hiện trách nhiệm về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức triển khai thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về bảo vệ môi trường trong phạm vi quản lý; thực hiện các chương trình, đề án, dự án về bảo vệ môi trường trong phạm vi quản lý; tham gia thực hiện quan trắc môi trường ngành theo quy định; tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường thuộc phạm vi quản lý.</p> <p>2. Trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ:</p> <p>a) Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và</p>	Điều chỉnh

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>được quy định tại Luật này và phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức triển khai thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường thuộc phạm vi quản lý của mình; hằng năm báo cáo Chính phủ các hoạt động quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực thuộc bộ, ngành quản lý.</p> <p>3. Trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ được quy định như sau:</p> <p>a) Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường trong chiến lược, quy hoạch tổng thể và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, vùng và dự án, công trình thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hoạt động thu hút đầu tư và tổ chức triển khai việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực quản lý;</p> <p>b) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng, Thủ</p>		<p>Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường trong phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ và trong hoạt động thu hút đầu tư;</p> <p>b) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức triển khai thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, nhập khẩu, sử dụng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, phân bón và các hoạt động khác trong lĩnh vực quản lý; phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện quản lý chất thải trong nông nghiệp và làng nghề; tham gia phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Bộ trưởng Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức triển khai thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất công nghiệp, xuất khẩu, nhập khẩu, thương mại và hoạt động khác trong phạm vi quản lý; phát triển ngành công nghiệp môi trường; tham gia phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật;</p> <p>d) Bộ trưởng Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức triển khai thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động xây dựng kết cấu hạ tầng về cấp nước, thoát nước thải tại đô thị, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, làng nghề, khu dân cư nông thôn tập trung và hoạt động khác trong phạm vi quản lý; ban hành quy chuẩn kỹ thuật thiết kế xây dựng đối với công trình thiết bị xử lý chất thải tại chỗ; phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện quản lý chất thải rắn xây dựng; tham gia phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật;</p>	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>trưởng cơ quan ngang bộ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức triển khai thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, nhập khẩu, sử dụng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, phân bón, chất thải trong nông nghiệp và các hoạt động khác trong lĩnh vực quản lý;</p> <p>c) Bộ trưởng Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xử lý các cơ sở công nghiệp gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc thẩm quyền quản lý, phát triển ngành công nghiệp môi trường và tổ chức triển khai thực hiện pháp luật bảo vệ môi trường trong lĩnh vực quản lý;</p> <p>d) Bộ trưởng Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức triển khai thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động xây dựng kết cấu hạ tầng về cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải rắn và nước thải tại đô thị, khu sản xuất dịch vụ tập trung, cơ sở</p>		<p>đ) Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức triển khai thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, quản lý phương tiện giao thông vận tải và hoạt động khác trong phạm vi quản lý; phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo, hướng dẫn việc quản lý chất thải phá dỡ tàu cũ trong nước; tham gia phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật;</p> <p>e) Bộ trưởng Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức triển khai thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động y tế, an toàn vệ sinh thực phẩm, mai táng, hỏa táng; chỉ đạo tổ chức thống kê nguồn thải, đánh giá mức độ ô nhiễm, xử lý chất thải của bệnh viện, cơ sở y tế và hoạt động khác trong phạm vi quản lý; phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện quản lý chất thải y tế; tham gia phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật;</p> <p>g) Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức triển khai thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch và hoạt động khác trong lĩnh vực quản lý; phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện bảo vệ môi trường trong phạm vi quản lý;</p> <p>h) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức triển khai thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực quốc phòng theo quy định của pháp luật; tổ chức thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép môi trường đối với các dự án, cơ sở thuộc lĩnh vực bí mật an ninh, quốc phòng theo quy định của pháp luật; huy động lực lượng tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra,</p>	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>sản xuất vật liệu xây dựng, làng nghề và khu dân cư nông thôn tập trung và hoạt động khác trong lĩnh vực quản lý;</p> <p>đ) Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức triển khai thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông vận tải và hoạt động khác trong lĩnh vực quản lý;</p> <p>e) Bộ trưởng Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức triển khai thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động y tế, an toàn vệ sinh thực phẩm, hoạt động mai táng, hỏa táng; tổ chức việc thống kê nguồn thải, đánh giá mức độ ô nhiễm, xử lý chất thải của bệnh viện, cơ sở y tế và hoạt động khác trong lĩnh vực quản lý;</p> <p>g) Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>		<p>thanh tra công tác bảo vệ môi trường đối với các dự án, cơ sở thuộc lĩnh vực bí mật an ninh, quốc phòng theo quy định của pháp luật;</p> <p>i) Bộ trưởng Bộ Công an có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo hoạt động phòng chống tội phạm về môi trường và bảo đảm an ninh trật tự trong lĩnh vực môi trường; tổ chức thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép môi trường đối với các dự án, cơ sở thuộc lĩnh vực bí mật an ninh, quốc phòng theo quy định của pháp luật; huy động lực lượng tham gia hoạt động ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; chỉ đạo hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra công tác bảo vệ môi trường đối với các dự án, cơ sở thuộc lĩnh vực bí mật an ninh, quốc phòng theo quy định của pháp luật;</p> <p>k) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Luật này và phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức triển khai thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong phạm vi quản lý.</p> <p>h) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức triển khai thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực quốc phòng theo quy định của pháp luật; huy động lực lượng tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra công tác bảo vệ môi trường trong lực lượng vũ trang thuộc thẩm quyền quản lý;</p> <p>i) Bộ trưởng Bộ Công an có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo hoạt động phòng chống tội phạm về môi trường và bảo đảm an ninh trật tự trong lĩnh vực môi trường; huy động lực lượng tham gia hoạt động ứng phó với sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; chỉ đạo hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra công tác bảo vệ môi trường trong lực lượng vũ trang thuộc thẩm quyền quản lý;</p>	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>trường, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức triển khai thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động văn hóa, lễ hội, thể thao, du lịch và hoạt động khác trong lĩnh vực quản lý;</p> <p>h) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức triển khai thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực quốc phòng theo quy định của pháp luật; huy động lực lượng tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra công tác bảo vệ môi trường trong lực lượng vũ trang thuộc thẩm quyền quản lý;</p> <p>i) Bộ trưởng Bộ Công an có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo hoạt động phòng chống tội phạm về môi trường và bảo đảm an ninh trật tự trong lĩnh vực môi trường; huy động lực lượng tham gia hoạt động ứng phó với sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; chỉ đạo hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra công tác bảo vệ môi trường trong lực</p>			

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>lượng vũ trang thuộc thẩm quyền quản lý;</p> <p>k) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Luật này và phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức triển khai thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong phạm vi quản lý.</p>			
	<p>Điều 143. Trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường của Ủy ban nhân dân các cấp</p> <p>1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau:</p> <p>a) Xây dựng, ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chương trình, quy hoạch, kế hoạch về bảo vệ môi trường;</p> <p>b) Tổ chức thực hiện pháp luật, chiến lược, chương trình, kế hoạch và nhiệm vụ về bảo vệ môi trường;</p> <p>c) Xây dựng, quản lý hệ thống quan trắc môi trường của địa phương phù hợp với quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia;</p> <p>d) Tổ chức đánh giá và lập báo cáo môi trường. Truyền thông, phổ biến, giáo dục chính sách và pháp luật về bảo vệ môi trường;</p> <p>đ) Tổ chức thẩm định, phê duyệt quy hoạch bảo vệ môi trường, báo</p>		<p>Điều 150. Trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường của Ủy ban nhân dân các cấp</p> <p>1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau:</p> <p>a) Xây dựng, ban hành hoặc trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật địa phương về môi trường, chiến lược, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về bảo vệ môi trường của địa phương; xây dựng nội dung về bảo vệ môi trường trong quy hoạch tỉnh;</p> <p>b) Chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức triển khai và kiểm tra việc thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường; quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật môi trường; chiến lược, quy hoạch, kế hoạch bảo vệ môi trường; chương trình, đề án, dự án về bảo vệ môi trường;</p> <p>c) Tổ chức thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép môi trường; kiểm tra, cấp giấy chứng nhận về môi trường theo quy định của pháp luật;</p> <p>d) Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật, trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về môi trường; đánh giá, yêu cầu bồi thường thiệt hại về môi trường; xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;</p> <p>đ) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện kiểm soát nguồn ô nhiễm; quản lý chất thải, chất lượng môi trường; cải tạo và phục hồi môi trường; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phòng ngừa và</p>	Sửa đổi, bổ sung

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>cáo đánh giá tác động môi trường, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, hướng dẫn và tổ chức kiểm tra xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường theo thẩm quyền.</p> <p>e) Cấp, gia hạn, thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền;</p> <p>g) Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về môi trường theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và quy định của pháp luật có liên quan; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan giải quyết các vấn đề môi trường liên tỉnh;</p> <p>h) Chịu trách nhiệm trước Chính phủ về việc để xảy ra ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn.</p> <p>2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm sau:</p> <p>a) Ban hành theo thẩm quyền quy định, chương trình, kế hoạch về bảo vệ môi trường;</p> <p>b) Tổ chức thực hiện chiến lược, chương trình, kế hoạch và nhiệm vụ về bảo vệ môi trường;</p> <p>c) Xác nhận, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường theo thẩm quyền;</p>		<p>ứng phó sự cố môi trường trên địa bàn theo quy định của pháp luật;</p> <p>e) Đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành mạng lưới quan trắc môi trường theo quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia; xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện các chương trình quan trắc môi trường của địa phương; thông tin, cảnh báo về ô nhiễm môi trường theo quy định của pháp luật;</p> <p>g) Tổ chức điều tra, thống kê, cập nhật cơ sở dữ liệu về môi trường; xây dựng thông tin, báo cáo về môi trường theo quy định của pháp luật;</p> <p>h) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức, ý thức về bảo vệ môi trường; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ quản lý về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;</p> <p>i) Tổ chức nghiên cứu, áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;</p> <p>k) Hướng dẫn, phân bổ, kiểm tra việc thực hiện chi ngân sách nhà nước cho các hoạt động bảo vệ môi trường của địa phương;</p> <p>l) Tham gia hoạt động hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;</p> <p>m) Thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường khác do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.</p> <p>2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm sau:</p> <p>a) Xây dựng, ban hành hoặc trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, chiến lược, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về bảo vệ môi trường của địa phương;</p> <p>b) Cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy phép môi trường theo thẩm quyền;</p> <p>c) Tổ chức thực hiện kiểm soát nguồn ô nhiễm; quản lý chất thải, chất lượng môi trường; cải tạo và phục hồi môi trường; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trên địa bàn theo quy định của pháp luật;</p> <p>đ) Kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền hoặc chuyển người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về bảo vệ môi trường;</p>	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>d) Hằng năm tổ chức đánh giá và lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường;</p> <p>đ) Truyền thông, phổ biến, giáo dục chính sách và pháp luật về bảo vệ môi trường;</p> <p>e) Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và quy định của pháp luật có liên quan;</p> <p>g) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan giải quyết các vấn đề môi trường liên huyện;</p> <p>h) Chỉ đạo công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường của Ủy ban nhân dân cấp xã.</p> <p>i) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn.</p> <p>3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm sau:</p> <p>a) Xây dựng kế hoạch, thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh môi trường trên địa bàn; vận động nhân dân xây dựng nội dung bảo vệ môi trường trong hương ước; hướng dẫn việc đưa tiêu chí về bảo vệ môi trường vào đánh</p>		<p>e) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức, ý thức về bảo vệ môi trường trong cộng đồng;</p> <p>g) Thông tin, báo cáo về công tác bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;</p> <p>h) Thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường khác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao.</p> <p>3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm sau:</p> <p>a) Xây dựng và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy chế, quy ước về giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường; xây dựng và tổ chức thực hiện dự án, nhiệm vụ về bảo vệ môi trường;</p> <p>b) Tổ chức thực hiện kiểm soát nguồn ô nhiễm; quản lý chất thải, chất lượng môi trường; cải tạo và phục hồi môi trường; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trên địa bàn theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Truyền thông nâng cao nhận thức, xây dựng ý thức về bảo vệ môi trường trong cộng đồng; vận động người dân tham gia giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường; hướng dẫn thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, khu dân cư đưa nội dung bảo vệ môi trường vào hương ước, quy ước, xây dựng nông thôn mới, gia đình văn hóa;</p> <p>d) Kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền hoặc chuyển người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền;</p> <p>đ) Tổ chức thu thập thông tin và báo cáo về môi trường theo quy định của pháp luật;</p> <p>e) Thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường khác do Ủy ban nhân dân cấp huyện giao.</p>	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>giá thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, khu dân cư và gia đình văn hóa;</p> <p>b) Xác nhận, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường theo ủy quyền; kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của hộ gia đình, cá nhân;</p> <p>c) Phát hiện và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường hoặc báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường cấp trên trực tiếp;</p> <p>d) Hòa giải tranh chấp về môi trường phát sinh trên địa bàn theo quy định của pháp luật về hòa giải;</p> <p>đ) Quản lý hoạt động của thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố và tổ chức tự quản về giữ gìn vệ sinh môi trường, bảo vệ môi trường trên địa bàn;</p> <p>e) Hằng năm tổ chức đánh giá và lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường;</p> <p>g) Chủ trì, phối hợp với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tổ chức công khai thông tin về bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với cộng đồng dân cư;</p> <p>h) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp huyện nếu để xảy ra ô</p>			

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	nhiệm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn.			
Chương XV. Trách nhiệm của mặt trận tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng dân cư trong bảo vệ môi trường		Chương XIV. Trách nhiệm của mặt trận tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng dân cư trong bảo vệ môi trường		
	Điều 144. Trách nhiệm và quyền của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam 1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tuyên truyền, vận động các tổ chức thành viên và nhân dân tham gia hoạt động bảo vệ môi trường.		Điều 151. Quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam a) Tập hợp, phát huy vai trò của các tổ chức thành viên và nhân dân trong bảo vệ môi trường; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của các tổ chức thành viên và nhân dân trong bảo vệ môi trường; b) Thực hiện và chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc các cấp tổ chức chất vấn, giám sát, phản biện xã hội việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;	Điều chỉnh

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện tư vấn, phản biện, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. Cơ quan quản lý nhà nước các cấp có trách nhiệm tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia bảo vệ môi trường.</p>		<p>c) Tham gia xây dựng chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam:</p> <p>a) Tuyên truyền, vận động các tổ chức thành viên và nhân dân thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường; huy động tham gia các hoạt động, phong trào, mô hình bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu;</p> <p>b) Tổ chức hoạt động giám sát, tổng hợp lấy ý kiến, kiến nghị của các tổ chức thành viên, cử tri và nhân dân về bảo vệ môi trường để báo cáo, phản ánh, kiến nghị tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức thành viên và Mặt trận Tổ quốc các cấp trong việc thực hiện quyền và trách nhiệm của mình trong công tác bảo vệ môi trường.</p>	
	<p>Điều 145. Trách nhiệm và quyền của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp</p> <p>1. Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có trách nhiệm sau:</p> <p>a) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường;</p> <p>b) Tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường.</p> <p>2. Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có quyền sau:</p> <p>a) Được cung cấp và yêu cầu cung cấp thông tin về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Tham vấn đối với dự án có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ,</p>		<p>Điều 152. Quyền và trách nhiệm của tổ chức chính trị - xã hội</p> <p>1. Quyền của tổ chức chính trị - xã hội:</p> <p>a) Đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên trong bảo vệ môi trường;</p> <p>b) Tư vấn, tham vấn đoàn viên, hội viên những vấn đề có liên quan đến môi trường;</p> <p>c) Phản biện xã hội đối với các dự án, đề án, chương trình, kế hoạch có liên quan đến bảo vệ môi trường do các cơ quan quản lý nhà nước và chủ cơ sở thực hiện theo quy định của pháp luật;</p> <p>d) Tham gia hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát về bảo vệ môi trường và kiến nghị giải pháp xử lý theo quy định pháp luật.</p> <p>2. Trách nhiệm của tổ chức chính trị - xã hội:</p> <p>a) Tuyên truyền vận động và huy động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, tham gia các hoạt động, phong trào, mô hình bảo vệ môi trường;</p> <p>b) Tư vấn, hướng dẫn cho đoàn viên, hội viên và Nhân dân trên địa bàn chịu tác động môi trường của cơ sở để khởi kiện, yêu cầu bồi thường thiệt hại môi trường do hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gây ra</p>	<p>Điều chỉnh, tách thành 02 Điều</p>

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>quyền hạn của mình;</p> <p>c) Tư vấn, phản biện về bảo vệ môi trường với cơ quan quản lý nhà nước và chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có liên quan theo quy định của pháp luật;</p> <p>d) Tham gia hoạt động kiểm tra về bảo vệ môi trường tại cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình;</p> <p>đ) Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.</p> <p>3. Cơ quan quản lý môi trường các cấp có trách nhiệm tạo điều kiện cho tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thực hiện các quyền quy định tại khoản 2 Điều này.</p>		<p>theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Ngoài các quy định tại khoản 2 Điều này, tổ chức chính trị - xã hội có trách nhiệm thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường chính sau đây:</p> <p>a) Công đoàn Việt Nam: huy động cán bộ, đoàn viên tham gia xây dựng môi trường làm việc trong lành tại cơ quan, Tổ chức, doanh nghiệp; tổ chức theo dõi, giám sát việc thực hiện quy định pháp luật về bảo vệ môi trường tại cơ quan, Tổ chức, doanh nghiệp; phát hiện và kịp thời báo cáo, phản ánh với cơ quan có thẩm quyền về các hành vi gây ô nhiễm môi trường tại các cơ sở.</p> <p>b) Hội Nông dân Việt Nam: huy động hội viên và nông dân tham gia bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất nông lâm ngư nghiệp, vệ sinh và giữ gìn cảnh quan thiên nhiên, bảo vệ môi trường nông thôn và làng nghề; phát triển mô hình bảo vệ môi trường gắn với xây dựng nông thôn mới; tổ chức hỗ trợ, đào tạo nghề và chuyển giao khoa học công nghệ giúp nông dân phát triển sản xuất sạch gắn liền với bảo vệ môi trường.</p> <p>c) Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: huy động đoàn viên, thanh thiếu nhi tham gia xung kích, tình nguyện, sáng tạo trong các hoạt động bảo vệ môi trường, xây dựng công sở, trường học, công trình công cộng xanh – sạch – đẹp.</p> <p>d) Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam: huy động, phát huy vai trò của phụ nữ trong hướng dẫn và thực hiện thu gom, phân loại rác tại nguồn, giảm thiểu rác thải nhựa; xây dựng môi trường trong lành tại gia đình, đường làng, ngõ xóm.</p> <p>đ) Hội Cựu chiến binh Việt Nam: huy động, phát huy vai trò của cựu chiến binh trong việc nêu gương, vận động, tuyên truyền các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường; đi đầu trong việc đấu tranh, ngăn chặn các hành vi lợi dụng sự cố môi trường gây mất trật tự, trị an xã hội.</p>	
			<p>Điều 153. Quyền và trách nhiệm của các tổ chức xã hội – nghề nghiệp và tổ chức xã hội khác</p> <p>1. Quyền của các tổ chức xã hội – nghề nghiệp và tổ chức xã hội khác:</p>	Quy định mới

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>a) Tư vấn, tham vấn hội viên và Nhân dân những vấn đề có liên quan đến môi trường; phản biện xã hội đối với các dự án, đề án, chương trình, kế hoạch có liên quan đến bảo vệ môi trường do cơ quan quản lý nhà nước và chủ cơ sở thực hiện theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Được thành lập quỹ để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường từ đóng góp của hội viên, hỗ trợ của Nhà nước và các nguồn pháp khác theo quy định của pháp luật và điều lệ của tổ chức.</p> <p>2. Trách nhiệm của các tổ chức xã hội – nghề nghiệp và tổ chức xã hội khác:</p> <p>a) Tuyên truyền vận động hội viên và người dân thực hiện các chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, nâng cao nhận thức, thay đổi thái độ và xây dựng hành vi sống thân thiện với môi trường; huy động, xây dựng, triển khai, tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ của tổ chức.</p> <p>b) Ngoài các quy định tại Điểm a Khoản này, các liên hiệp hội có trách nhiệm huy động hội viên phát huy trí tuệ để xây dựng các công trình khoa học, sáng kiến, cải tiến góp phần bảo vệ môi trường và sáng tác các tác phẩm nghệ thuật nhằm cổ vũ phong trào bảo vệ môi trường, lên án những hành vi vi phạm luật bảo vệ môi trường; kêu gọi các nước và các tổ chức quốc tế hỗ trợ bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của Việt Nam.</p> <p>c) Ngoài các quy định tại Điểm a Khoản này, các tổ chức xã hội – nghề nghiệp và xã hội khác có trách nhiệm huy động hội viên và Nhân dân tham gia xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường, thu gom, xử lý chất thải, cải tạo và phục hồi môi trường; hướng dẫn hội viên và người dân áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến và sử dụng các sản phẩm thân thiện môi trường.</p>	
	<p>Điều 146. Quyền và nghĩa vụ của cộng đồng dân cư</p> <p>1. Đại diện cộng đồng dân cư trên địa bàn chịu tác động môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch</p>		<p>Điều 154. Quyền và trách nhiệm của cộng đồng dân cư trong bảo vệ môi trường</p> <p>1. Quyền của cộng đồng dân cư:</p> <p>a) Người dân và cộng đồng có quyền được cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin môi trường và các chính sách, pháp luật về bảo vệ</p>	Điều chỉnh

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>vụ có quyền yêu cầu chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ cung cấp thông tin về bảo vệ môi trường thông qua đối thoại trực tiếp hoặc bằng văn bản; tổ chức tìm hiểu thực tế về công tác bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; thu thập, cung cấp thông tin cho cơ quan có thẩm quyền và chịu trách nhiệm về thông tin cung cấp.</p> <p>2. Đại diện cộng đồng dân cư trên địa bàn chịu tác động môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có quyền yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước có liên quan cung cấp kết quả thanh tra, kiểm tra, xử lý đối với cơ sở.</p> <p>3. Đại diện cộng đồng dân cư có quyền tham gia đánh giá kết quả bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; thực hiện các biện pháp để bảo vệ quyền và lợi ích của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải thực hiện các yêu cầu của đại diện cộng đồng dân cư theo quy định tại Điều này.</p>		<p>môi trường; đảm bảo các điều kiện để tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định về pháp luật; tham vấn, tư vấn, đối thoại đối với chính sách, luật pháp, chương trình, dự án, đề án có liên quan đến bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Đại diện cộng đồng dân cư trên địa bàn chịu tác động môi trường của cơ sở có quyền yêu cầu chủ cơ sở cung cấp thông tin về bảo vệ môi trường thông qua đối thoại trực tiếp hoặc gián tiếp; đề nghị cơ quan quản lý nhà nước có liên quan tiến hành kiểm tra, thanh tra; đề nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cung cấp số liệu về hiện trạng môi trường theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Trách nhiệm của cộng đồng dân cư:</p> <p>a) Người dân có trách nhiệm tuân thủ các chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường; bảo vệ môi trường, giữ gìn cảnh quan thiên nhiên và vệ sinh nhà ở, công sở, trường học và công trình công cộng; phát hiện, tố giác các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; đấu tranh với những hành vi lợi dụng sự cố môi trường để gây rối, mất trật tự trị an; tham gia, hưởng ứng và vận động người khác tham gia các phong trào về bảo vệ môi trường do cơ quan quản lý nhà nước và các đoàn thể nhân dân phát động;</p> <p>b) Đại diện cộng đồng dân cư có trách nhiệm thu thập, tổng hợp ý kiến của người dân để phản ánh đến các cơ quan có thẩm quyền các vấn đề về môi trường tại cộng đồng; hướng dẫn cho người dân đấu tranh với những hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo đúng quy định của pháp luật.</p>	
			<p>Điều 155. Đảm bảo điều kiện cho các tổ chức và cộng đồng dân cư hoạt động bảo vệ môi trường</p> <p>1. Các cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm sau:</p> <p>a) Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin môi trường và các</p>	Quy định mới

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Có cơ chế, chính sách để phối hợp, hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cộng đồng quy định từ Điều 1 đến Điều 5 thực hiện các công trình nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ tiên tiến, các tác phẩm về bảo vệ môi trường và các hoạt động về bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Có cơ chế bảo vệ, động viên, khen thưởng đối với các tổ chức, cộng đồng quy định từ Điều 1 đến Điều 5 thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội có trách nhiệm đảm bảo nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Chính phủ hướng dẫn thực hiện Khoản 1 Điều này.</p>	
Chương XVI. Nguồn lực về bảo vệ môi trường		Chương XI. Công cụ kinh tế, và nguồn lực cho bảo vệ môi trường		
	Điều 147. Chi ngân sách nhà nước cho bảo vệ môi trường 1. Chi hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường gồm: a) Xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, quy trình kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường, chương trình, đề án về bảo		Điều 120. Ngân sách nhà nước cho bảo vệ môi trường 1. Chi hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường gồm: a) Xây dựng chiến lược, kế hoạch, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, chương trình, đề án về bảo vệ môi trường; b) Hỗ trợ công tác quy hoạch về bảo vệ môi trường; đánh giá môi trường chiến lược; đánh giá tác động môi trường tổng hợp, xuyên biên giới, tác động của biến đổi khí hậu, tác động của các vấn đề môi trường toàn cầu; cấp giấy phép về môi trường; giám sát kỹ thuật, kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường;	Điều chỉnh

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>vệ môi trường;</p> <p>b) Thẩm định quy hoạch bảo vệ môi trường, báo cáo đánh giá môi trường chiến lược;</p> <p>c) Hoạt động quan trắc môi trường; xây dựng hệ thống thông tin môi trường và báo cáo môi trường;</p> <p>d) Hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra; kiểm soát ô nhiễm môi trường, xử lý ô nhiễm môi trường, phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường; quản lý chất thải và bảo tồn đa dạng sinh học; đào tạo, truyền thông về bảo vệ môi trường; phổ biến và đánh giá tình hình thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường; hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường;</p> <p>đ) Các hoạt động quản lý bảo vệ môi trường khác.</p> <p>2. Chi đầu tư phát triển bảo vệ môi trường gồm chi cho các dự án xây dựng, cải tạo công trình xử lý chất thải, xây dựng và trang bị trạm quan trắc và phân tích môi trường do Nhà nước quản lý; đầu tư phương tiện, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó, khắc phục ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường; ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo tồn đa dạng sinh học; cải tạo nguồn nước bị ô nhiễm, trồng và chăm sóc cây xanh tại nơi</p>		<p>c) Điều tra, đánh giá, lập danh mục chất ô nhiễm, chất phá hủy tầng ô – dôn, khí nhà kính, chất thải rắn, nguồn ô nhiễm; thu thập thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu và báo cáo về môi trường;</p> <p>d) Điều tra, đánh giá, quan trắc, giám sát chất lượng môi trường đất, nước, không khí; điều tra, đánh giá, kiểm soát các khu vực ô nhiễm; phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; tổ chức dự báo, thông tin, cảnh báo về ô nhiễm môi trường;</p> <p>đ) Hỗ trợ phân loại tại nguồn, thu gom, xây dựng, thử nghiệm mô hình quản lý tổng hợp chất thải rắn sinh hoạt;</p> <p>e) Điều tra, đánh giá, phân loại, quản lý cảnh quan thiên nhiên, các hệ sinh thái tự nhiên và các loài hoang dã, bảo tồn đa dạng sinh học;</p> <p>g) Tăng cường, bảo đảm trang bị thiết bị, phương tiện, công cụ đào tạo, kiểm tra, giám sát kỹ thuật, quan trắc, dự báo, thông tin, cảnh báo về môi trường;</p> <p>h) Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ kỹ thuật, phát triển nguồn nhân lực về bảo vệ môi trường;</p> <p>i) Phổ biến, tổng kết, đánh giá pháp luật về bảo vệ môi trường; giáo dục, truyền thông nâng cao nhận thức, xây dựng ý thức bảo vệ môi trường trong cộng đồng; tổ chức khen thưởng các tổ chức, cá nhân, cộng đồng có thành tích trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;</p> <p>k) Thực hiện các điều ước, cam kết quốc tế và hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường;</p> <p>l) Các hoạt động quản lý, bảo vệ môi trường khác;</p> <p>m) Thực hiện một số nội dung có tính chất đầu tư về bảo vệ môi trường sau khi đã đảm bảo các nhiệm vụ chi sự nghiệp theo quy định;</p> <p>n) Tổ chức các hoạt động huấn luyện, diễn tập, ứng phó khắc phục sự cố môi trường của các đơn vị công lập do nhà nước quản lý.</p> <p>2. Chi đầu tư phát triển bảo vệ môi trường gồm:</p> <p>a) Đầu tư cho các dự án xây dựng, cải tạo hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường, bao gồm hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, hạ tầng kỹ thuật của khu xử lý chất thải rắn tập trung, bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt và các công trình bảo vệ môi trường công cộng</p>	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>công cộng, khu vực công ích.</p> <p>3. Việc xây dựng dự toán và quản lý sử dụng ngân sách nhà nước cho bảo vệ môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.</p>		<p>khác do Nhà nước quản lý;</p> <p>b) Đầu tư cho các dự án xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường đất, nước; dự án phục hồi cảnh quan thiên nhiên và các hệ sinh thái tự nhiên; ứng phó, thích ứng với biến đổi khí hậu;</p> <p>c) Đầu tư cho các dự án xây dựng trạm quan trắc chất lượng môi trường; dự án đầu tư trang thiết bị, phương tiện ứng phó sự cố môi trường thuộc trách nhiệm của Nhà nước;</p> <p>d) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích về môi trường do Nhà nước đặt hàng.</p> <p>3. Ngân sách nhà nước có mục chi riêng cho hoạt động sự nghiệp môi trường và tăng chi để bảo đảm mức chi không dưới 1% tổng chi ngân sách nhà nước và tăng dần tỷ lệ này theo tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế; mục chi riêng cho hoạt động đầu tư phát triển bảo vệ môi trường.</p> <p>4. Việc xây dựng dự toán và quản lý sử dụng ngân sách nhà nước cho bảo vệ môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước</p>	
			<p>Điều 113. Thuế bảo vệ môi trường</p> <p>1. Thuế bảo vệ môi trường là loại thuế thu vào sản phẩm, hàng hóa khi sản xuất hoặc sử dụng gây tác động xấu đến môi trường nhằm thay đổi hành vi theo hướng có lợi cho môi trường.</p> <p>2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi sản xuất, nhập khẩu, sử dụng sản phẩm, hàng hóa gây tác động xấu đến môi trường là đối tượng nộp thuế bảo vệ môi trường.</p> <p>3. Mức thuế bảo vệ môi trường được căn cứ vào loại, mức độ tác động xấu đến môi trường và số lượng hoặc khối lượng sản phẩm, hàng hóa.</p>	Quy định mới
			<p>Điều 114. Ký quỹ xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường</p> <p>Ký quỹ xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường</p> <p>1. Tổ chức, cá nhân thực hiện dự án khai thác tài nguyên thiên nhiên và các dự án có khả năng gây suy giảm tài nguyên và biến đổi môi trường dưới đây phải thực hiện ký quỹ xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường:</p> <p>a) Khai thác, chế biến khoáng sản;</p>	Điều chỉnh, bổ sung

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>b) Chôn lấp chất thải, chất thải nguy hại; c) Kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung; d) Sản xuất hóa chất, xăng, dầu; đ) Các dự án có hoạt động gây ô nhiễm môi trường đất khác theo quy định của Chính phủ.</p> <p>2. Tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm: a) Lập phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; b) Thực hiện ký quỹ tại quỹ bảo vệ môi trường theo phương án đã được phê duyệt; c) Thực hiện xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc dự án; d) Tổ chức theo dõi, giám sát diễn biến chất lượng môi trường sau xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường và bàn giao lại đất cho địa phương tiếp tục quản lý theo quy định.</p> <p>3. Số tiền ký quỹ bằng tổng kinh phí thực hiện các hạng mục xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường. Kinh phí thực hiện từng hạng mục xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường phải áp dụng định mức, đơn giá tại thời điểm lập phương án, có tính đến yếu tố trượt giá.</p> <p>4. Tổ chức, cá nhân được hoàn trả tiền ký quỹ sau khi hoàn thành từng phần hoặc toàn bộ nội dung xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường theo đúng phương án được phê duyệt.</p> <p>5. Chính phủ quy định chi tiết điều này.</p>	
	<p>Điều 148. Phí bảo vệ môi trường</p> <p>1. Tổ chức, cá nhân xả thải ra môi trường hoặc làm phát sinh tác động xấu đối với môi trường phải nộp phí bảo vệ môi trường.</p> <p>2. Mức phí bảo vệ môi trường được quy định trên cơ sở sau: a) Khối lượng chất thải ra môi</p>		<p>Điều 49. Phí bảo vệ môi trường đối với chất thải</p> <p>1. Phí bảo vệ môi trường là khoản tiền mà tổ chức, cá nhân phải trả nhằm cơ bản bù đắp chi phí cho bảo vệ môi trường.</p> <p>2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân xả thải ra môi trường hoặc làm phát sinh tác động xấu đối với môi trường phải nộp phí bảo vệ môi trường.</p> <p>3. Mức phí bảo vệ môi trường được quy định trên cơ sở sau: a) Khối lượng chất thải ra môi trường, quy mô ảnh hưởng tác động xấu đối với môi trường; b) Mức độ độc hại của chất thải, mức độ gây hại đối với môi trường; c) Mức độ nhạy cảm của môi trường nơi tiếp nhận chất thải.</p>	Sửa đổi bổ sung

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>trường, quy mô ảnh hưởng tác động xấu đối với môi trường;</p> <p>b) Mức độ độc hại của chất thải, mức độ gây hại đối với môi trường;</p> <p>c) Sức chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải.</p> <p>3. Mức phí bảo vệ môi trường được điều chỉnh phù hợp với yêu cầu bảo vệ môi trường và điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước trong từng giai đoạn.</p> <p>4. Nguồn thu từ phí bảo vệ môi trường được sử dụng cho hoạt động bảo vệ môi trường.</p>		<p>3. Mức phí bảo vệ môi trường được điều chỉnh phù hợp với yêu cầu bảo vệ môi trường và điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước trong từng giai đoạn.</p> <p>4. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường thống nhất Danh mục cụ thể đối tượng chịu phí, căn cứ tính phí, phương pháp tính phí, mức phí.</p> <p>5. Mức phí bảo vệ môi trường được điều chỉnh phù hợp với yêu cầu bảo vệ môi trường và điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước trong từng giai đoạn.</p> <p>6. Nguồn thu từ phí bảo vệ môi trường được sử dụng cho hoạt động bảo vệ môi trường.</p> <p>7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này và lộ trình áp dụng phù hợp với điều kiện thực tiễn của đất nước.</p>	
	<p>Điều 149. Quỹ bảo vệ môi trường</p> <p>1. Quỹ bảo vệ môi trường là tổ chức tài chính được thành lập ở trung ương, ngành, lĩnh vực, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường. Nhà nước khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thành lập quỹ bảo vệ môi trường.</p> <p>2. Vốn hoạt động của quỹ bảo vệ môi trường quốc gia và cấp tỉnh được hình thành từ các nguồn sau:</p> <p>a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ;</p> <p>b) Phí bảo vệ môi trường;</p>		<p>Điều 115. Quỹ bảo vệ môi trường</p> <p>Quỹ bảo vệ môi trường</p> <p>1. Quỹ bảo vệ môi trường là tổ chức tài chính được thành lập ở trung ương, ngành, lĩnh vực, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để hỗ trợ, đầu tư cho hoạt động bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Nhà nước khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thành lập quỹ bảo vệ môi trường.</p> <p>2. Nguồn vốn hoạt động của quỹ bảo vệ môi trường quốc gia và cấp tỉnh được hình thành từ các nguồn sau:</p> <p>a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ vốn điều lệ;</p> <p>b) Phí bảo vệ môi trường;</p> <p>c) Các khoản hỗ trợ, đóng góp, ủy thác đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;</p> <p>e) Các khoản bồi thường cho Nhà nước về thiệt hại môi trường ;</p>	Điều chỉnh

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>c) Các khoản bồi thường cho Nhà nước về thiệt hại môi trường ;</p> <p>d) Các khoản hỗ trợ, đóng góp, ủy thác đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.</p> <p>3. Thẩm quyền thành lập quỹ bảo vệ môi trường được quy định như sau:</p> <p>a) Thủ tướng Chính phủ quy định việc thành lập, tổ chức và hoạt động quỹ bảo vệ môi trường quốc gia, quỹ bảo vệ môi trường của Bộ, cơ quan ngang bộ, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước;</p> <p>b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thành lập, tổ chức và hoạt động quỹ bảo vệ môi trường của mình;</p> <p>c) Tổ chức, cá nhân thành lập quỹ bảo vệ môi trường của mình và hoạt động theo điều lệ của quỹ.</p>		<p>d) Vốn góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;</p> <p>e) Các nguồn vốn khác theo qui định của pháp luật.</p> <p>3. Thẩm quyền thành lập Quỹ bảo vệ môi trường cấp Trung ương và địa phương được quy định như sau:</p> <p>a) Thủ tướng Chính phủ quy định việc thành lập, tổ chức và hoạt động quỹ bảo vệ môi trường quốc gia, quỹ bảo vệ môi trường của Bộ, cơ quan ngang bộ, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước;</p> <p>b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thành lập, tổ chức và hoạt động quỹ bảo vệ môi trường địa phương.</p> <p>4. Các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân được khuyến khích thành lập quỹ bảo vệ môi trường và hoạt động theo điều lệ của mình.</p>	
	<p>Điều 150. Phát triển dịch vụ môi trường</p> <p>1. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân thành lập doanh nghiệp dịch vụ môi trường thông qua hình thức đấu thầu, cơ chế hợp tác công tư trong các lĩnh vực sau:</p> <p>a) Thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải;</p> <p>b) Quan trắc, phân tích môi trường, đánh giá tác động môi trường;</p>			Sửa đổi, lồng ghép vào Điều 119

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>c) Phát triển, chuyển giao công nghệ sản xuất thân thiện với môi trường, công nghệ môi trường;</p> <p>d) Tư vấn, đào tạo, cung cấp thông tin về môi trường;</p> <p>đ) Giám định về môi trường đối với hàng hóa, máy móc, thiết bị, công nghệ;</p> <p>e) Giám định thiệt hại về môi trường; giám định sức khỏe môi trường;</p> <p>g) Các dịch vụ khác về bảo vệ môi trường.</p> <p>2. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ hướng dẫn thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này.</p>			
	<p>Điều 151. Ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường</p> <p>1. Nhà nước ưu đãi, hỗ trợ các hoạt động bảo vệ môi trường sau:</p> <p>a) Xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt;</p> <p>b) Xây dựng cơ sở tái chế, xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, khu chôn lấp chất thải;</p> <p>c) Xây dựng trạm quan trắc môi trường;</p> <p>d) Xây dựng cơ sở công nghiệp môi trường, công trình bảo vệ môi trường phục vụ lợi ích công cộng;</p>		<p>Điều 116. Ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường</p> <p>1. Nhà nước ưu đãi về thuế, phí, vay vốn đối với các hoạt động bảo vệ môi trường sau:</p> <p>a) Sản xuất năng lượng sạch, năng lượng tái tạo;</p> <p>b) Sản xuất, tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường;</p> <p>c) Áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn, kỹ thuật tốt nhất hiện có trong sản xuất kinh doanh;</p> <p>d) Xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt;</p> <p>đ) Xây dựng cơ sở tái chế, xử lý chất thải rắn sinh hoạt thông thường, chất thải nguy hại, khu chôn lấp chất thải;</p> <p>e) Xây dựng trạm quan trắc chất lượng môi trường;</p> <p>đ) Sản xuất, kinh doanh sản phẩm thân thiện với môi trường</p> <p>g) Xây dựng cơ sở công nghiệp môi trường, công trình bảo vệ môi trường phục vụ lợi ích công cộng;</p>	Điều chỉnh

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>đ) Sản xuất, kinh doanh sản phẩm thân thiện với môi trường;</p> <p>e) Chuyển đổi hoạt động của khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.</p> <p>2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>		<p>e) Chuyển đổi hoạt động của khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.</p> <p>h) Xây dựng hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề;</p> <p>i) Xây dựng các khu đô thị mới, khu dân cư tập trung được Bộ Tài nguyên và Môi trường chứng nhận đạt tiêu chí khu đô thị sinh thái;</p> <p>k) Di dời cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh vào khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung ; di dời các cơ sở sản xuất, kinh doanh ra khỏi phân vùng bảo vệ nghiêm ngặt, phân vùng hạn chế tác động môi trường theo quy định của Chính phủ;</p> <p>l) Thu gom, vận chuyển chất thải rắn tập trung;</p> <p>m) Chuyển đổi hoạt động của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng;</p> <p>n) Xử lý chất thải bằng các kỹ thuật, công nghệ tốt nhất hiện có.</p> <p>2. Nhà nước hỗ trợ đất đai, hạ tầng, nguồn vốn từ ngân sách cho các hoạt động bảo vệ môi trường sau:</p> <p>a) Xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung;</p> <p>b) Phân loại tại nguồn, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt;</p> <p>c) Xây dựng hạ tầng các khu xử lý chất thải rắn tập trung, cơ sở tái chế, xử lý chất thải rắn sinh hoạt;</p> <p>d) Xây dựng trạm quan trắc môi trường;</p> <p>đ) Xây dựng công trình bảo vệ môi trường phục vụ lợi ích công cộng;</p> <p>e) Di dời cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh vào khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung; di dời các cơ sở sản xuất, kinh doanh ra khỏi phân vùng bảo vệ nghiêm ngặt, phân vùng hạn chế tác động môi trường theo quy định của Chính phủ.</p> <p>3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>	
			<p>Điều 117. Chứng nhận sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường nhãn sinh thái do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng nhận.</p> <p>2. Việc giám định, đánh giá sự phù hợp, kiểm tra để đối chứng với các tiêu chí nhãn sinh thái đối với sản phẩm, dịch vụ phải do tổ chức chứng nhận, giám định có chức năng, đủ năng lực thực hiện.</p>	Quy định mới

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>3. Khuyến khích các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp tự xây dựng các chương trình đánh giá, công nhận các sản phẩm dịch vụ thân thiện với môi trường.</p> <p>4. Việt Nam công nhận các sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường đã được chứng nhận bởi các tổ chức quốc tế, quốc gia đã ký thỏa thuận công nhận lẫn nhau với Việt Nam.</p> <p>5. Sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường thuộc đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật.</p> <p>6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>	
			<p>Điều 118. Mua sắm xanh và chính sách ưu đãi, hỗ trợ sản xuất, phân phối và sử dụng sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường</p> <p>1. Các tổ chức, cá nhân thực hiện mua sắm xanh, phân phối và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ đã được chứng nhận Nhãn sinh thái theo quy định của pháp luật được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ về thuế, phí bảo vệ môi trường theo quy định.</p> <p>2. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước có trách nhiệm thực hiện chính sách mua sắm công xanh, sử dụng sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường được chứng nhận nhãn sinh thái theo quy định của pháp luật.</p>	Quy định mới
			<p>Điều 120. Tín dụng xanh</p> <p>1. Tín dụng xanh là khoản tín dụng cấp cho các dự án, phương án sản xuất kinh doanh nhằm giảm thiểu rủi ro môi trường tác động tới hiệu quả sử dụng vốn và khả năng trả nợ của khách hàng khi thẩm định cấp tín dụng.</p> <p>2. Hoạt động đánh giá rủi ro môi trường được coi là một nội dung trong đánh giá rủi ro tín dụng.</p> <p>3. Ngân hàng Nhà nước phối hợp với các tổ chức tín dụng xây dựng, thực thi, giám sát, đánh giá các tiêu chuẩn môi trường cho các dự án cấp vốn vay kết hợp với đánh giá rủi ro môi trường.</p>	Quy định mới
	Điều 152. Phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ về bảo vệ môi trường		<p>Điều 122. Nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ về bảo vệ môi trường</p> <p>1. Tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu, chuyển giao, phát triển và ứng dụng</p>	Điều chỉnh

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>1. Tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu, chuyển giao, phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ về bảo vệ môi trường được hưởng ưu đãi và hỗ trợ.</p> <p>2. Hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, phát triển và ứng dụng công nghệ về bảo vệ môi trường được ưu tiên gồm:</p> <p>a) Nghiên cứu, chuyển giao, phát triển và ứng dụng công nghệ tái chế, tái sử dụng chất thải;</p> <p>b) Nghiên cứu, chuyển giao, phát triển và ứng dụng công nghệ thân thiện với môi trường và công nghệ khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, tiết kiệm năng lượng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học;</p> <p>c) Nghiên cứu, chuyển giao, phát triển và ứng dụng công nghệ xử lý chất thải, phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm; cải tạo, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường;</p> <p>d) Nghiên cứu, chuyển giao, phát triển và ứng dụng công nghệ kiểm soát ô nhiễm, quan trắc, đánh giá chất lượng môi trường và công nghệ dự báo, cảnh báo sớm các biến đổi môi trường;</p> <p>đ) Nghiên cứu xây dựng các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu;</p>		<p>khoa học và công nghệ về bảo vệ môi trường được hưởng ưu đãi và hỗ trợ.</p> <p>2. Hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, phát triển và ứng dụng công nghệ về bảo vệ môi trường được ưu tiên gồm:</p> <p>a) Nghiên cứu, chuyển giao, phát triển và ứng dụng công nghệ tái chế, tái sử dụng chất thải;</p> <p>b) Nghiên cứu, chuyển giao, phát triển và ứng dụng công nghệ thân thiện với môi trường và công nghệ khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, tiết kiệm năng lượng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học;</p> <p>c) Nghiên cứu, chuyển giao, phát triển và ứng dụng công nghệ xử lý chất thải, phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm; cải tạo, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường;</p> <p>d) Nghiên cứu, chuyển giao, phát triển và ứng dụng công nghệ kiểm soát ô nhiễm, quan trắc, đánh giá chất lượng môi trường và công nghệ dự báo, cảnh báo sớm các biến đổi môi trường;</p> <p>đ) Nghiên cứu xây dựng các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu.</p> <p>e) Nghiên cứu và ứng dụng các giải pháp cải thiện sức khỏe môi trường, giảm thiểu tác hại của môi trường đối với con người.</p>	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	e) Nghiên cứu và ứng dụng các giải pháp cải thiện sức khỏe môi trường, giảm thiểu tác hại của môi trường đối với con người.			
	Điều 153. Phát triển công nghiệp môi trường Nhà nước đầu tư và có chính sách hỗ trợ tổ chức, cá nhân phát triển công nghiệp môi trường; xây dựng đầu tư, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật xử lý và tái chế chất thải; hình thành và phát triển các khu xử lý, tái chế chất thải tập trung; sản xuất, cung cấp thiết bị, sản phẩm phục vụ yêu cầu bảo vệ môi trường.		Điều 119. Phát triển ngành công nghiệp môi trường 1. Công nghiệp môi trường là một ngành kinh tế cung cấp các công nghệ, thiết bị, dịch vụ và sản phẩm phục vụ các yêu cầu về bảo vệ môi trường. 2. Nhà nước đầu tư và có chính sách hỗ trợ tổ chức, cá nhân phát triển công nghiệp môi trường; xây dựng đầu tư, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật xử lý và tái chế chất thải; hình thành và phát triển các khu xử lý, tái chế chất thải tập trung; sản xuất, cung cấp thiết bị, sản phẩm phục vụ yêu cầu bảo vệ môi trường. 3. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp dịch vụ môi trường thông qua hình thức đấu thầu, cơ chế hợp tác công tư trong các lĩnh vực sau: a) Thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải; b) Quan trắc, phân tích môi trường, đánh giá tác động môi trường; c) Phát triển, chuyển giao công nghệ sản xuất thân thiện với môi trường, công nghệ môi trường; d) Tư vấn, đào tạo, cung cấp thông tin về môi trường; đ) Giám định về môi trường đối với hàng hóa, máy móc, thiết bị, công nghệ; e) Giám định thiệt hại về môi trường; giám định sức khỏe môi trường; g) Các dịch vụ khác về bảo vệ môi trường. 4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.	Điều chỉnh
	Điều 154. Truyền thông, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường 1. Phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường phải được thực hiện thường xuyên và rộng rãi. 2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong bảo vệ môi		Điều 124. Truyền thông, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường 1. Phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường phải được thực hiện thường xuyên và rộng rãi. 2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong bảo vệ môi trường được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng. 3. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với cơ quan thông tin, truyền thông, báo chí có trách nhiệm truyền thông về pháp luật bảo vệ môi trường.	Điều chỉnh

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>trường được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng.</p> <p>3. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với cơ quan thông tin, truyền thông, báo chí có trách nhiệm truyền thông về pháp luật bảo vệ môi trường.</p> <p>4. Bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan thông tin, truyền thông, báo chí có trách nhiệm truyền thông về bảo vệ môi trường thuộc lĩnh vực quản lý.</p>		<p>4. Bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan thông tin, truyền thông, báo chí có trách nhiệm truyền thông về bảo vệ môi trường thuộc lĩnh vực quản lý.</p> <p>5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan thông tin, truyền thông, báo chí có trách nhiệm truyền thông về pháp luật bảo vệ môi trường trên địa bàn.</p>	
	<p>Điều 155. Giáo dục về môi trường, đào tạo nguồn nhân lực bảo vệ môi trường</p> <p>1. Chương trình chính khóa của các cấp học phổ thông phải có nội dung giáo dục về môi trường.</p> <p>2. Nhà nước ưu tiên đào tạo nguồn nhân lực bảo vệ môi trường; khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân tham gia giáo dục về môi trường và đào tạo nguồn nhân lực bảo vệ môi trường.</p> <p>3. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết chương trình giáo dục về môi trường và đào tạo nguồn nhân lực bảo vệ môi trường.</p>		<p>Điều 123. Giáo dục, đào tạo và bồi dưỡng về bảo vệ môi trường</p> <p>1. Chương trình của các cấp học từ mầm non đến phổ thông phải tích hợp nội dung giáo dục về bảo vệ môi trường.</p> <p>2. Nhà nước ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực bảo vệ môi trường; đầu tư đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ kỹ thuật về bảo vệ môi trường; khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân tham gia giáo dục về bảo vệ môi trường và đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực về bảo vệ môi trường.</p> <p>3. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chương trình giáo dục về bảo vệ môi trường và đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực bảo vệ môi trường.</p>	Điều chỉnh
Chương		CHƯƠNG		

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
XVII. Hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường		G XV. Hội nhập quốc tế và hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường		
			<p>Điều 156. Nguyên tắc trong hội nhập quốc tế và hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường</p> <p>1. Hội nhập quốc tế và hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường phải phù hợp với đường lối, chính sách đối ngoại của Việt Nam và nằm trong tổng thể chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia.</p> <p>2. Hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường với các quốc gia, tổ chức quốc tế được thực hiện trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi, đảm bảo lợi ích hợp pháp và uy tín của quốc gia, tôn trọng độc lập chủ quyền, tuân thủ luật pháp của mỗi bên và luật pháp quốc tế.</p> <p>3. Tranh chấp quốc tế liên quan đến môi trường trong quá trình hội nhập quốc tế và hợp tác quốc tế được giải quyết thông qua các biện pháp hoà bình, phù hợp với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, theo thông lệ, luật pháp quốc tế và luật pháp của các Bên liên quan.</p>	Quy định mới
			<p>Điều 157. Trách nhiệm của Nhà nước, tổ chức, cá nhân trong hội nhập quốc tế và hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường</p> <p>1. Nhà nước khuyến khích việc tăng cường và chủ động hội nhập quốc tế về bảo vệ môi trường, đáp ứng xu thế hội nhập quốc tế, hỗ trợ cho hội nhập quốc tế về kinh tế, phù hợp với đường lối, chính sách, pháp luật và tiến trình phát triển của Việt Nam.</p> <p>2. Nhà nước xây dựng chính sách, pháp luật phù hợp với nghĩa vụ trong điều ước quốc tế liên quan đến môi trường hoặc trong khuôn khổ các tổ chức quốc tế liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã</p>	Quy định mới

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>cam kết thực hiện khi tham gia là thành viên. Khi tham gia hội nhập quốc tế về bảo vệ môi trường, Nhà nước đảm bảo về nguồn lực và thực hiện đầy đủ cam kết trong điều ước quốc tế và trong tổ chức quốc tế liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.</p> <p>3. Nhà nước khuyến khích mở rộng hợp tác với các đối tác quốc tế nhằm: tăng cường nguồn lực, phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ và mô hình quản lý tiên tiến cho bảo vệ môi trường; ứng phó, giải quyết sự cố và các vấn đề liên quan đến môi trường ở phạm vi quốc gia, khu vực, toàn cầu và xuyên biên giới. Hợp tác quốc tế được thực hiện thông qua các phương thức và mô hình phù hợp với luật pháp quốc tế và quy định pháp luật của Việt Nam</p> <p>4. Tổ chức, cá nhân tuân thủ pháp luật và quy định về môi trường, phòng ngừa và hạn chế tác động tiêu cực về môi trường trong quá trình hội nhập quốc tế và hợp tác quốc tế; chủ động đáp ứng yêu cầu, điều kiện và tiêu chuẩn về môi trường trong nước và quốc tế, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh thương mại hàng hóa và dịch vụ của Việt Nam và hỗ trợ, thúc đẩy hội nhập quốc tế về kinh tế.</p> <p>5. Thủ tướng Chính phủ quyết định danh mục các điều ước quốc tế về môi trường mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên do Bộ Tài nguyên và Môi trường làm đầu mối quốc gia.</p>	
			<p>Điều 158. Trách nhiệm giám sát và báo cáo tình hình hội nhập quốc tế và hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường</p> <p>Bộ Tài nguyên và Môi trường theo dõi, tổng hợp và định kỳ báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về tình hình hội nhập quốc tế và hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường.</p>	Quy định mới
	Điều 156. Ký kết, gia nhập điều ước quốc tế về môi trường			Bãi bỏ
	Điều 157. Bảo vệ môi trường trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế			Bãi bỏ
	Điều 158. Mở rộng hợp tác quốc			Bãi bỏ

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	tế về bảo vệ môi trường			
Chương XVIII. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về môi trường		Chương XIV. Thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về môi trường		
	Điều 159. Trách nhiệm tổ chức và chỉ đạo thực hiện kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường		Điều 159. Thanh tra chuyên ngành bảo vệ môi trường	Đổi tên Điều
			1. Thanh tra chuyên ngành bảo vệ môi trường là hoạt động thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường.	Quy định mới
	1. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức, chỉ đạo kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật trên phạm vi cả nước.		2. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật thanh tra chuyên ngành bảo vệ môi trường trong cả nước	Điều chỉnh
	2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an tổ chức, chỉ đạo kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở, dự án, công trình thuộc phạm vi bí mật nhà nước về quốc phòng, an ninh.		3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an tổ chức, chỉ đạo kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở, dự án, công trình thuộc phạm vi bí mật nhà nước về quốc phòng, an ninh.	Điều chỉnh

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức, chỉ đạo kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật trên địa bàn.		4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức, chỉ đạo kiểm tra , thanh tra về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật trên địa bàn; tổ chức thực hiện thanh tra về bảo vệ môi trường đối với các đối tượng đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường sau khi thống nhất với Bộ Tài nguyên và Môi trường, trừ đối tượng thuộc khoản 3 Điều này.	Điều chỉnh
			5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức, chỉ đạo thanh tra về bảo vệ môi trường đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của mình theo quy định của pháp luật trên địa bàn quản lý. 6. Chính phủ quy định chi tiết hoạt động thanh tra thường xuyên và thanh tra đột xuất về bảo vệ môi trường, bảo đảm nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của đối tượng được thanh tra và khắc phục được hành vi đối phó của đối tượng vi phạm.	Quy định mới
	Điều 160. Xử lý vi phạm 1. Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, gây ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường, gây thiệt hại cho tổ chức và cá nhân khác, có trách nhiệm khắc phục ô nhiễm, phục hồi môi trường, bồi thường thiệt hại và xử lý theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan. 2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây phiền hà, những nhiễu cho tổ chức, cá nhân, bao che cho người vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường hoặc	Điều 160. Xử lý vi phạm 1. Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, gây ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường, gây thiệt hại cho tổ chức và cá nhân khác, có trách nhiệm khắc phục ô nhiễm, phục hồi môi trường, bồi thường thiệt hại và xử lý theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan. 2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây phiền hà, những nhiễu cho tổ chức, cá nhân, bao che cho người vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường hoặc thiếu trách nhiệm để xảy ra ô nhiễm, sự cố môi trường thì tùy tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.	Giữ nguyên	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	thiếu trách nhiệm để xảy ra ô nhiễm, sự cố môi trường thì tùy tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.			
	<p>Điều 161. Tranh chấp về môi trường</p> <p>1. Nội dung tranh chấp về môi trường gồm:</p> <p>a) Tranh chấp về quyền, trách nhiệm bảo vệ môi trường trong khai thác, sử dụng thành phần môi trường;</p> <p>b) Tranh chấp về xác định nguyên nhân gây ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường;</p> <p>c) Tranh chấp về trách nhiệm xử lý, khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường.</p> <p>2. Các bên tranh chấp về môi trường gồm:</p> <p>a) Tổ chức, cá nhân sử dụng thành phần môi trường có tranh chấp với nhau;</p> <p>b) Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng các thành phần môi trường và tổ chức, cá nhân có trách nhiệm cải tạo, phục hồi khu vực môi trường bị ô nhiễm, suy thoái, bồi thường thiệt</p>		<p>Điều 161. Tranh chấp về môi trường</p> <p>1. Nội dung tranh chấp về môi trường gồm:</p> <p>a) Tranh chấp về quyền, trách nhiệm bảo vệ môi trường trong khai thác, sử dụng thành phần môi trường;</p> <p>b) Tranh chấp về xác định nguyên nhân gây ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường;</p> <p>c) Tranh chấp về trách nhiệm xử lý, khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường.</p> <p>2. Các bên tranh chấp về môi trường gồm:</p> <p>a) Tổ chức, cá nhân sử dụng thành phần môi trường có tranh chấp với nhau;</p> <p>b) Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng các thành phần môi trường và tổ chức, cá nhân có trách nhiệm cải tạo, phục hồi khu vực môi trường bị ô nhiễm, suy thoái, bồi thường thiệt hại về môi trường.</p> <p>3. Việc giải quyết tranh chấp về môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp dân sự ngoài hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>4. Tranh chấp về môi trường trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam mà một hoặc các bên là tổ chức, cá nhân nước ngoài được giải quyết theo pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trừ trường hợp có quy định khác trong điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.</p>	Giữ nguyên

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<p>hại về môi trường.</p> <p>3. Việc giải quyết tranh chấp về môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp dân sự ngoài hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>4. Tranh chấp về môi trường trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam mà một hoặc các bên là tổ chức, cá nhân nước ngoài được giải quyết theo pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trừ trường hợp có quy định khác trong điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.</p>			
	<p>Điều 162. Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện về môi trường</p> <p>1. Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, khởi kiện về hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Cá nhân có quyền tố cáo vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường với cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố cáo.</p> <p>3. Thời hiệu khởi kiện về môi trường được tính từ thời điểm tổ chức, cá nhân bị thiệt hại phát hiện được thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật về môi trường của tổ chức, cá nhân khác.</p>		<p>Điều 162. Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện về môi trường</p> <p>1. Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, khởi kiện về hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Cá nhân có quyền tố cáo vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường với cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố cáo.</p> <p>3. Thời hiệu khởi kiện về môi trường được tính từ thời điểm tổ chức, cá nhân bị thiệt hại phát hiện được thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật về môi trường của tổ chức, cá nhân khác.</p>	Giữ nguyên

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	chức, cá nhân khác.			
Chương XIX. Bồi thường thiệt hại về môi trường		Chương XV. Bồi thường thiệt hại về môi trường		
		Mục 1. Các quy định bồi thường thiệt hại về môi trường		
	Điều 163. Thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái môi trường Thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái môi trường gồm: 1. Suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường. 2. Thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của con người, tài sản và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân do hậu quả của việc suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường gây ra.		Điều 163. Thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái môi trường Thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái môi trường bao gồm: 1. Suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường; 2. Thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của con người, tài sản và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân do hậu quả của việc suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường gây ra.	Giữ nguyên
			Điều 164. Nguyên tắc xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường 1. Việc xác định tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm, suy thoái môi trường phải đảm bảo kịp thời và công bằng. 2. Tổ chức, cá nhân làm môi trường bị ô nhiễm, suy thoái phải bồi thường toàn bộ thiệt hại đối với môi trường do mình gây ra, đồng thời phải chi trả	Quy định mới

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>toàn bộ chi phí xác định thiệt hại và thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định.</p> <p>3. Trường hợp có từ hai tổ chức, cá nhân trở lên làm môi trường bị ô nhiễm, suy thoái:</p> <p>a) Trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường của từng đối tượng được xác định theo loại chất gây ô nhiễm, lượng phát thải và các yếu tố khác.</p> <p>b) Trách nhiệm chi trả chi phí xác định thiệt hại và thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường thiệt hại của từng đối tượng được xác định tương ứng với tỷ lệ gây thiệt hại trong tổng thiệt hại đối với môi trường.</p> <p>c) Trường hợp không xác định được tỷ lệ gây thiệt hại của từng đối tượng, chi phí bồi thường thiệt hại về môi trường phải chia đều cho các đối tượng.</p> <p>4. Tổ chức, cá nhân tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, có hệ thống xử lý chất thải đạt yêu cầu và chứng minh được rằng không gây ô nhiễm, suy thoái môi trường thì không phải bồi thường thiệt hại đối với môi trường và không phải chịu các chi phí liên quan đến xác định thiệt hại và thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường thiệt hại.</p>	
			<p>Điều 165. Trách nhiệm yêu cầu bồi thường thiệt hại về môi trường</p> <p>1. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái gây ra trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của mình. Trong trường hợp này, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thu thập và thẩm định dữ liệu, chứng cứ để xác định thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái gây ra.</p> <p>2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái gây ra trên địa bàn từ hai xã, thị trấn, thị tứ trở lên.</p> <p>3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái gây ra trên địa bàn từ hai huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trở lên.</p> <p>4. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái gây ra trên địa bàn từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên.</p>	Quy định mới

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			Điều 166. Trình tự, thủ tục yêu cầu bồi thường thiệt hại về môi trường Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường.	
	Điều 164. Nguyên tắc xử lý trách nhiệm đối với tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường			Bãi bỏ
	Điều 165. Xác định thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái môi trường		Điều 167. Xác định thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái môi trường	Sửa đổi, bổ sung
	1. Sự suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường gồm các mức độ sau: a) Có suy giảm; b) Suy giảm nghiêm trọng; c) Suy giảm đặc biệt nghiêm trọng.			Bãi bỏ
	2. Việc xác định phạm vi, giới hạn môi trường bị suy giảm chức năng, tính hữu ích gồm: a) Xác định giới hạn, diện tích của khu vực, vùng lõi bị suy giảm nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng; b) Xác định giới hạn, diện tích vùng đệm trực tiếp bị suy giảm; c) Xác định giới hạn, diện tích các vùng khác bị ảnh hưởng từ vùng lõi và vùng đệm. <i>Trường hợp mỗi bên hoặc các bên có yêu cầu thì cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường có trách nhiệm tham gia hướng dẫn cách tính xác định thiệt hại hoặc chứng</i>		1. Việc xác định phạm vi, giới hạn môi trường bị suy giảm chức năng, tính hữu ích gồm: a) Xác định giới hạn, diện tích của khu vực, vùng lõi bị suy giảm nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng; b) Xác định giới hạn, diện tích vùng đệm trực tiếp bị suy giảm; c) Xác định giới hạn, diện tích các vùng khác bị ảnh hưởng từ vùng lõi và vùng đệm.	(Phần bồi thường chuyên xuống Khoản 3 xuống)

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	<i>kiến việc xác định thiệt hại.</i>			
	3. Việc xác định các thành phần môi trường bị suy giảm gồm: a) Xác định số lượng thành phần môi trường bị suy giảm, loại hình hệ sinh thái, giống loài bị thiệt hại; b) Mức độ thiệt hại của từng thành phần môi trường, hệ sinh thái, giống loài.		2. Việc xác định các thành phần môi trường bị suy giảm gồm: a) Xác định số lượng thành phần môi trường bị suy giảm, loại hình hệ sinh thái, giống loài bị thiệt hại; b) Mức độ thiệt hại của từng thành phần môi trường, hệ sinh thái, giống loài.	Giữ nguyên
	5. Việc xác định thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường được tiến hành độc lập hoặc có sự phối hợp giữa bên gây thiệt hại và bên bị thiệt hại.		3. Việc xác định thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường được tiến hành độc lập hoặc có sự phối hợp giữa bên gây thiệt hại và bên bị thiệt hại. <i>Trường hợp mỗi bên hoặc các bên có yêu cầu thì cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường có trách nhiệm tham gia hướng dẫn cách tính xác định thiệt hại hoặc chứng kiến việc xác định thiệt hại.</i>	Giữ nguyên (Phân bồi nhiềng chuyên từ Khoản 2 xuống)
	6. Việc xác định thiệt hại về sức khỏe, tính mạng của con người, tài sản và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân do gây ô nhiễm, suy thoái môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.		4. Việc xác định thiệt hại về sức khỏe, tính mạng của con người, tài sản và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân do gây ô nhiễm, suy thoái môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.	Giữ nguyên
	7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.		5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.	Giữ nguyên
			Điều 168. Giải quyết bồi thường thiệt hại về môi trường Việc giải quyết bồi thường thiệt hại về môi trường được quy định như sau: 1. Tự thoả thuận của các bên;	Quy định mới

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>2. Yêu cầu trọng tài giải quyết; 3. Khởi kiện tại Tòa án.</p>	
	<p>4. Việc tính chi phí thiệt hại về môi trường được quy định như sau:</p> <p>a) Chi phí thiệt hại trước mắt và lâu dài do sự suy giảm chức năng, tính hữu ích của các thành phần môi trường;</p> <p>b) Chi phí xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường;</p> <p>c) Chi phí giảm thiểu hoặc triệt tiêu nguồn gây thiệt hại;</p> <p>d) Thăm dò ý kiến các đối tượng liên quan;</p> <p>đ) Tùy điều kiện cụ thể có thể áp dụng một trong những biện pháp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này để tính chi phí thiệt hại về môi trường, làm căn cứ để bồi thường và giải quyết bồi thường thiệt hại về môi trường.</p>		<p>Điều 169. Chi phí bồi thường thiệt hại về môi trường Chi phí bồi thường thiệt hại về môi trường bao gồm:</p> <p>1. Chi phí thiệt hại trước mắt và lâu dài do sự suy giảm chức năng, tính hữu ích của các thành phần môi trường.</p> <p>2. Chi phí xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường.</p> <p>3. Chi phí giảm thiểu hoặc triệt tiêu nguồn gây thiệt hại.</p> <p>4. Thăm dò ý kiến các đối tượng liên quan;</p> <p>4. Chi phí xác định thiệt hại;</p> <p>5. Tùy điều kiện cụ thể có thể áp dụng một trong những biện pháp quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều này để tính chi phí bồi thường thiệt hại về môi trường, làm căn cứ giải quyết bồi thường thiệt hại về môi trường.</p>	Điều chỉnh
	<p>Điều 166. Giám định thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường</p> <p>1. Giám định thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường được thực hiện theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân bị thiệt hại hoặc cơ quan giải quyết việc bồi thường thiệt hại về môi trường.</p> <p>2. Căn cứ giám định thiệt hại gồm hồ sơ đòi bồi thường thiệt hại,</p>		<p>Điều 170. Giám định thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường</p> <p>1. Giám định thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường được thực hiện theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân bị thiệt hại hoặc cơ quan giải quyết việc bồi thường thiệt hại về môi trường.</p> <p>2. Căn cứ giám định thiệt hại gồm hồ sơ đòi bồi thường thiệt hại, thông tin, số liệu, chứng cứ và căn cứ khác liên quan đến bồi thường thiệt hại và đối tượng gây thiệt hại.</p> <p>3. Việc lựa chọn tổ chức giám định thiệt hại phải được sự đồng thuận của bên đòi bồi thường và bên phải bồi thường; trường hợp các bên không thống nhất thì việc chọn tổ chức giám định thiệt hại do cơ quan được giao trách</p>	Giữ nguyên

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	thông tin, số liệu, chứng cứ và căn cứ khác liên quan đến bồi thường thiệt hại và đối tượng gây thiệt hại. 3. Việc lựa chọn tổ chức giám định thiệt hại phải được sự đồng thuận của bên đòi bồi thường và bên phải bồi thường; trường hợp các bên không thống nhất thì việc chọn tổ chức giám định thiệt hại do cơ quan được giao trách nhiệm giải quyết việc bồi thường thiệt hại quyết định.		nhiệm giải quyết việc bồi thường thiệt hại quyết định.	
	Điều 167. Bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường	Mục 2. Bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường	Điều 171. Bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường	Sửa đổi, bổ sung
	1. Nhà nước khuyến khích doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm thực hiện bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường.			Bãi bỏ
			1. Bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường là loại hình bảo hiểm đối với trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường của chủ cơ sở do phát sinh các sự cố xảy ra bất ngờ, ngẫu nhiên, ngoài ý muốn.	Quy định mới
	2. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mua bảo hiểm trách		2. Nhà nước khuyến khích doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm thực hiện bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường; khuyến khích tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mua bảo hiểm trách nhiệm	Giữ nguyên

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
	nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường.		bồi thường thiệt hại về môi trường.	
	3. Tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây thiệt hại lớn cho môi trường phải mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định của Chính phủ.		3. Tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây thiệt hại lớn cho môi trường phải mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định của Chính phủ pháp luật .	Điều chỉnh
			4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.	Quy định mới
Chương XX. Điều khoản thi hành		Chương XVIII. Điều khoản thi hành		
			Điều 172. Sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 luật có liên quan đến công tác bảo vệ môi trường 1. Bãi bỏ Điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14. 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 như sau: a) Thay thế cụm từ “sơ bộ tác động môi trường (nếu có)” bằng cụm từ “giải pháp bảo vệ môi trường” tại khoản 3 Điều 25; b) Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 2 Điều 30 như sau: “g) Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về xã hội, giải pháp bảo vệ môi trường”; c) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 31 như sau: “6. Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về xã hội, giải pháp bảo vệ môi trường; xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội;”; d) Bãi bỏ Điều 99. 3. Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 34 và điểm c khoản 1 Điều 35 Luật đầu	Quy định mới

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>tư số 67/2014/QH13 như sau:</p> <p>“c) Giải pháp bảo vệ môi trường.”.</p> <p>4. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư số 03/2016/QH14:</p> <p>a) Sửa đổi, bổ sung danh mục thuộc số thứ tự thứ 92 Phụ lục 4 như sau: “92. Phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng”</p> <p>b) Sửa đổi, bổ sung danh mục thuộc số thứ tự thứ 232 Phụ lục 4 như sau:</p> <p>“232. Kinh doanh dịch vụ xử lý chất thải nguy hại”.</p> <p>c) Sửa đổi, bổ sung danh mục thuộc số thứ tự thứ 234 Phụ lục 4 như sau (trường hợp lựa chọn Phương án 1 – Điều 19):</p> <p>“234. Kinh doanh dịch vụ thăm tra báo cáo đánh giá tác động môi trường, quan trắc môi trường”.</p> <p>5. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13.</p> <p>a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 37 như sau:</p> <p>“3. Tổ chức, cá nhân xả nước thải vào nguồn nước phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước. Việc cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước phải được thực hiện lồng ghép và là một phần của giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.”</p> <p>b) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 73 như sau:</p> <p>“1. Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép về tài nguyên nước.</p> <p>Việc cấp giấy phép môi trường trong đó có nội dung xả nước thải vào nguồn nước được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.”</p> <p>6. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thủy lợi số 08/2017/QH-14</p> <p>a) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 44 như sau:</p>	

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			<p>“d) Xả nước thải vào công trình thủy lợi phải được thực hiện lồng ghép với giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;”</p> <p>b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 44 như sau: “2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, trừ việc cấp giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.”</p> <p>c) Bãi bỏ Điều 58. 7. Sửa đổi, bổ sung điểm e vào khoản 1 Điều 211 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 như sau: “e) Doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.”</p>	
	<p>Điều 168. Điều khoản chuyển tiếp 1. Hồ sơ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận để giải quyết theo thủ tục hành chính về môi trường trước ngày Luật này có hiệu lực thì được xử lý theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận. 2. Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép, giấy chứng nhận về môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường số 52/2005/QH11 thì được tiếp tục thực hiện đến hết thời hạn ghi trong giấy phép, giấy chứng nhận đó.</p>		<p>Điều 173. Điều khoản chuyển tiếp 1. Hồ sơ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận để giải quyết theo thủ tục hành chính về môi trường trước ngày Luật này có hiệu lực thì được xử lý theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị thực hiện theo quy định của Luật này. 2. Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép, giấy chứng nhận, giấy xác nhận về môi trường theo quy định của Luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 thì được tiếp tục thực hiện đến hết thời hạn ghi trong giấy phép, giấy chứng nhận, giấy xác nhận đó.</p>	Giữ nguyên
			<p>3. Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, xả nước thải vào công trình thủy lợi đã được cấp theo quy định của Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 và Luật Thủy lợi số 08/2017/QH-14 được tiếp tục sử dụng đến hết thời hạn của giấy phép và là một phần của giấy phép môi</p>	Quy định mới

Luật BVMT 2014		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT		Nhận xét
Chương, mục	Nội dung điều, khoản	Chương, mục	Nội dung điều, khoản	
			trường quy định tại Luật này. Tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước được đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường trong trường hợp đã hoàn thành công trình, thiết bị xử lý khí thải, quản lý chất thải rắn theo quy định của Luật này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị.	
	Điều 169. Hiệu lực thi hành Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Luật Bảo vệ môi trường số 52/2005/QH11 hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Luật này có hiệu lực.		Điều 174. Hiệu lực thi hành 1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021. Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Luật này có hiệu lực. 2. Chính phủ, cơ quan có thẩm quyền quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các nội dung, điều, khoản được giao trong Luật.	Điều chỉnh
	Điều 170. Quy định chi tiết Chính phủ quy định chi tiết các điều, khoản được giao trong Luật.			Bãi bỏ